1027
THƯ VIỆN

CÁC NHÀ VĂN
XÔ VIẾT

TẬP CHÂN DUNG VĂN HỌC

tpm

CÁC NHÀ VĂN XÔ-VIẾT

Tập chân dung văn học

THÚY TOÀN tuyển chọn và dịch.
Ngoài ra, có thêm các bản dịch của Phong Vũ, Tuệ Tuân
Đăng Bẩy, Hoàng Minh và Hồng Diệu.

CÁC NHÀ VĂN XÔ-VIẾT

Tập chân dung văn học

NHÀ XUẤT BẢN TÁC PHẨM MỚI
HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM
Hà Nội — 1982

LỜI NÓI ĐẦU

Văn học xô viết, nền văn học ra đời từ Cách mạng tháng Mười, trải qua hơn sáu chục năm tồn tại và phát triển ngày càng tỏ ra là một nền văn học cực kỳ đồ sộ, cực kỳ phong phú về những tài năng đa dạng, về những thành tựu rực rỡ, mang theo những tư tưởng vĩ đại, chói lọi soi tỏ đường đi tới tương lai. Ngay trên những bước đi đầu tiên, văn học xô viết đã lập tức làm cho thế giới phải để ý tới và rồi chăm chú dõi theo. Những kẻ mê muội thì kinh hoàng, thẳng thốt hoặc nhắm mắt chê bai dè bỉu, còn những đầu óc tỉnh táo, thông minh của nhân loại tiến bộ lại hân hoan đón chào và cổ vũ tán dương. Hàng loạt các nhà văn tên tuổi lớn nhất ở khắp các nước vào đầu thế kỷ này, như B. So, G. Uenx (Anh), R. Rôlläng (Pháp), X. Xvai (Áo), Henrich Mann và Tômax Mann (Đức), T. Đraijơ (Mỹ), Lỗ Tấn (Trung quốc), L. Xtôianôp (Bunggari), Xt. Gierômxki (Ba Lan) vv... đều nhận ra ngay những điều mới mẻ mà những thành tựu đầu tiên của văn học xô viết đem lại cho nhân loại. Tên tuổi các nhà văn trẻ xô viết từ cuộc Nội chiến trở về cất súng đi để cầm bút như V. Ivanôp, Furmanôp, Fađêep, Baben v.v... bắt đầu được nhắc đi nhắc lại trên văn đàn thế giới. Không kể hàng loạt tác phẩm của M. Gorki, nhiều sáng tác thời kỳ mới của Maiakôpxki, Blốc, Exênhin, những tác phẩm như *Chiến bại* (Fađêep), *Đoàn tầu bọc thép 14-69* (Vx. Ivanôp), *Xi măng* (Glatkôp), *Những thành phố và năm tháng* (Fêđin), *Sông Đông êm đềm* (Sôlôkhôp)... lập tức được dịch và xuất bản ở nhiều nước châu Âu, trước hết ở Pháp. Từ đây văn học xô viết trở thành một nền văn học được nhiều người yêu thích nhất, ảnh hưởng rộng lớn không

kể xiết đến đời sống tinh thần, đời sống xã hội — chính trị ở khắp gần xa trên địa cầu. Ngày nay trong toàn bộ văn học thế giới văn học xô viết đã chiếm một địa vị vững chắc, chủ chốt, không một ai nói tới văn học thế giới lại có thể làm ngơ.

Vậy thì nói về nền văn học đó thế nào đây ?

Nếu tôi không nhầm thì Vônfgangơ Gotơ, nhà thơ và nhà tư tưởng vĩ đại, một trong những người đặt nền móng cho văn học Đức thời đại mới, đã có lần nhận định : văn học ngay từ khi khởi đầu sự tồn tại của mình vốn đã mang tính chất trích mảng. Ở tập sách này các bạn không tìm thấy được lịch sử văn học xô viết như các bạn mong muốn, ngay về một nhà văn nào đó có nói tới ở đây, nếu bạn muốn tìm hiểu một cách kỹ càng, bạn cũng không thỏa mãn. Người làm tập sách này chỉ dám tham vọng đưa ra một vài nét phác họa về một số cây bút chủ yếu mà khi đề cập tới văn học xô viết không thể không nói tới, những tên tuổi đã được xếp vào hàng mẫu mực, là niềm tự hào của văn học xô viết. Hơn ba mươi bài hồi ký, chân dung văn học, phát biểu, ghi chép vv... do các nhà văn (chứ không phải các nhà nghiên cứu, phê bình) viết. Chúng tôi hy vọng những điều chính nhà văn nói về nhà văn, tuy ít ỏi, nhưng có thể lại hé ra cho bạn đọc thấy được những khía cạnh mà bạn không thể tìm ra trong các công trình nghiên cứu uyên bác đồ sộ, và gợi cho bạn những suy nghĩ mới mẻ.

Hà Nội, kỷ niệm 64 năm Cách mạng Tháng Mười

THÚY TOÀN

GHI CHÚ CỦA NHÀ XUẤT BẢN

1) Do khuôn khổ có hạn, tập sách này chỉ tập trung giới thiệu một số nhà văn nhà thơ Xô-viết mà chúng tôi hiện có tài liệu trong tay. Nhiều tác giả quan trọng khác trong đó có các nhà văn đồng thời là những nhà lý luận phê bình văn học, các nhà viết kịch, các nhà văn nổi tiếng ở các nước Cộng hòa, các tác giả nữ, các tác giả tương đối trẻ hơn hoặc mới nổi những năm gần đây... — những người cần được giới thiệu còn nhiều; khi có điều kiện chúng tôi sẽ xin tiếp tục công việc của tập Chân dung văn học *này.*

2) Mấy năm gần đây, một số tài liệu viết về Gorki, Maiacôpxki đã được in ra. Bởi vậy, ở đây chúng tôi chỉ chọn thêm mỗi người một bài.

Nói chung, số trang dành cho mỗi tác giả trong tập không hàm ý đánh giá tác giả đó quan trọng nhiều hay ít. Vả chăng, chân dung văn học là một thể tài khá co dãn, nhất là dễ lẫn với các thể khác (hồi ký, tự truyện, phê bình văn học...) Bởi vậy, nếu trên một số phương diện tập sách chưa đạt tới sự nhất quán thì cũng mong bạn đọc thông cảm.

X. MARSĂC

GORKI - NHÀ VĂN VÀ CON NGƯỜI
(GORKI — 1868 - 1936)

1

Một nhân vật trong truyện ngắn nọ của Gorki đã nói một câu chí lý rằng cần phải ghi nhớ những con người đã sống trọn cuộc đời mình một cách không vô ích.

« Anh ta đưa tay về phía những ngôi mộ.

— Tôi phải biết được tất cả những con người này đã cống hiến đời mình vì cái gì, tôi sống bằng lao động và trí tuệ của họ, trên xương cốt của họ, — các vị đồng ý không? »

và tiếp theo :

« Tôi không cần biết tên tuổi, — tôi cần biết những sự nghiệp! Tôi muốn rằng tôi cần phải biết cuộc sống và công việc của con người. Khi con người đó ra đi... ông hãy viết cho tôi, cho cuộc đời một cách tỉ mỉ và sáng tỏ tất cả mọi sự nghiệp của anh ta! Anh ta đã sống để làm gì? Ông hãy viết cho mạnh vào, dễ hiểu, — thế nhé? » (1).

---

1) Trích trong truyện ngắn *Nghĩa trang* của M. Gorki (tập *Trên nước Nga cổ*).

Một trong những nhiệm vụ trọng đại của văn học chúng ta là: viết mạnh và dễ hiểu về Gorki — nhà văn và con người.

2

So với rất nhiều chàng trai vừa mới bước qua ngưỡng cửa các tòa báo ít lâu, về dung mạo cũng như về phong thái, Gorki — cái tên của con người đối với hàng triệu người cũng gần giống chính cái từ « Nhà văn » — lại ít giống với một người làm văn thường xuyên hơn ai hết. Ông là một độc giả say mê. Mỗi cuốn sách mới ông đều giở ra với một sự háo hức tò mò, sự háo hức tò mò mà ngày nào đó ông đã từng lấy những cuốn sách từ chiếc hòm đen trong căn buồng trên tầu thủy của bác nấu bếp Xmurư, — những cuốn sách khác thường với những cái tên khác thường, đại loại *Hồi ký pháo binh* hay *Những lời di huấn của Ômir*.

Mỗi khi Gorki tuổi sáu mươi từ phòng làm việc của mình ra với chúng tôi, ở Matxcơva hay ở Krưm, ra chỉ trong vài phút để đọc to lên bằng cái giọng khàn khàn, nhấn rõ âm « ô », một đoạn đặc biệt hay nào đó trong bản thảo hay trong một cuốn sách nhỏ, ông lại là cậu thiếu niên ấy, cậu thiếu niên nửa thế kỷ trước trong lò nướng bánh mì Kadan đưa những ngón tay bột bám trắng thèm thuồng giở các trang sách.

Ông đọc, và giọng ông run run vì nỗi xao xuyến ngọt ngào.

« Một người làm văn có khả năng, một nhà văn nghiêm chỉnh, » — ông nói, và thấy rõ ràng rằng những

lời ấy đối với ông vẫn như trước, như trong những năm tuổi trẻ của ông, vang lên một cách xác đáng và tươi tắn.

Và điều đó sau bốn mươi năm hoạt động văn học!

Đây, ông đang ngồi sau chiếc bàn viết cao, và rộng ở nhà mình. Trên mặt bàn đầy những cuốn sách và bản thảo xếp thành chồng trong trật tự chiến đấu, những cây bút chì vót nhọn và những tập giấy trắng được chuẩn bị sẵn sàng.

Đó là «chỗ làm việc» thật sự của nhà văn.

Nhưng đây, Gorki rời bàn viết đứng dậy. Ông mới ít giống con người của bàn giấy làm sao! Ông mở cửa sổ, và đến đây thì hóa ra là, ông có thể xác định giọng hót của bất cứ loài chim nào, và biết những đám mây đằng chân trời báo trước thời tiết sẽ ra sao. Ông đưa tay cầm lấy một vật gì đó — và vật ấy dường như cảm biết được là nó đang nằm trên lòng bàn tay một nghệ nhân, một người sành sỏi, biết rõ thực chất của các đồ vật. Cho đến những năm tháng cuối cùng đôi bàn tay của con người này vẫn giữ được kỷ niệm về lao động chân tay đơn giản.

Ngay cả trong những năm đứng tuổi của mình Gorki cũng không mất vẻ lanh lợi, linh hoạt. Ông có một vẻ thoải mái trong các cử chỉ, cái vẻ thoải mái có được ở những người trong cuộc đời mình đã làm lụng nhiều và đã lưu lạc nhiều trên thế gian.

Tôi nhớ, trong bảo tàng Naplơ, các khách du lịch Mỹ thân hình vạm vỡ, với những cái gáy đỏ lự, — chắc phải là những nhà kinh doanh cỡ thường thường bậc trung — tò mò nhìn theo con người dong dỏng cao, thư thái đi qua các gian trưng bày một cách tự tin, như ở nhà mình, không cần các hướng dẫn viên sẵn lòng chỉ dẫn.

Ông rất được để ý.

— Cái ông có ria kia là ai thế? — khách du lịch thì thào hỏi.

— Ô, đấy là *Macximô* Gorki, — các thuyết minh viên của bảo tàng trả lời không phải không có phần hãnh diện, dường như họ nói về một trong những vật trưng bày xuất sắc nhất của bảo tàng — Ông ấy thường đến bảo tàng chúng tôi luôn!

— Gorki? Ồ!...

Và tất cả các cặp mắt bất giác đầy niềm kính trọng trầm trồ nhìn theo «người thợ Nigiegôrôt» này, con người đi trong nhà bảo tàng từ bức bích họa này sang bức bích họa khác, giữ được vẻ đường hoàng bình thản, ít nghĩ đến những người đang khát khao theo dõi từng cử chỉ của ông.

3

Ở Krưm, ở Matxcơva, ở Gorki [1] — khắp nơi Alêxây Macximôvits đều vẫn chỉ là một con người ấy mà thôi. Ông có mặt ở đâu — ở đó người ta nói tới chính trị, tới văn học, tới khoa học như nói tới các vấn đề gần gũi và cấp thiết; các nhà văn mang bản thảo, bản thảo dày và mỏng, kéo nhau tới đấy. Và cứ như vậy suốt hàng mấy chục năm trời.

Tuy nhiên chưa bao giờ tôi lại biết một người nào khác biến đổi với năm tháng nhiều hơn Gorki. Điều này liên quan đến cả vẻ ngoài của ông, cả bút pháp văn học của ông.

1) «Gorki» (Làng «Đồi») ở đây là tên làng ở phía Nam cách Matxcova 35 km.

Mỗi một lần, nhiệm vụ công việc lại chỉ thị cho ông một hình thức văn chương khác, và với tất cả lòng can đảm ông bắt tay vào viết một bài chính luận hay một bài đả kích, một tiểu thuyết, hay những màn kịch, truyện dân gian, bút ký, hồi ký, chân dung văn học.

Và trong tất cả sự đa dạng bất tận này của các cốt truyện và thể loại của Gorki, kể từ những bài tiểu phẩm *Ieguđiin Khlamiđa* cho đến bộ sử thi *Cuộc đời của Klim Xamghin*, có thể thâu tóm được chủ đề chủ chốt của ông. Tất cả những gì ông đã viết ra, đã nói và đã làm đều chứa đựng đòi hỏi đối với con người và cuộc sống, chứa đựng niềm tin tưởng rằng cuộc sống phải và có thể trở nên công bằng, trong sạch và thông minh. Trong quan niệm lạc quan này của Gorki về cuộc sống không có chút gì thi vị hóa. Chủ nghĩa lạc quan của ông đã được mua bằng một giá rất đắt và vì thế nó cao giá.

Về cái điều mà Gorki đòi hỏi ở cuộc sống, vì nó mà trong cuộc sống ông đã đấu tranh, điều ông yêu quí và điều ông căm thù, ông đã nói tới nhiều lần và thẳng thắn.

Nhưng, có thể, không ở đâu ông truyền đạt được một cách sâu sắc và dịu dàng đến mức ấy chính cái bản chất thái độ của mình đối với cuộc sống, như ông đã làm được trong truyện ngắn *Một con người ra đời*. Đề tài này, các nhà văn lớn bậc thầy đã nhiều lần đụng đến.

Chẳng hạn, cả Môpatxăng cũng có một truyện ngắn về việc ra đời của một con người.

Ba bà mệnh phụ quí phái giao cho một ông linh mục trẻ tuổi, nhũn nhặn đưa những cậu con trai, học trò của họ từ Pari về nghỉ hè với họ. Các bà mẹ lo sợ nhất là những cuộc gặp gỡ cám dỗ ở dọc đường, những

cuộc gặp gỡ có thể ảnh hưởng xấu đến đạo đức của bọn trẻ. Nhưng, than ôi, các cậu bé du lịch không tránh được những ấn tượng nguy hiểm. Người đàn bà ở cạnh chúng trên cùng toa bắt đầu rên rỉ thành tiếng.« Chị ta gần như tuột từ trên ghế băng xuống và bấu chặt hai tay vào ghế, với đôi mắt nhìn ngây dại, bộ mặt méo xệch, nhắc đi nhắc lại :

— Ô, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi !

Ông linh mục lao đến bên chị ta.

— Thưa cô, cô làm sao vậy ?

Chị ta khó nhọc thốt ra :

— Hình như... Hình như... tôi sinh...

Ông linh mục ngượng ngùng bắt lũ học trò của mình nhìn cả ra cửa sổ, còn bản thân, xắn ống tay áo thụng, bắt đầu thực hiện trách nhiệm của bà đỡ... »

Trong truyện ngắn của Gorki một đứa bé cũng ra đời ở giữa độ đường.

Trong bụi cây gần bờ biển, một phụ nữ trẻ, người Oren đang « quằn quại như miếng vỏ bạch dương hơ lửa, hai tay cứ đập đập xuống mặt đất ở hai bên mình. rồi nhổ một bụi cỏ úa, cố nhét nó vào mồm, làm đất vãi đầy lên khuôn mặt dễ sợ, trông không còn ra mặt người nữa, với đôi mắt đã dại hẳn ra, chảy đầy máu... »

Người bạn đường tình cờ của chị ta (tác giả truyện ngắn) là người duy nhất có thể giúp đỡ được chị. Anh « chạy ra biển, xắn ống tay áo lên, rửa sạch hai tay, quay trở lại và... trở thành người đỡ đẻ ».

Truyện ngắn của Môpatxăng đó là một giai thoại tuyệt vời, không những chỉ ngộ nghĩnh, mà còn gay gắt về mặt xã hội.

Truyện ngắn của Gorki là cả một bản trường ca về sự ra đời của con người. Truyện ngắn này hiện thực

đến mức đọc nó thật vất vả và thậm chí đau đớn. Nhưng, có lẽ, trong toàn bộ văn học thế giới — thơ cũng như văn xuôi — các bạn không tìm thấy được niềm vui sướng trang trọng và cảm kích như niềm vui sướng thấm đậm tám trang sách này.

« Người cư dân mới của đất Nga, con người mà số phận chưa ai lường trước được là sẽ ra sao, đang nằm trên tay tôi, thở phì phì một cách chững chạc... » Gorki viết.

Có thể, chưa bao giờ trên trái đất này người ta lại đón chào một con người mới ra đời dịu dàng hơn, niềm nở và hãnh diện hơn là người lữ hành tình cờ — chàng trai đeo cái bị bên vai, Macxim Gorki sau này, đã chào đón chú bé con Oren.

Trích : C. Marsác. Toàn tập tác phẩm gồm tám tập. T. 7 NXB Văn học Matxcơva. 1971.

IARÔXLAP XMÊLIAKÔP

NGÔN TỪ LÀ VŨ KHÍ

(V. MAIAKÔPXKI, 1893 - 1930)

Tôi còn may mắn nhìn thấy chính ông bốn lần trong dạ hội ở trường Bách khoa, trong buổi đọc vở kịch *Nhà tắm* ở Nhà báo chí, trong buổi bế mạc triển lãm của chính ông và trên phố Tverxkaya. Bảo ông đẹp trai và gây ấn tượng là còn ít, có thể nói toàn bộ con người ông là tuyệt vời. Người đi đầu của thơ cách mạng, đại diện toàn quyền của nó ở ngoài — biên giới đất nước ta, chính là phải như vậy.

Ở ông mọi cái đều làm ta thán phục : cả các chuyến đi dài trên đất nước, cả các cuộc chu du ở các nước ngoài, cả sự tham gia của ông vào các cuộc tranh luận văn học — chính trị, cả công việc to lớn trên báo, cả việc sáng tạo các trường ca tuyệt diệu như *Vlađimir Ilits Lênin*, *Tốt lắm!*, *Về điều này*, *Đám mây mặc quần*, cả các vở kịch, thánh sử kịch, các cảnh xiếc huyền ảo, kịch bản phim, cả các áp phích chính trị, thậm chí cả quảng cáo cho liên hiệp Matxcova các xí nghiệp chế biến sản phẩm công nông nghiệp và GUM [1].

Ông còn kịp biên tập tạp chí, đóng phim, đăng đàn ở các cuộc mít tinh và đài phát thanh, viết tài liệu hướng dẫn sáng tác cho các nhà thơ trẻ.

---

1. Cửa hàng bách hóa tổng hợp nhà nước nằm trước Hồng trường.

Phải, trong vòng hai mươi năm ông đã viết được không ít. Cho đến hôm nay các nhà nghiên cứu còn chưa kịp bình luận một cách đến nơi đến chốn tất cả những gì đã do ông làm ra.

Và tất cả công việc khổng lồ, tầm cỡ khác nhau ấy đều phục tùng một khát vọng chủ yếu của đời ông: phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Bản thân ông, giống như người thợ xây của thời đại mới, mặc áo yếm vải bạt đứng đó và đặt các viên gạch đỏ xây những bức tường của tòa nhà chung của chúng ta.

Ông là người xây dựng không biết mệt mỏi và là người chiến sĩ không lúc nào vắng tiếng trên mặt trận tư tưởng. Chuyện này nhắc lại lúc này không thừa, khi cuộc đấu tranh trong lĩnh vực tư tưởng đẻ thêm ra những hình thức mới, khi toàn bộ bộ máy tuyên truyền của chủ nghĩa tư bản làm việc cả ba ca chống lại thế giới cộng sản chủ nghĩa.

Với lòng mong muốn đương đầu với dòng thác đục ngầu này, khéo léo phơi bày cơ cấu giai cấp của nó và ngăn chặn đường đi của nó — tất cả chúng ta, các nhà văn xô viết có thể học ở Vladimir Vladimirovits điều gì đấy.

Nhưng ông không chỉ biết trừng trị kẻ thù, không chỉ biết tiêu diệt chúng bằng dòng thơ không thương tiếc, dòng thơ «không từng biết làm thuê ở đâu» của mình, mà còn bảo vệ ủng hộ, cổ vũ bạn bè của chế độ xã hội của chúng ta, những người bạn sống bên cạnh hay ở ngoài biên giới đất nước. Khi ông nói về V. I. Lênin: «Với đồng chí, Người yêu thương bằng lòng trìu mến con người. Với kẻ thù, Người đứng lên rắn hơn sắt — thép», tôi có cảm giác rằng, trong chừng mực nào, ông suy nghĩ cả về hoạt động của mình.

VV 5984

Báo chí thù địch ngày nay vẫn tiếp tục đưa ra giả thuyết, rằng nhà thơ trữ tình Maiakôpxki đã bị nhà chính luận Maiakôpxki giết chết. Trò phá hoại tư tưởng này dựa trên những bịa đặt của R. Iakôbxôn trước có quen biết Maiakôpxki và trên những dòng thơ nổi tiếng của nhà thơ: « Và Aghitprôp (1) dính vào hai hàm răng tôi, chứ không tôi ngoáy các bản tình ca cho các người mới phải, — nó vừa kiếm chác được, hơn nữa khả ái hơn ». Nhưng ở đây mỗi chữ là một lời mai mỉa: ngoáy, tình ca, khả ái hơn, kiếm chác được... Maiakôpxki « ngoáy » những bản tình ca Digan và chạy đến các quỹ tiền mờ ám để lĩnh đồng nhuận bút, — cái đó thì đến trong mê sảng cũng không hình dung ra nổi.

Phải, ông đã có những phút và những giờ buồn bã, ghen tuông, ưu sầu — ai mà không từng có những giờ phút ấy? Và trong những giờ phút như vậy hẳn là ông muốn viết ra những dòng thơ đau đớn. Nhưng ông đâu tận hưởng những tâm trạng như vậy, ngả theo những tâm trạng ấy và dù sao đi nữa cũng không cổ vũ những tâm trạng ấy, mà sáng hôm sau, như chính ông thường nói, xắn tay áo lên, ông lại bắt tay vào công việc cao cả của mình.

Còn giả thuyết về áp bức hành chính từ phía các cơ quan nào đó của chính quyền Xô viết đối với ông về vấn đề thơ trữ tình, thì chẳng khó khăn gì cũng có thể thấy rõ rằng hầu như tất cả các bài thơ ông viết ra ở thời kỳ nước Nga còn thuộc Sa hoàng, đều là các bài thơ chính trị, chứ không phải thơ trữ tình.

Một số « nhà uyên bác » nước ngoài muốn hình dung Maiakôpxki như một nhà thơ trữ tình bị chính quyền

---

1) Phòng cổ động và tuyên truyền.

xô viết bóp chết. Thì đây, ngay từ năm 1915 ông đã viết như thế này câu trả lời những « vị » ấy :

Liệu chiều lòng chăng đem trao cuộc sống
Cho lũ phàm ăn, háu gái các ngươi ?!

Có thể họ bảo rằng những câu thơ ấy không phải về nghệ thuật, mà về những kẻ ở hậu phương làm giầu vì chiến tranh ? Nhưng trong bài thơ đó còn có những câu như thế này : « Bằng cặp môi dính bết thịt băm các người dám đăng ca lời ca Xêvêrianin kia đấy ! » Ai cản trở ông ngay khi ấy ganh đua với I. Xêvêrianin ?

Trong toàn bộ thơ ca thế giới khó có thể tìm ra những dòng thơ trữ tình thấm thía hơn hầu như ở toàn bộ trường ca *Vlađimir Ilits Lênin*, một số chương trong trường ca *Tốt lắm !*, như « Mười hai thước vuông chỗ ở... », « Cả nghĩa vụ, cả thơ không bắt ngợi khen... », « Đến đây chín tháng mười và chín tháng năm... » Bây giờ ta không có đủ khả năng trích dẫn, thậm chí kể lại tên gọi tất cả những bài thơ trữ tình trữ tình nhất của Vlađimir Maiakôpxki. Có thể nào nói mạnh hơn về Tổ quốc của mình : « Chuyện đó đã xẩy ra với các chiến sĩ hay với đất nước, hay đã xẩy ra trong trái tim của tôi » ?

Ở ông văn chính luận công khai cao xa luôn luôn chuyển thành thơ trữ tình tâm tình nhất, và những lời thú nhận trữ tình bỗng lại vang lên như những khẩu hiệu chiến đấu. Đấy, cái đó chúng ta gọi là thơ trữ tình chính luận, thuật ngữ ra đời ở ta và, có lẽ, không thể hiểu được đối với các nhà tiên tri béo mỡ của nghệ thuật tư bản chủ nghĩa.

Maiakôpxki có bài thơ *Kiếp*. Có lẽ không thể hình dung ra cái yếu tố trữ tình và thậm chí, xin nói là, thiêng liêng được hơn :

Những cái cẳng tùng bách,
những cái cẳng nhỏ,
những cái cẳng bé tí teo...
Đây những tuyết bám,
nhưng ấm áp làm sao!
Dường như về thăm
với người bà già lão,
già lão.
Tôi đã tới Kiép
hôm qua.
Dường như về chơi
với người bà già.
lão già.

Nhưng chẳng bao lâu tâm trạng điền viên này bị gay gắt phá vỡ. Rồi cuối cùng vang lên hoàn toàn thô kệch:

Hời người bà tóc bạc,
chào và
giã từ bà!
Thôi đi đi cho khuất!
Mau!
Nào!

Đấy thơ ngây thánh dẫn vậy đó! Người Bà, hóa ra, chứa chất tất cả cái đen tối, cỗi già, giả nhân giả nghĩa, dầu cơ, cái điều cản trở cuộc vận động tiến lên.

Còn đây lại là một thí dụ loại khác. Bài thơ *Gửi đồng chí Nette, con tầu và con người* tràn đầy chất trữ tình cao cả nhất. Bài thơ này mọi người đều biết, nhưng xin hãy đừng ngại tìm lại nó trong tuyển tập hay toàn tập tác phẩm. Và trái tim bạn sẽ run rẩy lên vì niềm tự hào bởi những người anh hùng, như Tođor Nette, và những nhà thơ, như Vlađimir Maiakôpxki. Tôi nghe nói rằng giờ đây không chỉ «Tođor Nette», mà còn cả

« Vladimir Maiakôpxki » đang chở người và hàng qua các đại dương. Có thể, họ có cuộc gặp gỡ mới và câu chuyện trò mới?

Maiakôpxki đã hiểu biết và yêu mến đất nước của mình. Bản thân ông từng nói rằng các chuyến đi thay cho ông việc đọc sách. Ông có các bài thơ về Lêningrat, Matxcơva, Kazan, Grudia, Krưm, Aderbaigiăng, Xibiri, Vônga, Dneprô, Terek. Theo bản đồ các cuộc đăng đàn của ông và theo mục lục các tập tuyển của ông có thể nghiên cứu địa lý Liên Xô. Chúng ta cảm ơn ông về sự rộng lớn, thấm đượm nguồn tình cảm không cạn của tình hữu nghị giữa các dân tộc, tình anh em giữa những trái tim và miền đất của họ.

Những bài thơ của ông về Pari, Mỹ, Đức, Balan tuyệt vời về sức mạnh thơ — chính trị.

Ông thán phục kiến trúc của cầu Bruklin, nhưng chính ông đã là một tạo vật tinh thần đẹp đẽ hơn nhiều của thời đại chúng ta, liên kết những năm đầu tiên của cuộc cách mạng của chúng ta với bạn đọc hôm nay.

Ông đã yêu thích và am hiểu phép ngoạn du, bởi vì sự cảm biết sự hùng vĩ của các sự kiện mà ông đã viết tới, đối với ông cũng tự nhiên như trạng thái tinh thần của một người khổng lồ là lẽ tự nhiên đối với một người khổng lồ khác.

Ông đã là một nghệ nhân tầm cỡ lớn lao. Tôi muốn thêm vào những dẫn chứng sơ đẳng nhiều vô số một dẫn chứng nữa. Hãy chú ý chẳng hạn tới hai hình tượng như sau. Trong trường ca *Tốt lắm!* ông nói:

Và thưa dần
bọn bảo vệ « Mùa đông »
Như răng lược
rụng dần.

Còn trong trường ca *Vlađimir Ilits Lênin* ông viết:

Đã đến lúc khai mạc!
Họ làm gì mà lần lữa?
Chủ tịch đoàn
vì sao
như cây bị đốn, thưa dần?

Các bạn hãy xem xét xem và suy nghĩ kỹ, so sánh xem từng cặp câu thơ ấy đã được viết ra sao. Đó là những dẫn chứng của hình tượng mạnh mẽ thấu suốt tính chất xã hội.

Ảnh hưởng của Vlađimir Maiakôpxki đối với thơ ca xô viết và thơ ca thế giới không còn phải tranh cãi. Ở đây sự thể không chỉ ở kỹ xảo, không ở chỗ nhiều người cũng đang xếp đặt câu thơ của mình theo bậc thang và tìm ra những âm vận bất ngờ không phải thường xuyên thấy. Ảnh hưởng của ông thực sự đầy đủ và nhiều sức sống hơn nhiều. Chúng ta trở nên thường xuyên và có trách nhiệm hơn, khi in trên các báo chí, ra với độc giả đông hàng bao triệu người, các nhịp điệu thơ của chúng ta trở nên thoải mái hơn, đa dạng hơn. Thơ của chúng ta không e dè tuyên bố trước mặt toàn thế giới rằng nó đang phục vụ nhân dân, phục vụ Đảng và chỉ nghĩ về một điều làm sao tiến hành công việc của mình rạng rỡ hơn, thông minh hơn, tài năng hơn. Chúng ta không e dè trở thành những người cổ động của Đảng, mà chỉ sợ trở thành những người cổ động buồn tẻ.

« Tôi là nhà thơ. Lý thú chính là ở chỗ đó », — Maiakôpxki từng viết. Phải, ông vĩ đại và lý thú chính bởi thơ ca của mình, thơ ca tầm cỡ thế giới. Nói về Maiakôpxki có nghĩa là nói về một con người lớn lao, về

một nhân cách đồ sộ, niềm say mê chủ yếu của người ấy là thơ ca, là phục vụ cách mạng. Về bản tính của mình Maiakôpxki là nhà thơ — diễn đàn, nhà thơ — chiến sĩ. Ông đã đi vào tiềm thức của triệu triệu người nghe và người đọc chính là như vậy. Chính Maiakôpxki đã hiện ra như vậy từ các trang sách ưu tú về cuộc đời và sáng tác của ông. Đáng tiếc là, thỉnh thoảng đây đó lại xuất hiện những công bố trong đó dung mạo của nhà thơ vĩ đại bị bóp méo đi, sự chú ý lại tập trung vào những mặt quá ư riêng tư, tâm tình của cuộc đời nhà nghệ sĩ. Các tài liệu mang tính chất như thế vào thời điểm của mình đã xuất hiện, chẳng hạn, trong *Điều mới mẻ về Maiakôpxki*, đã bị giới xã hội chúng ta phê phán một cách công bằng. Theo cái nhìn của tôi thì những tài liệu công bố mới đây trong tạp chí *Ngọn lửa nhỏ — Tình yêu của nhà thơ* và *Thảm kịch của nhà thơ* cũng mang phảng phất ít nhiều tính chất giật gân và phiến diện.

Ở Vladimir Maiakôpxki, cũng như ở tất cả mọi người, từng có những thất bại, nhưng những thất bại ấy không thể che lấp sự hùng vĩ của sự nghiệp của ông, đóng góp có trọng lượng của ông vào kho báu nghệ thuật của xã hội hiện đại.

Trích : Báo Sự thật số 201 ra ngày 19 tháng bảy, năm 1968.

VLAĐIMIR MAIAKÔPXKI

ALEKXANĐR BLÔC QUA ĐỜI

(1880 - 1921)

Sáng tác của Alêkxanđr Blôc là cả một thời đại thơ ca, thời đại của quá khứ vừa qua.

Nhà nghệ sĩ bậc thầy thuộc phái tượng trưng danh tiếng bậc nhất Blôc đã có một ảnh hưởng lớn lao đối với toàn bộ thơ ca hiện đại.

Một số người cho đến nay vẫn không thể thoát ra khỏi được những dòng thơ mê ly của ông — Lấy một từ ngữ nào đó của Blôc, họ phát triển nó thành các trang sách, xây dựng trên đó toàn bộ tài sản thơ ca của mình. Số người khác thì đã khắc phục được chủ nghĩa lãng mạn thời kỳ đầu của ông, tuyên chiến với chủ nghĩa lãng mạn ấy và gột rửa tâm hồn khỏi những tàn tích của chủ nghĩa tượng trưng, phá vỡ những nền móng của các nhịp điệu mới, chất đống những viên đá các hình tượng mới, siết chặt các dòng thơ bằng những âm điệu mới — đem một công trình lao động anh hùng góp vào, tạo ra thơ ca của tương lai. Nhưng cả đối với số người này cả đối với số người kia, Blôc đều được ghi nhớ một cách yêu mến như nhau.

Blôc đã trung thực và hân hoan đi tới gần với cuộc cách mạng vĩ đại của chúng ta, nhưng lời lẽ tinh tế và tao nhã của con người theo chủ nghĩa tượng trưng không đủ sức giữ vững và nâng lên cao những hình

tượng hiện thực, thô lỗ nặng nề của nó. Trong trường ca *Mười hai* nổi tiếng từng được dịch ra nhiều thứ tiếng Blốc đã đau đớn khổ sở.

Tôi nhớ, trong những ngày đầu của cách mạng, một anh lính gầy gò, co ro sưởi bên đống lửa đốt trước cung điện Mùa đông. Người ấy gọi tôi. Đó chính là Blốc. Chúng tôi cùng đi đến cổng « Trẻ thơ ». Tôi hỏi: « Thích không ? » — « Tốt ». — Blốc trả lời, nhưng sau đó nói thêm : « Ở làng người ta đốt mất thư viện của tôi rồi » (1).

Đấy, cái « tốt » và cái « người ta đã đốt mất thư viện » là hai cảm giác về cách mạng, liên kết một cách huyền hoặc trong trường ca *Mười hai*. Một số người đọc thấy trong trường ca này sự châm biếm cách mạng, số khác lại thấy sự ca ngợi cách mạng.

Bọn trắng say sưa đọc trường ca này quên cái « tốt » ; những người đỏ say sưa đọc trường ca này quên sự nguyền rủa cái điều « thư viện bị đốt cháy ». Nhà tượng trưng chủ nghĩa cần phải nhận thức được trong hai cảm giác ấy cảm giác nào mạnh hơn trong ông. Ca ngợi cái « tốt » chăng hay rên rỉ trên đống tro tàn, — trong thơ của mình Blốc đã không chọn lựa.

Tôi đã nghe ông vào tháng năm năm nay ở Matxcơva : trong gian phòng vắng vẻ, lặng ngắt như ngoài nghĩa trang, ông sẽ sàng và buồn bã đọc những dòng thơ cũ về tình ca Digan, về tình yêu, về Người đàn bà đẹp. Tiếp theo không còn đường đi nữa. Tiếp theo là cái chết. Và nó đã đến.

(1921)

Trích : Vladimir Maiakôpxki. Toàn tập tác phẩm 12 tập. Tập XI. NXB « Sự thật » Matxcơva 1978.

---

1) Chi tiết này sau này được Maiakôpxki đưa vào chương 7 trường ca « Tốt lắm ».

K. FÊĐIN

ALEKXANĐR BLÔC

1

Đôi khi chợt chỉ thèm chạy tọt vào căn phòng mà người ta vốn không ai bước qua ngưỡng cửa. Bịt kín tất cả các kẽ hở và lỗ hổng ở cánh cửa ra vào và cửa sổ, lấy các bức thảm, áo quần vải phủ đồ vật ra che kín các mặt tường, để không ai, không một ai nghe thấy được là anh đang chơi đàn.

Bởi vì trên hai bàn tay tôi; móng cứng đã mọc dài, các ngón tay đã mất mất thói quen trên phím đàn và cây vĩ nhẹ nhàng đã trở thành xa lạ.

Chính vì thế cầm đàn mà xấu hổ, khi các ngón tay không còn lanh lợi và bàn tay không còn uyển chuyển. Và tôi thật thảm thương, đáng khinh, hai tay tôi không còn tung ra khúc hát đang sống trong tôi.

Trong trái tim tôi chứa chất nhiều điều về Blốc. Nhưng nhiều ấy là cái gì — tôi không biết. Và nếu tôi nói ra bằng những lời lẽ mà tôi có được để nói, liệu có ai tin rằng tôi nhìn thấy được hình ảnh nhà thơ chăng?

Đối với tôi sự nhìn thấy của tôi là nội dung. Nhưng tay tôi không tung ra được nội dung ấy. Lời lẽ, sau đó là câu cú, chương hồi tiếp theo — và nội dung bị xóa mất.

Khối kết vón tất cả — những suy tư, những cảm xúc, những cao hứng, những đổ vỡ — đó là nội dung.

Khối kết vón tất cả — đó là câu thơ.

Tôi làm sao truyền đạt được khúc hát của mình khi tôi không còn điều khiển được câu thơ. Họa chăng chạy tọt vào căn phòng mà người ta vốn không ai bước qua ngưỡng cửa? Và ở đó, nói ra cái điều mà tôi có được cho riêng mình, riêng một mình mình?

Bởi vì tôi nghe thấy ở khắp mọi nơi:

— Đó là cái gì vậy? Ấn tượng của sự đánh giá sáng tác? Nhận xét hay có thể những hồi ức ư?

Tôi không biết, tôi không biết.

Tôi chỉ biết rằng về Blốc ta cần cất tiếng hát lên, chứ không chỉ nói ra một cách bình thường.

* * *

Vào những ngày ngay trước lễ Chúa giáng sinh năm mười chín.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy ông ở Litâynư.

Là một người xa lạ ở Pêterburg, còn hoảng sợ trước vẻ đẹp của thành phố ấy, tôi sùng kính trước Litâynư. Ở đấy có ngôi nhà mầu da thuộc, và sau khung cửa kiểu cổ trông tối om, và mặt đá hoa cương trên tấm bảng nghiêm trang đã bạc mầu: *Nekraxốp đã sống và qua đời tại đây*.

Trong bầu không khí ẩm ướt giá lạnh, người ta lặc lè tha những cái bao tải và những đẫy bọc, quết vạt những tấm áo capốt lính mầu xám xuống bùn bẩn mặt đường, lạo bạo từ tường nhà nọ sang tường nhà kia, vất vả vì thời tiết xấu.

Nhưng từ tất cả các mặt tường đều gào lên những dòng hiệu triệu :

« Hãy cứu lấy cách mạng ! »

Và — những con người mụ mẫm đi, buông rơi khăn gói tài sản, — bổ đến đoàn tầu điện đang xẻ đường bằng cái vạt áo sắt, bu bấu lên đó, dính vào hai bên thành méo mó của nó.

« Hãy cứu lấy cách mạng ! »

Cựu dân Nga kinh hoàng. Họ bỏ chạy.

Vậy thì liệu họ còn nghĩ gì đến màu da thuộc của những bức tượng cổ kính mà Nekraxốp đã qua đời trong đó ? Liệu còn nghĩ gì đến cái chuyện người nào đó đã sống cùng chúng ta và đã ra đi, khi những cặp mắt của chúng ta mù lòa đi và chúng ta không nhìn thấy ai đang sống cùng chúng ta ?

Bởi vì trong các khung cửa sổ một ngôi nhà khác cũng tối om và người ta cũng chạy lướt qua nó, vạt áo capốt của người nọ quét lê xóa sạch dấu vết của người kia.

Ở đó, trong ngôi nhà ấy, Blốc đã đọc thơ nói chuyện.

Một nhúm người tách khỏi nỗi hoảng sợ đường phố, buồn bã trong giá lạnh của căn phòng nhỏ bé.

Và — chúng tôi đã quen đi — tất cả đều mặc trong những tấm áo capốt màu xám như ở ngoài đường phố ấy. Chúng tôi đã đi trong cuộc hành quân vô hạn sang năm thứ mấy rồi.

Chúng tôi đã bị cuốn đi đâu đó, những con người được hiệu triệu đi cứu vớt, bản thân đi tìm kiếm sự cứu vớt, bị cuốn đi với những dúm tài sản, những túi đồ đạc của cải vớ vẩn và tiện đường ghé vào nghe Blốc.

Ông nói về sự sụp đổ của chủ nghĩa nhân đạo, về nền văn minh đã trở thành vật hy sinh của văn hóa.

Và tưởng rằng chính những từ *sụp đổ, vật hy sinh* hẳn phải gieo rắc nỗi kinh hãi vào chúng tôi, như tiếng chuông báo khi có đám cháy. Tưởng rằng, trong hoảng loạn, chúng tôi phải lao khỏi căn buồng nhỏ bé, ra bùn lầy của nỗi kinh hoàng đường phố, bỏ chạy, bấu víu lấy những toa xe điện, kéo lê những cái bao đồ trên bùn bẩn.

Nhưng chẳng ai bỏ đi khi ông còn nói chuyện, đọc thơ.

Vóc dáng ông cao lớn, và nỗi sợ hãi không bao trùm lên ông mà như trận lốc quay cuồng quanh quất dưới hai bàn chân ông và bên dưới ông.

Và rất hay là khi ấy ông cởi bỏ tấm áo lông suba, và những ngón tay ông nhịp nhàng giở các trang bản thảo, và như thường lệ, khi ấy ông khoan thai và thẳng thắn: bởi vì ông đứng trên tất cả, con người đứng ngoài khát vọng cứu thoát lấy thân mình trong những ngày dông tố ấy.

Tôi ra về, suy nghĩ miên man về ông. Lần đầu tiên trong những năm ấy tôi bước đi chứ không phải chạy...

Ông mới bình thản làm sao, ánh mắt nhìn của ông mới thẳng thắn làm sao, hình ảnh ông mới trọn vẹn làm sao!

***

Tôi nhớ vào một ngày tháng ba nắng ráo, tôi đến thăm Gorki.

Chủ nhà mỉm cười, các góc cạnh hiền hậu trên gương mặt của ông đều mỉm cười, và tràn ngập lòng tôi sức ấm của đôi mắt mầu xanh. Ông nói về những con người mà tôi, một người còn non trẻ, phải lắng nghe tiếng nói của họ. Ông ném ra những từ ngữ sắc sảo, chuẩn mực,

những từ ngữ do chúng mà con người đứng vào đúng vị trí của mình, tựa hồ nhận được khẩu lệnh của người đốc gác.

Nhưng khi đến lượt Blốc, ông dừng lại, ông không tìm ra lời. Ông cau mặt, ngón tay vân vê, hệt như sờ sẫm tìm. Rồi sau đó ông vươn thẳng người, cao lớn, ngửng mái đầu, khoát tay một vòng rộng từ trên đầu xuống chân.

— Ông ấy như thế này...

Và sau đó, khi tôi ra về, mọi người lại lên tiếng nói về Blôc, ông lại lặp lại cử chỉ khoáng đạt của mình, và mấy từ sau dường như không tách khỏi cử chỉ nọ:

— Ông ấy như thế này...

Và, đưa bàn tay rộng, sảng khoái của mình nắm tay tôi, ông nói:

— Anh phải làm quen, nhất thiết phải làm quen với anh ấy.

Nhưng tôi không được cái hạnh phúc đó. Tôi chỉ được nhìn thấy Blôc. Tuy nhiên chẳng lẽ như vậy vẫn còn ít ư?

Và khi được nhìn thấy ông, tôi dừng bước, nhìn theo bước chân ông: ông mới bình thản làm sao, ánh mắt nhìn của ông mới thẳng thắn làm sao, hình ảnh ông mới trọn vẹn làm sao?

1921

2

Ba phần tư thế kỷ đã qua kể từ ngày sinh của Alekxandr Blôc. Gần nửa thời gian đó, từ tháng tám năm 1921, chúng ta sống không có Alekxandr Blôc, không có nhà

thơ vươn cao trên ranh giới lịch sử giữa hai thời đại — thời đại nước Nga Sa hoàng và thời đại nước Nga cách mạng.

Trong từ ngữ này — vươn cao — không hề có sự cường điệu. Không có người nào trong số các nhà thơ Nga đi từ quá khứ tới năm mười bảy đông tố và vĩ đại, lại bước lên cao được đến như vậy trong ý thức của độc giả, lại chiếm được địa vị như vậy trong lịch sử thơ ca của chúng ta những năm ấy, lại vẫn đang đứng thẳng, hoàn hảo và đẹp đẽ như vậy trong quan niệm của chúng ta, như Alekxandr Blốc đã bước lên và đang đứng đó.

Nền thơ Xô viết bắt đầu lớn lên chính khi thơ ca của Blốc lần đầu tiên ngân vang tiếng nói cách mạng :

Hãy giữ vững bước đi cách mạng!
Kẻ thù ngoan cố đâu có ngủ yên! (1)

Hoạt động thơ ca xô viết hầu như bắt đầu khi ở chính đầu ngọn nguồn ta cảm thấy sức nóng lời kêu gọi của Alekxandr Blốc :

Hãy lắng nghe tiếng nhạc của cách mạng! (2)

Ông đã là nhà thơ đầu tiên không tách khỏi giai đoạn hoàn tất của thơ ca Nga xưa cũ, và trở thành nhà thơ đầu tiên, không tách khỏi chương mở đầu thơ ca mới nhất — thơ ca của tháng Mười.

Ông sống như vậy trong cả những năm tháng này, và thế hệ mới của văn học, người đọc trẻ xô viết và người hâm mộ thơ nhận thấy ngay những xúc động đặc biệt của tâm hồn ông.

---

1) Trích trường ca *Mười hai*.

2) Trong bài *Trí thức và cách mạng*.

Không thể có và không nên có sự tranh cãi giữa những ai trực tiếp được biết và còn đang giữ nguyên trong ký ức của mình hình ảnh Alekxanđr Blốc sống động, với những ai đã tạo nên ý niệm của mình về hình ảnh nhà thơ theo các câu thơ của ông, các cuốn sách về ông và — nếu có thể nói được là — theo truyền thuyết về ông. Không thể có sự tranh cãi, ai hiểu tốt hơn, sâu hơn, chuẩn xác hơn hiện tượng mà chúng ta gọi bằng cái tên Alekxanđr Blốc. Bởi vì rằng cả thế hệ già cả thế hệ trẻ chúng ta đều nhận thức ra như nhau cái hạt chủ yếu làm nên bản chất thơ ca của hiện tượng này và không thể đánh giá nó khác nhau.

Alekxanđr Blốc là nhà thơ bi kịch. Ông là nhà thơ của cuộc đấu tranh giữa ánh sáng và bóng tối, nhà thơ của sự xung đột bất tận giữa cái mới và cái cũ, nhà thơ, được nuôi dưỡng bởi thế giới suy tàn và cuốn đi bởi trận lốc mà trong tiếng ầm ầm của nó cách mạng đã ra đời.

Ông đã lớn lên trong môi trường trí thức quý tộc — tư sản, đã sống, hoạt động, sáng tác trong nghệ thuật của nó, là đứa con của thế kỷ của nó. Nhưng ông đã khác biệt với những người khác của nó, thậm chí những người có tài năng nghệ thuật, ở chỗ là ông không chỉ nhìn ra sự tuyệt vọng của nó, mà với sự sáng tỏ đáng kinh ngạc ông đã nhìn thấy cái chết đến gần với nó.

Hơn thế — ông đã cảm thấy bằng tất cả sự tồn tại của mình sự tất yếu của cuộc thay đổi hoàn toàn các thời đại : như một nhà thơ ông phán định thời đại mà ông nằm trong đó phải chết, và ca ngợi chiến thắng của thời đại mới, thời đại đã sinh ra đất nước xô viết.

Giới phê bình văn học nói một cách công bằng rằng Alekxanđr Blốc không có được thế giới quan cách mạng triệt để.

Nhưng sự phong phú của các tình cảm của ông, sự mãnh liệt của sự thụ cảm thế giới của ông, sự mâu thuẫn của các tư tưởng của ông — tất cả cái đó thấm sâu vào, tỏa sáng ra thành những phản chiếu, những tia chớp của cuộc đấu tranh cách mạng. Ông không chạy trốn những ánh chớp ấy, không nhắm mắt bởi những lóe sáng chói lòa.

Sự gần gụi chân thành của ông đối với vận mệnh của tổ quốc, cho dù những vận mệnh ấy có gian nan chừng nào, đã giữ vững tinh thần của ông trong công việc vĩnh cửu và tôi nghĩ rằng, công việc ấy, sự nhìn thấy các vận mệnh của tổ quốc chính đã làm nên hình ảnh ông như chúng ta biết ông, — Alekxanđr Blôc thẳng thắn, với mái đầu ngửng cao, nói năng đĩnh đạc.

Khó có ai khác quí trọng từ ngữ được như ông. Mỗi phát biểu của ông trở thành một sự kiện, bởi vì ông chỉ nói về điều chủ yếu nhất, điều mà không thể không nói và ông đã không thể không nói trong những năm trải qua.

Tôi thuộc số người có hạnh phúc được nghe Blôc nói khi cuộc nội chiến còn đang sôi sục: phát biểu của ông tràn đầy những cảm xúc mãnh liệt: chỉ riêng những nhan đề của những phát biểu đó thôi cũng nói về ông như về một nhà thơ của tình cảm công dân cao cả: « Sự sụp đổ của chủ nghĩa nhân đạo », « Thiên chức của nhà thơ ». Mặc dù bi kịch của ông vẫn là nội dung của những phát biểu ấy — bởi vậy bi kịch này dũng cảm mở rộng nhãn quan của chúng ta về nội dung của các sự kiện lịch sử ở ranh giới hai thời đại, các sự kiện ấy đã được giới trí thức Nga tiếp thu ra sao. Và dễ hiểu là trong những năm ấy Blôc đọc công khai trọn vẹn cả bản trường ca *Trừng phạt*, trong đó tất cả đều tràn đầy cái lõi thực sự của mọi cái lõi của chủ đề thơ ca của ông — sự sụp đổ của thế giới cũ.

Blôc đã nói về bi kịch của mình, về sự tuyệt vọng của mình về quá khứ, về niềm hy vọng tiên tri của mình về tương lai — ông nói thật thẳng thắn, với mái đầu ngẩng cao, với mạng sắt che mặt mở toang, như một con người của lòng dũng cảm ý thức được rằng anh ta không thể tùy tiện rút ra khỏi trận chiến. Đối với ông nghệ thuật đã là một cuộc chiến bất tận, trong đó bất cứ giây phút nào ông cũng sẵn sàng dâng trọn cả tâm hồn mình.

Bấy giờ tôi đã nhìn thấy Alekxandr Blôc và giờ đây tôi đang nhìn thấy ông rất to lớn, hùng vĩ.

Vẻ đẹp chứa trong niềm tin của ông vào lời lẽ của mình đã có sức chinh phục. Toàn bộ dung mạo của ông tràn đầy âm nhạc; cũng như tôi cảm thấy rằng thơ và văn xuôi của ông tràn đầy tính nhạc, bởi vì tất cả nhân cách của ông là nhạc.

Tất cả thuộc các nguồn thơ ca khác nhau nhất đều không thể đứng vững trước vẻ quyến rũ của nhân cách Blôc. — về điều này chúng ta biết được qua nhiều chứng cớ, điều này tôi đã thấy ở Gorki, người đồng thời lớn tuổi của Blôc, người với niềm thán phục đã nói về sự cao thượng của Blôc.

Blôc đã để lại cho chúng ta, như di sản của lịch sử, làm bài học sống đời, tấn bi kịch của mình, nỗi buồn của trái tim mình và cùng với cái đó — niềm hân hoan tinh thần của mình, niềm hăng say của mình, được ghi lại trong trường ca và các bài thơ thời kỳ đầu của tháng Mười.

Điều mà cả xã hội nhận thức thấy trong những ngày mất mát bấy giờ đã được một trong những người bạn đường của ông, người bạn kỳ cựu của ông là Anđrây Belưi, thể hiện ra một cách thật đơn giản : « ... trong vòm

sao (Puskin, Nekraxốp, Fét, Baratưnxki, Tsutsép, Giu-kôpxki, Đergiavin, Lermôntốp) ngời sáng lên tên tuổi: Alekxanđr Blôc... »

Bằng những lời lẽ khác: thơ ca vĩ đại của chúng ta đã được bổ sung thêm một nhà thơ vĩ đại mới.

Điều này đã được khẳng định bởi những thập kỷ gần đây. Điều này hoàn toàn được khẳng định bởi thời đại của chúng ta, khi sách của Alekxanđr Blôc đang tiếp tục được ấn hành hàng trăm nghìn bản, khi trong những ngày kỷ niệm về ông, quần chúng nhân dân trẩy về nghe nói chuyện về ông và khi bản thân tên tuổi ông chúng ta gọi thêm hình dung từ « nhân dân ».

Đó là niềm hạnh phúc thực sự của thơ ca của ta, văn học của ta, của « thế hệ trẻ » những người xô viết của ta đã được giầu lên bởi học thức và văn hóa.

1956

Trích Konxt. Fêdin toàn tập tác phẩm gồm chín tập. TIX. NXB Văn học M. 1962.

M. GORKI

XERGÂY EXÊNHIN

(1895 - 1925)

Năm linh bảy hay linh tám, trên đảo Capri, Xtêfan Jêrômxki có kể cho tôi và nhà văn Bungari Petkô Têđorôp câu chuyện một cậu thiếu niên nông dân người vùng Jumuđina hay Mazua gì đấy tình cờ đến Krakôp và bị lạc trong thành phố này. Cậu ta đi loanh quanh mãi trên các phố, không sao thoát ra ngoài để trở về với cánh đồng ruộng quen thuộc đối với cậu. Và cuối cùng cảm thấy rằng thành phố không chịu buông tha mình, cậu đã quỳ xuống đọc kinh cầu nguyện và đứng trên cầu nhảy xuống sông Vixla, hy vọng rằng dòng sông sẽ đưa mình trở về đồng ruộng. Người ta đã vớt được cậu bé lên, nhưng cậu đã chết vì những vết thương của cậu.

Câu chuyện đơn giản này đã sống lại trong ký ức của tôi với cái chết của Xergây Exênhin. Lần đầu tiên tôi gặp Exênhin là vào năm 1914, cùng với Klưnep. Trông anh như một cậu bé tuổi trạc 15, 17. Tóc quăn và vàng óng, mình mặc chiếc áo sơ mi Nga màu xanh nhạt khoác thêm chiếc áo choàng nhẹ, chân đi đôi ủng cao ống, anh khiến người ta nhớ đến những tấm bưu ảnh ngọt ngào của bà Xamôkis — Xukôvaya về những đứa trẻ con nhà đại quý tộc, đứa nào mặt cũng giống hệt như đứa nào. Ấy là một đêm hè oi bức, ba chúng tôi cũng đi dạo dọc

theo phố Baxâynaya, rồi đi lên cầu Xêmêonôpxki đứng nhìn xuống dòng nước đen xẫm chảy ở dưới cầu. Tôi không nhớ hôm ấy chúng tôi nói những gì, có lẽ nói về chiến tranh thì phải. Lúc bấy giờ chiến tranh đã bắt đầu. Tôi có ấn tượng mơ hồ rằng Exênhin là một cậu bé thùy mị và hơi ngơ ngác, đang cảm thấy mình bơ vơ lạc lõng trong cái thành Peterburg khổng lồ này.

Những cậu bé mặt mũi khôi ngô như vậy thường là những cậu bé sinh trưởng trong những thị trấn yên tĩnh như Kaluga, Oren, Riazan, Ximbiêc, Tambôp. Ở đấy ta thấy họ làm phụ việc trong các cửa hiệu, học nghề với các bác thợ mộc, múa hát trong các ban đồng ca ở tiệm rượu và nếu may mắn hơn thì cũng là con những nhà lái buôn nhỏ sống theo nếp « sùng đạo cổ truyền ».

Về sau, khi tôi đọc những câu thơ phóng khoáng, đậm đà, chân thành và tha thiết lạ lùng của anh, tôi thấy khó lòng có thể tin rằng tác giả chính là cậu bé có cách ăn mặc ngoạn mục một cách cố ý đã đứng cạnh tôi trên cầu Xêmêônốpxki đêm ấy, thỉnh thoảng lại xì nước bọt qua kẽ răng nhổ xuống dòng nước đen và dịu như nhung, đóng khung giữa hai bờ xây hoa cương ấy.

Sáu bảy năm sau tôi lại gặp Exênhin ở Berlin, trong nhà Alêcxây Tônxtôi. Cậu bé tóc quăn năm trước xinh như một thứ đồ chơi, bây giờ chỉ còn lại một đôi mắt rất trong trẻo, và chăng ngay cả đôi mắt ấy nay cũng dường như đã phôi pha đi dưới một thứ ánh nắng gì quá rực rỡ. Cái nhìn thẳng thốt của đôi mắt ấy lướt qua mặt những người khác với một thần sắc luôn luôn thay đổi, khi thì như thách thức và khinh bỉ, khi thì bỗng dưng lại có vẻ ngượng ngập, rụt rè và ngờ vực. Tôi có cảm giác là nói chung anh ta có khuynh hướng không thích gần gũi người khác. Và cũng có thể thấy rõ rằng anh hay uống rượu. Mi mắt anh sưng húp, lòng trắng

chạy những tia đo đỏ, nước dạ trên mặt và trên cổ mai mái, nhợt nhạt như nước da một người ít khi ra ngoài trời và ngủ không mấy khi yên giấc. Còn tay anh thì luôn luôn bứt rứt, cổ tay lỏng lẻo như cổ tay một người đánh trống ếch. Và nhìn chung cả con người anh đều lộ rõ vẻ thẳng thốt, lơ đãng, như một người vừa quên mất một điều gì rất quan trọng mà thậm chí cũng không nhớ được cho rõ là mình quên cái gì.

Cùng đi với Exênhin có Izađora Đăngcan và Kuxikôp — Cũng là một nhà thơ, — Exênhin giới thiệu anh ta như vậy, giọng nói khẽ và khàn khàn.

Kuxikôp là một chàng thanh niên ngang tàng. Bên cạnh Exênhin, tôi cảm thấy anh ta có vẻ thừa. Anh ta được vũ trang bằng một cây đàn ghi-ta — nhạc cụ ưa thích của mấy anh thợ cạo — nhưng hình như anh ta lại không biết đàn. Đăngcan thì tôi đã từng nhìn thấy trên sân khấu mấy năm trước cuộc gặp gỡ này, vào hồi các nhà phê bình còn coi cô ta như một kỳ quan, và một nhà báo đã viết « Tâm thân thiên tài của nàng thiêu đốt chúng ta bằng ngọn lửa của danh vọng ».

Nhưng tôi không ưa, không hiểu được những điệu nhảy rút ra từ lý trí và tôi không thấy thích thú khi nhìn người đàn bà này quay cuồng trên sân khấu. Tôi nhớ là thậm chí tôi còn thấy buồn nữa, tôi cứ có cảm giác là bà ta lạnh quá, vì ăn mặc hở hang như thế cho nên phải chạy thật dữ để cho ấm người lên, để trốn cái cảm giác lạnh lẽo.

Hôm ở nhà Tônxtôi bà ta cũng nhảy múa, sau khi đã ăn điểm tâm và uống vốt-ca. Điệu nhảy như thể miêu tả cuộc vật lộn giữa sức nặng của tuổi tác Đăngcan và tham vọng của thân thể bà ta, một cái thân thể đã được danh vọng và ái ân chiều chuộng quá đáng. Ở phía sau những

câu này không hề che giấu một ý gì xúc phạm đến người phụ nữ, nó chỉ muốn nói đến sự nguyền rủa của tuổi già.

Đứng tuổi, nặng nề, với một khuôn mặt đỏ lự và chẳng có gì là đẹp, quấn trong tấm váy áo màu gạch bà ta quay cuồng, uốn éo trong căn phòng chật chội, ép lên ngực một bó hoa xơ xác đã tàn, và trên khuôn mặt đẫy đà đọng lại một nụ cười chẳng có ý nghĩa gì hết.

Người đàn bà trứ danh này, đã từng được hàng ngàn nhà văn Mỹ ở châu Âu ca ngợi, hàng ngàn nhà phê bình am hiểu tinh vi nghệ thuật tạo hình khen nức nở, bên cạnh người thi sĩ diệu kỳ của vùng Riazan, bé nhỏ như một cậu thiếu niên mới lớn, quả là sự hiện thân hoàn hảo nhất của tất cả những cái gì mà nhà thơ ấy không hề cần đến. Ở đây tôi không có một chút định kiến nào, và cũng không phải là một ý gì tôi vừa mới nghĩ ra ngay trong khi viết mấy dòng này. Không, đây là ấn tượng của cái ngày đáng buồn mà tôi vừa nhìn người đàn bà ấy vừa nghĩ làm sao bà ta có thể cảm biết được ý nghĩ của những tiếng thở dài của nhà thơ:

Ôi, giá được mỉm cười trên đống rạ
Dùng miệng của vầng trăng nhai cọng rơm này.

Có ý nghĩa gì đối với bà ta những nụ cười chua chát:

Tôi đội chiếc mũ công tử này không phải vì phụ nữ
Lòng tôi không sống nổi trong ân ái ngu đần
Thà nén bớt nỗi buồn trong lòng tôi lại
Đem vàng kiều mạch cho con ngựa cái tôi ăn.

Exênhin nói chuyện với Đăngcan bằng cử chỉ, bằng cách huých đầu gối và khuỷu tay vào người nhau. Trong khi Đăngcan nhảy múa, Exênhin ngồi ở bàn uống bia và nhìn bà ta gườm gườm bên khóe mắt, mặt cau

lại. Có lẽ chính vào những phút ấy những từ ngữ xót thương đã tự xếp lại thành thơ trong tâm trí anh:

Họ đã yêu em đến sờn mòn
Họ đã chiều em đến nhàu nát...

Tôi có cảm giác là anh nhìn người bạn gái của mình như nhìn một cơn ác mộng đã quen từ lâu không còn kinh hãi nữa, nhưng vẫn nặng nề. Mấy lần thấy anh lắc mạnh cái đầu như một người hói khi thấy buồn buồn trên da đầu vì có một con ruồi đậu vào đấy.

Một lát sau Đăngcan mệt mỏi quỳ thụp xuống, nhìn vào mặt nhà thơ với một nụ cười uể oải, đờ đẫn như say rượu, Exênhin đặt bàn tay lên vai bà ta, nhưng lại quay ngoắt mặt đi. Và một lần nữa giờ đây tôi lại nghĩ thầm: phải chăng chính trong giây phút đó đã lóe lên trong lòng anh những lời thơ tuyệt vọng một cách tàn nhẫn mà thảm thiết:

Em nhìn gì với đôi tia xanh biếc ấy?
Hay em lại muốn ăn đòn?
...Em ơi, anh đang khóc
Tha thứ cho anh... tha thứ cho anh...

Người ta yêu cầu Exênhin đọc thơ. Anh vồn vã nhận lời, đứng dậy và bắt đầu đọc đoạn đối thoại của Khlôpusa [1]. Thoạt tiên những tiếng quát tháo bi tráng của người tù khổ sai nghe có vẻ hơi tuồng.

Lớp sương mù điên dại, ngông cuồng, đẫm máu kia!
Mi là cái chi? Phải chăng là cái chết?

1) Khlôpusa, một đồng chí của Pugatsôp trong cuộc khởi nghĩa của nông dân Nga ở đầu thế kỷ XVIII.

Nhưng chỉ một lát sau tôi đã thấy rõ rằng Exênhin đọc thơ có sức rung chuyển rất mạnh, và nghe anh đọc người ta thấy xót xa đến khóc lên được. Tôi không thể gọi cách đọc thơ đó là một cách đọc có nghệ thuật, tài tình, vân vân..., tất cả những định ngữ ấy không nói lên được một chút gì về tính chất của cách đọc. Giọng nhà thơ có một âm hưởng khàn khàn, hơi đanh, da diết, và cái âm hưởng đó làm cho những lời lẽ đanh thép của Khlôpusa có được một sức mạnh không gì sánh kịp. Lời yêu cầu của người tù khổ sai, được nhắc đi nhắc lại nhiều lần với những ngữ điệu khác nhau, vang lên một cách chân thành lạ lùng, với một sức mạnh đáng kinh ngạc.

Ta muốn gặp người ấy!

Và sự khiếp hãi cũng được diễn đạt tuyệt vời:

Người ấy đâu? Ở đâu? Có lẽ nào
Không hề có người ấy?

Thậm chí tôi thấy khó tin rằng con người bé nhỏ ấy lại có một sức cảm xúc lớn lao như vậy, một sức biểu hiện ưu việt như vậy. Trong khi đọc, Exênhin tái mặt đi đến nỗi hai tai cũng ngả sang màu xám. Anh vung tay không theo đúng nhịp điệu của câu thơ, nhưng chính phải thế mới được, vì nhịp điệu của thơ anh không sao nắm được, sức nặng của những từ ngữ như đẽo bằng đá của anh được phân phối một cách rất chênh lệch và rất bất kỳ, người ta có cảm giác là anh ném những từ ấy ra khi xa khi gần, từ thì ném ngay xuống chân, từ thì ném ra xa tắp, từ thì ném vào mặt một kẻ nào mà anh thù ghét. Và nói chung, toàn bộ từ cái giọng khàn khàn như vỡ ra từng lúc, những cử chỉ lửng lơ, đến cái thân hình lắc lư, đôi mắt cháy rực một ánh lửa buồn rười rượi — tất cả đều hoàn toàn phù hợp với khung cảnh bao quanh nhà thơ lúc bấy giờ.

Cách anh đọc câu hỏi của Pugatsốp — một câu hỏi được lặp lại ba lần — thật là tuyệt vời:

Anh điên rồi ư?

Lúc đầu hỏi rất to tiếng, giọng giận dữ, rồi sau đó hỏi khẽ hơn, nhưng lại khẩn thiết hơn nữa.

Anh điên rồi ư?

Và cuối cùng hỏi hết sức khẽ, trong một tiếng thì thầm tuyệt vọng:

Anh điên rồi ư?
Ai bảo với anh là quân ta đã bị tiêu diệt?

Câu hỏi:

Chả nhẽ dưới tàm hồn mình
Anh cũng quỳ chân như dưới gánh nặng?

anh đọc hay không thể tả được. Rồi sau một quãng im lặng ngắn, anh thở dài tuyệt vọng, như vĩnh biệt mọi người:

Các bạn yêu mến của tôi...
Anh em thân thiết...

Anh đã làm tôi xúc động nghẹn ngào, đến nỗi tôi muốn khóc nấc lên. Tôi còn nhớ là lúc bấy giờ tôi không khen anh được một câu nào. Vả chăng theo tôi anh cũng chẳng cần đến những lời khen ngợi.

Tôi yêu cầu anh đọc bài thơ nói về con chó mẹ bị người ta bắt mất bảy đứa con nhỏ đem trôi sông.

— Nếu anh chưa mệt...

— Tôi không bao giờ mệt vì thơ cả, — anh nói, rồi hỏi tôi như có ý ngờ vực:

— Anh thích bài con chó thật à?

Tôi nói với anh rằng theo ý tôi anh là người đầu tiên trong văn học Nga đã viết về loài vật một cách điêu luyện và với một tình thương yêu chân thành như vậy.

— Đúng tôi rất yêu loài vật, con gì cũng thế, — Exênhin nói khẽ, giọng trầm ngâm.

Khi tôi hỏi xem anh có biết cuốn *Thiên đường của loài vật* của Clôđen không, anh không đáp, chỉ đưa cả hai tay lên sờ sờ trên đầu rồi bắt đầu đọc *Bài ca về con chó*. Và khi anh đọc hai câu cuối cùng :

Mấy giọt nước mắt xót xa của con chó
Nhỏ xuống tuyết như những đốm *sao vàng.*

— thì mắt anh cũng rưng rưng.

Sau khi nghe những câu thơ ấy, tôi bất giác nghĩ rằng Xergây Exênhin không hẳn là một con người, mà là một thứ cơ quan của thiên nhiên được sáng tạo ra chỉ để làm thơ, để thể hiện « nỗi buồn vô tận của ruộng đồng » như X.N. Xergâyep Txenxki từng nói, thể hiện tình thương yêu đối với mọi sinh vật trên trái đất và sự từ bi, thương xót mà con người đáng được hưởng hơn tất cả mọi vật. Và người ta càng thấy một cách rõ rệt cái vô vị của Kuxikôp với cây đàn ghi-ta, của Đăngcan với điệu nhảy của bà ta, cái vô vị của thành Berlin, thành phố tẻ nhạt nhất của cái tỉnh Brandenbua tẻ nhạt, cái vô vị của tất cả những gì bao quanh nhà thơ tài năng độc đáo và thấm nhuần phong vị Nga một cách trọn vẹn ấy.

Exênhin bỗng tỏ vẻ chán ngán và bứt rứt thế nào ấy. Anh vỗ vỗ lên lưng Đăngcan — có lẽ trước kia anh vẫn vuốt ve các cô gái Riazan theo lối đó — rồi bảo với mọi người :

— Ta đến chỗ nào ồn ào một chút đi.

Bạn bè quyết định đến Luna-Pac chơi hết buổi tối.

Trong khi chúng tôi mặc áo ở phòng ngoài, Đăngcan lần lượt ôm hôn các bạn trai.

— Người Nga tốt lắm — bà ta nói bằng một thứ tiếng Nga trọ trẹ, giọng cảm động. — Ồ! Không ở đâu có người như thế...

Exênhin giả vờ ghen một cách vụng về, lấy lòng bàn tay vả bồm bộp vào lưng bà ta, quát:

— Không được hôn người lạ!

Tôi bất giác nghĩ rằng anh nói ra câu ấy chỉ để có dịp gọi những người xung quanh là người lạ.

***

Cái cảnh tráng lệ trơ trẽn của Luna-Pac làm cho Exênhin linh hoạt lên. Anh vừa cười vừa chạy đi xem hết « kỳ quan » này đến « kỳ quan » khác, xem mấy ông người Đức bệ vệ tiêu khiển bằng cách cố ném bóng vào mồm một cái mặt cỗ quái bằng bìa, hay cố trèo lên một cái thang luôn đung đưa, để rồi rơi phịch xuống một cái sàn nhấp nhô như sóng. Trong công viên có vô số những trò giải trí ngây ngô như vậy, đèn hoa thắp sáng trưng, và đâu đâu cũng nghe những điệu nhạc Đức thật thà chân chỉ cử lên không ngớt, loại nhạc có thể gọi là « dành cho các ông bụng phệ »:

— Họ xây dựng được nhiều thật, nhưng không nghĩ ra được một cái gì đặc biệt hết, — Exênhin nhận xét, rồi lập tức nói thêm — Tôi không có ý muốn chửi họ đâu.

Sau đó, anh lại vội vàng nhận xét rằng chữ « chửi » hay hơn chữ « mạt sát »:

— Những chữ ngắn bao giờ cũng hay hơn những chữ đa âm — anh nói.

Cái vẻ vội vàng của Exênhin trong khi đi xem các trò giải trí trong công viên là một dấu hiệu rất khả nghi, nó khiến người ta nghĩ rằng con người ấy muốn xem cho hết đi để rồi quên cho thật chóng. Dừng lại trước một cái lán hình tròn trong đó có những cái gì xanh xanh đỏ đỏ đang quay tít và kêu vù vù, anh bỗng hỏi tôi một cách đột ngột và cũng vội vàng:

— Anh nghĩ thế nào — thơ của tôi có cần thiết không? Và nói chung, nghệ thuật, tức là thơ ấy, có cần không?

Câu hỏi này thật không thể nào hợp cảnh hơn: Luna-Pac chẳng cần có Sinler cũng vẫn sống vui nhộn như thường.

Nhưng Exênhin không đợi tôi trả lời câu hỏi ấy, anh rủ:

— Ta đi uống bia đi.

Trên cái vê-răng-đa rộng thênh thang của hiệu ăn, ngồi chật ních những khách hàng vui vẻ náo nhiệt, anh lại lộ vẻ chán chường, đâm ra lơ đãng và trái tính. Anh tỏ ý không hài lòng với cốc rượu vang.

— Chua lắm, mà lại có mùi khen khét như lòng cháy ấy. Anh hỏi xem có rượu vang đỏ không, rượu Pháp ấy.

Nhưng rượu vang đỏ anh cũng uống một cách miễn cưỡng, như đang làm tròn một bổn phận không thoái được. Trong khoảng ba phút anh nhìn đăm đăm về phía xa; ở đấy, rất cao giữa không trung, trên nền mây đen, một người đàn bà đang đi trên một sợi dây cáp căng qua một cái hồ nhỏ. Người đàn bà ấy sáng rực lên trong ánh pháo hoa. Những chiếc pháo thăng thiên bay vút trên đầu chị ta và dường như đuổi theo chị ta, rồi mất hút trong mây. Ánh pháo phản

chiếu rực rỡ trên mặt hồ. Quang cảnh ấy hầu như có thể coi là đẹp được, nhưng Exênhin làu bàu:

— Họ cứ cố làm cho thật giật gân... Tuy thế tôi vẫn thích xem xiếc. Còn anh thì sao?

Anh không có vẻ là một con người được nuông chiều quá mức, ưa làm ra vẻ thế này thế nọ. Không người ta có cảm giác là anh có đi vào cái chốn vui chơi thô kệch này cũng chỉ vì bổn phận, vì muốn cho « phải đạo », như những người không tin Chúa mà vẫn vào nhà thờ. Anh đến đấy và nóng lòng mong sao cho chóng xong buổi lễ, một buổi lễ không hề làm cho tâm hồn anh mảy may rung động vì nó tôn thờ một Thượng đế hoàn toàn xa lạ đối với anh.

Hoàng Minh dịch

Trích : M. Gorki Về văn học
NXB Nhà văn xô viết, Matxcơva, 1953

I. XÔKÔLỐP - MIKITỐP

MỘT NĂM Ở BERLIN
(ALÊKXÂY TÔNXTÔI, 1883 - 1945)

Tôi còn nhớ cái đình cơ làng quê hẻo lánh, những ngày tháng bảy oi nồng. Thoảng mùi cỏ khô, những con ếch, con chẫu chuộc kêu inh ỏi dưới đầm nước cối xay bột quen thân từ ấu thơ. Bao trùm trên làng quê là cái im ắng ban trưa, chỉ có tiếng hót lảnh lót của bầy sa yến kinh động. Những con chim én chốc chốc lại chao cánh ghé vào rỉ rách dưới hàng hiên.

Tôi nằm dưới gốc táo tay cầm sách đọc. Điều tôi đọc được dường như hòa với cảnh vật chung quanh. Trên cuốn sách nhỏ là cái tên chưa quen biết của một nhà văn, bá tước A.N. Tônxtôi. Tôi đã mua cuốn sách nhỏ này ở ga xe lửa thành phố trên đường từ trường chuyên nghiệp về làng nghỉ hè. Cuốn sách nhỏ này đã làm tôi xúc động, hân hoan bởi một điều gì đó. Bởi nét tươi tắn và trong sáng của ngôn ngữ, những điều ngay lúc bấy giờ tôi cũng đã cảm thụ và am hiểu, bởi sự miêu tả một cách xúc động những con người chút ít kỳ quặc hay sự miêu tả thiên nhiên vùng lân cận sông Vônga tôi không quen biết chăng? Khó trả lời được câu hỏi này. Mà cũng phải nói, khó trả lời cho được, tại sao ta thích thú hay không thích thú nhà văn này hay nhà văn kia. Có thể, để làm được việc đó cần có sự giống nhau

giữa các tâm hồn, sự phù hợp các thị hiếu? Thường là chúng ta để sang bên cuốn sách thời thượng đọc dở dang, trong đó dường như mọi cái đều được phối hợp trơn tru, và trở lại với một truyện dài hay một truyện ngắn đã đọc rồi mà ta yêu thích.

Bấy giờ là thời buổi nhộn nhạo. Những đám mây đen của cách mạng năm linh năm còn treo lơ lửng bên trên thành phố và làng quê, còn rền vang tiếng sấm xa xăm của nó. Đôi chỗ đám thanh niên sục sôi, đây đó nổ ra các làn sóng bất bình, những cuộc đình công của công nhân và bãi khóa của sinh viên, ở nông thôn thỉnh thoảng các dinh cơ địa chủ lại bùng cháy.

Hoảng sợ những chuyện khủng khiếp của cách mạng, con cháu các hạng quý tộc hoang toàng đem phá hoại sạch những điền trang tổ phụ đã cầm cố, bỏ ra trốn tránh ở ngoài thành phố, ngao du khắp nhà an dưỡng trong và ngoài nước. Ăn mừng những món lãi béo bở, tên phú nông tinh ma đã mua được những cái tổ quý tộc kỳ cựu với cái giá rẻ mạt trả cho đồ bỏ đi, xoa tay hoan hỉ.

Giới thanh niên nhạy cảm đôi khi hùa về các thái cực. Lẽ tự nhiên nảy sinh ra các trào lưu tập họp các thứ nhóm đủ loại đủ kiểu. Người ta tranh cãi về chủ nghĩa tượng trưng và về những người theo chủ nghĩa suy đồi, về cuộc sống ở thế giới bên kia và về cách mạng, về Chúa Giêxu và về những người theo chủ nghĩa Tònxtòi. Nhiều kẻ đâm ra rượu chè một cách u sầu ủ rũ và bét nhè.

Trong văn học Nga những năm ấy các hiện tượng cuộc sống được phản ánh một cách bệnh hoạn. Xuất hiện các nhà thơ và các nhà văn, công khai khinh miệt lương tâm và sự thuần khiết trinh bạch. Các nhà văn ấy lên tiếng bằng một ngôn ngữ khó hiểu, tuyên bố mình là

các thiên tài, xấc xược so sánh mình với vầng dương, với các vì tinh tú. Một số các nhà thơ thời thượng thì vờ vĩnh là những ông hoàng, những người bản tính đa cảm, chui vào các tháp ngà bất khả xâm phạm. Thực chất đó là những con người no đủ, may mắn và thiết thực, trơ tráo ca ngợi chủ nghĩa ăn bám.

Đương nhiên là không phải tất cả các nhà văn đều rơi vào ảnh hưởng thối rữa của sự suy tàn. A. M. Gorki đứng vững trên những bậc thang chắc chắn. Bunhin đi theo con đường không dễ dàng của mình. Kuprin viết về những con người hiền hậu và bình dị.

Chính trong thời gian nhộn nhạo, đau ốm này xuất hiện những cuốn sách của nhà văn xuân trẻ và tươi tắn, miêu tả cuộc sống của giới quý tộc đang tàn tạ quanh vùng sông Vônga. Những cuốn sách được viết bằng một ngôn ngữ trong sáng và tinh khiết của nhà văn trẻ ấy đã thu được thành công to lớn.

Tên tuổi của nhà văn bước một cách thành đạt vào nền văn học lớn, chính là Alêkxây Tônxtội.

* * *

Lần đầu t[illegible] chúng tôi gặp nhau vào mùa đông năm hai mươi mốt. Alêkxây Nikôlaiêvits Tônxtôi vừa từ Pari chuyển về ở Berlin cho gần nước Nga hơn. Sau những bước phiêu bạt trên biển kéo dài, lần trở về tổ quốc, tôi cũng đã có mặt ở Berlin.

Vào cái năm đáng ghi nhớ ấy với người xa về thì Berlin sau chiến tranh có thể tưởng như cửa ngõ của nước Nga. Trên các phố xá nghe thấy tiếng nói Nga.

Các nhà xuất bản Nga dưới những cái tên khác nhau theo nhau mọc ra. Sách được in ra, báo và tạp chí xuất hiện, các tờ thông báo văn học, các hội đồng hương và các nhóm văn học ra đời. Như nấm mọc lên sau trận mưa ấm áp, các cửa hiệu sách báo Nga cũng theo nhau lớn lên. Các nhà văn và các họa sĩ, các nhà bác học và các nhà báo đủ các quan điểm, các ý nghĩa, thị hiếu và nhỡn quan chính trị khác nhau nhất, đôi khi thay đổi nhanh như chớp, từ phương Tây và phương Đông kéo đến đây. Các nhà văn bấy giờ sống trong các nhà trọ đầy dẫy và các nhà riêng của các gia đình Đức, các họa sĩ nương náu trên các căn gác áp mái.

Ở nước Nga xa xôi vừa tắt lụi ánh lửa của cuộc nội chiến, cuộc sống mới đang được xây dựng. Nhiều người từ đó tới, họ mang theo những tin tức xấu và tốt, trái ngược nhau. Các cửa hiệu sách chất đầy những cuốn sách Nga, được in ra với một tốc độ chóng vánh không thể hiểu được. Các tên tuổi văn học vội vã xuất hiện và cũng vội vã như vậy tắt ngấm. Ilia Erenburg, tên tuổi ồn ào bởi cuốn tiểu thuyết *Huliô Hurenitô* rời Pari tới đây. Marina Txvetaeva đang ở thăm Berlin. Anđrây Belưi đăng đàn tại các cuộc hội họp văn học, điên cuồng đọc các câu thơ về « bản năng bốc cháy ».

Alêcxây Tônxtôi giữ một vị trí đặc biệt trong số các nhà văn Nga, do số phận cuộc đời, đã có mặt ở Berlin bị « Nga hóa » vào cái năm ấy. Có lẽ trong các nhà văn, một mình ông hiểu được và cảm biết được nước Nga gốc rễ, không phải do tưởng tượng ra; chỉ có mình ông nắm được một cách hoàn hảo, như Puskin, ngôn ngữ Nga trong sáng.

***

Tại Berlin tôi đã được Alêkxây Mikhailôvits Remidốp, vừa ở Nga sang, giới thiệu với Alêkxây Tônxtôi. Tôi còn nhớ là Tônxtôi bấy giờ kể chuyện gì đó buồn cười, nhấp nháy mắt, bằng cử chỉ quen thuộc hai tay đưa vuốt gương mặt mềm mại, râu ria cạo nhẵn. Ông hút cái tẩu thuốc Ănglê đắt tiền, nhồi đầy thứ thuốc lá Kepxten thơm tho.

Ở ông toát ra nét gì đó quý phái, rất Nga, hơi tài tử một chút. Và ông kể chuyện như nghệ sĩ, thích bông đùa, là một người kể chuyện có một không hai, bịa ra tức khắc những giai thoại và chuyện cười, với bộ dạng nghiêm trang nhất, ngay khi có mặt các bà các cô, đôi khi cũng nói cả những từ ngữ đàn ông, khó nghe. Từ bản thân ông dường như toát ra cái tài năng, cái khả năng nghệ sĩ của ông. Ông viết một cách dễ dàng, thường xuyên hàng ngày, bao giờ cũng vào các buổi sáng, đánh máy chữ hai ba trang giấy (về khả năng lao động cao của mình ông thường nửa bông đùa nửa nghiêm chỉnh nói là sở dĩ ông có được là nhờ ở cha ông, dòng dõi xa xưa là người Thụy Điển).

Ở Berlin chúng tôi thường gặp nhau luôn, gần như hàng ngày. Gia đình Tônxtôi ở trên đường phố lớn, đông đúc và quý phái, trong một nhà trọ đầy đủ tiện nghi, gồm ba phòng. Như thường lệ, họ sống một cách hào phóng và cởi mở. Chen chúc bên gia đình Tônxtôi là những con người đủ loại. Tônxtôi bấy giờ đang viết cuốn *Thời thơ ấu của Nikita*. Tôi đánh bạn với đứa con trai nhỏ của Tônxtôi — chú bé Nikita, một chú bé dịu dàng và xinh xắn với cặp mắt tư lự. Cùng với bé Nikita chúng tôi tới thăm Zoo — vườn bách thú Berlin — xem thú vật và chim, những con voi Ấn Độ và những con gà sống Nhật Bản với những cái đuôi dài như thần thoại.

Tối tối, đôi khi chúng tôi lại tụ họp ở chỗ A. X. Iasenkô, chủ bút tờ *Sách mới của Nga* — Tạp chí văn học bình luận do nhà xuất bản Nga nổi tiếng Lađưgiơnhikốp ấn hành. Ông Iasenkô hảo tâm và cả tin in các bài bình luận và điểm sách vừa ra, thu tập các tin tức, đôi khi huyễn hoặc, về cuộc sống văn học ở Nga, phụ trách phần đăng tiểu sử các nhà văn Nga trong tạp chí.

Năm hai mươi hai, Gorki từ Nga sang Berlin. Tônxtôi đưa tôi đến gặp Gorki, lúc đó đến ở trên phố Kurfưurxtenđam. Mỉm cười trong chòm ria, cái nụ cười hết sức Gorki, Alêkxây Makximôvits kể cho chúng tôi nghe về nước Nga, về thành phố, về những người mugích, về các nhà văn trẻ xô viết, về những người nhóm Xerapiôr[1], đặc biệt tách riêng anh Vxêvôlôt Ivanôp người Xibiri ở trong số ấy ra. Buổi tối chúng tôi ngồi quanh một bàn lớn bầy biện đầy món ăn. Tôi không thể nhớ hết khách khứa đông đúc đã đến họp mặt quanh bữa tiệc náo nhiệt đón Gorki.

Cũng vào năm hai mươi hai ấy Xergây Exênhin từ Matxcơva bay tới Berlin. Exênhin và Izađora Đăngcan, một người đàn bà lúc đó đã không còn trẻ, nhưng vẫn trẻ trung, có mái tóc như nhuộm mầu đỏ thuốc lá, được đón chào ở « Nhà nghệ thuật » — một tiệm càfê Đức hạng hai, thường vẫn vắng khách. Lần này tiệm chậtních không còn chỗ trống. Người đủ các thị hiếu và đủ mầu sắc chính trị tập họp tại đây. Tôi ngồi cùng bàn với vợ chồng Tônxtôi. Sự xuất hiện của Exênhin, đi thẳng

---

1) Nhóm văn học xuất hiện vào đầu năm 1921 ở Pêtrôgrát trực thuộc nhà xuất bản « Văn học thế giới », nhiều người trong nhóm này theo học các lớp chuyên đề của V. Sklôvxki, E. Zamiatin. Thành viên trong nhóm này có VX. Ivanôp, M. Xlônhimxki, M. Zôsenkô, V. Kavérin, K. Fêđin v.v... Nhiều người sau này trở thành các nhà văn lớn.

từ sân bay tới (anh mặc bộ complê rẻ tiền Matxcơva và đi giày mõm nhái vải bố), được đón tiếp bằng những tràng vỗ tay ầm ĩ. Có người nào đó cất tiếng hát *Quốc tế ca*. Bọn ma cà bông của tờ báo quân chủ *Tay lái* đáp lại bằng những tiếng huýt sáo. Bên cạnh Exênhin, đóng vai bảo vệ, xuất hiện nhà thơ theo chủ nghĩa tượng trưng Kuxikốp mặt thoa phấn và môi bôi son, bấy nay vẫn sống ở Berlin. Exênhin leo lên đứng trên cái bàn mặt đá cẩm thạch và bắt đầu đọc thơ, việc này làm cho bọn phục vụ người Đức phát điên lên. Trên gương mặt bị kích động cao độ, không được khỏe của Exênhin thấy rõ vẻ tuyệt vọng. Tay cầm súng ngắn, dường như bảo vệ Exênhin, Kuxikốp mặt thoa phấn, mặc áo tserkexka vùng Kapkajơ, đứng bên cạnh với điệu bộ sân khấu.

Mấy ngày sau tôi thấy lại Exênhin ở nhà vợ chồng Tônxtôi. Anh đã đọc *Pugatsốp* với một diễn cảm mãnh liệt. Buổi tối đáng ghi nhớ này Gorki đã miêu tả một cách rất chân thật và rõ ràng trong các hồi ức của mình.

* * *

Trước khi trở về nước Nga, tôi đến chơi gia đình Tônxtôi ở Mixtrôi, một thị trấn nghỉ mát nhỏ của Đức. Tônxtôi đang viết *Aelita*. Ban ngày chúng tôi tắm biển, làm quen với dân đánh cá Đức, trò chuyện về nước Nga. Tôi vẫn thư từ với bà con thân thuộc sống ở vùng quê Xmôlenxkơ xa xôi hẻo lánh. Gorki bấy giờ sống ở thị trấn làng chài miền bắc Kheringxđrofơ, cách Mixtrôi không bao xa.

Cũng mùa hè năm ấy tôi trở về nước Nga. Gia đình Tônxtôi đưa tiễn tôi. Con tàu nhỏ « Slezien » sạch bong

của Đức đưa tôi về thành Pêtrôgrát bấy giờ còn hoang tàn và nghèo khó. Mấy ngày sau tôi về cái làng nhỏ vùng Xmôlenxcơ thân thuộc. Cuộc sống thôn dã quen thân từ bé thơ chào đón và vây quanh tôi.

Một năm sau gia đình Tônxtôi cũng trở về nước Nga. Chúng tôi gặp lại nhau ở Pêtrôgrát, tại phố Giơđanôpcơ trong căn nhà của Tônxtôi, trước đây thuộc sở hữu của giáo sư Iasenkô, người bạn ở Berlin của chúng tôi, chủ bút *Sách mới của nước Nga*. Tôi nhớ, Tônxtôi đã đọc cho nghe truyện ngắn *Những thành phố màu xanh lam*, tác phẩm đầu tiên ông viết ở nước Nga xô viết. Ở đây, ở nước Nga, bắt đầu một cuộc đời mới của Tônxtôi, kết thúc bằng sự kính trọng của mọi người đối với ông và thành công đích đáng.

1963

Trích : I. Xôkôlôp — Mikitôp, tuyển tác phẩm gồm 2 tập. T. 2. NXB « Văn học », Matxcơva 1972.

EPG. ĐÔNMATÔPXKI

NHÀ LÃNG MẠN CỦA CÁCH MẠNG
(EĐUARĐ BAGRITXKI, 1895 - 1934)

Hóa ra, Eđuarđ Bagritxki là người cùng lứa tuổi với Xergây Exênhin! Tiếp theo ngày kỷ niệm nhà thơ trữ tình xô viết vĩ đại chúng ta lại tổ chức kỷ niệm 80 năm ngày sinh của nhà thơ mà ngay thuở bình sinh của ông, đã được người ta tôn là nhà lãng mạn của cách mạng.

Ông đã qua đời, không sống được đến tuổi bốn mươi, để lại cho bạn đọc chỉ vẻn vẹn có ba cuốn sách, về khối lượng không lấy gì làm lớn (*Miền Tây Nam, Những người chiến thắng, Đêm cuối cùng*), còn cho các nhà nghiên cứu văn học — cả một núi những bài thơ ông không muốn đưa vào các tập sách. Có thể, ông đã xử sự đúng về phần mình, nhưng việc công bố các bài thơ này trong tập tuyển cơ bản *Tủ sách nhà thơ* tuyệt nhiên không lay chuyển danh giá của nhà nghệ sĩ bậc thầy.

Hình tượng lãng mạn của cách mạng, được nhà thơ miêu tả một cách say mê và hào hứng đã được mấy thế hệ bạn đọc tiếp nhận. Có lẽ, hình tượng ấy gây ấn tượng là bởi vì nhà thơ đã hiểu một cách tỉnh táo tất cả sự phức tạp và khó khăn của công cuộc xây dựng xã hội mới, chân thành đến cực độ và với một sự chính xác lạ kỳ, tái hiện lại thời đại trong thơ.

Thơ của Bagritxki nổi tiếng rộng rãi vào cuối những năm 20 — đầu những năm 30 một cách xứng đáng và đã có ảnh hưởng rõ rệt đối với những người cùng thời. Những Xvetlôp và Lugôpxkôi, Prôkôfiep và Utkin lúc đó đã là những nhà thơ hoàn toàn độc lập (họ trẻ hơn Bagritxki một chút) đã tìm thấy ở Bagritxki điều gì đó để học hỏi được, chưa nói đến các nhà thơ thuộc thế hệ tiếp theo lúc đó mới bắt đầu viết (hôm nay đã là lứa tuổi sáu mươi). Bagritxki bao giờ cũng đã là người thầy, văn học không hề biết ông là nhà thơ trẻ. Tuy nhiên, các tài liệu công bố sau khi ông đã qua đời và các hồi ký đã hé cho mọi người thấy thời xuân trẻ Ôđetxa của ông. Hóa ra là các tác phẩm đầu tay của ông phản ánh một cách cực kỳ lý thú thời đại đông tố của sự ra đời và trưởng thành của thế giới mới và, là một tài liệu đầy gợi cảm của con người, cũng là một sự kiện đáng kể của văn học. Vấn đề không ở chỗ ông đã giữ vị trí nào trong văn học và giữ được và khẳng định được đến mức nào vị trí ấy, qua bốn thập kỷ sau khi ông sớm qua đời.

Hiển nhiên, Bagritxki là người sáng lập và đứng đầu trường phái lãng mạn trong thơ xô-viết chúng ta. Trước nhiều người cùng thời, ông đã hiểu rõ cách thức cách tân của Maiakôpxki, còn bản thân ông vẫn giữ nguyên là một nhà thơ dường như truyền thống. Nhưng sự khẳng định một số truyền thống khác trong bối cảnh cụ thể có thể lại là sự cách tân. Chính ở Eđuarđ Bagritxki đã là như vậy. Tôi không muốn đơn giản và lý tưởng hóa con đường của nhà thơ, nhưng tôi thấy chính cuộc đời và sáng tác của Bagritxki bác bỏ cái điều khẳng định đã được lưu truyền suốt bao năm dài khắp các trang nghiên cứu và các bài bình luận là hình như Bagritxki

đã đi đến với cách mạng một cách chật vật. Không có gì phải tranh cãi chuyện hồi niên thiếu ông đã từng theo cái thi pháp có thể gọi là chủ nghĩa suy đồi. Nhưng thi pháp ấy len lỏi vào tài liệu ngôn từ của cả một số người làm thơ hôm nay của chúng ta, vậy mà vì sao họ vẫn hoàn toàn không trở thành các nhà thơ tư sản. Trong cuộc Nội chiến, Bagritxki là cán bộ chính trị và đã khoác lên vai của nàng thơ — bấy giờ cũng khá là kỳ dị — tấm áo choàng anh lính Hồng quân. Những nhà văn thuộc tổ chức Rapp, ngày nay hoàn toàn đã bị quên lãng, gọi ông là «người bạn đường», nhưng đứng trên đỉnh năm tháng mà nhìn thì những kỳ vọng của họ chỉ đáng buồn cười. Phải chi nhà thơ có sức khỏe vững chãi hơn và tính tình cứng rắn hơn, ông hẳn còn phải cân nhắc chán xem có chọn những nhà mô phạm chán ngắt ấy làm những bạn đường của mình hay không kia. Bởi vì chính ông chứ không phải ai khác đã mang trong sắc cốt hành quân từ cuộc Nội chiến về những dòng thơ:

Công xã của thế giới!
Chúng tôi đây mãi mãi của người!
Muôn muôn năm bầy rợ tươi vui...
Chúng ta nhất tề
xoay dòng sông chảy,
Chúng ta nghiêm trang
dựng những thành phố mới!

Đó là trích trong bài thơ *Ukraina*. Sau này, đi qua sách của nhiều nhà thơ khác, những câu thơ tương tự trở thành khuôn sáo. Còn Bagritxki là người đầu tiên mang chúng về, người đầu tiên nói lên, ngó nhìn xa về tương lai. Nhưng đoạn thơ trứ danh về sự bất tử của các hiệp sĩ

của cách mạng («Những con ngựa chiến mang chúng ta đi, chúng giết chúng ta trên quảng trường lớn») có những tiền bối trong thơ năm 1923:

Chúng bắn vào chúng tôi —
Nhưng chẳng bắn đến nơi;
Chúng tôi bị đánh đập —
Đánh không xuể chúng tôi!

Rồi khi ấy ông đã viết những dòng thơ như thế nào kia chứ về Blôc, lắng nghe «Những loạt đạn xa xôi của những khẩu đại bác Krônstat phát hỏa», về trận chiến đấu Perekốp... Trường ca về Tháng Mười (*Giải phóng*), bắt đầu viết từ năm 1921, còn được truyền đến tay chúng ta một số đoạn... Vào năm 1922 đói, trong những câu thơ về vụ mùa mong ước, ông đã so sánh những bông lúa với những người chiến sĩ, xếp thành đội ngũ. Trong những bài thơ thời kỳ đầu đã có tất cả những gì sau này tạo nên niềm vinh quang của Eduard Bagritxki. Đây là những dòng thơ ông sáng tác năm hai mươi:

Và chúng tôi đứng dăng hàng tản mạn —
Các nhà thơ, dân đánh cá
và săn chim —
Và thế giới già,
ngật ngưỡng, dựng bờm,
Xông đến chúng tôi
Thế là một người trong bọn —
Vai rộng,
tóc vàng và kiên dũng —
Rút lưỡi dao găm tự ống giầy
Và, hai chân anh thủ thế
xoạc dài,
Chờ đợi con thú hầm hè,
điên dại.

Các nhà thơ, dân đánh cá và bắt chim — chúng ta còn gặp lại họ trong cả những dòng thơ cuối cùng của nhà thơ.

Như mỗi nhà thơ lớn, Bagritxki là một người viết sử biên niên. Ông đã kể cho chúng ta với một sức mạnh lớn lao về sự hình thành xã hội xô viết, thơ của ông truyền cho người đọc lòng yêu mến đối với Tổ quốc Xô viết, nó tràn đầy chủ nghĩa lạc quan nghiêm khắc. Chúng ta còn phải đi sâu vào chiều sâu sáng tác của ông, tìm ra những hạt kim cương cực rắn ngay cả ở những khu vực tưởng như đã đào bới rồi.

Trường ca *Cái chết của em đội viên gái*, được đưa vào chương trình nhà trường phổ thông ngày nay đã trở thành tác phẩm nổi tiếng nhất của Bagritxki, mặc dù đó cũng không hoàn toàn công bằng, chẳng hạn đối với, *Khúc bi ca về Opanax*, bản trường ca ít được nhắc đến và hầu như không được tái bản.

Khúc bi ca... cực kỳ thảm. Nó nói về cái điều luôn luôn làm xúc động Bagritxki, — về sự sụp đổ của những ảo tưởng, hồ như trong thời đại cách mạng ai đó có thể ẩn nấp, giấu kín cái đầu mình, tìm ra yên tĩnh, khai thác từ những hoạn nạn của đất nước ra mối lợi lộc riêng tư. Có hai phe, không thể có lập trường đứng giữa — lập trường đứng giữa nhất thiết sẽ dẫn tới phe của kẻ thù. Bagritxki giúp cho độc giả hiểu và tiếp nhận cái chân lý khắc nghiệt này, cái sự thật cách mạng cao cả này.

Thời trai trẻ tôi có may mắn được gặp Bagritxki. Bấy giờ ông biên tập cuốn sách đầu tiên của tôi. Bây giờ, khi trong xã hội chúng ta đã khẳng định hình ảnh người thầy của thanh niên, có thể nói rằng nhà thơ Bragritxki quả thực đã là một người thầy, một trong những người thầy đầu tiên. Về phương diện văn học, thế hệ các nhà

thơ các kế hoạch năm năm đầu tiên, hiển nhiên là, trong mức độ không nhỏ, đã hình thành nhờ ở ông.

Các bài học của Bagritxki liên quan đến cả nghề nghiệp, cả tài nghệ, cả lòng dũng cảm trong các tìm tòi. Thơ của ông bao giờ cũng rất riêng tư, và mặc dù ông hầu như không để lại cho chúng ta những bài ca tình yêu, chúng ta vững tin gọi ông là nhà trữ tình. Ông đã biết liên kết trữ tình và chính luận làm một, ông tiếp nhận và dạy những người khác tiếp nhận cuộc đấu tranh vì Cách mạng như một sự nghiệp riêng tư nhất. Các cuốn sách của ông chứa đầy các hình tượng anh hùng, và khó có thể tin được rằng bản hùng ca ca ngợi lòng dũng cảm lại được sáng tạo nên bởi một người bị hen xuyễn mãn tính ép mình vào chiếc ghế đi văng, vào góc buồng. Kính tiềm vọng tài năng của ông có độ bao quát rộng, vì thế mà « cái bàn... mở rộng ra, như cả đất nước », vì thế mà ông nghe thấu tiếng hót của chim chóc và thậm chí cả tiếng đàn cá di chuyển. Ông đã sống như người anh em, người đồng chí của Nhikôlai Ôxtrôpxki. Cả hai số phận bi kịch này đã có thể trở nên hạnh phúc chỉ ở trong các điều kiện của thế giới mới, « mở rộng toang cho cơn phát khùng của muôn ngọn gió ».

Bagritxki đã đóng một vai trò không nhỏ trong việc hình thành trường phái dịch thuật xô viết, trong phương châm giao tiếp của thơ ca nhiều ngôn ngữ của liên bang chúng ta và của thế giới. Tất nhiên, dành cho những say mê thời trẻ, ông đã dịch Rôngxa và Rembô. Tuy vậy trong thơ Mỹ ông lại chọn Giô Hin, thơ Thổ Nhĩ Kỳ ông đã dịch Nadim Hikmét », trong thơ Anh, ông kính trọng Rôbe Bơcx hơn cả.

Nhưng, còn những người xô viết cùng thời? Ianka Kupala và các nhà thơ trẻ thời ấy — Mikôla Bagian,

Vladimir Xoxuyara... Ở ông có một linh cảm nhạy bén, giờ đây tưởng chừng là tiên tri. Trong số những người bắt đầu viết chúng tôi, ông đã tìm ra và đặc biệt chú ý đến Muxa Đgialin đến Matxcơva học tập và dịch tặng thơ của Đgialin cho bạn đọc Nga.

Trong hoạt động dịch thuật của Bagritxki thể hiện một cách rõ ràng chủ nghĩa quốc tế của ông, sự trung thành của ông với khuynh hướng chiến đấu của thơ ca. Là nhà thơ phức tạp và mâu thuẫn, như mọi nhà thơ thực sự, Bagritxki nhất quán và có chí hướng, như chỉ có thể ở một nhà thơ lớn, được ủy nhiệm có mặt trong một thời kỳ vĩ đại, thời kỳ mà ông hãnh diện coi là của mình.

Trong sự phong phú các tài năng và các nhà nghệ sĩ, sáng tác của họ tạo thành tài sản tinh thần của chúng ta: để khẳng định các tiêu chuẩn cao cho cả hôm nay, cả những năm này, chúng ta vẫn chỉ thừa nhận một số nhà thơ xô viết là các nhà thơ cổ điển. Mở đầu danh sách ấy là tên tuổi Maiakôpxki, Blôc, Exênhin.

Trong danh sách sinh động và vinh dự này có cả Eđuarđ Bagritxki.

Trích : « Báo Văn học » số 45
ra ngày 5 tháng mười một năm 1975

ILIA ERENBURG

NGƯỜI ĐẤU TRANH CHO HẠNH PHÚC CỦA CHÚNG TA

(EXAẮC BABEN, 1894-1941)

Những truyện ngắn đầu tay còn chưa được chín lắm của Baben được in vào năm 1916. Chính Gorki đã phát hiện ra ông, lại đã tận tình theo dõi sáng tác của ông cho đến những ngày cuối cùng trong cuộc đời mình. Đối với bạn đọc đông đảo, Baben được biết muộn hơn, vào khoảng 1924, khi Maiacốpxki cho in trong tạp chí LEPH một số truyện ngắn của nhà văn trẻ. Sau đó *Đội kỵ binh* được xuất bản. Năm 1926, khi tôi làm quen với Baben, ông đã nếm trải mọi vui buồn của một người nổi tiếng và chỉ khiêm nhường ẩn mình tránh hết mọi sự tôn sùng quá đáng. *Đội kỵ binh* được dịch ra hai mươi thứ tiếng khác nhau, và Baben trở nên nổi tiếng không phải chỉ trong phạm vi Liên Xô. Năm 1928, trong thư gửi Gorki, R. Rôlăng có nhắc đến ông. Năm 1935, Baben là một trong những nhà văn Xô Viết tham dự hội nghị các nhà văn quốc tế họp ở Pari. Tôi còn nhớ rõ cả H. Bacbuyt, Henrich Man, G. R. Blốc, U. Phơrăng đều hồ hởi chào đón ông. Đối với bạn đọc trong ngoài nước ông trở thành một trong những nhà văn nổi tiếng nhất lúc bấy giờ. Baben viết không giống ai và không ai có thể viết giống ông. Ông luôn luôn viết về

những chuyện của mình theo cách của mình. Ông khác hẳn các nhà văn khác không chỉ ở cách viết khá đặc sắc mà còn ở cách cảm thụ thế giới.

Toàn bộ tác phẩm của ông là do cuộc sống đẻ ra. Ông chính là nhà văn hiện thực theo nghĩa đúng đắn nhất của chữ này. Mới đây tôi có trong tay nhật ký của ông viết năm 1920, thời gian mà Baben tham gia Quân đoàn kỵ binh số một. Trong cuốn sổ ghi chép bé nhỏ, nhà văn trẻ chỉ vội vã phác lại vài nét cảm nghĩ của mình về chiến tranh. Trong *Đội kỵ binh* có truyện ngắn *Ghêđali* kể về một ông già Do Thái thích triết lý. Một số độc giả có thể tưởng đây là một truyện hoàn toàn hư cấu, nhưng nhật ký đã cắt nghĩa rõ nguồn gốc của Ghêđali. Trong một truyện ngắn khác mang tên *Người phụ trách hậu cần*, thậm chí tên nhân vật vẫn được giữ nguyên. Nhật ký của Baben đề ngày 30/7/1920 ghi rõ: « Điacốp phụ trách hậu cần, một nhân vật kỳ cục quần đỏ có sọc vàng, thắt lưng nhiều đốt, hàng râu ngắn đã bạc, khoảng bốn mươi lăm tuổi... Vốn là một lực sĩ... Hay nói về ngựa ». Ba ngày sau « Điacốp vừa lại đây. Bàn bạc rất nhanh, con ngựa nào đáng mười lăm ngàn, con ngựa nào giá hai chục ngàn.. » Ngày nay chúng ta gọi lối tái hiện thực tế chính xác như thế là bút ký. Mặc dầu vậy, các truyện ngắn của Baben vẫn luôn gây ra cho chúng ta ngạc nhiên đôi khi dường như chúng tiếp giáp ngay với các truyện hoang đường. Tác giả của chúng có nhiều nhận xét riêng ngay ở chỗ những người khác bỏ qua. Ông lại biết nói với dọng riêng của ông khiến người đọc bỡ ngỡ. Có những nhà văn viết một cách bình thường về những điều khác thường. Có nhà văn khác lại lấy dọng khác thường để kể về những điều bình thường. Baben kể về những điều khác thường một cách cũng rất khác thường. Cuộc sống dài dặc của con người

trong đó cái kỳ lạ bị những chuyện tầm phào xen vào pha loãng như tinh dầu bị pha loãng bởi nước lã, và những chuyện bi thảm thì được những việc hàng ngày xen vào làm cho đỡ gay gắt phần nào... tất cả những cái ấy được Baben chỉ ra một cách ngắn gọn và hết sức xúc động. Trong các thể loại văn học, ông yêu truyện ngắn hơn hết. Dường như ông biết dùng một ngọn đèn chiếu sáng đặc biệt soi dọi vào một giờ, thậm chí một phút nào đó của con người. Ông biết chọn cho mình những tình thế trong đó con người như bị lột trần. Có lẽ chính bởi vậy người ta thấy đề tài tình yêu và cái chết lặp đi lặp lại trong các tập sách của ông khá đậm nét. Rất nghiêm khắc với mình, ông thường viết khá chậm. Toàn bộ di cảo ông để lại chỉ có hai tập truyện ngắn và hai vở kịch. Trừ một số trường hợp đặc biệt, các tập sách đó đều tập trung vào hai thế giới từng làm xúc động: vùng Ôđétxa trước cách mạng và các cuộc tiến quân của Quân đoàn kỵ binh số một mà ông là một thành viên.

Thời thơ ấu và tuổi niên thiếu Baben sống ở Ôđétxa. Ông vô cùng yêu thành phố quê hương. Trước khi Cách mạng bùng nổ, ông viết Ôđétxa có rất nhiều nhà ổ chuột nghèo của những người Do Thái đau khổ, nhiều tên tư sản dương dương tự đắc và *bọn trăm đen* trong đu-ma thành phố. Ôđétxa có những buổi chiều xuân ngọt ngào, mệt mỏi, hương vị dễ chịu của những cây keo ngào ngạt trong khi ánh trăng lai lãng trải đều trên bầu trời bắt đầu ngả tối... Ôđétxa có cảng, ngoài đó có đủ loại tàu, với đủ loại người đi từ các cảng khác trên thế giới tới ».

Benia Crich, gã găngxtơ lớn của phương Nam, chuyên ăn cướp nhưng cũng lại hay mở rộng, bà hoàng chống cướp Liupca Cadắc, những chàng ngốc lơ đểnh cận thị,

những tên trộm cướp láu lỉnh, những lời lẽ sắc cạnh và những ham muốn khôn ngoan... tất cả không ra đời trong phòng làm việc của nhà văn: tất cả đều là những chi tiết thực trong cuộc đời cậu bé mang tên Baben. *Chuyện những chuồng chim bồ câu của tôi* là những chuyện chính cậu bé đã trải qua nhưng đã được một nhà văn chững chạc và thông minh kể lại.

Từ trước cách mạng, Ôđetxa vốn được coi là vùng quê sản sinh ra nhiều chuyện kể hóm hỉnh. Dưới chính quyền Xô viết nơi đây đã sản sinh ra nhiều nhà văn đầy tài năng: Baben, Bagritxki, Ilphơ, Pêtơrốp, Kataep. Giữa họ có những nét chung: trong sáng hài hước và rất nhạy cảm đối với đời sống, một đời sống với tất cả vẻ lầm lụi, nồng nóng mà cũng rất bền vững của nó.

Đội kỵ binh không phải là một tác phẩm bênh vực Cách mạng theo kiểu thầy cãi, vả chăng Cách mạng cũng không cần đến việc đó. Các nhân vật ở đây đôi khi hiện ra kỳ cục nhưng nói chung họ là những người hết sức kiên quyết, trong hành động bao giờ cũng bồng bột sôi nổi như nước lũ mùa xuân. Họ hiểu rõ họ đang chiến đấu vì một sự nghiệp chính nghĩa, vì nó họ có thể chết. Tuy cả nhân vật lẫn tác giả không trực tiếp nói ra nhưng cảm giác đó thấm thía trong toàn bộ cuốn sách. Đối với Baben các nhân vật trong *Đội kỵ binh* không phải là những nhân vật sơ đồ mà là những con người sinh động, có nhiều tính tốt nhưng cũng không ít thói xấu. Nếu trong quá khứ có nhiều nhà văn nhìn cây mà không thấy rừng thì chúng ta biết nhiều nhà văn hôm nay lại chỉ thấy rừng và không nhìn ra cây. Trong *Đội kỵ binh* có cả dòng thác, bão tố, nhưng trong đó người nào cũng có khuôn mặt riêng, cảm giác riêng, ngôn ngữ riêng. Gorki từng nhận xét rằng « Baben biết tô điểm cho các nhân vật của mình còn tốt hơn, chân thật hơn

so với Gôgôn từng tô điểm cho những người Dapòrô-đét ». Quả thực người ta khó lòng không xúc động khi đọc những truyện ngắn như *Muối* hay *Cái chết của Đôlsugôp*.

Tình yêu của Baben với Mòpatxăng không liên quan gì tới cách viết của ông. Nếu tìm những nhà văn nước ngoài gần gũi với cách viết của Baben thì tốt hơn hết nhắc đến những nhà văn Mỹ những năm hai mươi ba mươi như Hêminuê, Cônđuen... Cũng như họ, Baben không kể mà thường trình bày các nhân vật trước người đọc, cũng như họ, Baben ngại nói thẳng ý kiến của tác giả và thường mang lại cho các mảng đối thoại một ý nghĩa lớn. Nhưng như tôi biết, Baben đọc văn học Mỹ rất hờ hững trong khi đó, ông tha thiết yêu Mòpatxăng và đã nhiều lần tranh cãi với những nhà văn Pháp không chia xẻ tình yêu này ở ông. Ông đánh giá cao Mòpatxăng vì lẽ nhà văn Pháp này biết chỉ ra sức mạnh của tình yêu cũng như về tính tự nhiên trực tiếp người ta đọc được trong văn ông. Mòpatxăng có thể không biết gì cả nhưng cũng có thể không gì là ông không biết: trên con đường nắng như đổ lửa, một chiếc xe ngựa chạy lọc cọc, trên xe gã Pôlit mập mạp nhưng hết sức láu lỉnh ngồi bên một cô gái quê mùa cục mịch. Bọn họ làm gì trên đó và tại sao lại làm vậy đó là chuyện của chính họ. Chỉ biết trời đất đang nóng kinh người, cả Pôlit lẫn cô gái người nào người nấy nhễ nhại mồ hôi, còn chiếc xe vẫn lọc cọc lăn bánh trên con đường nắng như thiêu như đốt. Tất cả chỉ có thế ».

Mặc dầu Baben có viết hai vở kịch và trong năm cuối đời có bắt tay viết tiểu thuyết, trước tiên ông vẫn là một bậc thầy của loại truyện ngắn thật ngắn. Giữa lúc ngôn từ lạm phát và các tiểu thuyết trường giang lan tràn, ông cảm thấy sợ nhất bệnh lắm lời. Chỉ qua hai

ba trang ông biết chỉ ra những gì mà người khác phải viết cả cuốn sách. Những đoạn đối thoại trong văn ông độc đáo và hàm xúc tới mức đôi khi chỉ qua một câu nói người ta thấy rõ bộ mặt tinh thần của một con người.

Các truyện ngắn của Baben đôi khi làm cho người ta lóa mắt vì các mầu sắc trong đó phần nhiều là mầu sáng như ta vẫn thấy ở một số tác phẩm hội họa đầu thế kỷ. Thường ông không sợ sự quá đáng: thái độ của ông với nghệ thuật thấy rất rõ qua một truyện ngắn như *Đi Gratxô*, trong đó kể lại chuyện một nghệ sĩ bi kịch ở Xixin nhờ vượt qua cảm giác mức độ đã khiến cho người xem hết sức xúc động ra sao. Ngay từ 1905, khi bước vào văn học, Baben đã tuyên bố ông thích tìm trong văn học những mầu sắc thật gắt. Những người vốn quen với văn xuôi Nga với tính mức độ chặt chẽ của nó có thể cảm thấy văn xuôi Baben có mầu sắc kỳ dị như một thứ chim lạ ở các vùng nhiệt đới. Thật ra lối viết của Baben xét về phổ hệ của nó là gần với những truyện ngắn đầu tay của Gògòn. Vào khoảng đầu những năm ba mươi trong sáng tác của Baben có một bước ngoặt: ông bắt đầu tìm tới con đường mà Gôgòn đã trải qua sau các truyện ngắn Ucrain. Ông cảm thấy trước kia mình viết quá hoa mỹ, lạm dụng hình ảnh, từ nay cần tìm tới một sự giản dị lớn lao hơn. Qua truyện ngắn *Dầu lửa* chúng ta có thể đoán ra những tác phẩm tiếp đó của Baben sẽ ra sao. Khi mới bước vào nghề, năm 1916, Baben từng nghe Gorki khuyên phải nghiên cứu ngôn ngữ công phu hơn nữa và Baben để hẳn bảy năm không in gì để vẫn tiếp tục viết. Giờ đây lại một giai đoạn im lặng như vậy: cả năm 1936, không một tác phẩm nào của Baben xuất hiện, dù ông vẫn làm việc rất hăng hái. Cũng như mọi khi, ông hết sức nghiêm khắc với bản thân mình.

Baben mất năm 1941, khi bốn mươi bảy tuổi.

Ông người cao lớn lực lưỡng, luôn luôn mang kính, sau kính bao giờ cũng thấy ánh lên đôi mắt khi tinh nhanh nhưng cũng thường rất buồn bã. Ông luôn luôn khiến cho người ta ngạc nhiên bởi những quan tâm đặc biệt đối với đời sống và khả năng say mê nhiều chuyện khác nhau. Baben có rất nhiều bạn thuộc đủ mọi nghề nghiệp. Nhưng chính trong giới người viết chuyên nghiệp ông lại ít hòa hợp hơn cả. Ông có thể để ra hàng giờ để nghe người khác kể về tình yêu của họ dù đó là chuyện may mắn hay bất hạnh thì cũng vậy. Ông đặc biệt thích cưỡi ngựa, thường không bao giờ dửng dưng khi bắt gặp một con ngựa nào đó. Ông từng viết về một người bạn: « Hai chúng tôi có những niềm say mê giống nhau. Cả hai chúng tôi cùng nhìn thế giới như một đồng cỏ tháng năm, như đồng cỏ trên đó những người phụ nữ và những con ngựa đang đi ».

Biết nhiều ngoại ngữ và là con người của một nền văn hóa lớn và phức tạp, nhưng không bao giờ Baben để cho sách vở che mất cuộc sống sinh động. Năm 1935, chính tôi đã viết trong một bài báo về hoạt động của Baben tại Hội nghị các nhà văn Quốc tế ở Pari: « Baben không đọc bài viết đã được ông viết sẵn. Ông nói tiếng Pháp rất thạo, tự nhiên, hóm hỉnh. Trong mười lăm phút liền ông khiến cho cử tọa sôi nổi hẳn lên vì những câu chuyện chưa viết ở đâu. Mọi người cười rộ cả lên đồng thời tất cả họ đều hiểu rằng đằng sau những chuyện vui vẻ kia chính diễn giả đang muốn nói tới những vấn đề của đời sống hôm nay và nền văn hóa hôm nay: « Người nông trang viên này có lúa mỳ, có nhà cửa, lại có cả huân chương. Nhưng đối với ông ta như thế vẫn còn rất ít. Giờ đây ông ta muốn người ta làm thơ về cuộc sống của ông ta nữa... »

Baben là một người kể chuyện rất tuyệt đến mức lắm lúc tôi cứ tiếc rằng không ai ghi mọi chuyện đó lại... Mùa đông 1938 ông thường đến chỗ tôi ở Mátxcơva và kể hết chuyện này đến chuyện khác. Tôi nghĩ trước sau rồi những chuyện đó sẽ được ông viết ra. Nhưng số phận đã giải quyết khác hẳn.

Baben thích tránh xa người thân, bạn bè, thích đóng kịch với họ: làm thế để yên tâm ngồi viết. Cuộc sống của ông gợi người ta nhớ tới cách sống của loài chuột chũi. Có thời gian ông sống liền mấy tháng ở một vùng ngoại ô Pari, thuê phòng của một phụ nữ Pháp. Người chủ nhà tưởng ông đâu là một kẻ gian, đèm đến giam ông trong phòng. Mặc dầu bực mình, Baben vẫn thấy thích: ông được yên lặng để làm việc.

Baben thích yên tĩnh nhưng cuộc sống của chính ông thật ra không yên tĩnh chút nào. Chiến đấu. Và đi, đi rất nhiều nơi. Có thể nói ông trải qua mọi lo âu mọi hy vọng của thời đại mình. Gặp gỡ Cách mạng, ông cảm thấy như tất cả những gì mình từng tha thiết nay được thực hiện và tới lúc nằm xuống ông mới thôi chiến đấu cho lý tưởng cao cả: chính nghĩa, tinh thần đoàn kết quốc tế và những gì tốt đẹp đối với con người.

Như mọi từ khác, từ bè bạn được mỗi người hiểu một khác. Baben rất hiểu thế nào là tình bạn. Ông là người có tâm hồn lớn, không bao giờ phản bội bạn bè. Riêng tôi có may mắn lớn là trong nhiều năm được ông rất quý. Năm 1932, khi tôi đang viết cuốn *Ngày thứ hai*, ông lại chỗ tôi gần như hàng ngày, đọc hết chương này đến chương khác và giúp đỡ tôi rất nhiều. Tôi cảm thấy sẽ rất cay đắng nếu như không có lúc được kể chuyện này với mọi người...

Đội kỵ binh, *Câu chuyện chuồng chim bồ câu của tôi*, *Hoàng hôn*, những truyện ngắn kỳ diệu đó, cũng như *Guy*

đơ Môpatxăng, Đi Gratxô, Dầu-lửa sẽ được người ta đọc rất lâu và đọc lại mãi. Đó là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao, hơn nữa, trong đó có những yếu tố khiến cho Baben trở nên gần gũi với các nhà văn Nga từ Gôgôn đến Gorki : chủ nghĩa nhân đạo, khát vọng bảo vệ con người, giữ gìn niềm vui, hy vọng, cuộc sống ngắn ngủi nhưng chỉ có một lần của con người đó. Trong truyện ngắn *Ghedali*, ông già bảo : « Tôi muốn có một Quốc tế của những người tốt, tôi muốn chúng ta có thể lo lắng cho từng người một, và giành cho họ những khẩu phần loại một ». Đó cũng là những nguyện vọng chính của Baben. Ông sống trong một thời đại cao cả và khó khăn, ông không chỉ tin tưởng mà còn đấu tranh cho tương lai. Một trong những truyện ngắn hay của những năm ba mươi, truyện ngắn *Các Ianken* kết luận bằng những lời lẽ như sau :

— Em không thể — tôi nói thầm với mình — em không thể sống không hạnh phúc, Các Ianken... Không thể nào em lại không sống hạnh phúc hơn tôi...

Độc giả của Baben hẳn nghĩ về Baben với lòng biết ơn. Bởi ông đã nghĩ về hạnh phúc của họ và đã đấu tranh cho hạnh phúc đó.

Tuệ Tâm dịch

Trích lời tựa Tuyển tập Baben
NXB Văn học quốc gia, năm 1957.

ALÊCHXÂY KÔNĐRATÔVITS

ANNA AKHƠMATÔVA

(1889 - 1966)

Vào cùng một thời kỳ, hai nhà thơ Nga lớn đã viết hai bài thơ khá gần gũi nhau về đề tài, song thật khác nhau về tính chất và thời gian xuất hiện. Chúng ta không ngần ngại gì mà không dẫn ra đây cả hai bài thơ ấy.

Bài thơ của Ivan Bunhin đề ngày 22-4-1922. Bunhin bỏ nước Nga ngày 26-1-1920, như vậy ông viết bài thơ vào khoảng gần hai năm sau khi được nhìn thấy lần cuối cùng bờ biển quê hương trên con tàu. Người ta không thể tưởng tượng được những gì ông đã phải trải qua trong hai năm trời ấy để ông đi đến chỗ viết ra những vần thơ, với một nỗi buồn nhớ quê hương đến ghê gớm :

Là con chim : có tổ, con thú : có hang
Còn trái tim non trẻ của tôi khổ đau đến thế
Nhà của cha tôi, mà tôi từ bỏ
Và nói lời vĩnh biệt quê hương

Là con thú : có hang, con chim : có tổ
Trái tim tôi thồn thức đau khổ, buồn thương,
Khi tôi bước chân vào ngôi nhà người lạ
Mang theo mình chiếc bị rách của tôi...

Bài thơ của Anna Akhơmatôva viết năm 1917, năm Cách mạng, năm mà hàng ngũ trí thức Nga bị phân hóa.

Giờ lựa chọn đã điểm không thể nào tránh khỏi: tán thành hay chống đối Cách mạng, ở lại tổ quốc hay từ bỏ nó. A. Blốc đã nói « tán thành » và tháng Giêng năm 1918 ông đã viết bản trường ca nổi tiếng *Mười hai người*: để cầu chúc cho cách mạng dường như chính đấng Iêxu-Crisct cũng bước lên phía trước với đội cận vệ đỏ.

Nhưng trước cả Blốc, Anna Akhơmatôva đã viết:

Một giọng nói không ngừng kêu gọi
Vỗ về tôi: Người hãy lại đây,
Hãy bỏ mặc mảnh đất kia tội lỗi
Và giã từ nước Nga tăm tối của người đi.

Để giữ gìn trái tim người trong sạch
Và rửa đi vết máu ở tay người.
Ta sẽ làm tiêu tan nỗi khổ đau
Của tủi nhục và rủi ro xưa cũ.

Nhưng tôi đã thản nhiên, tỉnh trí
Bịt lại đôi tai mình,
Để lời nói tồi tàn kia không thể nào tới được
Làm vấy bẩn tinh thần đang bị tổn thương.

Bằng một vẻ thanh cao đến như vậy, bằng cử chỉ gần như là của ông hoàng bà chúa như vậy, nhà thơ đã tách xa cái « tiếng nói » bẩn thỉu tồi tệ đang kêu gọi bà lìa bỏ Tổ quốc. « Không » — nhà thơ nói — và tiếng « không » ấy tương đương như tiếng « Có » đối với Cách mạng mà Blốc đã nói. Tiếng « không » của Anna Akhơmatôva vang lên như tiếng nói của nước Nga đối với bọn trắng lưu vong, và cũng là một quyết định dứt khoát của nhà thơ là không bỏ mặc tổ quốc nơi bà còn sống lâu dài với nó.

Lịch sử văn học có một sự trùng hợp lạ kỳ: năm 1922, đúng vào năm mà Bunhin ở mảnh đất xa lạ thèm muốn như một con thú, con chim thì Anna Akhơmatôva

đã viết một bài thơ khá gần gũi với «giọng điệu» của bài thơ của Bunhin. Không phải đây là sự đáp lại Bunhin, bởi Anna chưa hề biết bài thơ đó của ông (mãi về sau nó mới được đăng) và cũng chưa biết ngay cả con người Bunhin. Nhưng đến hôm nay hình như Akhmatôva đáp lại chính Bunhin hoặc đúng hơn cho tất cả những người Nga lưu vong. Bạn hãy đọc bài thơ (*Không, tôi không phải cùng với những ai ...*) mà chúng tôi cho in trong phần tuyển chọn những kiệt tác của Anna Akhmatôva, hãy so sánh nó với bài thơ của Bunhin bạn sẽ khám phá ra một điều gì đó rất lạ lùng. Bunhin có lòng kiêu hãnh vô hạn, thậm chí có thể coi là kiêu căng, song bài thơ ấy lại chỉ là một lời than vãn gần như một tiếng kêu rên toát lên từ những vần thơ hết sức chân thành, trong khi đó, những vần thơ cũng không kém phần chân thành của Anna Akhmatôva lại để cho ta thấy một niềm tự tôn chính đáng. Ý nghĩa của tổ quốc đối với số phận của hai nhà thơ Nga lớn chính là ở chỗ đó.

Chúng tôi có dụng ý bắt đầu nói về Anna Akhmatôva nhân kỷ niệm 90 năm ngày sinh của bà bằng những bài thơ mang âm hưởng công dân. Quả là, số độc giả nước ngoài thường chỉ nhìn thấy ở bà người ca sĩ của tình yêu. Đôi khi người ta cố tình và hoàn toàn thiên kiến đối với chính Anna Akhmatôva, coi bà là nhà thơ của những tình cảm riêng tư, xa vời với những chấn động của đời sống xã hội, co lại với bản thân và những xúc động riêng của mình. Cũng bằng cách ấy, trước hết là ở nước ngoài, người ta ra công gắng sức rút khỏi Anna Akhmatôva những cái vốn có ở bà và tác phẩm của bà: mối liên hệ sâu sắc, bất diệt của bà với vận mệnh tổ quốc, lòng yêu nước của bà. Và nếu như bà đã không trở thành một kẻ lưu vong thật ngắn ngủi, thì cũng bắt bà phải là người lưu vong tự bên trong.

Anna Akhomatòva không phải là người như thế.

« Qua kinh nghiệm tôi biết rằng chính kiến không phải là tất cả cuộc đời, trái tim có những yêu cầu của nó, và tất cả nỗi buồn, niềm vui chân chính đều tồn tại trong cuộc sống trái tim của mỗi người chúng ta. Qua kinh nghiệm tôi biết điều đó, biết rõ hơn bất cứ ai. Chính kiến chỉ xâm chiếm trí tuệ chúng ta khi trái tim yên nghỉ vì nỗi buồn hoặc niềm vui của nó. Tôi cũng phải thú nhận rằng những công việc cá nhân của mình dưới mắt tôi còn quan trọng hơn tất cả những vấn đề của thế gian. Đó không phải là con người bỏ mặc cho người ta chết đuối, người ta tự tử, người ta say khướt rượu chè ; tôi đã từng trải và tôi biết rằng thơ ca của trái tim có quyền tồn tại cũng như thơ ca của tư tưởng: loại thơ ca thứ nhất đối với riêng tôi còn hấp dẫn hơn loại thứ hai, đó là lý do vì sao mà những vở kịch không khuynh hướng của anh lại gây cho tôi ấn tượng hơn nhiều so với những vở kịch khuynh hướng... Những vở kịch ấy đã làm tôi khóc nức nở thật sự mà không một vở kịch có khuynh hướng nào làm được điều đó ».

Thật là những lời nói kỳ diệu về thơ ca của trái tim, hoặc nói khác đi, về thơ tình. Và, điều quan trọng là những lời nói ấy của một nhà văn Nga vĩ đại, nhà cách mạng dân chủ N. Tsécnưsepxki gửi một nhà cách mạng dân chủ khác, nhà thơ Nga vĩ đại N. Nècraxốp (thư đề ngày 5-11-1856).

Dĩ nhiên, thơ tình cũng có thể là thơ ghi trong anbom kiêu kỳ, kiểu cách chỉ mỗi một người nhận nó quan tâm và khi ấy nó có thể được bình giá như người ta muốn: thơ ca « trong phòng » — đó cũng không phải là hình dung từ đáng buồn nhất gắn cho nó.

Thơ trữ tình của Anna Akhomatôva không bao giờ là thứ thơ như vậy. Điều chủ yếu cũng không phải là

ở chỗ, trong lĩnh vực rộng lớn với nhiều chi nhánh của nó, thơ tình được biểu lộ phong phú và trước hết là tài ba đến như thế trong văn học Nga, mà cuối cùng lại xuất hiện một người phụ nữ sau Putskin, Lécmôntôp, Nêcraxốp, Phết, Tiutsép,' và Blốc. Một điều không phải không đáng kể là lần đầu tiên *Nàng* đã đến bên *Chàng* ở phần trước của sân khấu thơ trữ tình, song cũng không phải công lao của Anna Akhơmatôva ở chỗ ấy. Bằng sức mạnh tình cảm, bằng sự trong sáng và xúc động của giọng thơ trữ tình của mình, bà phải được xếp ngang hàng với những nhà thơ đàn ông vĩ đại, và là người chị em tâm hồn của họ. Tất nhiên, thơ ca Nga đã từng biết những nữ thi sĩ khác trước Anna Akhơmatôva, nhưng chưa có một nhà thơ nào có tầm cỡ này. Thơ trữ tình của Anna Akhơmatôva đã tạo nên vẻ đa dạng đặc biệt của những sắc thái tình cảm, từ những linh cảm thẹn thùng đầu tiên và sự nở hoa của tình yêu đến lòng đắm say và nỗi tuyệt vọng không lối thoát của những mất mát buồn thảm mà đốm tro tàn của trí nhớ chỉ phủ kín nó dần dần. Trong thơ ca ấy, niềm hạnh phúc cực độ gần kề với nỗi đau khổ, sự hối hận nhường chỗ cho niềm hy vọng mới, những nỗi dày vò không gì an ủi nổi lại chứa đựng niềm vui của tương lai. Không bao giờ những bài thơ của Anna Akhơmatôva để lại cho người ta thấy một bóng nhỏ nhoi nào của một thứ dục vọng tầm thường vốn hay lui tới trong những vần thơ tình. Tình cảm của bà khoẻ khoắn không giả tạo, ngay cả trong tình yêu không được chia xẻ bà cũng không tự hạ mình đến mức cầu xin; bị bỏ rơi bà vẫn kiêu hãnh, được yêu say đắm bà cũng không để cho một thứ tình yêu xác thịt len lỏi tới. Tiếc rằng chúng tôi chỉ dành cho bạn đọc một phần nhỏ bé trong kho tàng thơ tình của nhà thơ danh tiếng này, song chúng tôi hy vọng một số bài thơ ấy, dù sao cũng sẽ

giúp bạn đọc cảm thấy cái dòng tình yêu sinh động đã tự do và mãnh liệt đi vào những vần thơ của Anna Akhomatôva. Chắc chắn thời gian cũng sẽ không bao giờ làm nguội lạnh được nó.

Nguyên tắc đạo đức cao cả, sự tập trung sức sống phi thường trong một tâm hồn say đắm, âu lo mà chúng ta tìm thấy trong thơ Anna Akhomatôva chắc không thể tồn tại trong một con người mà bao giờ cũng sống co mình lại với những xúc cảm riêng tư. Khi ấy, quả nhiên trước mặt chúng ta là một nhà thơ « trong phòng » không nghe được tất cả những gì bao quanh nhà thơ đó. Thế giới của Anna Akhomatôva rộng lớn vô hạn. Bà sống hòa nhịp với thời đại mình, hơn nữa thơ ca của bà cũng có thể là nhật ký trữ tình của một thời kỳ, từ đầu thế kỷ này cho đến những năm 60 — đầy ắp các sự kiện mang tầm lịch sử (về phương diện này, thế kỷ của chúng ta dường như hào phóng hơn các thế kỷ khác). Rất nhiều trong số các sự kiện đó đã được phản ánh một cách rất có tư cách, đôi khi bi kịch trong thơ Anna Akhomatôva.

Người ta thường nghĩ rằng những bài thơ mang tính chất công dân chỉ vang lên ở thơ bà với một sự hưng phấn đặc biệt trong thời gian chiến tranh vừa qua. Tuy nhiên chúng tôi không thấy như vậy khi ở trên kia chúng tôi đã so sánh những vần thơ của Anna Akhomatôva và Ivan Bunhin. Những tập thơ đầu tiên của nữ thi sĩ (*Buổi tối*, 1912, *Chuỗi hạt* 1914, *Đàn chim trắng*, 1917) đã có những vần thơ làm vẻ vang cho bất cứ một nhà thơ nào có cảm hứng công dân.

Anh biết em héo mòn trong tù hãm
Đang nguyện cầu cái chết đến với em
Song ký ức trong em bừng thức dậy
Từ mảnh đất khô cằn quanh Tver.

Bạn đọc có thể đọc cả bài thơ mà nhà thơ Nicôlai Nêcraxôp, người có « nỗi buồn thương lớn cho số phận của nhân dân », cũng không hề phủ nhận. Đúng là thơ kiểu « Nêcraxôp » về nội dung và trạng thái tâm hồn. Nhưng nó đã được viết lên hoàn toàn mang chất « Akhơmatôva ». Và đó cũng không phải là hiện tượng đơn lẻ trong thời kỳ đầu của nữ thi sĩ. Các bạn hãy lắng nghe *Lời cầu nguyện* cho Tổ quốc hoặc những vần thơ của bà viết về buổi đầu của Đại chiến thế giới lần thứ nhất.

Trên con đường vừa mới đây yên tĩnh
Bỗng tối xầm, những tiếng khóc rộ lên...
«Tôi lấy đôi tay ôm trán, cầu Trời
Trước khi những giọt máu đầu tiên làm cho tôi phải chết ».

Lẽ nào người ta không nghe thấy trong những vần thơ xé ruột ấy tiếng nói của những người nông dân mà chồng họ, anh em họ vừa ra chiến trận. Trong những tập thơ đầu tiên, những bài thơ như thế chắc chắn phải nhường chỗ cho những bài thơ tình của trái tim, song những bài thơ ấy có sức mạnh làm cho tất cả những người khác phải nể sợ. Bất cứ một thứ thơ công dân nào cũng thèm được như những bài thơ ấy...

Đây không phải là chuyện lý tưởng hóa, cũng không phải tô vẽ, đơn giản hóa số phận của Akhơmatôva. Cuộc đời bà không đơn giản cũng không dễ dàng hơn. Nhưng không bao giờ bà tách rời số phận riêng của mình với vận mệnh Tổ quốc. Bà không thể nghĩ tới số phận của mình ngoài vận mệnh Tổ quốc. « *Thời kỳ ác liệt đã làm tôi xoay hướng như một dòng sông* », bà khẳng định như vậy hai mươi năm sau cách mạng, cuộc cách mạng chỉ có ý nghĩa đối với bà một điều sau : từ đó trở

đã đi một con đường dài khó khăn nhưng thật đáng thèm muốn. Tài năng không thể so sánh được của bà và nhân vật tinh thần của bà đã xếp bà ở hàng đầu của những nhà thơ Nga.

Năm 1965, trước khi qua đời một thời gian ngắn (bà mất ngày 5-3-1966) Anna Akhomatôva đã cho xuất bản tập thơ cuối cùng mang tên *Thời gian chạy trốn*. Đối với thơ ca tuyệt diệu của bà, thời gian chạy trốn sẽ còn phải tiếp tục cho mãi tới tương lai xa xôi: Anna sẽ tiếp tục sống cũng như thơ ca của bà sẽ vẫn cần thiết cho con người.

Phong Vũ dịch

Tạp chí « Lettres soviétiques », số 246/1979.

I. BABEN

SỰ NGHIÊM KHẮC VÀ NIỀM MÊ SAY CỦA NHÀ VĂN

(ĐMITRI FURMAŃỐP, 1891 - 1926)

Ngày 5 tháng ba năm 1936 Hội nhà văn Liên xô tổ chức tại Matxcơva buổi họp mặt kỷ niệm mười năm ngày mất của Đimitri Andreevits Furmanốp. Dưới đây là bài phát biểu của nhà văn I. Baben.

Các đồng chí, tôi không thể thu thập kịp tài liệu để phát biểu buổi tối hôm nay, tôi chưa chuẩn bị được đầy đủ, và chỉ có đòi hỏi khẩn thiết phải có mặt hôm nay ở đây và tham gia vào buổi tưởng niệm đưa tôi lên diễn đàn này mà thôi.

Tôi vừa từ Krưm về đây cách đây hai ngày. Cùng với một nhà văn Pháp chúng tôi đến thăm Gorki, và trước mặt chúng tôi đã hiện ra cảnh tượng một cuộc sống khác thường của một con người lớn lao. Con người già nua ấy đang làm việc một cách anh hùng, nằm nhoài ra bàn cùng với những cái gối dưỡng khí. Trong lịch sử của nhân loại có ít những tấm gương anh hùng như vậy.

Và như mọi khi, Gorki lại nói về cuộc sống của chúng ta, nói về chuyện chúng ta viết tồi, rằng chúng ta học hành ít, rằng sau khi viết được một cuốn sách, chúng ta yên tâm hay chúng ta viết càng ngày càng tồi hơn,

bởi vì kiến thức của chúng ta ít ỏi, rằng lòng kính trọng đối với người đọc ưu tú nhất trên thế giới không lớn lao gì.

Khi ông nói về điều này, tôi thầm nghĩ: những thói quen tội lỗi của con người. Tôi thầm kiểm lại trong óc những người ngoan đạo và những kẻ tội lỗi. Tôi xin nói thẳng thắn rằng những kẻ tội lỗi tôi tìm thấy rất nhiều, còn người ngoan đạo thật sự chỉ có một; con người đã qua đời mười năm trước đây và hôm nay chúng ta họp mặt nhau tại đây để tưởng niệm.

Tôi đã có nhiều buổi tối được cùng sống bên Furmanốp ở ngõ Nasekin. Bấy giờ là câu chuyện quanh cuốn sách của ông. Cuốn sách nhỏ được phổ biến với hàng trăm nghìn bản, không hoàn toàn làm Furmanốp hài lòng. Tầm vóc của ông lớn lao, mỗi ngày mỗi tháng khả năng của nhà văn một tăng thêm. Và nếu như các bạn biết được là lòng yêu mến đối với ngôn từ, đối với sự phối hợp tinh tế nhất các từ ngữ đã sống ở trong con người ấy như thế nào, ông đã lắng nghe âm thanh của các nhà thơ Hy lạp, các nhà thơ La mã như thế nào. Trong các giây phút ấy tôi xúc động và ngây ngất nhìn ông, tôi cảm thấy ông là hiện thân của giai cấp vô sản, làm chủ được nghệ thuật thơ ca.

Các bạn hãy nhớ lại cuộc đời ông, ông không bao giờ đi theo con đường dễ dãi. Trước cách mạng ông đã đấu tranh với Sa hoàng, sau cách mạng ông ra mặt trận, sau khi ở mặt trận về ông lựa chọn mảnh đất nguy hiểm nhất, mảnh đất đấu tranh bằng thơ ca, bằng nghệ thuật. Trong cuộc đời mình tôi chưa từng thấy cuộc đấu tranh nào khủng khiếp hơn và căng thẳng hơn. Sự nhanh chóng mà ông đã làm chủ được nghệ thuật làm ta phải kinh ngạc. Có lẽ, cũng chính điều đó đưa ông sớm xuống mồ

Hai ngày trước đây cũng, ở trong gian phòng này chúng ta đã hồi tưởng lại Bagritxki. Tôi cũng được biết ông và xin nói rằng thơ của ông thêm mỗi năm mỗi sống động hơn, bởi vì ông đã mang theo sự thật.

Nhưng hãy nghĩ tới Furmanốp ở mặt này. Chúng ta được chứng kiến hai năm trước đây đã xảy ra một sự kiện khác thường trong lịch sử văn học và nghệ thuật: các trang sách của Furmanốp mở tung ra, và từ những trang sách ấy đã đi ra những con người sống thực, những người anh hùng thật sự của đất nước chúng ta, những đứa trẻ thật sự của đất nước chúng ta.

Khi tôi xem bộ phim này, tối suy nghĩ về điều này đây. Tôi có cảm giác rằng các nhà đạo diễn, đã dựng phim này, không trội hơn ở năng khiếu thiên tài, rằng chúng ta còn có các nhà đạo diễn có những năng khiếu lớn lao, tay nghề điêu luyện. Tôi không thể nói rằng cả các diễn viên trong bộ phim này đã diễn xuất một cách đặc sắc. Chúng ta có nhiều diễn viên giỏi. Tôi tự hỏi mình, sức mạnh lớn lao của bộ phim này ở chỗ nào, tại sao về bộ phim này người ta không phải tranh cãi gì cả, tại sao lần đầu tiên một nghệ thuật thực sự đã đến đất nước chúng ta, nghệ thuật được phản ánh trong các trái tim của chúng ta, tại sao các trái tim của chúng ta thắt lại đến thế khi chúng ta xem *Tsapaép*?. Tôi tin rằng điều này đã xảy ra bởi vì bộ phim này không phải được làm ra ở xưởng, nó được cả nước xây dựng nên. Thưa các đồng chí, sở dĩ cả những con người — thường thường bậc trung cũng đã làm nổi một bộ phim đặc sắc như thế này, bởi vì nó được cả nước làm nên, nó bị lây truyền bầu không khí của đất nước chúng ta, nó được xây dựng trên cơ sở ở trình độ nghệ thuật mà chúng ta đã đạt tới, trên sự hiểu biết, trên những tình

cảm chủ nghĩa anh hùng, sự hiền hậu, lòng dũng cảm và tính cách mạng, những tình cảm đang sống ở đất nước chúng ta.

Tất cả cái đó có nghĩa là thế nào, thưa các đồng chí. Đó có nghĩa là sự nghiệp của Tsapaép đã khuất, được tất cả đất nước chúng ta tiếp tục. Tám năm cả đất nước đã đọc *Tsapaép* và điều gì đã xảy ra sau tám năm ấy? Đất nước chúng ta bằng việc xây dựng nên bộ phim này đã đáp lại Tsapaép, rằng nó đã hiểu Tsapaép như thế nào, nó đã cảm được Tsapaép như thế nào. Các đồng chí, các bạn đã biết ấn tượng do bộ phim này mang lại như thế nào. Tôi cho rằng mỗi một người mang trong mình trái tim xô viết, trái tim chân thực và liêm khiết, mỗi một người hăng hái, khẩn trương, trinh bạch, không hư vô và không mánh khóe cố làm chủ được các đỉnh cao chân chính của nghệ thuật và khoa học, mỗi học viên trường đại học công nhân, mỗi đoàn viên Kômxômôn, mỗi sinh viên và mỗi chiến sĩ Hồng quân, những người đối với văn học, nghệ thuật, đối với khoa học với một sự nghiêm khắc và mê say, như thái độ của Furmanốp, chính là người tiếp tục trực tiếp sự nghiệp của ông. Đối với tôi việc cả nước xây dựng nên « Tsapaép » là một dẫn chứng cho thấy rằng những con người ưu tú của chúng ta đang tiếp tục sự nghiệp của ông như thế nào.

Các đồng chí, tất nhiên, thật hạnh phúc và vĩ đại là nhà văn mà sự nghiệp được hàng triệu và hàng chục triệu người của đất nước công nhân đầu tiên trên thế giới tiếp tục. Không còn nghi ngờ rằng sự nghiệp này vĩ đại và bất khả chiến thắng. Và vì thế, Furmanốp, con người đã bắt đầu sự nghiệp này, thật hạnh phúc và vĩ đại.

Trích : Tạp chí « Matxcơva », số 4 năm 1963.

XECGÂY NARÔPTSATÔP

«NGƯỜI TÀI NĂNG NHẤT TRONG CÁC NHÀ THƠ LÊNINGRAĐ»

(NIKÔLAI TIKHÔNÔP, 1896 - 1979)

Con đường Tikhônôp đến với văn học cũng là con đường văn học Xô viết đã đi, từ những dòng khởi đầu đến những chương hiện đại.

Thông thường những nhà văn lớn đều phối hợp trong mình tài năng một người làm thơ và tài năng một người viết văn xuôi. Tikhônôp là nhà văn như vậy. Ngay từ những năm tuổi trẻ, ông đã có được cả hai năng khiếu đó. Maiacôpxki, một người rất dè dặt với lời khen, từ năm 1927 đã coi Tikhônôp là người tài năng nhất trong các nhà thơ Lêningrađ. Macxim Gorki cũng đánh giá cao Tikhônôp khi ông cho văn xuôi Tikhônôp «phản ánh cuộc sống bằng thứ ngôn ngữ đầy nghệ thuật». Hai nhà văn lớn của chúng ta đã nhận xét thơ và văn xuôi của Tikhônôp như vậy, ngay từ buổi đầu ông bước trên con đường sáng tạo. Nhưng còn hơn thế, Tikhônôp đã vượt qua những đánh giá ban đầu kia bằng những tìm tòi đặc sắc trong những tác phẩm lớn.

Tikhônôp cống hiến tất cả tài năng văn học của ông cho nhân dân, cho Đảng và cho Lênin. Ông không tiêu phí sức lực ở những thứ vặt vãnh mà biết đem nó vào

những công việc, những mục tiêu trọng đại nhất đặt ra cho đất nước. Ông có mặt từ những ngày đầu tiên trong công cuộc thực hiện những kế hoạch năm năm đầu tiên. Cuộc nội chiến và cuộc chiến tranh yêu nước vĩ đại đã để lại những người anh hùng, những lời ngợi ca trong tác phẩm Tikhônôp. Tikhônôp lãnh đạo phong trào nhân dân Liên Xô đấu tranh cho hòa bình không chỉ vì chức vụ, mà còn vì nhu cầu tinh thần và nhu cầu của thơ ca. Sự thống nhất giữa nghề nghiệp nhà văn với hoạt động xã hội ngày nay là chuyện thường thấy, nhưng ở Tikhônôp nó thể hiện một cách thật trọn vẹn.

« Người tài năng nhất trong các nhà thơ Lêningrad » viết những dòng thơ đầu tiên của mình ở thành phố bên bờ sông Nêva. Ông sinh ở Pitero, và Pitero cũng sinh ra những bài thơ của ông.

Nikôlai Tikhônôp xuất thân từ gia đình một người thợ. Năm ông ra đời — 1896 — là một năm có vẻ thanh bình. Nước Nga không có chiến tranh ở phía tây cũng như ở phía đông, nhưng thủ đô của nó lại diễn ra cuộc « chiến tranh công nghiệp » giữa công nhân và bọn chủ nhà máy. Vladimia Ulianốp trẻ tuổi đã thống nhất được các nhóm dân chủ xã hội đầu tiên trong tổ chức *Liên đoàn đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân*. Thời kỳ Lênin đã bắt đầu trong quá trình phát triển của chủ nghĩa Mác. Thời kỳ một cuộc bão táp cách mạng và những biến chuyển dữ dội đang đến dần. Những năm thơ ấu của Tikhônôp trôi qua trong không khí đó.

Thế giới bao quanh cậu bé lúc bấy giờ vừa tươi đẹp vừa khủng khiếp — một thế giới có những tòa nhà cao vút và cả những vũng máu. Nhưng bên cạnh đó còn có cả một thế giới khác nhỏ bé, nhiều màu sắc: thế giới của những trang sách. Tikhônôp nói về những ngày xa xưa ấy: « Tôi không thích những quyển sách độc ác,

nhạo báng con người; tôi không thích những quyển sách trống rỗng chẳng tạo được một niềm vui, một nỗi buồn. Tôi thích những quyển sách mà nhân vật của nó luôn làm những việc tốt đẹp, biết giúp đỡ người ta đấu tranh cho sự thật, chiến thắng mọi cái xấu. Do ảnh hưởng của sách, từ những năm còn trẻ, tôi đã bịa ra những quyển tiểu thuyết trong đó nhân vật là những con người tốt đẹp, dũng cảm, thông minh đi khắp mọi nơi chiến đấu cho tự do của những người bị áp bức. Tôi rất thích những nhân vật như vậy, và, nếu như họ có ngã xuống trên con đường đấu tranh, tôi cũng không buồn, bởi vì họ đã hành động đúng, họ đã không biết sợ, họ không phải là vật thí nghiệm, và họ không bao giờ chết».

Tuổi ấu thơ, tuổi niên thiếu, tuổi thanh niên Tikhônôp đã tạo nên những nhân vật tưởng tượng có phần chắc là theo mẫu ở những quyển sách ông đọc. Thế nhưng đấy là những nhân vật có bản sắc riêng: chúng in đậm những nét phù hợp với những cảm giác thuộc phạm trù đạo đức ở nhà văn trẻ.

Có thể dễ dàng đoán ra được rằng, ngoài các nhà cổ điển Nga và phương Tây, trong tầm mắt Tikhônôp bấy giờ còn có *Ruồi trâu* và đầy đủ những quyển tiểu thuyết phiêu lưu của Phônhimor Kupec, Juyn Vecnơ, Mainơ Rít. Trong tự thuật Tikhônôp còn viết rõ hơn: «Tôi mê địa lý và lịch sử. Bởi thế, trong những quyển sách của tôi, đầy rẫy những sự kiện tưởng tượng, từ nước này đến nước khác. Tôi đã tự giải phóng người Malaixia khỏi ách đô hộ của Hà Lan, người Trung Quốc khỏi ách áp bức của nước ngoài, người Ấn Độ khỏi nạn xâm lăng của người Anh»... Đó là mô hình một thế giới tương lai của Tikhônôp. Rõ ràng, qua sự bày tỏ về tính cách những nhân vật tưởng tượng ấy đã trở thành có thật trong thời Tikhônôp.

Nhưng sách là sách, tưởng tượng là tưởng tượng, còn thực tại có những quy luật riêng của thực tại; và những quy luật ấy đã chi phối cậu con trai người thợ thủ công thành Pitero. Cậu vào học trường thương mại và tốt nghiệp trường này rồi ra làm việc ở Cục hải quan cũng như một sự tất nhiên.

Có điều, trong chiến tranh, Tikhônôp không phải là một nhân viên văn phòng, mà là một nhà thơ. Hàng trăm câu thơ của người khác và của chính mình đã in sâu trong trí nhớ anh lính mới. Mà bây giờ Tikhônôp không chỉ là anh lính mới trong quân đội, Tikhônôp còn là lính mới trong lĩnh vực thơ ca. Thơ Tikhônôp thời kỳ này thường thô sơ, đôi khi quá cứng nhắc, có lúc lại rất cầu kỳ. Đó là những biểu hiện của một ngòi bút chưa có kinh nghiệm. Tuy nhiên, dù chưa thật rõ, từ những bài thơ ấy đã hiện ra tính cách Tikhônôp, những tính cách sẽ làm vẻ vang cho thơ ông sau này. Nhanh, rất nhanh, cuộc sống đã vẽ lại những bức tranh ấy, và tiểu sử Tikhônôp rõ ràng đã thể hiện bản tính của một niềm khát vọng mãnh liệt mong mỏi sáng tạo ra những cái gì thật sự mới mẻ.

Thời gian trong quân ngũ, Tikhônôp làm nhiệm vụ một người lính ở Riga và ven bờ Bantich. Một nhiệm vụ khác của ông bây giờ là làm thơ. Ông làm thơ vào mọi lúc, vì đó là một nhu cầu tự nhiên, một nhu cầu thường trực! « Những vần thơ ấy lưu giữ được cảm xúc vì nó nói đến những điều tôi đã trải. Thật ra đó là những trang tản mạn của một quyển nhật ký tình cảm. Tôi cần chúng như cần một cuộc đối thoại nghiêm chỉnh giữa mình với mình ». Sau này Tikhônôp sẽ nói như vậy trong lời giới thiệu những bài thơ của ông in vào năm 1935.

Tất nhiên, thơ Tikhônôp bấy giờ chưa thật hoàn hảo. Tikhônôp trong *Cuộc sống dưới những vì sao* chưa tạo dựng được bản lĩnh của người công dân và bản lĩnh nhà

thơ của ông, mà những cái đó đã gắn ông với số phận của cách mạng, số phận của dân tộc... Hiện thực của những năm tháng cách mạng mà chúng ta thấy trong thơ Tikhônôp lúc ấy chưa tập trung được sự chú ý của người đọc.

Tikhônôp lúc bấy giờ đã có sự biến chuyển trong bản thân mình; từ người lính trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ông trở thành người chiến sĩ trong cuộc nội chiến cách mạng. Về sau, những sự kiện xảy ra trong những tháng năm đó đã được đưa vào trường ca *Vưra* và Tikhônôp nhớ về chúng như về những tấm gương ngày xưa của tuổi trẻ chiến đấu.

Cuộc nội chiến kết thúc với sự thất bại của bọn lính Bạch vệ và những tên can thiệp, đồng thời nhà thơ trẻ cũng kết thúc những thu thập bước đầu về giá trị tinh thần mà ông đã có thể đem bày tỏ với mọi người.

Trong thời gian còn mặc quân phục người lính Hồng quân, tại Pêtơrôgrat, Tikhônôp đã tập hợp thơ mình vào hai quyển sách đầu tiên mang tên *Orđa*, *Braga* và cho xuất bản liên tiếp vào năm 1922. Người đọc hoan nghênh hai quyển sách này, và từ đây một tài năng lớn xuất hiện. Cái gì đã quyết định sự thành công vừa nhanh chóng vừa rõ ràng đến như thế?

Cả *Orđa* và *Braga* đều được tạo nên từ một ngòi bút tài giỏi. Những nhà thơ trong *Orđa* và *Braga* tương tự những tảng đá được phủ đầy hoa. Phía trên dốc mũi, ngày xuân xuất hiện một cảnh tượng khác thường: những sắc màu đỏ thắm, xanh biếc, tím nhạt cháy lên rừng rực, đó là cảm giác mà những vần thơ Tikhônôp tạo ra cho người đọc. Những bài thơ trong *Orđa* và *Braga* mang hình thức của những tuyên ngôn. Những tuyên ngôn ấy thật rõ rệt và có tính vật chất, nhưng

những sự kiện ẩn đằng sau đó, Tikhônôp làm cho người ta đoán ra hơn là bắt người ta nhìn thấy chúng.

Thơ Tikhônôp có tính chính trị sắc bén, và tính thời sự nóng hổi. Ông biến thành thơ những sự kiện lớn từ những trang báo, và khái quát hóa, và thông tin một cách khách quan. *Một đêm của viên tổng thống* có thể coi là bài thơ độc đáo nhất thuộc loại này. Nhân vật nằm trong tình huống của những xung đột vào những năm hai mươi, thời kỳ đầy những cuộc giao chiến dữ dội giữa các giai cấp. Acken, viên tổng thống Estôni hiện ra trong bài thơ dưới những lời đả kích cay độc, đầy phẫn nộ và trở thành một nhân vật phản diện đặc sắc.

Tìm người anh hùng là chủ đề thú vị và phong phú trong tác phẩm của Tikhônôp. Tiêu biểu cho loại này là trường ca *Gặp mặt* viết về Lênin. Trường ca hoàn thành năm 1924 cùng một lúc với trường ca *Vlađimia Ilits Lênin* của Maiacôpxki. Và cả hai trường ca đã xứng đáng đứng trong kho tàng những tác phẩm về Lênin ở Liên Xô cũng như trên thế giới. « Như bão táp, con người giản dị » đã đưa cách mạng đến thắng lợi ; trước con mắt nhà thơ, vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân lao động hiện ra như thế.

Tìm người anh hùng dẫn đến tập thơ *Iurga* là đúng lẽ tự nhiên và hợp quy luật, bởi vì nhà thơ đã đến kịp cùng sự kiện. Đất nước đã tạo nên những người anh hùng của mình từ những con người của kế hoạch năm năm lần thứ nhất, và Tikhônôp đã thấy họ trên những công trường xây dựng của đất nước. Rồi tập *Thơ ở Khaket* được viết liền với *Iurga*. Đó là một loạt những bài thơ ca ngợi thắng lợi của chủ nghĩa xã hội...

Tôi hân hạnh được làm quen với Tikhônôp từ những năm chiến tranh. Khi tập đoàn quân xung kích số 2

của chúng ta chọc thủng vòng vây ở hướng mặt trận Vònkhôpxki, tôi đang là đặc phái viên của tờ báo quân đội *Chiến sĩ dũng cảm*. Tờ *Bảo vệ tổ quốc* ở Lêningrad thường xuyên gửi đến cho chúng tôi những cộng tác viên giỏi nhất của họ. Tờ báo cần kể về Piterơ và những trận chiến đấu của chúng ta bảo vệ thành phố. Lẽ tự nhiên trong lúc trò chuyện với nhau, chúng tôi, hay nói về những vấn đề của thơ ca lúc bấy giờ. Bên tôi luôn luôn có một tập thơ Nikôlai Tikhônôp in từ năm năm trước chiến tranh. Tôi nhớ là tôi đã thuộc bốn mươi bài trong đó hầu như không sai một câu. Phải nói rằng trong thời gian này, tôi quen biết khá nhiều nhà thơ, nhưng Tikhônôp có một sự hấp dẫn đặc biệt; đối với tôi, nhà thơ nổi bật lên cùng cuộc đời chiến đấu của ông như một người lính cương trực, làm việc với một mục đích rõ rệt. Những phẩm chất này vào hồi 1943 rất được quý trọng. Quả là tôi không cần phải nói gì về những bài thơ thể hiện những phẩm chất ấy, thơ Tikhônôp tự nói đủ những gì cần nói.

Sau khi chọc thủng vòng vây của địch, đầu mùa hè 1943, quân ta tiến đến gần Lêningrad. Ban biên tập báo chúng tôi được bố trí ở Kòntusa. Từ đây đến Piterơ rất gần, và bấy giờ những sĩ quan trẻ chúng tôi nhân dịp quân đoàn đang nghỉ, có nhiều lúc đến thăm thành phố bên bờ sông Nêva. Trong những chuyến đi, thường thường chúng tôi đến với Kara-khi đó đang ở Xadôva. Tôi đã nhiều lần sống với anh, cùng ăn cùng ở với anh. Ở đây tôi quen Masa Suvalôva lúc đó làm việc ở báo *Sự thật Lêningrad*. Qua chị và Lara, tôi quen Tikhônôp.

Những cuộc gặp gỡ giữa tôi với Tikhônôp tuy không có gì nguy hiểm mà rất khó khăn. Tôi đến Lêningrad

những lúc phải xem lại bản in thử, thường gặp lúc mà Tikhônôp dĩ nhiên sống và làm việc theo thời gian biểu thời chiến của ông: khi thì ở thành phố lúc thì ra mặt trận, lúc lại xuống hạm đội. Nhưng rồi chúng tôi cũng có cách: gặp nhau qua điện thoại và tiếng nói của chúng tôi bị át đi giữa những chuyến tàu điện của Lêningrađ dũng cảm chạy ngay bên cạnh nhà, hay tiếng nổ của đạn pháo bọn Đức trên đường phố Dverinxki. Và chính từ căn nhà mà « ban công như treo ở trên đầu », những bài thơ của Tikhônôp ra đời. Khi đó, tôi biết kỹ từng ngôi nhà, thế mà bây giờ dường như tôi không nhớ còn được trong ngôi nhà nào, căn phòng nào đã trở nên căn phòng thiêng liêng.

Thật ra, trong trí nhớ tôi, hình ảnh Tikhônôp đã hiện lên từ trước kia qua tập thơ của ông. Đó là một người vào tuổi bốn mươi, khỏe mạnh, tươi trẻ, đầy sức sống. Bây giờ tôi không thấy một Tikhônôp sống động nữa. Cuộc phong tỏa khắc nghiệt của kẻ thù đã để lại những dấu vết khắc khổ trên khuôn mặt ông. Về sau những ngày gian khổ lại làm đôi má ông hõm vào, bên trên đó là những sợi tóc rủ xuống, và phía dưới là cái cằm chỉ còn xương với da. Dáng người gầy yếu của Tikhônôp chứng tỏ ông đã vượt hết sức chịu đựng của mình, và không ai trông thấy điều đó.

Tikhônôp rời quân đội lúc mang quân hàm trung tá. Mái tóc bạc sớm không làm ông già đi, mà chỉ khiến cho nét mặt có một vẻ tương phản độc đáo.

Bấy giờ tôi đã là khách quen của gia đình Tikhônôp mỗi khi tôi ghé lại Lêningrađ. Qua Maria Kônxtantinôva, người vợ và người bạn của nhà thơ, tôi được biết rõ hơn về người sĩ quan trẻ năm xưa... Tôi đọc văn xuôi Tikhônôp cũng thấy thích thú như đọc thơ Tikhônôp

vậy. Điều này trước hết được giải thích bằng truyện vừa *Vambari* nói về một nhóm du lịch có tên tuổi của Hungari ở vùng Trung Á. Truyện này tôi đã đọc từ nhỏ. Còn *Bài ca về cái phong bì xanh* tôi đọc lúc đang tuổi thanh niên. *Quá cảnh không thời hạn* là truyện mà tình tiết phát triển bất ngờ, một truyện hư cấu rất giỏi. *Lời thề vô vị, Con sông và cái mũ, Anôphêlex* là những truyện xuất sắc và đọc đến nó ta như không còn muốn rời ra nữa.

Hồi ấy, tôi đã đem tất cả những bài thơ mới của mình nhờ Tikhônôp, với cương vị một người thầy, đọc hộ. Nikôlai Xêmônôvit cũng rất quan tâm đến những nhà thơ trẻ — những người bạn chiến đấu cùng một mặt trận với tôi, như Ghêorghi Xuvôrôp. Hai mươi năm sau cái chết đau đớn của anh, Tikhônôp vẫn nhớ thương Ghêorghi và hình ảnh anh sống lại trong quyền *Có hai cầu vồng*. Ghêorghi cũng hết sức quý trọng Tikhônôp, thậm chí lúc hấp hối trên giường bệnh, anh còn nhắc đi nhắc lại tên ông. Nói chung, với những nhà thơ chiến đấu ở chiến trường, Tikhônôp có một uy tín đặt biệt. Cho đến nay, Mikhain Đuđin vẫn còn nhớ như in cái thuở chúng tôi khâm phục những bài thơ Tikhônôp, và đọc thuộc lòng chúng trong chiến hào Lêningrad lúc đang bị bao vây.

Chiến tranh đi theo con đường của chiến tranh, và chúng tôi lúc đó cũng là con người của chiến tranh. Quân đoàn của chúng tôi đã vượt qua cứ điểm Oranhienbaumxki. Tháng giêng 1944, quân đoàn chúng tôi cùng các đơn vị ở mặt trận Lêningrad giải phóng hoàn toàn thành phố bên bờ sông Nêva. Và chúng tôi tiến theo bờ Bantich đến Nêva. Tôi được gặp Tikhônôp vào mùa hè năm ấy, khi tôi được về Matxcơva nghỉ phép

ngắn hạn, Nikôlai Xêmônôvit cũng từ Lêningrađ đến đây. Trên đường phố Xêraphimôvit vừa được tu sửa lại, tôi gặp Tikhônôp, rồi sau đó, khi chiến tranh kết thúc, tôi giải ngũ, chúng tôi còn gặp nhau nhiều lần. Tikhônôp lãnh nhận việc bảo trợ cho quyển *Bếp lửa*, tập thơ đầu của tôi in năm 1948.

Tôi quen Tikhônôp từ những ngày Lêningrađ bị bao vây, và hình ảnh ông in đậm trong tôi từ bấy đến nay. Những gì ông làm, tôi đã làm theo với sự giúp đỡ rất nhiệt tình của ông. Tôi vui mừng trước những thành tựu của Tikhônôp trong *Mùa xuân Grudia* và *Hai dòng thác* — những quyển sách nói về các dân tộc anh em sống trong lý tưởng hòa bình. Phải nói ngay rằng, bằng tất cả hoạt động của ông sau chiến tranh, Tikhônôp đã cống hiến hết sức mình cho lý tưởng ấy. Tikhônôp đã là người lính của bốn cuộc chiến tranh. Và ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Liên Xô. Ai, nếu không phải là ông đã làm quen với tai họa của chiến tranh, và ai, nếu không phải là ông đã tích cực đấu tranh cho hòa bình thế giới.

Trong cuộc đời tôi, trong tiểu sử những người thuộc thế hệ tôi, trong lịch sử đấu tranh phong phú của đất nước Liên Xô vĩ đại, Nikôlai Xêmônôvit Tikhônôp như một hiện tượng sáng chói luôn luôn hiện ra với « mái tóc hoa râm như thần thoại — mà trẻ trung như bài ca ».

Hồng Diệu dịch

Trích Chúng tôi bước vào cuộc sống
Nhà xuất bản « Nhà văn Xô viết », 1980

VI. LIĐIN

Ở CÔNG TRƯỜNG ĐNEPRỜ
(FÊĐOR GLATKỐP, 1883 - 1958)

Giữa cái núi khổng lồ những khối bê tông đồ sộ của Nhà máy thủy điện Đneprô, trong tiếng ầm ầm của những dòng nước Đneprô lần đầu tiên bị chinh phục, vào hồi chung kết của lịch sử nhiều thế kỷ các ghềnh thác Đneprô, Fêđor Vaxilievits Glatkốp được coi là một người trong nhà. Ngày khởi động của nhà máy thủy điện Đneprô là một sự kiện của toàn thể nhân dân, và khi các nhà văn kéo đến dự ngày hội mừng thắng lợi, người đầu tiên ra đón họ là Glatkốp. Ông đã sống ở đây, đã viết « Điện lực » của mình, sau này trở nên nổi tiếng ngang hàng với « Xi măng », và ông lấy làm sung sướng vì phần lớn những người xây dựng biết mặt ông, gọi tên ông : « Fêđor Vaxilievits ! » và coi ông cũng nằm trong tập thể những người xây dựng nhà máy thủy điện Đneprô.

Trong niềm vui sướng của ông không hề có thói hư danh, mà tất cả chỉ là một niềm tự hào của nhà văn : trên công trường xây dựng nhân dân này có cả phần lao động của ông, cho dù không trực tiếp, mà là gián tiếp, nhưng không vì thế mà mất ý nghĩa.

Chừng mười năm trước đấy, khoảng năm 1924, ở nhà xuất bản « *Đất đai và Xưởng máy* », bấy giờ đóng ở

tầng một trong một ngôi nhà trên phố Bônsata Đmitrôpka — nay là phố Puskin, tôi đã tình cờ được là một người chứng kiến một thất bại đáng buồn của nhà văn. Ấy là cảnh ông phụ trách ban biên tập với bộ dạng tẻ ngắt đưa bản thảo ra hành lang trả lại cho con người thâm thấp, đội mũ cát két, với bộ mặt rộng bè, đầy đặn, đến để hỏi về số phận cuốn sách của mình.

— Chúng tôi không thể xuất bản cái này, — ông ta nói

— Tại sao vậy? — người làm văn phật ý hỏi lại.

— Không hợp với chúng tôi, — ông phụ trách ban biên tập trả lời loanh quanh, có lẽ không muốn nói ra điều gì đó nghiệt ngã.

Sự thất bại của nhà văn bao giờ cũng đau xót. Lao động bao nhiêu ngày đêm hóa ra uổng phí, thời gian — mất không, điều ấp ủ sâu kín — bị gạt bỏ, và còn chưa có ai viết cho đến nơi đến chốn về nỗi cô đơn bi thảm của nhà văn, khi ông ta trở về nhà với cái bản thảo không được thu nhận.

Bấy giờ tôi chưa quen biết nhà văn bị người ta trả lại bản thảo kia. Mãi về sau tôi mới làm quen với ông, vào thời gian khi *«Xi măng»* của Fêđor Glatkốp khơi dậy niềm thích thú hầu như trên khắp thế giới đối với văn học xô viết, — ít nhất, niềm thích thú đối với sự hình thành con người mới, cái bản thể huyền bí của nước Nga bônsêvích, còn cái bản thảo bị gạt bỏ hóa ra là cuốn sách *Con ngựa lửa*, về sau đã có một cuộc sống khả quan.

Có lần tôi nhắc với Glatkốp về cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với ông.

— Thế đấy, — ông nói, — về sau tôi đã làm việc khá vất vả chữa lại truyện này. Còn những sự bực mình,

anh bạn thân mến của tôi ơi, những sự bực mình thì từ lâu tôi đã không còn kể đến nữa.

Đôi khi chúng ta biết rất tồi về những người cùng thời của mình. Một số này ta cho là những kẻ ghét đời, số khác — là những người ích kỷ, nhưng điều đó trong hàng loạt trường hợp chỉ bởi vì chúng ta không tìm ra con đường đến với họ; ngược lại, những con người bề ngoài là rộng rãi, bề ngoài là thân mật chúng ta tưởng là cởi mở, nhưng nhiều khi đằng sau sự thân ái bề ngoài ấy chẳng có gì hết: chẳng có tâm hồn, cũng chẳng có bề sâu của tình cảm. Cuộc đời của Fêđor Vaxilievits Glatkốp hiển nhiên là rất gian khó, về tuổi thơ gian khó của mình ông viết trong những truyện dài tự sự, nhưng Glatkốp biết tìm ra các khó khăn ngay cả khi thành công và tiếng tăm đã đến với ông và mọi việc của ông đều trôi chảy. Trong mặt này đã có tác động của quán tính quá khứ, và thường trong các cuộc chuyện trò bằng điện thoại ban đêm mà Glatkốp rất ưa thích, tôi đã có dịp buộc phải thuyết phục ông rằng bây giờ ông chẳng có gì phải phật lòng; nhưng ông vẫn cứ tự dày vò, tự nung nấu mình, cặm cụi làm việc một cách cực nhọc trên những bản thảo và thậm chí trong công việc tái bản các cuốn sách của mình, tìm tòi sự giản dị và cô đọng không phải bao giờ ông cũng đạt được.

Số phận của các nhà văn nằm trong tay của thời gian. Có khi, những nhà văn thuở bình sinh đã được nếm biết đầy đủ thành công, may mắn cho họ, không bao giờ họ biết ra rằng, về sau họ bị quên đi và sách của họ ít ai còn đọc. Tuy vậy, cũng có khi ngược lại: có những nhà văn không được nếm biết niềm vui trong cuộc đời, về sau họ lại tìm được những người đọc của mình và được khẳng định vững chắc trong các hợp

tuyển văn học. Nhưng còn có lịch sử của văn học tồn tại không phụ thuộc gì vào số phận của các nhà văn. Kết thúc thế giới của những say mê, thường là những đánh giá chủ quan, và bắt đầu thước đo nghiêm ngặt của thời gian. Trong lịch sử văn học xô viết sẽ không bao giờ lãng quên là trong thời gian đối với một số những kẻ đui mù hay những kẻ thù địch ở phương Tây, văn học tưởng chừng đã hoàn toàn nông cạn đi, nếu không phải là lụi chết hẳn, vào đúng thời gian đó đã xuất hiện những cuốn sách mà ở trên khắp thế giới không chỉ bạn bè, mà cả kẻ thù cũng phải tìm đọc với một sự tò mò lo sợ: ở đất nước Xô viết đã ra đời một thế giới mới, con người mới — người lao động và người sáng tạo. *Xi măng* của Glatkốp đã sải rộng bước đi khắp thế gian và đã đóng được trọn vai trò của mình.

Điện lực — cuốn tiểu thuyết lớn thứ hai của Glatkốp cũng thuộc loại miêu tả con người mới — đã được viết trong thời gian xây dựng nhà máy thủy điện Đneprô. Trong cuộc đời của thế hệ chúng tôi Nhà máy thủy điện Đneprô đã được xây dựng nên, và đã bị tàn phá, rồi lại được xây dựng lại... Tôi được may mắn có mặt ở buổi khởi động đầu tiên của nhà máy thủy điện Đneprô, tôi cũng lại là người được biết nhà máy thủy điện này cả trong những thời gian bi thảm.

— Anh biết không, — một lần tôi nói với Fêđor Vaxilievits, — tôi có mặt ở Papôrôgi vào tháng tám năm một nghìn chín trăm bốn mươi mốt, bấy giờ chúng tôi sống ở nhà tập thể tối om không đèn lửa của trường trung cấp kỹ thuật hàng không, và một lần trong đêm tối đang đứng ở sân thì nghe những loạt tiếng nổ ầm ầm, bóng tối thỉnh thoảng lại được chiếu sáng bởi ánh lửa hồng: đó là người ta phá hủy Nhà

máy thủy điện Đneprô, chính cái nhà máy nơi mà tôi và anh đã gặp nhau trong ngày khởi động của nó.

Fêđor Vaxilievits chẳng nói chẳng rằng, chỉ thấy cái chân bắt chéo lên chân kia của ông run lên mạnh hơn — đó là thói quen thần kinh của ông, — rồi sau đó tôi nhìn thấy là nước mắt chảy trên má ông, nhưng tôi làm ra vẻ không để ý thấy...

Ít có ai trong các nhà văn lại đấu tranh kiên trì đến thế cho ngôn ngữ Nga, cho sự trong sáng của nó, như Glatkốp đã đấu tranh : trong việc này, ngoài sự cần thiết của nhà văn, còn có cả vai trò những thói quen nhà giáo của ông. Những sinh viên trường Đại học văn học cho rằng công việc làm văn học — đó chỉ là công việc của nhiệt huyết — đã phải nghe không ít những lời gay gắt của ông. Ông giám đốc Trường Đại học văn học Fêđor Vaxiliexits Glatkốp về mặt này không hề khoan nhượng.

— Thế anh làm văn học để làm gì? Anh không cảm biết được và không kính trọng văn học, — ông đã quở trách một sinh viên, — Ngoài ra anh không muốn làm việc. Anh chẳng thành nhà văn gì hết. Nhà văn phải làm việc mười tiếng đồng hồ một ngày, phải, chính là mười tiếng đồng hồ. Tôi thực lòng khuyên anh — đừng tiêu phí uổng thời gian mà làm gì, đừng làm khổ bản thân mình cũng như làm khổ chúng tôi.

— Thằng cha láu cá thế đấy ! — ông nói với tôi, khi anh chàng sinh viên ra khỏi văn phòng ông. — Hắn dám bảo : thưa Fêđor Vaxilievits, đấy là thời cổ xưa mới ngồi lỳ sau bàn hàng mười tiếng đồng hồ... bây giờ là thời kỳ khác rồi cần thiết các tốc độ khác. Các tốc độ... anh hiểu không, những tốc độ ; — ông nói, cơ hồ kiệt sức.

Buổi chuyện trò với anh chàng sinh viên không được thông minh kia đã làm ông kiệt sức, và sau này ông còn nhiều lần nhắc đến buổi chuyện trò ấy mặc dù từ lâu đã nên quên đi; nhưng trong buổi ấy anh chàng sinh viên đã động đến thái độ đối với văn học, mà về điểm này Glatkốp nhớ rất dai. Tính nguyên tắc đôi khi người ta lẫn lộn với tính giáo điều, điều này xảy ra ở một số người đối với chính Glatkốp. Nhưng con người hiền lành, tuyệt diệu, biết phân biệt con người một cách tinh vi là nhà phê bình Nikôlai Ivanôvits Damôskin có lần đã nói với tôi:

— Lòng yêu mến đối với văn học ở Glatkốp thật đầy hy sinh... đối với ông công việc viết văn là một nghề thiêng liêng. Quả thật điều đó đáng giá nhiều lắm!

Năm tháng qua đi, những buổi chuyện trò qua điện thoại ban đêm của chúng tôi với Glatkốp cứ thưa dần, nhưng căn bệnh nung nấu tự hành hạ mình ở ông không giảm đi: vẫn như trước, ông không hài lòng bản thân mình, ngờ vực mình, ngờ vực người khác, cùng với căn bệnh ấy ông còn bị cả con sâu nội tâm rỉa rói ông, và chỉ vào ngày 75 tuổi của ông, ở phòng nhiều cột trong nhà các công đoàn, tôi mới nhìn thấy ông dịu đi và xúc động.

— Anh thấy không, tôi đã già đến thế nào rồi, — ông nói, khi chúng tôi ôm hôn nhau, — cám ơn anh đã đến, nhưng thú thực, bảy mươi nhăm tuổi đâu có phải cái ưu tú nhất mà con người đã làm được.

Rồi sau đó, một bữa kia người ta gọi điện cho tôi, cũng vào buổi tối khuya, và nói cho biết rằng Fêđor Vaxilievits Glatkốp đã qua đời. Tôi đi đến tủ sách, lấy những cuốn sách có chữ ký của ông xuống, giở xem và nghĩ về điều viết ở đây, trong những dòng

này, nghĩ về Fêđor Glatkốp. Ông đã sống qua một cuộc đời nhà văn gian khó, đôi khi đau khổ dằn vặt, nhưng xứng đáng; còn thành công đã đến với ông, không đưa ông sang phía tự ru ngủ mình, mà chỉ bắt ông càng suy nghĩ sâu sắc hơn gay gắt hơn về nhiệm vụ nhà văn của mình.

1960

Trích : Hồi ký về F. Glatkốp
Nhiều tác giả NXB Nhà văn xô viết
Matxcơva 1978

M. IXAKÔPXKI

HỒI KÝ VỀ A.A. FAĐÊÉP (1901-1956) (TRÍCH GHI CHÉP TRONG NHẬT KÝ)

Về Alekxanđr Alekxanđrôvits Fađêép tôi được biết ngay sau khi cuốn tiểu thuyết đầu tiên *Chiến bại* của anh ra đời. Lúc bấy giờ hầu như trong mỗi bài bình luận nói về văn học xô viết người ta đều nói tới cuốn tiểu thuyết này và về tác giả của nó.

Còn lần đầu tiên tôi được thấy Fađêép là trong một hội nghị toàn thể của ban lãnh đạo RAPP, mà tôi từ Xmôlenxcơ đến dự mãi vào cuối những năm 20. Mà phải nói đúng là chỉ được thấy mà thôi, khi tôi gặp anh ở cái tầng [illegible]m lửng ngôi nhà ở phố Ghertxen — trong phò[illegible]ục. Một người nào đó thì thầm rỉ tai tôi : « Nhì[illegible], Fađêép đấy », nhưng không ai có ý giới thiệu tôi với anh. Bản thân tôi ngượng làm việc đó.

Tôi làm quen với Alekxanđr Alekxanđrôvits mãi sau khi giải tán RAPP và thậm chí sau cả khi Đại hội lần thứ nhất các nhà văn Xô viết đã tổ chức xong, nhưng khi ấy thì chính thực là đã làm quen, còn làm quen ở đâu và trong các hoàn cảnh nào — về chuyện đó thì tôi chịu không nói được : tôi đã quên cả.

*
* *

Cuộc gặp gỡ đầu tiên với A.A. Fađêép mà tôi nhớ diễn ra vào đầu năm 1940 (Tôi chọn từ « gặp gỡ » để trong ngoặc kép theo lý do là cuộc gặp gỡ, nếu có thể gọi như vậy, đã diễn ra một cách vắng mặt).

Sự thể là, vào năm 1939, ít lâu sau khi các trận đánh nhau với bọn xâm lược Nhật Bản ở hồ Khaxan kết thúc, — những trận chiến đấu trong đó bên cạnh các binh chủng khác, cả các chiến sĩ biên phòng của chúng ta cũng lập công lớn, — tôi đã viết bài thơ « Anh lính biên phòng hết nghĩa vụ trở về » (tên gọi lúc đầu là « Bên giếng nước »).

Bài thơ này tôi đưa tạp chí « Đất hoang đỏ »(1) mà chủ bút bấy giờ là A.A. Fađêép.

Trước đó tôi đã in hai hay ba bài thơ trong « Đất hoang đỏ », và tôi muốn tiếp tục việc hợp tác của mình với tạp chí này.

Tuy nhiên thời gian trôi qua, mà những vần thơ « Anh lính biên phòng hết nghĩa vụ trở về » của tôi không thấy xuất hiện.

Bao giờ tôi cũng ngại ngùng hỏi han, thúc giục các tòa soạn — thơ của tôi có dùng được không, còn nếu không, thì tại sao — và hầu như chưa bao giờ tôi làm việc đó.

Nhưng ở đây lại xẩy ra câu chuyện thế này : trong khi bài thơ của tôi nằm ở tòa soạn, thì nhạc sĩ V.G.

---

1) « Đất hoang đỏ » (Kraxnayx nôv) — Tạp chí văn học nghệ thuật và khoa học — chính luận xô viết « dầy dạn », đầu tiên ra ở Matxcova từ năm 1921. Khi thành lập có sự tham gia của Lênin. Chủ bút đầu tiên qua phần văn học là M. Gorki. Vào những năm 30 Fađêep cùng một số khác được bổ sung vào ban biên ủy.

Dakharốp[1] đã kịp đem phổ nhạc, dàn đồng ca mang tên Piatnhitxki đã học thuộc bài hát và nhiều lần đem trình diễn. Rồi một bữa A.T. Tvarđòpxki bảo tôi:

— Anh biết không, hôm qua Fađêep đã được nghe khúc hát của anh về người lính biên phòng do dàn đồng ca Piatnhitxki trình diễn. Anh ấy thích thú lắm — thích thú cả lời ca, cả âm nhạc...

Tôi rất hài lòng được biết tin ấy, bởi vì bao giờ tôi cũng quý trọng ý kiến của Fađêep. Tuy vậy lẽ tự nhiên nẩy ra vấn đề: nếu như khúc hát quả thực là hay, thì tại sao Alekxanđr Alekxanđrôvits không cho in trong « Đất hoang đỏ », lời thơ đã nằm ở đấy không phải cả hàng tháng trời rồi sao?

Tôi liền nói điều ấy với A. Tvarđôpxki, tiện thể nói thế thôi, nói chung không nghĩ là chuyện lại đến tai Fađêep. Nhưng Tvarđôpxki, có lẽ trong lần gặp nhau ngay sau đó đã nói lại với Alekxanđr Alekxanđrôvits về câu chuyện liên quan đến khúc hát. Thế là chỉ ít lâu sau tôi nhận được thư sau của A. Fađêep.

« 10/V, năm 1940.

Anh Mikhain Vaxilievits thân mến!

Xin anh thứ lỗi cho, vì bận bịu công việc mà tôi chưa kịp bàn bạc với anh về những lý do khiến tôi loại bài ca nổi tiếng của anh về người lính biên phòng và cô gái (tôi quên tên cô ta) không đưa vào « Đất hoang đỏ ».

1. Zakharốp, Vladimir Grigôvievits (1901 — 1956) — nhạc sĩ Nga X.V. Nghệ sĩ nhân dân L.X. (từ năm 1944). Giải thưởng Quốc gia L.X. 1942, 1946, 1952. Lúc này là chỉ đạo nghệ thuật dàn đồng ca dân gian Nga mang tên Piatnhitxki (1864 — 1927).

Tôi loại nó ra không phải bởi vì nó tồi — Ngược lại, tôi cũng như nhiều người khác rất yêu thích bài ca này, đặc biệt khi được đàn đồng ca Piathitxki trình diễn.

Nhưng sự thể lại diễn ra là bài ca này được đưa vào khuôn số tạp chí ra trong giai đoạn các trận đánh ác liệt với bọn Phần Lan trắng và là bài ca « chiến đấu » duy nhất trong số này.

Về mặt khác (...) trong thời gian này chúng tôi không thể in thơ và các bài ca, liên quan đến chiến dịch quân sự.

Vì thế mà bài ca tuyệt vời của anh, thấm đượm một tâm trạng hoàn toàn khác, rất không lắp ráp (1) với hoàn cảnh.

Tất nhiên, nếu như anh còn chưa đưa in ở đâu, thì bài ca này có thể in trong thời gian sắp tới.

Gửi anh lời chào đồng chí.

Al. Fađeep ».

Lá thư này đối với tôi thật là sự kiện hoàn toàn bất ngờ. Và không chỉ ở bản thân lá thư, mà cả giọng thư — thân ái, hồ hởi. Cho đến bây giờ tôi còn chưa lần nào nhận được những lá thư như vậy của các chủ bút các tạp chí lớn (mà cả những tạp chí nhỏ cũng thế) gửi cho.

Lá thư đã mở cho tôi thấy những phẩm cách của Alekxanđr Alekxanđrôvits mà trước đó tôi không biết: sự quan tâm đối với người khác, sự tế nhị trong các mối quan hệ đối với họ, sự chăm lo đối với các nhà văn và sự chú ý tích cực đối với những gì họ viết ra.

Chính bắt đầu từ lá thư này chúng tôi xích lại gần nhau, giữa chúng tôi nẩy nở các mối quan hệ đồng chí và thân hữu kéo dài mãi cho đến khi Alekxanđr Alekxanđrôvits qua đời.

1. Chỗ này, có lẽ viết nhầm. Có thể, nên viết là « không hài hòa », hay gì đó khác đại loại như thế ? (chú thích của tác giả).

Tôi thực sự vui mừng là trong cuộc đời mình đã được gặp nhà văn lớn và con người vĩ đại này, cùng với anh bước đi trên trái đất, được gặp gỡ và trò chuyện với anh. Anh đã đem cho tôi nhiều điều, dạy tôi nhiều điều...

***

Về sự quan tâm chăm chút khác thường đối với người khác của A. A. Fađêep có thể thấy qua sự việc dưới đây — sự việc cho dù không đáng kể, nhưng dù sao đi nữa cũng khá là tiêu biểu.

Trong tờ báo *Sao đỏ* ngày 30 tháng tư năm 1943 có đăng bài *Tình cảm của bầu trời* của Ilya Xenvinxki từ mặt trận Bắc Kapkadơ gửi về. Bài báo ấy nói về anh phi công anh hùng Đmitri Glinka.

Bài báo kết thúc như sau :

« Glinka đứng bên máy bay trong bộ quần áo bay mầu xanh, cắp chiếc mũ bay dưới nách. Ngọn gió đùa nghịch món tóc vàng óng của anh. Anh chờ đợi. Anh còn năm phút nữa. Ít ư ? Nhưng người phi công nói : còn những năm phút nữa.

Glinka làm gì trong thời gian đó ? Anh lấy cuốn sổ ghi chép ra, rút mảnh giấy gài ở sổ rồi đọc, đôi môi mấp máy không thành tiếng. Lừng danh là cơn bão tố trên trời, ở dưới đất Glinka lại thật trữ tình. Anh yêu thích âm nhạc và thơ ca. Trong cuốn sổ ghi chép của anh có giữ bài thơ của Ixakôpxki anh đã cắt ở báo « Pravđa » ra. Một số thi khúc được tô đậm. Cảm thấy rõ là những dòng thơ ấy đã động chạm đến điều gì đó rất lớn lao, rất quan trọng trong Glinka.

...Hãy tha thứ cho em, xin từ biệt :
Đất nước này nghiệt ngã dã man
Có thể đem lại gì cho nô-lệ-thân-em ?
Hẳn trên một cây hoàn diệp liễu
Đã sẵn vòng treo cổ chờ em.
Anh thân yêu, hãy tha thứ cho em.
Đôi bím tóc này xin anh hãy quên
Chúng chết rồi. Chúng không còn mọc nữa
Hãy quên cây kim ngân hoa, những hạt sương trên đó.
Tất cả hãy quên đi. Nhưng hãy nhớ trả thù.

Và Glinka đang trả thù ».

Hẳn là đọc bài báo của Xenvinxki, Alekxandr Alekxanđrôvits rất muốn rằng tôi cũng được đọc. Nhưng anh biết rằng tôi đang ở Tsixtôpôn, rằng tôi khó có thể đã nhận được báo *Sao đỏ*. Vì thế trên mảnh báo cắt ra ngay trên bài báo anh đã viết bằng bút chì rõ to — « Gửi cho Ixakôpxki » và khoanh « quyết nghị » của mình một vòng.

Rồi tiếp nữa : « V.M ![1] Xin chuyển cho Ixakôpxki, anh ấy đã về. A. Fađêép ».

Dòng chữ đề lần thứ hai được ghi vào chừng một tháng sau mấy chữ đề trước, khi tôi từ Tsixtôpôn đã trở lại Matxcơva.

Thật lạ kỳ là bận bao nhiêu công việc, bao nhiêu lo lắng, rối ren anh vẫn không quên là cần phải gửi cho tôi mảnh báo cắt ra.

Mà quả thật là anh không quên thật !

***

1) V.M. — có lẽ đây là Valentina Mikhailôpna Kasintxenva, công tác tại cơ quan Hội nhà văn.

Mùa hè năm 1948, tôi viết rồi sau đăng ở tạp chí *Ngọn lửa nhỏ* bài thơ *Những con chim đổi mùa bay đi*. Đại loại đó là khúc hát về tổ quốc, về tình yêu đối với tổ quốc, về lòng sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

Trong những ngày thu, nhìn những con chim bay về phương nam — tới những miền ấm áp, nhân vật trữ tình của bài thơ nhủ :

Nhưng con ở lại đây với Người,
Đất nước muôn đời thân thiết !
Dải bờ Thổ con chẳng cần chi hết
Cả châu Phi con cũng chẳng cần chi

Qua lời thơ thấy rõ ràng là tại sao chẳng cần « Dải bờ Thổ nhĩ kỳ », tại sao « chẳng cần châu Phi » : con người có đất nước quê hương mà anh ta yêu quí hơn hết, và anh giống như những con chim, không đi tìm các miền đất khác, quê hương khác. Với ý nghĩa ấy câu thơ đã nói cả « về châu Phi », cả về « Dải bờ Thổ ».

Nhưng nhóm nhà thơ Matxcơva, phát biểu ở các tối văn học, lên tiếng bằng mọi cách dèm pha bài thơ này : sự thể hóa ra là bài thơ không những không thành công, mà — điều này quan trọng hơn nữa ! — *sai lầm về chính trị*.

Những nhà thơ ấy khăng khăng khẳng định rằng, không thể nói như vậy, rằng chúng ta (có nghĩa là Liên Xô) hoàn toàn không dửng dưng trước chuyện xẩy ra ở ngoài biên cương Tổ quốc chúng ta.

Vào thời buổi ấy đối với tác giả một tác phẩm mà bị người ta nói là nó sai lầm về chính trị, thì đôi khi khá là chật vật : người ta có thể giày vò thần kinh anh ta đủ thứ.

Tôi quyết định viết thư cho A.A. Fađêep, hoàn toàn không phải vì tôi lo sợ cho thần kinh của mình, mà bởi vì, tôi cho những phát biểu của các nhà phê bình tôi hoàn toàn không đúng, định kiến.

Alekxanđr Alekxanđrôvits rất phẫn nộ đối với sự phê phán không đúng bài thơ. Anh cũng cho sự phê phán đó là định kiến.

— Anh biết không, — gặp nhau, anh nói với tôi, — tôi thật không thể hiểu được, bọn họ bịa đặt ra mọi chuyện đó để làm gì, vì sao mà họ tìm ra cái điều mà trong bài thơ hoàn toàn không hề vương vất chút nào. Không, chuyện này không thể để yên như vậy được, không thể khuyến khích, bởi vì thậm chí không chỉ nhận thấy điều tồi tệ, điều không đúng... Bài thơ thực ra rất hay và đúng...

A.A. Fađêep rất am hiểu thơ ca và yêu thích các bài thơ. Anh thường đọc to thơ, nhiều bài anh nhớ thuộc lòng.

Tôi tin tưởng bằng cách này hay cách khác anh sẽ bảo vệ « Những con chim đổi mùa » khỏi bị những đòn tấn công bất công, và ít ra anh sẽ gạt bỏ cái nhãn bọc mà đồng chí quá ư là « cảnh giác » đã gán cho những câu thơ của tôi.

Và chỉ ít lâu sau đã diễn ra đúng như vậy. Trong một cuộc họp các nhà văn A.A. Fađêep đã đọc báo cáo. Trong bản báo cáo có hẳn một mục về « Những con chim đổi mùa ». Anh đã hoàn toàn bảo vệ bài thơ, không nhân nhượng bất cứ một chút nào những ai đã phê phán một cách định kiến nó.

Sau phát biểu của Alekxanđr Alekxanđrôvits không còn kẻ nào tấn công *Những con chim đổi mùa* nữa.

1967

Trích : *M. Ixakôpxki « Về các nhà thơ, về thơ về Ca khúc »*
NXB « Nhà văn xô viết », M. 1968.

IURI NAGHIBIN

CON NGƯỜI HÀO HIỆP

(VALENTIN KATAIÉP, sinh năm 1897)

Valentin Kataiép không phải là loại nhà văn tự đặt cho mình trách nhiệm là chỉ xây dựng những giá trị vĩnh viễn, những tác phẩm hoàn hảo còn lại mãi với mọi người. Ông luôn là người đặc biệt hào hiệp. Ông viết cả tiểu thuyết, truyện vừa, truyện ngắn, bút ký, kịch, kịch bản điện ảnh, và nếu tin ở đoạn văn rất hay kể lại cuộc gặp gỡ với Giăng Ephen, thì ông còn viết cả... kịch bản ba-lê nữa. Thơ là lĩnh vực ông thể hiện tài năng không chỉ những năm còn trẻ, mà cả khi đã trưởng thành — ý tôi muốn nói trường ca *Maria* của ông. Rất nhạy cảm trước thời đại, ông vừa là tác giả của những tiểu thuyết như *Thời gian, tiến lên!*, bao quát nhiều vấn đề của những kế hoạch năm năm đầu tiên, vừa là tác giả của những truyện ngắn chỉ thu gọn trong một ngày như *Những con dao*, vừa viết *Người cha* khắc nghiệt, nhiều ý nghĩa, vừa là tác giả của thiên truyện *Hình tròn cầu phương* hơi rắc rối nhưng rất nồng nhiệt.

Có thể nghĩ rằng ngay từ những năm còn trẻ, tự tin ở tài năng bột phát mạnh mẽ của mình, V. Kataiép đã có ý hướng muốn lôi cuốn độc giả cùng với mình trải qua mọi thể loại văn học, không trừ thể loại nào. Vì vậy

thấy xuất hiện tuyển tập *Điều buồn cười nhất*, cuốn sách thích hợp với những người chỉ đọc sách trên xe điện mỗi khi có ai hỏi « Đọc gì đấy? » thì mới nhìn vào bìa sách. Nhưng tại sao không thể mang lại niềm vui cho các độc giả ngồi xe điện cơ chứ? Được viết vì quá giàu có, quá thừa sức, loại sách như *Điều buồn cười nhất* không ngăn cản tác giả viết nên những tác phẩm lớn khác, từ tiểu thuyết *Cánh buồm trắng cô độc* mà chúng ta coi như một tác phẩm cổ điển trong nền văn học thiếu nhi, cho tới truyện vừa rất xuất sắc *Tôi là con của nhân dân lao động* (nhân vật chính trong tác phẩm này đã quen thuộc với chúng ta không chỉ qua những trang sách, mà còn qua sân khấu nhiều nhà hát và màn ảnh chiếu bóng). Vậy mà các tác phẩm xuất sắc này lại được hình thành vẻ rất thoải mái, nhẹ nhàng, như thuận tay thì viết luôn vậy. Theo cùng một lượn sóng tài năng ấy, đã đến với chúng ta cả *Con trai trung đoàn* cảm động, trong sáng, cả *Người vợ* được nghĩ và viết ra rất xuất sắc, cả Máy điện — một thứ văn xuôi mẫu mực, và sau hết một tác phẩm không phải được viết mà như được dệt nên bằng ánh sáng để đến với trái tim người đọc — ý tôi muốn nói tới truyện ngắn rất bi thảm *Người cha của chúng ta*. Ngoài ra còn nhiều những vở kịch khác.

Tất cả đó, thật hào hiệp và giàu có biết bao, ở đó, tài năng của Kataiép không bị tiêu phí, mà lại như được tôi luyện trưởng thành và ngày một nảy nở đầy đặn hơn.

Sau mỗi tác phẩm xuất sắc người ta lại bắt gặp một Kataiép mới, sinh ra từ con người hôm qua, nhưng có những phẩm chất mới, trở thành người chủ đầy quyền lực của tài năng đồ sộ ở chính mình.

Rất quyến rũ và cũng đầy sức thuyết phục, tác giả và các nhân vật đi về lui tới trên mọi bình diện thời gian từ hiện tại tới quá khứ rồi lại từ đấy nhảy vọt tới tận tương lai. Những miền đất mới nảy sinh che lấp nhau rồi lại xuyên thấm vào nhau. Đó có thể là vùng Ôđetxa trước cách mạng, mà cũng có thể là Viện bảo tàng Bách trong lòng nước Đức. Nhiều điều kỳ diệu khác còn hứa hẹn đằng kia, khi cùng với các độc giả của mình, tác giả vượt qua nhiều giới hạn không gian và thời gian khác nhau.

Trong tự truyện, Valentin Kataiép với một sự kiên trì đáng kính, giới thiệu mình là học trò của Bunhin. Sự thực có vậy. Thuở trẻ, lúc còn đang sống ở Ôđetxa, Kataiép từng đem thơ và văn xuôi của mình tới chỗ Bunhin, thành kính lắng nghe những lời quở trách nghiêm khắc cũng như một ít lời khen rất tằn tiện của nhà văn bậc thầy kia. Mọi lời nói, mọi cử chỉ của Bunhin lúc ấy từng được Kataiép ghi xương khắc cốt để rồi nửa thế kỷ sau, soi sáng chúng bằng những kinh nghiệm của một cuộc sống lớn lao, và tái tạo lại hình ảnh của Bunhin trong hồi ký. Trong khi nói về Bunhin với tất cả tình yêu của mình — những lời lẽ rất hoàn thiện trên phương diện nghệ thuật — Kataiép hiện ra như một nhà văn đã trưởng thành có thể đứng ngang hàng với Bunhin. Nhưng cũng có thể thấy rất rõ là khi nói về con người, xã hội, lịch sử, Kataiép đã có một cách viết, đúng hơn một cách hiểu hoàn toàn khác. Làm nên sự đổi khác ấy, không phải chỉ có chất hài hước — một điều mà, cũng như ở nhiều tâm hồn lớn khác, ở Kataiép bao giờ cũng có thừa — không phải ở khuynh hướng phán xét nghiêm khắc, vốn xa lạ với một tài năng giàu chất hội họa như ở Bunhin; không phải ở phẩm

chất xã hội sâu sắc, mà còn là ở toàn bộ phương pháp, cách hiểu về ý nghĩa, mục đích, khuynh hướng trong sáng tác nói chung.

Vào những ngày này, Valentin Pêtơrôvich Kataiép tròn bảy mươi lăm tuổi. Như thế là đã nhiều lần rồi, thông thường người ta bảo vậy, nhưng lại không được, khi muốn nói về một nhà văn còn đang phát triển về mặt nghề nghiệp. Nhiều lần người ta tưởng Kataiép đã đạt tới đích của mình trong hình thức nghệ thuật, nhưng mỗi cuốn sách mới của ông lại là một bước nhảy trên dốc đứng, để tới những đỉnh cao mới. Phải chăng như vậy có nghĩa — tôi muốn mượn lại cách nói của Đantê — trên con đường dài dặc hôm nay, Kataiép chỉ mới đi được một nửa quãng đường?

TUỆ TÂM dịch

Trích tạp chí *Matxcơva* số 1 - 1972
(Bài viết nhân dịp 75 năm ngày sinh nhật Kataiép)

BÔRIX PÔLÊVÔI

NGỌN ĐUỐC KHÔNG TẮT
(NICÔLAI ÔXTRÔPXKI, 1904 - 1936)

Một lần vào giờ nghỉ tại Hội nghị thế giới các công đoàn ở Viên, Mađlen Riffô — nữ anh hùng của cuộc kháng chiến chống Đức của Pháp, bấy giờ là phóng viên chiến đấu của một tờ tạp chí tiến bộ, đến gặp tôi. Chị tới bên và bảo:

— Nếu đồng chí muốn, tôi sẽ giới thiệu đồng chí với Paven Kortsaghin? Việc này đối với đồng chí, theo tôi nghĩ, có thể lý thú đấy.

Mấy phút sau Mađlen trở lại với một anh thanh niên châu Phi người cao khỏe, gọn gàng. Anh đưa tay ra cho tôi và thân mật tự giới thiệu:

— Papka Kortsaghin.

Sau đó theo đề nghị của Mađlen anh cho xem thẻ đại biểu của mình, và trên tấm thẻ ghi bằng tiếng Pháp đúng như vậy: Papka Kortsaghin. Và bấy giờ ở anh Kortsaghin da đen này tôi đã biết ra một câu chuyện mà giờ đây, vào những ngày kỷ niệm của tác giả cuốn sách bất tử, tôi không thể không nhớ lại.

Câu chuyện ấy là như sau.

Tại công trường xây dựng đường quốc lộ mà công ty xây dựng của anh kéo dài qua các đầm lầy và hoang

mạc, trong cuộc nổi dậy các công nhân xây dựng da đen, người kể chuyện, lúc đó còn là một chú thiếu niên, đã bị bọn đốc công đánh đập tàn ác và gây thương tích. Anh bị chúng đánh gẫy mấy chiếc xương sườn, đâm thủng sọ và vứt nằm ngất lịm bên đường. Một ngày một đêm sau anh được một trong những người lãnh đạo công đoàn tìm thấy. Người ấy tìm thấy anh, đưa anh về nhà, rồi đón thầy thuốc từ xa tới. Nhưng bị đánh đập, anh chỉ còn thoi thóp. Mất hy vọng khỏe lại và nghị lực sống, anh khước từ cả thức ăn, cả thuốc uống, — cần gì phải kéo dài cơn hấp hối? Cái chết đến càng nhanh bao nhiêu, càng tốt bấy nhiêu. Và khi ấy người bảo trợ của anh đã đưa cho anh đọc một cuốn sách đã sờn rách, cũ kỹ bằng tiếng Anh — cuốn sách của Nikôlai Ôxtrôpxki. Cuốn sách này đã trả lại nghị lực bị tuyệt vọng đối với cuộc sống, đã khơi dậy trong anh niềm mong muốn sống lại, sống lại bằng bất cứ giá nào, sống lại để đấu tranh. Anh bắt đầu chịu chữa chạy. Anh đã sống lại. Anh đã đứng vững trên đôi chân.

— Thế đấy, nhưng do đâu anh lại có cái tên họ ấy?

Người tiếp chuyện châu Phi của tôi nhoẻn cười lộ cả hai hàm răng to trắng muốt.

— Chả bấy giờ tôi hầu như còn là một thằng bé con mà, bấy giờ tôi tin vào phù thủy. Khi tôi trở về nơi ở của mình ông thầy mo bộ tộc tôi bảo tôi: « Để thần chết buông tha cậu, không quay lại tìm cậu, phải đánh lừa nó. Cậu phải lấy một cái tên họ khác. Cậu lấy tên họ nào nào? » Thế là tôi lấy cái tên họ người anh hùng Nga, tấm gương của anh đã trả lại cho tôi niềm tin vào cuộc sống...

Tôi nghĩ rằng, ta có thể nói, không phải quá cường điệu là: cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Nikôlai Oxtrôpxki *Thép đã tôi thế đấy* — là một trong những cuốn sách nổi tiếng nhất trong văn học thế giới. Cuốn tiểu thuyết này ra đời năm 1932. Và từ đó đã trở thành cuốn sách yêu quí của thanh niên. Nhân vật của nó — anh thanh niên công nhân Papka Kortsaghin — đã và đang là tấm gương chói lọi của lòng dũng cảm sắt đá đối với nhiều người và nhiều thế hệ mới tiếp theo nhau của những con người trẻ xô viết. Chỉ riêng ở đất nước chúng ta cuốn sách đã xuất bản đến gần bốn trăm lần. Nó ra với một số bản chưa từng có: hơn mười tám triệu bản.

Và nó không già cỗi, không chìm vào quá khứ. Mầu sắc của nó không phai mờ. Những lớp cháu của những người đã đọc nó ngày nào đấy vào những năm 30, giờ đây đang đọc cuốn sách này với một niềm xúc động không kém, thích thú không kém những người ông, người bà của chúng, làm quen với Papka Kortsaghin vào những ngày xuân trẻ của mình.

Và đâu phải chỉ có ở Liên Xô chúng ta?! Papka Kortsaghin từ lâu đã bước qua các biên giới và đang bước đi một cách thắng lợi trên khắp cả các đại lục, mang đến cho mọi người biết sự thật về cuộc sống, về đấu tranh, về lao động, về những niềm vui, nỗi xao xuyến của con người xô viết. Tôi nghĩ là mình không nhầm nếu nói rằng «Thép đã tôi thế đấy» ở nước ngoài là một trong những tiểu thuyết xô viết phổ cập nhất. Và không chỉ có cuốn tiểu thuyết này, mà cả cuốn tiểu thuyết dở dang «Ra đời trong bão táp», cả tập thư từ của N. Oxtrôpxki, những cái tự bản thân nó đã giống được như một cuốn nhật ký của lòng dũng cảm.

Bất giác anh phải suy nghĩ: điều bí mật của sức hấp dẫn khác thường đến nhường ấy của các cuốn sách đó là ở đâu? Nghĩ rằng, điều bí mật là ở chỗ tác giả, thực chất trong cuốn sách đầu tay của mình đã kể hết sự thật của chính đời mình, đã hơn bất cứ một ai khác đạt tới và khám phá ra sự thật của tính cách xô viết, *chính là tính cách xô viết*, phát hiện và miêu tả các phẩm chất điển hình của con người xô viết, *chính là con người xô viết*, — những phẩm chất mới mẻ, chưa từng có và những đặc điểm của những con người của thế giới xã hội chủ nghĩa, những chiến sĩ, những người lính, những người sáng tạo, những người lạc quan vĩ đại, không bị mất tinh thần sảng khoái trong bất cứ hoàn cảnh nào, sẵn sàng cống hiến tất cả mọi sức lực của mình, nếu cần — cả cuộc đời của mình, vì lý tưởng cao cả, vì hạnh phúc của con người.

Đôi khi ta nghe nói: Ôxtrôpxki đó là quá khứ rồi; đó là chủ nghĩa lãng mạn những năm hai mươi. Kortsaghin là hiện tượng duy nhất, anh ta không còn lặp lại ở thời đại chúng ta nữa. Nhân chuyện này xin cho phép tôi kể lại một câu chuyện hoàn toàn hiện đại. Một lần ở tạp chí *Tuổi trẻ* người ta đề lên bàn tôi một bản thảo khá lạ lùng. Vàng ố, sờn rách. Những dấu ban biên tập trên tờ bìa bản thảo cho thấy là bản thảo này đã lưu lạc không ít qua các ban biên tập. Nhưng đặc biệt nét chữ trong bản thảo này làm ta ngạc nhiên — những con chữ to tròn dường như xô lấn nhau, chen đẩy nhau. Xin thú thật là bộ dạng của bản thảo khá là không hấp dẫn. Nhưng anh nhà văn tìm thấy nó trong hòm thư tòa soạn, chỉ nói gọn:

— Đồng chí hãy thử đọc lấy hai chương đầu xem, nếu không thấy thích — đồng chí cứ việc gạt đi.

Tôi bắt đầu đọc và, mê mải, đọc trọn hết toàn bộ câu chuyện, say sưa với những sự việc được kể trong đó. Còn những sự việc đó như sau. Ở dưới mỏ xảy ra sự cố: đường dây cao thế bùng lửa. Sự cố đe dọa gây ra tai họa, đe dọa sinh mạng của nhiều thợ mỏ khác đang ở trong lòng đất. Khi ấy, nhìn thấy sự cố, anh đốc công mỏ trẻ tuổi đã lao vào chỗ giây điện cháy. Tai họa bị chặn lại, nhưng chính người cứu mỏ được đưa lên mặt đất lại chết xỉu rồi. Suốt mấy tháng trời các thầy thuốc đã vật lộn giành lại cuộc sống cho anh và cuối cùng cũng đã dựng được anh dậy. Tuy nhiên anh trở lại cuộc sống với thương tật nặng; mất cả hai tay, bị cắt gần như sát đến bả vai. Mọi chuyện diễn ra tiếp sau đó — là điều không tương lai, là sự tuyệt vọng không phương bấu víu là những ý nghĩ về chuyện quyên sinh. Nhưng cái môi trường thân ái vây quanh, những người đoàn viên thanh niên cộng sản từ mỏ thân yêu, cô gái thương mến không bỏ anh con trai trong hoạn nạn, sự quan tâm và trìu mến đã giữ anh lại. Và cuốn sách của Ôxtrôpxki thẳng thắn chỉ cho anh con đường đi tới một nghề nghiệp mới, con đường đến với văn học.

Xét từ quan điểm văn học thì truyện dài này hơi yếu. Rõ ràng là chưa có tay nghề. Nhưng sức mạnh cuộc sống sôi nổi trong đó, những trang của nó tràn ngập một chủ nghĩa lạc quan chiến đấu đến mức chúng tôi quyết định in, không biên tập lại cơ bản, mà giữ nguyên dạng như nó vốn có. Và đã in. Đó là truyện dài của Vlađixlap Titốp *Trong chết cười ngạo nghễ* (1). Sau khi truyện dài đã được in ra, trong phòng làm việc của tôi một bữa kia đã xuất hiện một đôi nam nữ thanh niên

---

1) Tác phẩm này đã được dịch sang tiếng Việt và NXB « Thanh niên » xuất bản.

măng trẻ — cả hai khỏe mạnh, tráng kiện, hồng hào, đầy sức sống. Đó là tác giả truyện dài kia đi cùng với vợ mình. Tôi đưa tay cho anh và ngạc nhiên là anh không đáp lại cái bắt tay của tôi.

— Anh ấy làm gì còn tay mà. Tay anh ấy là tay giả, — chị phụ nữ trẻ thì thào.

Và lúc bấy giờ tôi hiểu ra điều bí mật của nét chữ viết lạ lùng. Hóa ra là, tác giả viết tác phẩm dài của mình bằng cách lấy răng cắn chặt bút chì.

Tiểu sử của Nikôlai Ôxtrôpxki đã lặp lại ở thời chúng ta như vậy đó, cốt chuyện của cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của ông gần như được nhắc lại như thế đó, ngày nay, vào những năm bảy mươi, không chỉ cho thấy sức hấp dẫn thần kỳ của tấm gương Kortsaghin, mà còn cho thấy là trong các điều kiện mới, giải quyết các nhiệm vụ mới của công cuộc xây dựng cộng sản chủ nghĩa, những người trẻ của những năm bảy mươi biết sống, đấu tranh, chiến thắng, như Paven Kortsaghin, người mà hắn đã có thể là hàng ông của họ.

Cuốn sách của Vlađixláp Titốp nhanh chóng trở thành một trong những cuốn sách thanh niên yêu thích. Trường hợp này tất nhiên là đặc biệt. Nhưng đâu phải chỉ có một. Mùa hè năm nay tôi có dịp đến vùng Triumen, đến một trong những thành phố trẻ nhất, mang cái tên tuyệt vời là Tuổi trẻ. Thành phố này thực ra còn chưa phải là một thành phố, tạm thời nó đang từ một xóm của công nhân xây dựng đường sắt Triumen — Nigiơnevartôpxcơ lớn lên. Ở đó tôi đã nhìn thấy những tấm biển ngữ: «Sống và làm việc như Kortsaghin».

Và, như về sau tôi được thấy rõ, khi đi thăm khắp tuyến đường, thì đó không chỉ đơn giản là một khẩu

hiệu. Trong tập thể những người xây dựng — ít nhất là ở các khu vực mà tôi được đến thăm, — có rất nhiều thanh niên làm việc. Thanh niên trai gái đổ về miền đất Xibiri khắc nghiệt và ảm đạm này từ đất Ucraina mầu mỡ, từ các nước cộng hòa phương nam đầy nắng — Armênia, Grudia, Azerbaigiăng. Họ về đây từ những thành phố lớn, với sinh hoạt đầy đủ tiện nghi, để bắt đầu tiểu sử lao động của mình, học lấy nghề, rèn luyện bản thân cho cuộc sống thực sự. Họ về đây, nơi mùa đông bão tuyết tung hoành, mà mùa hè, muỗi rĩn vo ve rền rĩ suốt ngày đêm.

Không, không phải đuổi theo đồng rúp mà họ đã và đang bị cuốn hút đến công trường tuyến đường sắt bắc Xibiri. Họ bị cuốn hút đến đây bởi mong muốn thử thách sức lực của mình trong một công việc lớn lao, thật sự. Họ bị cuốn hút tới đây bởi những lý tưởng cao cả, tươi sáng, những lý tưởng khi trước đã dẫn dắt những người cùng lứa tuổi và bạn bè rách rưới, đói khát, gầy gò của Kortsaghin đến công trường xây dựng một tuyến đường sắt nhỏ nhoi.

Trong cuộc tấn công vào rừng taiga và đầm lầy lớp thanh niên ngày nay được vũ trang đầy đủ kỹ thuật mới nhất. Những máy xúc khổng lồ bới đất, những chiếc xe tải, xe cạp đất đồ xộ, xe chuyên chở, những xe ủi san mặt bằng và những xe lu to lớn đầm chặt. Những người xây dựng sống trong những thị trấn nhỏ, trong những toa xe nhỏ, nơi họ có đủ cả ánh sáng điện, bếp ga, họ ăn uống trong những nhà ăn tiện nghi đầy đủ, họ xem phim ở câu lạc bộ lưu động. Nhưng đó là những người thừa kế xứng đáng của Paven Kortsaghin.

Hình ảnh Nikôlai Ôxtrôpxki được nhiều bức họa, tượng đài, bia kỷ niệm gìn giữ cho chúng ta. Nhưng

theo tôi nghĩ, hình ảnh ấy được ghi lại tốt hơn hết trong các cuốn sách không han rỉ của ông, từ đó ông nhìn chúng ta, một chàng thanh niên đoàn viên cộng sản đôi mắt sáng ngời của những năm hai mươi, bất khuất, không khoan nhượng, không buồn nản cho đến hơi thở cuối cùng, tin tưởng vào sức mạnh của trí tuệ con người, vào thắng lợi của điều tốt đẹp nhất trên trái đất.

Và Papka Kortsaghin của ông bước đi, bước đi mãi khắp địa cầu, bước đi qua biển cả, đại dương, mang đến cho các dân tộc sự thật về đời sống xô viết của chúng ta, vũ trang cho các bạn đọc nước khác nghị lực và niềm hy vọng, như chuyện đã xảy ra với người lãnh đạo công đoàn Papka Kortsaghin từ lục địa da đen: người trước đó đã được cuốn sách của Ôxtrôpxki cứu sống và ban phúc bước vào cuộc đấu tranh và cuộc sống lớn lao.

Báo «Sự thật», 27 tháng 9 năm 1974.

XERGÂY NARỐPTSATỐP

TÀI NĂNG CỐNG HIẾN CHO NHÂN DÂN
(KÔNXTANTIN FÊĐIN, 1892-1977)

Có những con người nếu thiếu mất khó có thể hình dung ra được thời đại chúng ta. Kônxtantin Alekxanđrôvits Fêđin thuộc trong số những con người đó. Có thể điểm lại không hết tất cả các danh hiệu vinh dự, các chức vụ và các tặng thưởng, mà ông hoàn toàn xứng đáng, nhưng chỉ một tặng thưởng thâu tóm cả những cái đó vào trọn vẹn. Thực ra, nhờ có nó mà ông đạt được những vẻ vang ấy. Đó là tài năng lớn lao rực rỡ.

Vả lại tài năng ấy hoàn toàn cống hiến cho nhân dân thân yêu. Không, ông không chôn vùi tài năng của mình xuống đất, như các câu chuyện ngụ ngôn cổ xưa thường kể. Ông mang tất cả tài năng phục vụ quần chúng cách mạng, cùng họ bắt tay vào xây dựng cuộc đời mới. Công cuộc xây dựng cuộc đời này bắt đầu vào những năm gian nan nhất, khi đất nước ra khỏi tình trạng kinh tế đổ nát, do cuộc can thiệp võ trang, bọn bạch vệ, nội chiến gây nên.

Vào những năm ấy xuất hiện cuốn tiểu thuyết *Những thành phố và năm tháng* của nhà văn bấy giờ còn rất trẻ. Cuốn sách lập tức thu hút sự chú ý của người đọc bởi sự bất ngờ dữ dội của nội dung đã xác định một sự bất ngờ cũng như vậy của hình thức. Trong tiểu

thuyết thấy đặt ra một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất của thời kỳ đó. Trong định thức nổi tiếng của Aleksandr Blôc « Trí thức và cách mạng » hai khái niệm này trong tiểu thuyết của Fêđin dường như đổi chỗ cho nhau. Điều ấy đã được lịch sử chế định bởi vì kể từ thời gian xuất hiện bài báo nổi tiếng của Blôc tính ra đã được hơn sáu năm, sáu năm đầy dẫy những sự kiện lớn lao. Cuộc nội chiến đã kết thúc giai đoạn phục hồi bắt đầu. Chính sách kinh tế mới được ban bố, nhưng ngay từ cuối năm 1922 vị lãnh tụ vĩ đại của những người lao động đã biểu lộ niềm tin tưởng vững chắc rằng từ nước Nga của Nep sẽ hình thành nước Nga xã hội chủ nghĩa.

Trên cái nền lịch sử này, sự xuất hiện cuốn tiểu thuyết của Fêđin càng đặc biệt có ý nghĩa. *Những thành phố và năm tháng* không chỉ tổng kết những chuyển biến quyết định, diễn ra trong nhận thức của trí thức, mà còn phác ra những triển vọng xa xôi của sự phát triển tinh thần của nó. Điều ấy lúc đó quả là rất quan trọng, bởi vì phía trước đang chờ đợi những thử thách nghiêm trọng trong đời sống nhân dân. Trí thức cần phải quyết định một lần dứt khoát xem nó sẽ ở vị trí nào trong cuộc đấu tranh tới vì chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cuốn tiểu thuyết của Fêđin đã đưa ra một câu trả lời thẳng thắn và dứt khoát: trí thức đi cùng với nhân dân theo Đảng.

Những thành phố và năm tháng đưa Fêđin lên một trong những địa vị danh tiếng trong văn học xô viết non trẻ. Trong tác phẩm đáng kể tiếp theo của nhà văn, tiểu thuyết *Anh em*, chủ đề nghệ thuật cách mạng trở thành nội dung chủ yếu. Những âm sắc luận chiến của tiểu thuyết này tóm bắt cái âm hưởng của cuộc tranh cãi sôi nổi thời đó. Nghệ thuật phải như thế nào?

Tự biệt lập và tự thỏa mãn hay cởi mở đối với nhân dân, đi cùng nhân dân? Những mâu thuẫn xao xuyến và dằn vặt của cuốn tiểu thuyết dẫn đến một kết luận đúng đắn duy nhất về tính nhân dân của nghệ thuật chân chính.

Trong suốt cả cuộc đời lâu dài của mình Kônxtantin Fêđin nhiều lần cho thấy rằng ông mang trong mình một tinh thần của người chiến sĩ. Người chiến sĩ vì những tư tưởng tiên tiến của nhân loại, vì hòa bình và tiến bộ. Ông thuộc số các nhà văn quen thuộc thế giới phương tây không phải qua các chuyến du lịch ngắn ngày, không phải qua sách vở, bài báo. Ngay từ năm 1914 ông đã bị giam giữ ở Đức và sống ở đó suốt chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Sự căm thù đối với chế độ quân phiệt Đức, chủ nghĩa quân phiệt đã được nuôi dưỡng trong ông ngay từ thời gian ấy. Thế rồi vào những năm ba mươi khi chủ nghĩa phát xít lên cầm quyền ở Đức, Fêđin là một trong những người đầu tiên trong văn học chúng ta sáng tác ra các tác phẩm tố cáo thế giới ăn cướp, bà hiếp và chiến tranh. Nhà văn đã nhìn thấy thế giới phương tây như vậy trong *Đánh cắp châu Âu* và *Nhà an dưỡng Arktur*. Trong cả hai tiểu thuyết này ông đã đem chế độ xô viết rất con người và bình đẳng đối lập với cái xã hội phản nhân đạo, bóc lột kia.

Nhà văn đã đón năm 1941 với tinh thần sẵn sàng. Các vở kịch, các truyện ngắn, bút ký của ông đã giúp đỡ những người lính ở ngoài mặt trận đánh quân thù, những người lao động ở hậu phương làm việc, không tiếc mình.

Trong những năm sau chiến tranh, chúng ta lại chứng kiến tài năng của Fêđin không hề lụi tắt. Ông xây dựng tác phẩm bộ ba về cuộc sống của xã hội Nga

suốt mấy thập kỷ. Sự việc trong tiểu thuyết *Những niềm vui đầu tiên* bắt đầu vào năm 1910, còn trong cuốn kết thúc — *Đống lửa* — diễn ra trong những năm Chiến tranh Giữ nước Vĩ đại. Các nhân vật của nó thường hoạt động ở vùng phụ cận Trung Vônga. Tất nhiên, đấy không phải ngẫu nhiên. Fêđin là người Xaratốp, và một thời gian đã sống ở thành phố nhỏ Khvalưnxcơ, thành phố quê tôi: Ông đã thuê một căn buồng, nhân tiện xin nói là nằm chéo nhà ông tôi, người giữ thư viện quận. Ông tôi còn nhớ Fêđin cho mãi đến lúc qua đời. Điều đó là tất nhiên — Fêđin và sách là một khái niệm không tách rời. Cần nhận xét là phong cảnh Vônga trong bộ ba tiểu thuyết có khả năng thậm chí làm cho những người chưa bao giờ đến nơi này cũng phải yêu mến, còn những bức tranh do nhà nghệ sĩ bậc thầy tuyệt vời vẽ nên làm cho những người gốc gác Vônga phải đánh giá lại những kỳ vật mà thiên nhiên quê hương ban cho họ.

Những niềm vui đầu tiên, *Mùa hè kỳ lạ*, cả hai tập *Đống lửa* — đó là bản anh hùng ca nhân dân. Hoạt động bí mật cách mạng bônsêvich, nội chiến và chiến tranh giữ nước vĩ đại là các sự kiện then chốt trong lịch sử chúng ta chiếu rọi một tia sáng thẳng băng và chói sáng suốt trong cả bộ ba. Ở đây nổi bật những tính cách mạnh mẽ lớn lao của những chiến sĩ vì sự nghiệp nhân dân, những người công nhân, nông dân, trí thức. Độc giả ghi nhớ đảng viên cộng sản Izvekốp kiên cường, đã trải qua trường học gian khổ của hoạt động bí mật, tù đày, đấu tranh vũ trang vì chính quyền xô viết. Đặc biệt, người bônsêvich ở Vônga trở thành nhà lãnh đạo những người cộng sản của Tula vô sản, đóng chặt cổng trước mũi bọn phát xit và tiêu diệt chúng trong trận giao chiến không thương xót. Thành

phố anh hùng, mới đây vừa được danh hiệu cao quý này, với lòng biết ơn ghi nhớ nhà văn, người đã thấy trong chiến công của thành phố này biểu tượng của cuộc đấu tranh của toàn dân với chủ nghĩa phát xít.

Bộ ba tiểu thuyết động chạm đến nhiều mặt sự tồn tại của chúng ta — cuộc sống xã hội, chính trị, đạo đức, nghệ thuật, sinh hoạt. Số phận tri thức thuộc các thế hệ khác nhau — từ thế hệ già dằn vặt giải quyết vấn đề về con đường đi tiếp của mình, đến thế hệ mới, một lần dứt khoát mãi mãi gắn bó cuộc đời mình với cách mạng — cứ nối tiếp nhau đi qua các trang sách.

Văn phong của Fêđin trau chuốt đồng thời cũng chứa đựng nhiều, có thể là một mẫu mực đối với những cây bút văn xuôi trẻ. Là nhà văn hiện thực chủ nghĩa, ông mạnh dạn sử dụng những cái mới tạo nên của văn học phù hợp với các nhịp độ tăng gấp của thời đại chúng ta.

Ở đây tôi muốn nhấn mạnh thêm tính chất triệt để của các quan điểm và các chính kiến Fêđin trong suốt nhiều năm kéo dài. Tư tưởng nghệ thuật của ông bao giờ cũng hướng vào việc luận chứng toàn diện mối quan hệ chặt chẽ giữa trí thức với nhân dân. Kỳ vọng cao cả này của nhà văn nổi tiếng bao giờ cũng nhận được ở đất nước chúng ta hồi âm.

Lời văn của Fêđin được những người tiến bộ ở ngoài biên giới đất nước ta chăm chú lắng nghe. Về toàn bộ cương lĩnh tinh thần và nghệ thuật, ông thuộc lớp người kiệt xuất vĩ đại trong số các nhà văn nhân đạo chủ nghĩa của thế kỷ XX do Gorki đứng đầu. Tán thành các lý tưởng cao cả của những người kiệt xuất của văn học thế giới, tiếp tục cuộc đấu tranh của họ chống các lực lượng phản động, Fêđin đứng ở hàng đầu những con người quả cảm, chiến đấu vì hòa bình và

hạnh phúc của các dân tộc trên thế giới. Uy tín riêng của ông được nhân lên bởi một sự việc có ý nghĩa quan trọng là các nhà văn xô viết vừa bầu ông làm chủ tịch Hội của mình [1]. Vì thế đằng sau ông là gần tám nghìn nhà văn liên kết lại thành một khối.

Kônxtantin Alekxanđrôvits Fêđin là niềm tự hào của văn học xô viết. Chúng ta cảm ơn ông vì những cuốn sách tuyệt vời của ông. Nhân ngày ông 85 tuổi chúng ta chúc nhà văn lỗi lạc có thêm nhiều năm tươi sáng của cảm hứng sáng tác.

Báo « Sự thật », số ra ngày 24. 11. 1977.

---

1) Ngày 25 tháng 6 năm 1976, Hội nghị lần thứ nhất của Ban lãnh đạo Hội do Đại hội lần thứ VI của Hội nhà văn Liên xô đã bầu K. A. Fêđin làm chủ tịch Ban lãnh đạo.

IURI KURANÔP

CHẤT THƠ TRONG VĂN XUÔI
(MIKHAIN PRISVIN, 1873 - 1954)

> Nếu như thiên nhiên biết mang ơn con người đã đi sâu vào trong lòng đời sống của thiên nhiên, đã ca ngợi nó, thì người trước tiên xứng đáng được hưởng ơn đó là Mikhain Prisvin.
>
> KÔNXTANTIN PAUXTỐPXKI

Đi qua những cuốn sách của Mikhain Prisvin cũng như đi qua một cánh rừng rậm. Mỗi chiếc lá, mỗi lối mòn, tiếng suối reo, hơi thở dài của cây thông, giọt mưa rơi tí tách,... tất cả đều sống động, đầy ý nghĩa, thậm chí khá thông minh. Bản thân sự sống của mảnh đất ấy thông minh. Bị cuốn vào sự nhốn nháo của chốn đô thành và cái cơn lốc sinh sống thường ngày chúng ta hay quên chuyện đó hoặc bỏ qua nó trong khi chỉ một khoảnh khắc lưu tâm tới cũng đã đủ để chúng ta nhận biết được thiên nhiên, ở nơi này, đó là một bài học quý báu có ích cho cuộc đời ta, ở nơi kia, đó là một lời khuyên nhủ giản dị song cũng thật cần thiết. Con người vốn đầy lòng tự cao tự đại, nhưng đôi khi chỉ một sự kiện hoàn toàn nhỏ bé đột nhiên xuất hiện ở cánh rừng thưa đã khiến họ tỉnh táo trở lại, như được đắm mình trong bồn nước lạnh. Có lúc anh ta sắp bị đè bẹp dưới gánh nặng khổ đau thì một làn gió

hiu hiu buổi chiều thổi tới âu yếm vuốt ve tâm hồn anh ta và trả lại cho anh lòng can đảm. Sự thông minh bí ẩn của những cánh rừng tràn đầy lòng tốt diệu kỳ đối với những ai biết giải thích nó bằng văn tự. Trái tim của Prisvin và đôi mắt chăm chú của ông biết khám phá những ngọn nguồn không bao giờ vơi cạn của cuộc sống ở những góc nhỏ bé nhất trên trái đất. Có những nhà văn coi cái tôi của mình là trung tâm vũ trụ và bắt tất cả những cái xung quanh họ phải phục tùng cái tôi ấy. Prisvin là con người khác, sâu sắc hơn nhiều. Vâng, nói một cách chính xác thì không phải sự khiêm tốn mà chính là sự sâu sắc của ông đã phân biệt ông với người khác.

Khi nhìn qua cửa con tàu đang chở anh, anh tưởng nhìn thấy cảnh vật thiên nhiên chạy đi. Chỉ đến khi anh thật sự định hướng lại anh mới hiểu rằng cảnh vật đang đứng yên và chính anh đang chạy trên con tàu của anh. (M. Prisvin)

Nhà văn Nga Mikhain Prisvin sinh năm 1873 vào đúng lúc cao điểm của mùa đông, ngày 5 tháng Hai, tại làng Khorútsevô vùng Êletxcơ. Đó là mảnh đất dòng dã đã nhiều thế kỷ chìm trong khói lửa vì các cuộc xâm lăng, các cuộc khởi nghĩa của nông dân, một vùng đất chịu những trận hạn hán khủng khiếp, những cơn bão dữ dội, và cũng lại là mảnh đất kết tinh của ngôn ngữ Nga khỏe khoắn nhất và tinh tế nhất. Ông sinh ra vào thời kỳ mà bầu trời trút xuống trái đất một lớp băng xanh và mùa đông đã đốt sáng lớp sương giá trên những cây bồ đề, bạch dương thành những tia sáng xanh, hồng, tím. Trước cảnh đẹp ấy, đôi mắt con người bừng sáng, cũng như trái tim anh ta rộn ràng ca hát trong khi những con thú vẫn nằm im lìm trên những lối mòn giương đôi mắt kinh ngạc nhìn thế gian. Đó là một thời kỳ mà mỗi sinh

vật đều hiểu rằng những thế lực hắc ám của mùa đông sẽ thất bại và cái đẹp của trái đất sẽ bừng lên sức sống. Người ta tin rằng mùa xuân sẽ đến và người ta có đủ sức để sống cho tới khi ấy. Về sau này nhà văn đã coi thời gian ấy của cái mùa đông khốc liệt như là Mùa xuân của ánh sáng. Có lẽ ở chỗ này chúng ta phải tìm ra nhân tố quan trọng đã làm cho Prisvin trở thành một bậc thầy không thể so sánh được về ngôn ngữ Nga với tất cả phong vị và vẻ uyển chuyển của nó.

Và khi đó tất cả các nhạc công, tất cả các sinh vật ở thung lũng của bài ca đều trỗi dậy vui chơi ca hát. Cái yên lặng sống động như được mở ra và nó cất tiếng kêu gọi tất cả:

— *Hãy nói đi, nói đi, nói đi!* (M. Prisvin)

Những nhân tố đẹp khỏe khoắn, giàu âm hưởng trong ngôn ngữ văn học Nga làm chúng ta thán phục ngày hôm nay đã được phát triển và nở rộ ở tác phầm của Prisvin. Tài năng của ông đã tìm thấy ở đấy tất cả sức mạnh cần phải có. Nhưng trước ông, dòng ngôn ngữ văn học Nga ấy đã phát triển với quy mô lớn và chói lọi vào thời đại của Nicôla Gôgôn, Xécgây Acxacốp, Nicôla Lêxcốp, Phêđo Đốtxtôiepxki, Ivan Tuôcghêniép, Vladimia Kôrôlencô và Paven Menicốp — Pétsécxki. Ngôn ngữ đã chảy trong cái dòng ấy như là một bài ca hoặc giống như vào một buổi bình minh, nó hít thở, nó lấp lánh, nó vui, nó buồn... Những từ ốm yếu chúng sẽ chết đi, và chúng sẽ sinh ra, tạo nên một thế hệ từ ngữ mới nhiều vô kể và mạnh mẽ. Ví như khi người ta thốt lên một trong số những từ ngữ ấy thì người ta không thể tìm thấy cái gì để thay thế nó. Sẽ chỉ còn lá một chỗ trống, một nấm mồ nhỏ trong nghĩa trang mà những người tốt bụng sẽ đến viếng thăm để tưởng niệm và khóc than, như tưởng niệm và khóc than cho một

người bạn cũ chết sớm. Và khi nghĩ đến đội quân từ ngữ hùng mạnh của những thiên tài ấy trái tim người Nga cảm thấy khỏe mạnh hơn và tương lai có một vẻ uy nghiêm lộng lẫy.

Trong mỗi tâm hồn tiếng nói sống, cháy lên, tỏa sáng giống như một ngôi sao, và nó tắt đi cũng như một ngôi sao sau khi đã hoàn tất cuộc sống trên trái đất và cất cánh bay ra từ đôi môi chúng ta. (M. Prisvin).

Trong một tác phẩm văn học như vậy thì không phải ngôn ngữ làm mỗi việc ghép nối quí giá. Ở đấy cả con người lẫn sự vật, cả các hiện tượng của sự sống lẫn cái chết đều sống sâu sắc và chan hòa lẫn với nhau. Số phận của một cá nhân, một thành phố, một dòng sông, một con chim sơn tước, một nhánh cây đều tác động đến trái tim nhà nghệ sĩ với cùng một cường độ. Trái tim ấy rung động vì một sự lướt qua nhẹ nhàng nhất và nhà văn đã đáp lại mỗi rung động ấy bằng niềm hưng phấn duy nhất, giống như là tiếng nói chỉ cho anh vào khoảnh khắc ấy vừa là lần đầu tiên vừa là lần cuối cùng của đời mình. Prisvin đã viết tất cả tác phẩm của mình như vậy, cả tác phẩm lớn lẫn tác phẩm nhỏ, kể cả tác phẩm đầu tiên khá sặc sỡ *Ở xứ sở của chim muông không một ai thấy chán* và bài ca tình yêu lạ thường của ông, *Phaxêlia*, cũng như bản trường ca hùng tráng *Nhận sâm*, những truyện cổ anh hùng ca *Rừng già* và *con đường đế vương*, và tác phẩm thật kín đáo song lại rất thi vị của ông, *Mật ong phương Bắc*. Mặc dù bằng thứ ngôn ngữ hòa điệu với thuở xưa, một văn phong đặc biệt, tác phẩm của Prisvin vẫn mang tính thời sự tuyệt đối. Trong các truyện ngắn và truyện vừa của ông Nước Nga cũ và tuổi trẻ của mảnh đất chúng ta như là anh em gắn bó với nhau mãnh liệt mà không thể nào tách khỏi chúng những nhân tố khác nhau.

Văn chương đó là thơ ca của cuộc sống nhẹ nhàng. Còn như nghệ thuật thực sự nó đi ra từ cuộc sống bên trong, một cuộc sống biểu lộ trong ấy cái cảm hứng của con người trước sự bất tử (M. Prisvin).

Trong những truyện ngắn, tiểu phẩm hoặc ngay cả những tác phẩm có cấu trúc rộng lớn của mình, Prisvin làm cho chúng ta nghĩ tới một nhà tìm kiếm hoang đường nào đấy cái kho tàng bí mật, đã tìm ra những ngọc ngà châu báu ở cái nơi tưởng không thể nào có, ở mảnh đất đã bị hàng trăm hàng nghìn vết chân dày xéo, nơi những con đường cũ kỹ bị bỏ từ lâu lại phát hiện ra những con đường mới. Đôi mắt của nhà ảo thuật ghi nhận tất cả và rồi làm cho chúng ta nhìn thấy ánh sáng và sức mạnh đang chuyển vận trong những sự vật, những sinh vật bình thường nhất: trong đôi ủng da, một con thuyền, chiếc dày vải gai, mầm thông, một chiếc tổ bỏ không, một con bọ dừa đang ngủ, một mẩu bánh... Những vẻ khác nhau thông thường nhất của sự vật trở nên phong phú dưới ngòi bút ông nhờ thứ ánh sáng đặc biệt, và chúng được chiếu sáng như vậy vĩnh viễn để chúng ta khám phá ra một thế giới mà các âm thanh lẫn màu sắc cũng bừng sáng cho mọi người và cho muôn đời. Làm thế nào mà nhà văn đạt được đến điều ấy? Đó không phải là điều bí mật: ông đạt tới điều ấy bởi ông biết đi sâu vào bản chất của các hiện tượng và các sự vật. Ông biết tìm ra cái lõi của chúng. Cái lõi đó chính là chất thơ. Không bao giờ ông gắng sức thi vị hóa cuộc sống, ngược lại, ông tìm kiếm và khám phá sức mạnh bên trong — tức chất thơ thực sự của cuộc đời — cũng giống như sức mạnh mà chúng ta biết được khi khám phá trong nguyên tử.

Có phải thơ trữ tình đã gìn giữ vàng mười của tác phẩm văn học khi xác định giá trị thực và sức sống

của nó? Chính anh hùng ca cũng là thơ trữ tình được che phủ. (M. Prisvin).

Trong tác phẩm của Prisvin không có một chút kiêu kỳ hợm hĩnh nào. Ở đấy mọi cái đều giản dị, tự nhiên, bình thường, kín đáo, thậm chí dụt dè giống như trong tất cả các hiện tượng của một tính cách Nga thực sự. Nhưng trong bức tranh không có sự ồn ào ầm ĩ của nhân vật ấy cùng với những vật thể hàng ngày, những chi tiết của thiên nhiên tưởng chừng không cần thiết mấy bỗng nhiên chúng ta khám phá ra một giá trị sống và một nhu cầu cấp bách cho cuộc sống con người. Bản chất của con người và sự vật trong tác phẩm của Prisvin làm chúng ta hiểu điều kiện duy nhất và bắt buộc cho phép mỗi con người sống nhân đạo và nhìn thấy một sinh mạng đang tồn tại ở người khác: đó là sự thống nhất hài hòa bên trong của cá nhân với sự hài hòa bao quanh cá nhân ấy trong vũ trụ, sự hài hòa của cuộc sống và tiến hóa xung quanh con người ấy, cuộc đấu tranh chống lại tất cả những mưu toan cắt đứt hoặc phá hủy tính liên tục của mối liên kết hài hòa ấy của con người. Và khi đó, những sự việc và chi tiết dường như là thứ yếu bỗng chứa đầy ý nghĩa.

Sự thật, đó là chiến thắng của lương tâm trong con người. (M. Prisvin).

Tròn một thế kỷ đã trôi qua kể từ lúc sinh ra con người này, một con người đã bước sâu vào nền văn học chúng ta với Mùa xuân ánh sáng của mình, một con người sinh vào đúng tháng hai «khi ánh sáng nhiều lên và những con thú có lông đang ăn mừng lễ cưới của chúng». Ông bước vào nền văn học chúng ta bằng ánh sáng của ông và ở lại đó vĩnh viễn với lòng nhân ái và nụ cười tràn đầy tài trí của ông. Nghĩ tới ông hoặc cầm trên tay bất cứ cuốn sách nào của ông,

người ta không tài nào hình dung được rằng ông đã qua đời, đã được chôn cất và người ta khóc lên đau đớn. Mikhain Prisvin hiện ra trước mắt ta dường như bao giờ cũng vẫn ở một lứa tuổi mà ông đã có từ khi ở làng Khorútsevô đến vùng ngoại ô Ôren cho mãi tới lúc ông ở Đulôvô, trên sông Ôka, nơi ông đã trải qua những năm lao động sáng tạo và suy nghĩ cuối cùng. Người ta nói rằng kể từ lúc ra đời, bao giờ Mikhain Prisvin cũng là con người như chúng ta thấy hôm nay: một ông già sáng suốt, thông minh, có vẻ trẻ trung với khuôn mặt cởi mở, cái nhìn tràn đầy trong sáng. Đúng thế, ngày 16 tháng Giêng năm 1954 chỉ là ngày tháng ông qua đời. Song nhà văn còn sống mãi. Sách của ông luôn trẻ và dấu vết mà ông để lại trong nền văn học xô-viết mỗi năm một rõ nét. Hôm nay chúng ta thấy xuất hiện những truyện khi ngắn, khi dài, khi giản đơn, khi tưởng tượng, những truyện giàu ngôn ngữ, màu sắc, sự sống của tâm hồn và lòng nhân hậu trong sáng rất hài hòa với những cái mà Prisvin đã khám phá cho chúng ta. Víchto Axtaphêép, Vlađimia Xôlôukhin, Cônxtantin Vôrôbiep, Vaxili Bêlốp, Víchto Likhônôxốp, Xécgây Nikitin, những nhà văn ưu tú này với những giọng điệu khác nhau, nhưng rất âm vang, đều đã uống nước ở ngọn nguồn sinh động của tác phẩm Mikhain Prisvin.

Tôi cám ơn số phận đã cho tôi bước vào văn xuôi bằng thơ ca của tôi, bởi vì thơ ca không chỉ làm cho văn xuôi sống động, mà chính nó cỏ khả năng tỏa ánh sáng vào những cuộc đời mờ nhạt nhất. Những nhà văn xuôi — nhà thơ như Tsêkhốp đã thành công và thực hiện được một chiến công hiển hách trong lĩnh vực này như vậy. (M. Prisvin)

Tôi nhìn thấy một cánh rừng. Một cánh rừng rậm và dũng mãnh. Cánh rừng lúc ẩn, lúc hiện, lúc ầm ào. Bóng chiều phủ lên cánh rừng và một người đàn ông lặng lẽ bước đi trong ấy. Không nghe thấy tiếng bước chân ông ta, mà chỉ thấy hơi thở đầy sức sống và nhân hậu. Không nhìn thấy cả con người ấy nữa. Nhưng người ta nghe thấy trái tim ấy đập, và tiếng run rẩy của lá cây, ngọn cỏ. Hơi thở xích lại gần, và đột nhiên, ánh sáng bừng lên. Đó là cái nhìn của người đàn ông làm bừng lên một ngọn lửa sáng trong. Chỉ có cái nhìn ấy ánh lên trong cánh rừng đêm nhưng nó làm rực sáng tất cả những gì xung quanh nó, một cây thanh lương trà còn non, cây tùng bật gốc vì gió bão, những quả việt quất vương vãi trên những mô đất, trên nước, vết chân của con nai, dòng suối xà cừ phụt lên từ dưới một tảng đá phủ rêu. Và dưới cái nhìn ấy người ta cảm thấy chính bản thân mình được soi sáng bằng thứ ánh sáng dịu dàng, tốt đẹp.

Con người ấy không còn nữa song tiếng nói của ông ta còn tồn tại. Tiếng nói ấy cất cánh bay từ thế hệ này tới thế hệ tiếp sau, giống như ánh sáng của một vì sao bao giờ cũng tỏa sáng vào vũ trụ. (M. Prisvin)

Phong Vũ dịch

Từ tạp chí Oeuvres et Opinions
Số 170/1973

KÔNXTANIN XIMÔNỐP

CÙNG VỚI ÊRENBURG Ở MỸ
(ILYA ERENBURG, 1891 - 1967)

Ilya Grigorievits Êrenburg theo các cách khác nhau đi vào cuộc đời của mọi người khác nhau. Ông đi vào cuộc đời tôi cùng với Tây Ban Nha, cùng với những bài báo đầu tiên gửi từ đó, từ Mađrit về. Cùng với cả Kôntxốp, cùng với những danh sách đầu tiên đăng trên báo chí về những người phi công và lính xe tăng được tặng thưởng vì đã hoàn thành những nhiệm vụ đặc biệt của chính phủ. Cùng với những người mặc áo bơludông bằng da với những huân chương Sao Đỏ lúc đó còn rất hiếm hoi gắn trên ngực, xuất hiện trên đường phố Matxcơva.

Giọng nói của Êrenburg đối với tôi bấy giờ, hồi niên thiếu, là giọng nói của con người đứng ở đâu đó nơi tiền duyên nhất của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Hồi trẻ tôi không đọc *Huliô Hurenitô*, cũng như các cuốn sách đầu tiên khác của Êrenburg. Và mặc dù tôi đã đọc các tiểu thuyết của ông đầu những năm ba mươi — *Ngày thứ hai* và *Không kịp lấy lại hơi thở*, — nhưng những cuốn sách ấy dường như lướt qua đi bên cạnh tôi. Có thể bởi vì khi ấy tôi hoàn toàn còn là một người non trẻ, nhìn nhận một cách khác và, xuất phát

từ kinh nghiệm cá nhân, cảm giác một cách khác cái thời đại những kế hoạch năm năm đầu tiên mà Êrenburg viết về ấy.

Tôi xin nhắc lại, ông đã đi vào tiềm thức của tôi với những bài báo của mình gửi từ Tây Ban Nha. Và với những bài thơ của mình về Tây Ban Nha, khi ấy in ở tạp chí *Ngọn cờ*.

Những bài thơ, trong đó chúng tôi bị hấp dẫn bởi sự trong sáng của chúng, những bài thơ ấy nói về những người tình nguyện của chúng ta ở Tây Ban Nha, bây giờ thuộc vào số những bài thơ nếu không phải là yêu thích nhất của tôi, thì ít ra cũng thuộc số những bài thơ làm tôi xúc động nhất.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy Êrenburg vào năm 38, khi ông ở Tây Ban Nha trở về. Bữa ấy có dạ hội ở câu lạc bộ sinh viên ở phố Xtrômưnka, và ở đấy sau hậu trường tôi đã được thấy Êrenburg, — con người từ Tây Ban Nha trở về, viết về Tây Ban Nha, con người chính mắt mình đã nhìn thấy những trận chiến đấu đầu tiên với chủ nghĩa phát xít.

Điều đó đối với tôi khi ấy là ấn tượng chủ yếu về Êrenburg và còn là ấn tượng chủ yếu về ông cho đến lúc mở đầu cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, khi các bài báo của ông xuất hiện trên tờ *Sao đỏ*. Những bài báo này cần thiết đối với mọi người thực sự như bánh mì, và đã làm được một sự nghiệp to lớn đến mức, chúng tôi những người cùng làm trong tòa soạn *Sao đỏ* với Êrenburg, dường như không còn nhớ ra được những gì Êrenburg đã viết ra trước đó, trước chiến tranh.

Với thái độ đó đối với Êrenburg, như đối với một con người đã làm trong thời gian chiến tranh được

một công việc to lớn, tôi, vừa trở về sau chuyến công tác lâu ngày ở Nhật, đã được gặp ông vào tháng tư năm 1946 ở Pari, từ đó chúng tôi cùng nhau gồm ba người — thêm cả tướng Galaktiônốp — phải bay một chuyến dài sang Hợp chủng quốc Hoa kỳ.

Tôi cảm thấy mình có lý do, phải kể lại chuyện này, bởi vì, ngược lại với những năm công tác ở *Sao đỏ*, trong vòng mấy tháng trong chuyến đi của chúng tôi ở Mỹ nhiều lần và thường là vai kề vai bên cạnh Êrenburg, tôi đã nhận xét thấy rõ ông trong thời gian công việc gian khó mà ông đã thực hiện trước mặt tôi ở Mỹ.

Trí nhớ tôi không kém, nhưng tôi không muốn sa vào những chi tiết của chuyến đi chung này, những điều đã được chính Êrenburg viết tới rồi. Vả lại thêm vào đấy nếu sa vào các chi tiết, thì, chắc hẳn, hai người rất là khác nhau, và hồi nhớ lại khác nhau, và đánh giá những chi tiết ấy khác nhau, nên hẳn là tôi buộc phải tranh luận với một vài khía cạnh trong hồi ức của Êrenburg. Nhưng tôi đã không muốn làm việc này khi ông còn sống thì lúc này hơn thế tôi càng không muốn làm sau khi ông đã qua đời.

Tôi chỉ muốn nhớ lại về điều chủ yếu nhất về chuyện Êrenburg ở Mỹ ra sao, ông yêu quý gì, căm ghét gì và đấu tranh với cái gì.

Tôi đã có nhiều dịp gặp những nhận định bảo rằng Êrenburg không yêu thích nước Mỹ, không yêu thích đất nước này nói chung và toàn bộ. Thật đơn giản thế: ông rất yêu mến nước Mỹ yêu qui của mình và rất không yêu thích nước Mỹ không yêu qui của mình. Không yêu thích — tất cả chỉ có vậy mà thôi!

Êrenburg hoàn toàn đâu có xa lạ đối với những đam mê và những ác cảm, nhưng trước hết trong quá trình

suốt cả cuộc đời mình ông đã là một chiến sĩ. Chính điều đó đã là cái lõi của tư chất Êrenburg. Và ngoài việc ông đã là một chiến sĩ ra, ông còn là một con người có một trí tuệ lớn và sắc sảo, có khả năng trong hoàn cảnh khó khăn nhất mổ xẻ điều chủ yếu ra khỏi cái thứ yếu, điều hệ trọng ra khỏi cái không đáng kể.

Trong chuyến đi của chúng tôi ấy, Êrenburg đã nhìn nước Mỹ trước hết và điều chủ yếu từ quan điểm của con người đang tiếp tục sống với cuộc chiến tranh vừa mới kết thúc xong.

Hãy nhớ lại thời gian khi chúng tôi cùng với Êrenburg vừa đến Mỹ! Trên đất nước Nhật vừa nổ hai quả bom nguyên tử, thế là ở Mỹ lập tức xuất hiện ngay những người bắt đầu cho rằng họ có độc quyền về bom nguyên tử, thì chẳng việc gì phải vồ vập với Liên Xô và có thể đứng ở lập trường sức mạnh nói chuyện với Liên Xô.

Hai tháng trước khi chúng tôi đến Mỹ, cũng chính ở đấy, ở Mỹ, Socsin đã diễn thuyết một bài trong đó cũng mưu toan nói về chúng ta từ lập trường sức mạnh.

Nói tóm lại đó là thời kỳ khi chúng ta không thể cho phép giẫm lên chân mình. Và đặt Liệt là ở đó, ở Mỹ.

Về tư chất, Êrenburg vốn không thuộc loại người nói chung cho phép kẻ khác giẫm lên chân mình. Tuy nhiên sự gay gắt mà ông biểu lộ ở Mỹ trong các vấn đề chính trị, không phải là kết quả của tính cách — đó là kết quả của sự tự nhận thức rằng mình là người đại diện của đất nước Xô viết, một đất nước bị chiến tranh gây đầy thương tích, mà đối xử với đất nước ấy, một số người Mỹ lại toan giở cái giọng ưu thế sau chiến tranh, dựa vào sức mạnh của mình, vào sự no đủ

của mình, vào sự phong lưu yên ổn hầu như không bị chiến tranh động đến của mình.

Với những người Mỹ này Êrenburg đã nói năng đến mức mỗi cuộc chuyện trò đều dường như một chuyến đi trên lưỡi dao. Êrenburg không chỉ bản thân cá nhân căm thù, mà điều mạnh mẽ hơn ở ông, ông thay cho cả xã hội căm thù bất cứ một kẻ nào trong bọn người không muốn nhớ việc Liên Xô đã chịu bao nhiêu tang tóc hy sinh như thế nào trong cuộc chiến tranh vừa qua, đã đổ bao nhiêu máu và chịu bao nhiêu thử thách.

Và với tất cả sức mạnh châm biếm cay độc và kinh nghiệm luận chiến mà ông có, ông đã biết cách buộc những kẻ ấy phải yên vị.

Ông thật dịu dàng và thân ái với những người đã đối xử một cách xứng đáng đối với đất nước ông. Và nếu như những người đã có cống hiến thích đáng cho đất nước ông có điều gì không hiểu hay có điều gì đó còn ngờ vực, ông giải thích cho họ thấy rõ những sự việc đơn giản nhất không những một cách rất thân thiện, mà với một sự kiên nhẫn thậm chí làm tôi phải ngạc nhiên và với một thái độ nhu mì vốn không có ở ông.

Nhưng chỉ cần ông cảm thấy thái độ đố kỵ, ác cảm đối với đất nước ông, hay một mưu toan trịch thượng nói về đất nước này, hay ý đồ ép buộc đất nước này phải theo những nguyên tắc sống xa lạ, ông liền trở nên cay độc và không chút thương tiếc.

Đã có một nước Mỹ mà ông yêu quí, nhưng cũng lại có một nước Mỹ mà ông chịu không nổi. Điều đó đúng thực, tôi là người được chứng kiến điều đó. Và trước mắt tôi còn hiền hiện một cảnh ngắn sau một cuộc mít tinh đông người và huyên náo.

Êrenburg bị vây quanh bởi một đám người ham thích lấy chữ ký, giúi cho ông những cuốn sách của ông xuất bản ở Mỹ để lấy chữ ký. Ông ký rất lâu và rất nhiều, cho đến lúc bỗng một anh chàng nọ sán đến sát gần ông để đòi ông không những chỉ ký tên mà còn phải viết câu gì đó nữa cho anh ta mà anh ta muốn.

Êrenburg viết xong.

Nhưng cái anh chàng ham thích chữ ký suồng sã quá thể kia không chỉ hạn chế có vậy, anh ta còn đòi Êrenburg phải viết câu gì đó thêm nữa cho anh ta.

Êrenburg từ chối.

Bấy giờ anh chàng ham thích chữ ký tiếp tục giúi cuốn sách của mình cho Êrenburg, lên tiếng nói rằng trước đây anh đã góp vào quĩ giúp đỡ nước Nga những hai mươi lăm đôla và Êrenburg bây giờ phải viết cho anh ta tất cả mọi điều mà anh ta đòi hỏi.

Êrenburg giận dữ nhìn anh ta và lấy ví tiền ra:

« Đây, gửi ông năm mươi đôla, để ông đừng bao giờ còn nhắc nhở rằng ông đã làm ơn cho nước Nga nhiều đến ngần ấy. Ông cầm lấy và để tôi yên ».

Nhớ lại lần lượt đầy đủ câu chuyện hẳn phải dài dòng lắm, bấy giờ là thời kỳ gian khổ: với nhiều câu hỏi trả lời thật không phải giản đơn. Và tôi đầy lòng cảm phục, niềm cảm phục còn giữ trong tôi cho đến bây giờ, đã nhìn thấy và nghe thấy việc Êrenburg đã gỡ ra được một cách tuyệt vời khỏi các tình huống khó khăn nhất như thế nào.

Hình như — chuyện này xẩy ra đã là vào sát nút cuối chuyến đi, — bây giờ là ở Canađa, tại một cuộc họp báo lớn, ngồi đông chen chúc, câu chuyện đang

xoay về việc chúng ta công nhận Achentina, Trước đó chúng tôi đã được biết có cuộc thương lượng về việc này, nhưng chúng tôi hoàn toàn còn chưa rõ mọi chuyện kết thúc như thế nào. Một trong các nhà báo đã đưa ra câu hỏi, sặc mùi khiêu khích:

« Có đúng là nước Nga xô viết đã công nhận Achentina, mặc dù ở đó người cầm quyền vẫn như cũ là Pêròn, người mà trong báo chí xô viết một thời đã gọi là tên phát xít? »

Èrenburg nheo mắt và trả lời: « Tôi không hiểu câu hỏi ». Người ta nhắc lại câu hỏi, và ông cũng lại nhắc lại: « Tôi không hiểu câu hỏi ».

Trong tiếng cười nhạo của căn phòng chật ních các nhà báo, lần thứ ba người ta nhắc lại thật to vẫn câu hỏi ấy.

« Không, tôi nghe rõ điều ông nói, — Êrenburg nói. — Tôi chỉ không hiểu ý nghĩa câu hỏi của ông. Khi chúng tôi không thừa nhận Pêrôn, các ông không hài lòng và hỏi tại sao chúng tôi không thừa nhận Pêrôn? Bây giờ, khi, nếu như tin vào lời ông, chúng tôi đã thừa nhận Pêrôn, các ông cũng lại không hài lòng vì chúng tôi đã thừa nhận ông ta. Tôi không hiểu, cuối cùng thì các ông muốn gì ở chúng tôi? » — Êrenburg đã kết thúc trong tiếng cười rộ của gian phòng.

Chuyến đi sang Mỹ là giai đoạn đầu tiên nhất và khó khăn nhất trong cuộc đấu tranh sau chiến tranh vì hòa bình, cuộc đấu tranh mà ông đã tiến hành cho tới tận cuối đời mình.

Những gì Êrenburg đã làm trong những năm chiến tranh, mặc dù cũng chưa phải đã trọn vẹn, nhưng dù sao cũng đã được tổng kết lại trong tiềm thức chúng

ta. Nhưng những gì Êrenburg đã làm sau chiến tranh, trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, tôi nghĩ rằng, còn chưa được chúng ta nhận thức đến cùng. Đó là một việc làm thật to lớn, đến mức thậm chí nghĩ đến mà sợ, rằng một người mà đã có thể mang trên đôi vai mình nhiều đến như thế.

Trích : « Không chỉ là những hồi ký », Kônxtantin Ximônôp. Báo « Nước Nga văn học », số 9, 2 tháng 3 năm 1973.

IURI BÔNĐARÉP

NHÀ NGHỆ SĨ BẬC THẦY
(KÔNXTANTIN PAUXTÔPXKI, 1892 - 1968)

Có những nhà văn mà sách của các ông có được một cuộc đời thật may mắn. Những cuốn sách ấy không mất đi vẻ tươi tắn dưới tác động của năm tháng và thời gian ; bất chấp mọi chuyện, chúng không già đi — bao giờ chúng cũng vẫn trẻ như thế. Những tế bào sống của những cuốn sách ấy, không phải cái gì khác mà chính là tâm hồn của nghệ sĩ niềm say mê và lương tâm của ông, lòng cao thượng và sự căm ghét của ông đối với sự thô bỉ, sự quan tâm chăm chú đến điều thiện và lòng dũng cảm của ông.

Không phải chỉ một thế hệ được giáo dục qua các cuốn sách của K. Pauxtôpxki. Tôi nhớ, trong những năm đi học, chúng tôi đã thèm khát đọc ngấu nghiến như thế nào các cuốn sách của nhà văn này: *Kônkhiđa, Kara-Buga*[1] *Biển Đen* nổi tiếng đã truyền nhau từ bàn học này sang bàn học khác, từ cặp sách này sang cặp sách khác, từ nhà này sang nhà khác, những cuốn sách với những cái bìa sờn rách, gáy nhem nhuốc. Chỉ đến bây giờ tôi mới hiểu rằng những cuốn sách cũ sờn, với

(1) Bản dịch tiếng Việt đổi là « *Vịnh mõm đen* », Nhà xuất bản Thanh niên, 1977.

những trang sách dán lại là phần thưởng lớn nhất và không gì bằng đối với một nhà văn chân chính.

Chúng ta luôn luôn nói, luôn luôn phàn nàn rằng nhiều cuốn sách của chúng ta không gây xúc động và không sưởi ấm. Tôi biết một điều khác. Tôi biết những người trẻ tuổi đã nẩy ra ý muốn trở thành và đã trở thành những người thủy thủ sau khi đã say mê *Biển Đen* của Pauxtôpxki — phải chăng đó chính là ảnh hưởng mạnh nhất của ngôn từ? Tôi biết và không bao giờ quên người bạn tuổi thơ của mình năm 1941 đã gia nhập tự vệ với niềm mơ ước khát khao về biển, niềm mơ ước được Pauxtôpxki giáo dục, và đã hy sinh ở gần Matxcova, bàn tay nắm chặt báng gỗ cây súng và nhìn thấy không phải Biển Đen, mà những thân hình đen sì của những chiếc xe tăng, bò xuyên qua cánh rừng đen cháy đè lên những đường chiến hào.

Những cuốn sách của Pauxtôpxki có tác động một cách mãnh liệt. Điều này, có lẽ, được lý giải không chỉ bởi sự trinh bạch rất người, sự cao thượng và sự dũng cảm tự nhiên của các nhân vật của ông, mà còn bởi lẽ nhà văn biết tạo nên một hoàn cảnh không lặp lại, «bầu không khí» bao quanh nhân vật, cái hoàn cảnh mê hồn, thiếu nó thì nhân vật không có da thịt và mờ nhạt. Cái trò chơi lạ thường sáng tối, sự phối hợp chính xác mầu sắc, âm thanh, mùi vị, nhịp điệu, thanh sắc điệu là khả năng tuyệt vời không phải luôn luôn gặp thấy trong văn học chúng ta.

Tôi có thể nhắm mắt và theo các cảm giác của Pauxtôpxki mà hình dung ra biển vào buổi sáng yên tĩnh và hòn sỏi bị nắng thiêu đốt nóng, những bức tường nhà ở Nôvôrôtxixcơ và Ôđetxa vào nửa buổi ấm, hoàng hôn ở kẽ những ngọn thông cháy lại, tuyết đầu mùa phủ xuống những con đường làng và màn sương hăng

hắc dâng lên trên Kônkhiđa ẩm ướt đầy bịnh sốt rét, tối tối ở cái thị trấn nhỏ gần sông Ôka mùi bờ giậu ẩm ướt thoang thoảng, tiếng mưa gõ đều đặn trên mái, không khí ngột ngạt tháng bảy đầy hơi ẩm tích tụ lại trong rừng thông non đầy mạng nhện chăng và vào trong những đêm thu chòm sao Lạp hộ chói ngời và lóng lánh trên những cánh rừng tối, soi rọi xuống mặt nước.

Ở Kônxtantin Pauxtôpxki có một đặc tính đáng kinh ngạc và hiếm hoi: truyền đạt một cách chính xác các cảm xúc của mình — điều này, hoàn toàn hiển nhiên là, chỉ đạt được nhờ ở một tài nghệ cao — Pauxtôpxki là nhà văn của tính ngữ chính xác. Ông tạo ra phong cảnh thật rành rẽ, cô đọng và giản dị một cách cụ thể đến nỗi anh phải ngạc nhiên về con mắt tinh tường của ông, tài tiên đoán của ông.

Các nhân vật của Pauxtôpxki bao giờ cũng hiền hậu, dũng cảm, bình dị và trữ tình. Cả phong cảnh cũng hiền hậu — dù điều này có cảm giác lạ lùng đi chăng nữa. Cả nhân vật, cả phong cảnh đều mang khối điện tích đa cảm ấy của lòng nhân ái, khối điện tích thông thường gây ra ngọn sóng đa cảm đáp lại. Và điều đó cũng là phẩm chất của một nhà văn lớn.

Có thể nêu tên không nhiều các nhà viết văn xuôi, những nghệ sĩ bậc thầy lão thành của chúng ta, mà về họ nhiều nhà văn thế hệ sau chiến tranh đã học ở Pauxtôpxki, lại nói tới một cách thích thú, trìu mến. Dù mỗi một người trong số các nhà văn thế hệ này có những cốt cách khác nhau, các đặc điểm văn phong khác nhau, nhưng một điều chung ở họ không xóa bỏ được đó là lòng yêu mến đối với từ ngữ, lòng yêu mến đối với văn học, với nghề nghiệp của mình, lòng yêu mến bất tận được K. Pauxtôpxki dạy dỗ.

Có một lần trong một tờ thăm dò ý kiến «Chúng ta viết như thế nào» tôi phải trả lời câu hỏi, ý nghĩa của nó tóm gọn như sau: «Anh đối xử như thế nào với các nhà văn mà ở trong cuộc sống là một đằng, trên trang giấy lại khác?».

Pauxtôpxki—nhà văn và Pauxtôpxki—con người không tách rời nhau. Ông hiền hậu và hào phóng, như một nhà văn. Ông hiền hậu và hào phóng, như một con người. Tôi không phóng đại một chút nào cả, nếu như nói rằng những lần gặp gỡ với Pauxtôpxki ở các buổi thảo luận chuyên đề ở trường Đại học viết văn quả là những ngày hội, mà người ta nóng lòng nóng ruột chờ đợi, và là một đà thôi thúc phấn khích cần thiết cho mỗi nhà văn. Qua giao tiếp với ông, các sinh viên tự nhiên muốn viết tốt hơn, sâu hơn và yêu cuộc đời cũng như yêu văn học, cũng như chính ông.

Ông thường ngồi sau bục giảng, cúi thấp sát trên các trang bản thảo, chỉ hơi hếch cái bàn tay cầm điếu thuốc tắt lửa chìa sang bên, và nói bằng cái giọng sẽ sàng, chậm rãi, hơi nghèn nghẹt — ông phân tích truyện ngắn của một sinh viên vừa đọc xong. Ông nói về ý nghĩa và sức nặng của mỗi từ, về sự chính xác của một tính từ duy nhất tìm được, về nhịp điệu của văn xuôi, về sự kết hợp không thể hiểu nổi của cái hài hước và cái bi thảm, về phong cảnh ngắn gọn và văn cảnh tâm lý. Ông nói về cái từ ngữ yêu thích và không yêu thích có ở tất cả các nhà văn. Ông nói về sự sâu sắc, sự tinh tường và sự không thương tiếc của con mắt nhà văn. Ông nói về lao động khổng lồ của Flôbe trên mỗi câu văn, ông kể về nghệ thuật của Tsêkhốp, Kuprin, Bunhin. Đôi khi ông bực bội, điều này hầu như không lộ ra vẻ ngoài. Những câu ông nói: «Đây không phải văn xuôi, đây là việc lăn đá trên mặt đường»—cho biết là truyện

ngắn này hay truyện ngắn kia của anh sinh viên được viết một cách vội vã, cẩu thả, không có tình yêu mến đối với từ ngữ.

Nhưng thường nhiều hơn là, phân tích cốt truyện, sự xung đột của truyện ngắn này hay truyện ngắn kia, theo sự liên tưởng ông bắt đầu hồi nhớ lại các sự việc xảy ra trong cuộc đời mình, bao giờ cũng lý thú đến lạ lùng, đầy hài hước và những chuyển biến đột ngột. Và khi ông cười, những đường nhăn nhân hậu thu lại thành những ngôi sao nhỏ bên cạnh mí mắt, và ông, nhìn chúng tôi, thư thả đánh diêm châm lại điếu thuốc đã tắt.

Ông kể cho chúng tôi nghe những truyện ngắn đã có sẵn trong cuộc đời mình, và những truyện ngắn kể miệng ấy, đã được ức đoán của nhà văn động chạm đến (xin Kônxtanxtin Xerghievits tha thứ cho tôi), hay đến mức, tôi thực sự tiếc rẻ: nhà văn còn chưa cho in hết tất cả mọi truyện ấy.

Lắng nghe K. Pauxtôpxki trong các buổi thảo luận chuyên đề, chúng tôi lần đầu tiên hiểu ra rằng sáng tác của nhà văn, con đường của nhà văn — đó không phải con đường rải nhựa với hướng thẳng vừa nặng nề vừa nhẹ bỗng, đó không phải những vòng nguyệt quế của thói tự mãn tự đắc, đó không phải những tràng vỗ tay trước sân khấu, không phải niềm vinh quang dễ dãi của ca sĩ nhạc kịch, không phải sự phong lưu về vật chất, không phải những khoái lạc của cuộc sống. Mà đó là « lao động khổ sai dễ chịu » của con người hàng ngày bị gắn chặt bên bàn viết bởi số phận và tài năng. Đó là những tìm kiếm và những ngờ vực nhiệt thành, đó là lao động và lao động, và dằn vặt trên từ ngữ không tóm tắt được. Đó là lòng dũng cảm và sự căng thẳng của tất cả sức lực thể chất và tinh thần. Và chúng tôi đã hiểu ra rằng nhà văn là con

người bằng tất cả sức mạnh của những cố gắng, của kinh nghiệm của mình, bằng giá trị của những niềm vui và đau khổ của mình, phải thực hiện một điều kỳ diệu — điều kỳ diệu mà người đàn bà thực hiện, sinh nở đứa hài nhi, — viết một truyện ngắn, một truyện dài, một tiểu thuyết, một vở kịch. Có nghĩa là sáng tạo cuộc sống, sinh ra nhân vật với gương mặt, tính cách, khát vọng không lặp lại — có nghĩa là đưa vào trong sách chính bản thân mình, không giữ lại mảy may, đưa đến rút rỗng mình.

Tuy nhiên bấy giờ, chúng tôi, những sinh viên, có lẽ còn chưa ý thức hết tất cả ý nghĩa lời nói của K. Pauxtôpxki, người thường xuyên nói với chúng tôi, rằng khi viết mỗi một cuốn sách đều cần phải nghĩ sao như đó là cuốn sách cuối cùng của anh. Không cần phải e sợ đem hiến cho cuốn sách ấy tất cả, một cách hoang phí và hào phóng; không bao giờ cần giữ lại cái chân thành, cái chủ yếu của mình cho tương lai. Nhưng ai là người không trải qua cái cảm giác không lặp lại sau khi tác phẩm đã kết thúc? Xuất hiện sự mệt mỏi và trống rỗng — sự trống rỗng côi cút thường có trong căn nhà ở, khi đồ đạc được đưa đi hết, mấy bức tường còn lại trơ trọi và toát lên sự nghèo nàn.

Đôi khi chúng ta nghĩ rằng không thể phung phí bản thân mình cho một tác phẩm gì đó — cần phải giữ mình, nhìn về phía trước tới cuốn sách khác, cuốn sách còn chưa viết ra — mục đích của tất cả cuộc đời của anh. Đôi khi chúng ta không biết cuốn sách sẽ ra làm sao, nó sẽ nói về điều gì, ai sẽ là nhân vật chính của nó, nhưng có lẽ đó lại chính là cuốn sách ưu tú nhất, cuốn sách còn chưa có, cuốn sách còn chưa viết ra, nhưng sẽ được viết ra. Cuốn sách ấy và sức mạnh của nó anh chỉ hình dung ra qua các cảm giác, qua nỗi xúc động

chưa rõ ràng khi cảm thấy hơi vị nóng hổi của mặt đường nhựa vào ngày tháng bảy, qua câu nói người ta nói trên đường phố, tình cờ nghe được, qua dáng bước đi của người đàn bà không quen biết trong bóng chiều hôm mùa hè, qua cái ánh mắt nhìn thoáng qua của người đàn bà ấy, qua mùi đất ẩm ướt bỗng tràn lan cái chết ở trên cao.

Những cảm giác mơ hồ của tác phẩm tương lai ấy mỗi nhà văn đều mang trong mình. Chúng dầy vò anh ta đến mức mất ngủ, cảm giác không thể tóm bắt được chúng đến mức tuyệt vọng, có lẽ đó là một trong những rung động thúc đẩy đến sáng tác, tiến gần đến điều không hiểu nổi, lo sợ và vui sướng chờ đợi những hình tượng, từ ngữ, tính cách mới, bố cục, cốt truyện mới. Anh có cảm giác cuốn sách tương lai ấy sẽ hoàn thiện.

Là một nghệ sĩ bậc thầy, tài năng bậc nhất của ngôn từ, K. Pauxtốpxki đã đúng: cần phải tìm ra bản thân mình — và trong mỗi cuốn sách hãy dốc hết mình ra, không thương xót mình và đừng hà tiện.

Những tác phẩm chân thực và thắm thiết chỉ được tạo ra như vậy thôi. Nhà văn chỉ bắt đầu cân nhắc và đánh giá mỗi lời như vậy mà thôi. Điều « kỳ diệu » của nghệ thuật chỉ sinh ra như vậy, chỉ như vậy nhà văn mới có thể đến gần tất cả cái điều được tạo ra bởi thiên tài của thiên nhiên. Bởi vì tất cả những gì chúng ta viết ra nói chung, toàn bộ nghệ thuật — đó chỉ là sự tiến gần lại với cái đẹp và sự phức tạp của thế giới khách quan, cái thế giới không có gì đẹp hơn.

Người ta bảo rằng, sau tuổi năm mươi khó viết hơn, các tác phẩm được ta sáng tạo ra chậm hơn — kinh nghiệm cân nhắc mọi cái trên đĩa cân tinh vi nhất, xuất hiện các dấu hiệu mệt mỏi.

Như trước, những cuốn sách của Pauxtôpxki vẫn tươi tắn, đầy nắng ấm, trong đấy cái lò xo của nghị lực trẻ trung được nén chặt, những cuốn sách ấy tóe ra những tia lửa, chúng rung động, trong đấy không có sự mệt mỏi, trong đấy vẫn là vị muối trẻ trung ấy của biển, ánh chói của ban trưa phương nam oi nồng và không có những mầu sắc mờ ảo của hoàng hôn muộn và ảm đạm.

Và tôi muốn tin rằng cái buổi trưa nắng chói chang ấy mới là một nửa ánh vàng của con đường đi trong đời sáng tác của nhà văn.

Trích báo văn học
số 04 ra ngày 31 tháng 5 năm 1962.

VAXILI VÔRÔNỐP

ÁNH SÁNG KHÔNG BAO GIỜ LỤI TẮT

Đối với mỗi người viết — dù là người viết đã có danh tiếng, hay là người mới bắt đầu viết — những cuốn sách của Mikhain Alekxandrôvits Sôlôkhốp đều như một nguồn nước, từ đó anh múc lấy cả nguồn cảm hứng, cả sức lực, và thậm chí cả niềm khát vọng không kìm giữ nổi được viết, viết tốt hơn, viết hay hơn là anh đã viết, hơn là theo sức lực của anh. Mỗi trang *Sông Đông êm đềm* hay *Đất vỡ hoang* là một bài học, và bất luận người nào trong chúng ta tìm đến bài học này đều là một học trò — anh học trò mãi mãi, suốt đời mình... — say đắm ông thầy.

Nhiều lần tôi đã đọc và đọc lại những cuốn sách của Sôlôkhốp và dần dà, có lẽ thậm chí không tự nhận thức ra, tôi đã mơ ước được gặp Người thầy, chuyện trò với Người, nhưng lại khổ sở ý thức rằng rất khó có cuộc gặp gỡ ấy: tôi cũng đã được biết rõ rằng công việc của Sôlôkhốp bận bịu vô cùng.

Nhưng một chuyện thần kỳ (mà đối với tôi, một nhà văn trẻ, còn có thể đánh giá điều này khác sao được) đã xảy ra, cuộc gặp gỡ đã thành. Đó là vào mùa đông vừa qua — một mùa đông nhiều tuyết, gió lạnh.

Giữa đường từ Kasaru và Vesenxkaya chúng tôi gặp bão tuyết trên thảo nguyên ngập tuyết. Chiếc xe « gigunlenốc » tiện đường đi từ nông trường quốc doanh *Đất*

vỡ hoang bị thổi bạt đi trên mặt đường giữa hai bờ thành tuyết ùn cao tựa hồ chiếc xuồng thủng trên sóng nước. Căng thẳng làm người lái xe toát cả mồ hôi trán, ngón tay tê dại đi. Chúng tôi phải bật sáng đèn pha mà tiến lên.

Bão tuyết tung hoành trên vùng Vesenxkaya, trên khắp thảo nguyên sông Đông rộng lớn suốt cả ngày hôm đó và cả đêm nữa. Tuyết phủ đầy khe hẻm và lạch rãnh, trùm kín ngọn rừng mới ươm. Tuyết trải thành hoang mạc trắng toát khắp chung quanh các trang ấp, các trại chăn nuôi của nông trường, các khu nhà xe, máy. Đã từ lâu ở đây người ta không thấy một tháng giêng như thế này — với những trận giá lạnh đến ba mươi độ âm, những trận tuyết đổ và gió lớn.

Sáng ra Sôlôkhốp gọi điện cho đồng chí Nikôlai Alekxanđrôvits Bulavin, bí thư thứ nhất Ban chấp hành quận Đảng bộ Vesenxkaya.

— Đồng chí bí thư, công việc thế nào nhỉ?

— Tình hình phức tạp, Mikhain Alekxanđrôvits. Tuyết lấp mặt đường, các lối ra vào, các trại chăn nuôi, cắt đứt giao thông. Đường đi Milerôvô bị lấp...

— Thế đồng chí đã có những biện pháp gì?

— Các máy ủi đang dọn tuyết lấp. Khắp nơi đã dựng mọi người dậy, trước hết chúng tôi bảo đảm cung cấp nước, thức ăn cho các trại chăn nuôi. Các cán bộ cốt cán của quận đã đi về các điểm kinh tế giúp đỡ tổ chức công việc tại chỗ.

— Súc vật mới đẻ chịu giá rét ra sao? Trải ấm thêm cho bê non, lợn con chẳng hạn, liệu có nên chăng?

— Tất nhiên, Mikhain Alekxanđrôvits! Cần phải bảo đảm trước cho cả những trận giá rét lớn hơn nữa. Bò

sung vào những biện pháp đã làm từ mùa thu, chúng tôi che ấm thêm các cửa.

— Vậy thì tốt.

Tai họa thiên nhiên không gây thiệt hại về người, cũng như của cải — điều đó là chủ yếu. Ở đây người ta đã quen làm việc trong những điều kiện phức tạp nhất. Thiên nhiên vùng Thượng sông Đông đã dạy cho con người ta chị ngoan cường.

Nhà văn, đại biểu Xô viết tối cao Liên Xô và Xô viết đại biểu nhân dân tỉnh đang sống và chia sẻ những mối lo toan chung với «dân cán bộ quận», đi sâu vào tất cả mọi chuyện nhỏ nhặt nhất, thường xuyên trao đổi ý kiến với đồng chí N.A. Bulavin (bí thư thứ nhất), Iuri Filippôvits Kôrôtkốp, chủ tịch ủy ban chấp hành xô viết quận. Mọi chuyện ở đây đều gần gụi đối với trái tim Sôlôkhốp: cả trong những năm tháng gian nan, cả trong những ngày hạnh phúc mảnh đất Vesenxkaya đều đem lại sức lực cho nhà văn. Ngày nay mảnh đất này người ta thường gọi là mảnh đất Sôlôkhốp, quan hệ thân thuộc máu thịt này đã chuyển từ trang sách vào hiện thực hôm nay của quận: các nông trường quốc doanh mang tên Sôlôkhốp, *Sông Đông êm đềm*, *Đất vỡ hoang*, đường phố mang tên Sôlôkhốp — mọi điều đó đang hiện diện bên cạnh nhà văn, bên cạnh ngôi nhà của ông trên bờ dốc cạnh sông Đông, từ ban công ngôi nhà này có thể nhìn rõ xa khắp vùng phụ cận sông Đông.

Nhưng mà đây. Cuộc gặp gỡ tại nhà của Mikhain Alekxanđrôvits. Bí thư quận ủy kể lại cho Sôlôkhốp nghe về chuyến đi của đồng chí Kôrôtkốp, chủ tịch ban chấp hành xô viết quận, đến Matxcơva.

— Iuri Filippôvits đã đến gặp đồng chí V.K.Mexiatx, bộ trưởng nông nghiệp. Công văn yêu cầu kèm theo

thư của đồng chí về việc mua dự trữ bò giống cho quận đã được giải quyết. Nay mai chúng tôi sẽ chở bò về.

Sôlôkhốp thư thả rít hơi thuốc, phì phì nhả khói. Đôi mắt sáng của ông chăm chú nhìn người nói chuyện.

Bulavin nói tiếp:

— Ủy ban kế hoạch nhà nước thông qua việc xây dựng cầu qua sông Đông ở Vesenxkaya. Đã cấp phát chi phí, mọi công việc sẽ bắt đầu ngay trong năm tới.

Lại khẽ gật đầu, một nụ cười thoáng hiện ẩn dưới hàng ria. Sôlôkhốp hài lòng. Cầu ở Vesenxkaya! Biết bao nhiêu đơn từ, thỉnh cầu, bao nhiêu thư khiếu nại của bà con làng Kazắc về việc này đã được gửi đi. Vào lúc thời vụ, xe tải chở lúa đôi khi đứng chết gí bên bến phà chờ sang sông hàng hai, có khi ba tiếng đồng hồ.

Một lát nghỉ ngắn ngủi, bót thuốc của Mikhain Alekxandrôvits được thay điếu thuốc mới.

— Đã lấy đá nguyên khối chưa? — Trong giọng nói lộ vẻ băn khoăn.

— Đã. Lúa gieo mùa thu ổn cả. Chỉ đôi vạt lẻ tẻ trên gò đống bị rét cóng thôi. Bây giờ tuyết ngoài đồng dầy lên đến 15-20 xăngtimét.

— Tốt.

Mikhain Alekxandrôvits quay sang phía tôi:

— Ở nhà xuất bản Rôxtốp có chuyện gì mới không?

— Chúng tôi đang chuẩn bị một cuốn sách nhỏ về kinh nghiệm tiên tiến tại nông trường quốc doanh *Đất vỡ hoang*, về công việc của tổ hợp chăn nuôi.

— Kinh nghiệm ở đấy có, cần phải viết về chuyện ấy. Đừng quên nói về Bulavin, anh ấy là người tổ chức chủ yếu.

— Chúng tôi còn đưa vào kế hoạch cuốn sách nói về Vesenxkaya, về lịch sử của nó, về những con người, về sinh hoạt và đời sống văn hóa hiện nay của làng Kazăc này, về những đặc điểm thiên nhiên. Tài liệu đang thu thập và chính những người Vesenxkaya sẽ viết. Chúng tôi đã tuyển chọn được các bức ảnh lý thú.

Sôlôkhốp thoáng một giây tư lự:

— Kể ra công việc đáng làm đấy. Cần thiết một cuốn sách như vậy. Nhiều quan khách lui tới Vesenxkaya, đó sẽ là một món quà quí cho họ.

Chuyện trò với Sôlôkhốp rất thoải mái. Một giờ trước tôi còn hồi hộp, suy nghĩ bối rối, tôi không biết sẽ ăn nói ra sao, trả lời ra sao.

— Anh đang viết gì?

Đôi mắt Sôlôkhốp tưởng như dò xét tôi khắp từ chân lên đầu.

Tôi vừa viết xong một truyện dài. Còn chưa đưa ai xem hết, cần phải ngẫm nghĩ thêm, đi sâu vào đôi điều. Dự kiến ý đó đã có... nhưng nói chung — là cần phải làm việc nữa.

Sôlôkhốp bật cười:

— Anh như Kanivetx, chuyên gia trồng ngô ở Azốp ấy. Người ta tìm đến anh ta hỏi kinh nghiệm, còn anh ta lại dang tay phân trần: «Kinh nghiệm ư? Phải làm việc».

Lại rít thuốc, nhả làn khói mỏng màu lam, nhà văn nói thêm:

— Anh chàng khôkhôn[1] thông minh. — Và sau một lát ngừng: — Tôi đã đọc bài bút ký của anh ở *Ngọn*

(1) Chị người Ukraina, gọi theo kiểu bình dân.

lửa nhỏ, số hai... Thú vị đấy. Nhưng trong đó có một lỗi... Ngày ấy đâu có trận đánh nhau nào với bọn Makhơnô ở gần trang ấp Kônkốp đâu.

— Mikhain Alêkxanđrôvits, thế giữa đồng chí và Makhơnô câu chuyện đã diễn ra ra sao? — N.A.Bulavin hỏi.

— Hắn lục vấn tôi.

— Trông hắn người ngợm thế nào?

Sôlôkhốp cười khẩy:

— Một nhân vật xấu xí. Thích vây quanh mình một đám vô chính phủ tỏ vẻ trí thức...

Tất cả chỉ một tiếng rưỡi đồng hồ trò chuyện, nhưng tôi cảm thấy rõ Mikhain Alekxanđrôvits ngày hôm nay đang sống một cuộc sống tràn trề nhựa sống như thế nào. Ông đang tham gia một cách thiết thân vào biết bao nhiêu công việc lớn, việc nhỏ.

Chúng tôi rời Vesenxkaya ra đi vào lúc bóng chiều chạng vạng đã buông trùm khắp làng Kazăc. Người lái xe dựng nắp xe che cửa gió của bộ tản nhiệt bằng một mảnh các tông để trong buồng xe ấm hơn, lấy mũi giầy thúc vào các cặp bánh xe và, đóng sập cửa xe, lên tiếng:

— Mà cửa sổ buồng làm việc của Mikhain Alekxanđrôvits sáng đèn kìa...

...Giữa tháng năm, Vesenxkaya ngập chìm trong hoa táo, anh đào, dã anh và tử đinh hương. Những then chắn cửa sổ và thành gờ chạm trổ của những căn lều mái rơm ẩn kín sau màu xanh non còn chưa đậm, dịu dàng của vườn cây, đường phố dài thẳng tắp của làng Kazăc lờ mờ được nhận ra.

Vào những ngày tháng năm, dòng thư từ chảy tới Sôlôkhốp đặc biệt ào ạt. Trước dịp mừng tuổi 75 của nhà văn, từ khắp các miền đất nước, từ nước ngoài,

học sinh và sinh viên, công nhân và nông trang viên, những người làm công tác khoa học và văn hóa tới tấp viết cho nhà văn.

Mới đây những người làm công tác sản xuất máy móc nguyên tử lực từ Vôngođônxcơ đến thăm Sôlôkhốp. Cuộc gặp gỡ với một trong những nhân vật trong bài bút ký của Sôlôkhốp về những người xây dựng kênh đào Vônga Đông — đồng chí A.A. Ulexốp hai lần Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa, diễn ra thật xúc động. Nhà xây dựng nổi tiếng nhớ lại những ngày đầu tiên của Vônga — Đông, đã kể cho Mikhain Alekxanđrôvits nghe về công việc hôm nay của « Nhà máy nguyên tử ».

Vesenxkaya tinh tươm và lộng lẫy. Những bức tường nhà cửa vừa được quét vôi lại chói chang, đường cây và bồn cỏ rực rỡ hoa nở, trên quảng trường làng bên cạnh bia tượng Iu. A. Gararin lấp lánh ánh cầu vồng, bể nước phun. Đường phố mang tên Sôlôkhốp chạy dài một đường xanh mướt từ đầu làng đến tận trường trung cấp sư phạm. Ở đây bao giờ cũng đông vui. Ở Nhà văn hóa làng vừa mở cửa triển lãm các tác phẩm ảnh của nhà hoạt động văn hóa công huân CHXHCNXV Liên bang Nga V.T. Tsumakốp « M.A. Sôlôkhốp — nhà văn vĩ đại của thời đại ». Ở triển lãm này giới thiệu các bức ảnh mà nhà phóng viên nhiếp ảnh đã chụp được trong vòng hơn hai chục năm gần đây.

Bằng tất cả cuộc đời mình, tất cả sáng tác của mình Mikhain Alekxanđrôvits Sôlôkhốp gắn bó với mảnh đất quê hương, với những con người của nó. Chính tại nơi đây tiếng tăm toàn thế giới và lòng yêu kính của toàn dân đã đến với ông. Và hôm nay ông đang sống và lao động trên mảnh đất này, giữa những nhân vật của mình.

Trích : Báo « Sự thật », ngày 17 tháng Năm, năm 1980.

PIÔTR PRÔXKURIN

NIỀM KHÁT VỌNG TỚI TƯƠNG LAI
(LÊÔNIT LÊÔNỐP, sinh năm 1899)

Mácxim Gorki, người cảm biết một cách tinh tế lạ thường điều thật sự và chân chính trong văn học, tinh tường đối với những tài năng tươi tắn, đang nảy sinh, đã đánh giá cao sáng tác của Lêônit Lêônốp hai mươi ba tuổi trẻ măng. Gorki đã phát biểu rằng nhà văn tài năng suốt cả cuộc đời.

Vậy mà đã có những nhà phê bình văn học, những người đón tiếp cuốn sách này hay cuốn sách khác của Lêônit Lêônốp bằng một sự ghét bỏ nhẹ dạ, với một thái độ dung tục hóa công khai trong cách đánh giá, nếu không nói là với sự thù địch không che đậy. Sự mâu thuẫn trong đánh giá như vậy là do đâu?

Câu trả lời, hẳn là cần tìm ở chiều sâu trong sáng tác của chính nhà văn, trong sự tích tụ dầy đặc khác thường tài năng của ông, nơi sự tồn tại của nhân dân được khúc xạ, như các tia ánh sáng trong lăng kính. Chính bởi sự khúc xạ số phận cuộc đời nhân dân này trong số phận cuộc đời của nhà văn mà đã ra đời, như điều kỳ diệu, những nguồn nước vĩnh cửu, mát lạnh và tinh khiết, từ đó các thế hệ tương lai sẽ giải cơn khát tinh thần của mình, cơn khát lương tâm của mình — lương tâm công dân và lương tâm con người.

Điều mà Gorki từ đỉnh cao hùng vĩ của mình nhìn thấy rõ, có thể con mắt thường đã không nhìn thấy được, và ở nơi những người phụng sự bình thường mẫn tiệp của ngòi bút tìm thấy sự phức tạp định kiến, nhà nghệ sĩ vĩ đại lại nhìn thấy tính chất nhiều mức độ đậm đặc, khối lượng lớn của *tương lai* của văn học, nên đã bảo vệ tương lai đó, chào mừng và hoan nghênh nó.

...Bên ngoài cửa sổ buổi chiều tháng năm rực rỡ, lá non tơ trên những cây đoạn đang căng phồng. Trên tường nhà, trong tấm ảnh cũ kỹ, ngày nay tất cả thế giới đều biết đến, cũng là vầng mặt trời chói chang phương nam, và Lêônốp trai trẻ ở Capri, hàm răng trắng, với bộ ngực trần, đứng bên cạnh Gorki, và cả hai người đều cháy nắng, đang tươi cười, có cái gì đó giống nhau trong ánh mắt họ.

Sự có mặt trong các cuốn sách của Lêônốp niềm khát vọng tất yếu tới tương lai, tự thân nó về nhiều mặt đã xác định số phận của nhà văn. Năm tháng sẽ qua đi, còn số phận các cuốn sách Lêônốp sẽ còn là đối tượng của công việc nghiên cứu càng thêm chăm chú hơn. Và mỗi lần anh lại sẽ bất giác dừng lại, chăm chú lắng nghe tiếng róc rách của những mạch nước nguồn chảy từ những lòng sâu kín của lục địa Lêônốp.

Lêônit Lêônốp đi vào văn học cùng với cách mạng... Một trong những hình tượng chủ yếu trong sáng tác của ông — đó là ráng đỏ khổng lồ của cơn dông tố khử nhiễm, cái ráng đỏ không bỏ qua bất cứ một nhân vật ít nhiều có ý nghĩa quan trọng nào của Lêônốp: Tsêrimốp trong *Xkutarepxki*, Uvađiep trong *Dòng sông Xốt*, Kurilốp trong *Con đường ra đại dương*. Nhưng bản chất tài năng của Lêônốp, hiển nhiên bị cuốn hút tới một trong những nhánh vĩ đại của chủ nghĩa hiện thực

Nga trong tiếng cười gần như làm sững người của Gôgôn và một tình yêu không thể bỏ qua được của nhà văn ấy là Đôxtôiepxki.

Nhưng Lêônốp bắt đầu từ xa xôi :

— Quả thực, văn học của chúng ta vĩ đại và tươi đẹp, có cái để tự hào. Và dù sao đi nữa trước hết là Puskin, thiên tài tuyệt đối, vô song ấy. Anh biết đấy, văn học là một ngón rất và rất nguy hiểm... Bởi vì sự thể là như thế này, nhà văn sau khi ông ta chết, được người ta bảo vệ, bênh vực hay lại xóa bỏ các cuốn sách của ông ta. Và chuyện đó không bỏ qua ai hết. Thậm chí cả những người lúc sinh thời thành đạt nhất và được vỗ về bằng vinh quang. Phải, không một ai trong chúng ta lại tránh khỏi sự đánh giá lại của mình. Không một ai ! Tư tưởng, như thường lệ, theo kiểu Lêônốp sắc nhọn và không thương xót. Những trận chiến lạ kỳ, những thảm kịch lạ kỳ diễn ra thường xuyên trên các giá sách... Đáng tiếc rằng, chúng ta chỉ trở thành người chứng kiến và những người mục kích một phần thời gian không đáng kể của những chuyện ấy.

Ông im lặng mấy phút, và không có gì cản trở sự im lặng của chúng tôi. Sau cửa sổ trời mau chóng đổ tối, những đám mây trắng, cao, đã lộng lẫy theo kiểu mùa hè sáng ngời lên trên trời đêm. Trên bàn viết cái vòng tròn do chụp đèn bàn đã thẫm lại vạch lên một mầu vàng dịu.

— Tại sao Đôxtôiepxki gần gụi với tôi ư? Ông không quan tâm đến các sự việc, mà đến các bản thể, hiện thân các quan niệm của ông về con người và tính người, về con người trong thời gian. Chẳng hạn, không phải bản thân các đám mây và trời đêm, mà là phản ảnh của chúng, khúc xạ của chúng dưới dòng sông...

Phải, Lêônốp thấu hiểu thời đại của mình, miêu tả những sự chuyển dịch, những tai biến và những thành tựu của nó thông qua các tính cách con người, thông qua các niềm khát vọng và cuộc đấu tranh của con người, tìm ra những khả năng mới trong sự nhận thức được của con người, mạnh dạn bước qua ngưỡng cửa hai thời đại khác biệt ghê gớm và dò dẫm đường đi tới những chân trời mới, đường đi của những người đi đầu tiên của chủ nghĩa cộng sản.

Là nhà yêu nước chân chính và đứa con của thế kỷ mình, Lêônốp đã đi cùng đất nước qua các giai đoạn lịch sử. Cùng với đất nước, ông chính là một trong những người đầu tiên mở đường trong các bước tìm tòi xã hội và đạo đức của nó. Và với tư cách là một công dân, cũng như với tư cách một nghệ sĩ : Ông vừa là viện sĩ hàn lâm, vừa là người bảo vệ nhiệt thành của thái độ đối xử một cách có lý trí đối với thiên nhiên, đối với các của cải, trong mức độ như nhau thuộc sở hữu của cả chúng ta, cả các thế hệ tương lai. Ông là người thầy nghiêm khắc và trân trọng của các tài năng văn học trẻ trong Hội nhà văn Liên xô.

Như một nghệ sĩ, ông đã đưa ra những nhận xét trọng đại về thời đại và các vấn đề của thời đại. Qua sáng tác của ông có thể nghiên cứu được thời đại của chúng ta, lịch sử sự trưởng thành của nhà nước xô viết. Ông đã đáp lại mọi tiếng gọi, tất cả những hồi chuông cảnh báo chủ yếu của thời đại mình : đó là *Những con chồn* và *Thằng ăn cắp*, *Dòng sông Xốt* và *Xkutarepxki*, *Đường ra đại dương* và *Rừng Nga*, *Xâm lược* và *Cỗ xe ngựa bằng vàng*.

Và cũng như ở bất cứ một nhà sáng tạo chân chính bất cứ nghệ sĩ chân chính nào, trung tâm sức nặng của các cuốn sách của Lêônốp, bao giờ cũng nằm ở phần

sâu kín của chúng. Ở đấy tập trung cái điều bí mật ấy của tác phẩm, *cái gì đó* đi thẳng vào trái tim người đọc, bắt anh ta yêu thương và căm thù, cười và khóc, và nếu ghé tai vào đường vạch giữa cái nhìn thấy và cái không nhìn thấy trong tác phẩm, thì anh sẽ nghe thấy cả tiếng rầm rì của những lòng núi lửa đang phát sinh, cả mạch đập của đường máu chìm sâu, dưới một áp lực lớn lao, cả những trận vật lộn dữ dội của các lực lượng đối lập, vọng tới bề mặt chỉ bởi những xô đẩy yếu ớt, ầm ì.

Anh sẽ thấy rõ điều này khi anh cầm lấy đọc bất cứ cuốn sách nào của ông, dù đó là truyện dài thời kỳ đầu *Tuatamur* và thống soái Tsinghixhan, về cuộc viễn chinh của ông ta sang nước Nga và về sự suy sụp tinh thần của ông ta, hay *Cỗ xe ngựa bằng vàng*, điều giáo huấn của đạo đức con người thuộc đạo đức mới. Đối với các thế hệ mới và mới nữa của người xô viết, đại tá Berezkin là biểu tượng triết lý của chủ nghĩa nhân đạo cao cả.

Nếu ta lấy văn chính luận của Lêônốp, lấy một cách hú họa, một bài văn cấp bách nhất, về rừng hay về ngôn ngữ Nga, thì cả *ở đây* nữa ông cũng phát biểu như một người lính và người bảo vệ, đứng vững sống chết ở biên cương đất thánh của mình, mà cái tên bất tử của nó là Chân lý.

Các lục địa Lêônốp sở dĩ nở hoa một cuộc sống mãnh liệt như vậy, là bởi vì bằng các nền tảng của mình, chúng ăn sâu vào bề dầy đời sống nhân dân, cái bề dầy không bao giờ nguội lạnh, bao giờ cũng nằm trong quá trình sáng tạo và xây dựng.

Phân tích tác phẩm này hay tác phẩm khác, rất bổ ích nếu đánh giá nó theo độ *bền vững*, theo sức sống trong thời gian. Nếu với cái thước đo như vậy dùng đánh giá

các tác phẩm của Lêônốp, thì độ bền vững làm ta kinh ngạc. Dung tích, tính chất nhiều bình diện, trong bức vẽ lịch sử cũng như xã hội, dường như lôgarít hóa các hình tượng, phương pháp đặc biệt của nghề xây, chẳng buộc bằng những gia cố ở những chỗ bất ngờ nhất và những hướng bất ngờ nhất, — chính đó là những yếu tố hợp thành của sự bền chắc ấy. Được thu góp lại, những yếu tố hợp thành ấy âm vang thành một dàn đồng ca hài hòa, một bản giao hưởng có một không hai của cuộc sống, trong đó cái chất hài không cản trở cái bi thảm, mà hòa với nhau trong một thể thống nhất không tách rời được, ở đấy trong tiếng ồn ào của cánh rừng Nga hàng bao thế kỷ vĩnh cửu quả thực cần có tiếng nấc của làn nước bẩn trong hố băng đã nuốt đi tên Gratxianxki.

Trong độ bão hòa tinh thần và tư tưởng, trong sự tích tụ triết lý và đạo lý, trong dung lượng chứa đựng các dòng văn xếp sắp chặt chẽ đến tối đa, và do đó bên trên chúng tạo ra một bầu không khí hoàn toàn đặc biệt, hết sức Lêônốp, trong đó không ngừng sôi sục các dòng nghị lực, và luôn luôn mùi khí ôdôn tươi mát phả vào mặt anh, và thời gian chảy đi không ngừng xuyên qua trái tim chúng ta, ít nhiều làm cho nó mát mẻ.

... Trong phòng làm việc đã tối hẳn, và chỉ có cái vòng tròn màu vàng khoanh một cách căng thẳng như cũ trên mặt bàn viết, và trong cái ánh sáng mất ngủ của điện đèn là đôi bàn tay khỏe mạnh, gồ ghề của Lêônốp, đôi bàn tay của nhà nghệ sĩ và người sáng tạo, đôi bàn tay của con người lao động.

Phải, hợp kim không han rỉ các khát vọng của con người đã được đưa vào làm cơ sở cho những cuốn sách của Lêônốp, và hợp kim ấy được gắn với sự cháy bỏng của trái tim của nhà nghệ sĩ chân chính và bàn tay của người lao động vĩ đại, người mà trong sự nghiệp của

mình không có gì là thứ yếu, là nhỏ nhặt. Phải, dưới bàn tay của nghệ nhân đôi khi sự việc, tưởng như thường tình, có thể cho một đà thúc đẩy cho sự tổng quát một cách tiên tri, cho hồi chuông cảnh báo rền rĩ vào cái năm tháng kẻ thù xâm lược.

Đó chính là con đường vĩnh cửu của nhà nghệ sĩ lớn thân yêu, người bao giờ cũng ở giữa những trận gió của lịch sử.

Xét qua các thông số cái mà Lêônốp đã thực hiện được, qua các nhiệm vụ, được phác ra trong các cuốn sách của ông mà chúng ta đều biết, có thể vững tin nói rằng *Rừng Nga* không phải là tác phẩm cuối cùng và kết thúc của ông

Tuy nhiên, ta không nên vượt lên trước, dù nóng lòng thế nào đi nữa ; khi chín, quả sẽ sẵn sàng cho cuộc sống tự lập, chính nó không thể treo trên cành của mẹ nó lâu hơn và nó sẽ rời cành mẹ vào cái thời khắc ấn định.

Con đường của Lêônit Lêônốp là con đường gian nan và vinh quang của nhà nghệ sĩ tầm vóc thế giới. Ông đã được thừa nhận, sự thừa nhận cao cả mà một nhà nghệ sĩ có thể được tặng thưởng.

Nhà nghệ sĩ được thừa nhận bởi ý nguyện và thẩm quyền hiển nhiên của nhân dân, bởi vì ông đã nhìn sâu vào tâm hồn con người và thể hiện nó một cách chính xác đến mức đã không có thể xác định các giới hạn giữa bản thân cuộc đời và sáng tác, giữa nhà nghệ sĩ và nhân dân, người đã sinh ra ông.

Trích báo « Sự thật », ngày 31 tháng Năm năm 1974.

GRIGÔRI BAKLAMỐP

BẮT KHOẢNH KHẮC DỪNG BƯỚC (ALEKXANĐR TVARĐÔPXKI, 1910-1971)

Bây giờ, khi Tvarđôpxki không còn ở giữa những người đang sống, ông thuộc về tất cả mọi người đều như nhau. Như thể tư tưởng thuộc về tất cả mọi người, không phụ thuộc vào chỗ nó là của ai, được ai nói ra; như thể tiếng nói ta dùng để suy nghĩ, nói năng truyền nhau những lời di huấn đạo lý.

Là nhà nghệ sĩ chân chính, Tvarđôpxki tự nói về mình. Không chỉ trong các ghi chép tự sự mỗi người do nhu cầu cần thiết đều viết, mà đã nói cả khi không chỉ nói về mình. Bản chất của văn học là như vậy. Ở đây không che đậy được, bản thân cũng không thể trốn nấp nổi. Mỗi người đều lộ ra như trên thực tế, chứ không phải như anh ta muốn giới thiệu, bất chấp các chủ định trong sách.

Đây là hồi ức của Tvarđôpxki về ngày đầu tiên của chiến tranh, về chuyện ông đã biết việc chiến tranh mở đầu như thế nào: « Tôi chạy ra ngoài trời và đi về phía sân chăn nuôi đại gia súc của nông trang, nơi người ta dồn ủ phân. Tôi nhớ, tôi đi trên đường; cố làm ra vẻ thư thái, dường như đi dạo chơi, mặc dù điều đó thật khó khăn. Bên cạnh sân đại gia súc có mấy cỗ xe ngựa dùng chở phân để không, còn mấy bác đàn ông và đàn bà ngồi trên đống rơm năm ngoái và nín lặng. Và khi

tôi nhìn thấy họ ngồi và nín lặng như thế, tôi không còn có thể hỏi gì họ nữa. Họ ngồi và nín lặng và đáp lại lời chào hỏi của tôi sẽ sàng, dè xẻn và nghiêm nghị đến mức dường như ở đây đang có người chết».

Còn đây là ghi chép thời gian hòa bình ngay trước cuộc chiến tranh, mà sau này đọc lại ông đã viết thêm trong thời gian chiến tranh: «... ở lối ra khỏi thành phố, ngay bên đường cái — con đường quốc lộ rải đá trắng, — trong dải bóng râm hẹp của một cái bịch thóc nhỏ hay kho chứa đồ gì đó, một ông già nhỏ bé ngồi trên mặt cỏ bụi bậm, như những người mugích vẫn ngồi trên xe trượt — ngồi xếp bằng tròn. Ông cụ không đội mũ cát két, và cái đầu hói của ông cụ với những ngấn mồ hôi và những món tóc màu vàng ngả bạc tươi tỉnh ra trong bóng mát bên căn nhà. Ông cụ trải tấm khăn ra cỏ và bầy biện ra đó bánh mì, quả trứng luộc, hai củ hành sống và cút rượu vừa mở nút và đề phòng bất trắc vẫn cẩn thận đậy hờ chiếc nút bấc. Tôi chào hỏi và chúc ông cụ ngon miệng.

— Anh ngồi xuống đây — tôi sẽ mang đến thêm, — ông cụ bình thản mời, đôi mắt nhỏ sáng xanh lam và hơi ngầu đỏ của ông già Nga tươi tắn này lóe lên nhìn tôi.

Mấy tiếng «tôi sẽ mang đến thêm» này tràn đầy thái độ niềm nở. Há to mồm để thở, ông già nhìn tôi và chờ đợi. Tôi lễ độ từ chối.

— Thôi tùy anh, — ông cụ trả lời cũng với vẻ bình thản như thế, — nghĩ kỹ xem. Và, rộng lượng cho phép tôi cân nhắc thêm, ngăn ngừa tôi có thể phải hối tiếc, một lần nữa ông cụ lấy đầu ra hiệu chỉ cho tôi chỗ ngồi đối diện mình: — Tôi mang đến nhé. Thế nào? Nghĩ xem...

Và giờ đây sau biết bao thời gian rồi, dẫu sao tôi cũng thấy tiếc, tiếc là vì tôi đã khước từ, dường như

bấy giờ tôi đồng thời đã khước từ nhiều — rất nhiều cái khác, mà giờ đây thấy thật quí giá đến nhường nào và không bao giờ còn lấy lại được nữa ».

Cái đó được viết ra không phải về bản thân người viết, mà về những người khác, những người đến lúc câu chuyện được ghi lại chắc đã không còn nữa trên thế gian này. Nhưng bản thân tác giả vẫn có mặt ở chỗ này thật sống động, thật rõ ràng khiến ta có thể cảm giác được.

Nhiều người từng biết Tvarđôpxki khi ông còn sống, bây giờ đang viết về ông. Tôi không có ý định xếp mình vào tấm ảnh tập thể. Nhưng sự thể đã xảy ra là tôi đã có hoàn cảnh quan sát Alekxanđr Trifômôvits Tvạrđôpxki ; thoạt đầu — từ xa, sau đó tiếp cận. Chúng tôi đã nhiều năm sống trong một thôn nhỏ ở ngoại vi Matxcơva, thường gặp gỡ nhau luôn, chuyện trò về nhiều điều, nhưng không bao giờ tôi ghi chép lại những cuộc chuyện trò ấy. Và bây giờ, dùng lời lẽ của ông mà nói, « sau biết bao thời gian rồi, dẫu sao tôi cũng cứ thấy tiếc, tiếc là vì tôi đã khước từ, dường như bấy giờ đồng thời tôi đã khước từ nhiều — rất nhiều cái khác, mà bây giờ thấy thật quý giá và không bao giờ còn lấy lại được nữa ».

Một lần tôi rẽ vào thăm Alekxanđr Trifômôvits vào khoảng sáu giờ tối, nhưng không gặp ông ở nhà: ông đang ở Matxcơva. Tôi đã ra khỏi cửa rào, thì vừa lúc một chiếc xe con đi tới. Tvarđôpxki từ trong xe chui ra, tay xách nách mang như thể ở hội chợ về: những cái túi xách con, những cặp tài liệu, bao gói — nách kẹp, hai tay bưng. Tôi định để bữa khác trở lại sau, nhưng ông không chịu, thế là chúng tôi cùng nhau vào nhà.

Ở trong nhà, túi bọc được đổ ra: những chiếc bánh ca-lát dính bột của cửa hàng bánh mì xưa kia vốn của

họ nhà Filippôp và nhiều thứ khác nữa. Còn ông đi lại giữa những thứ đó, vui tươi, thoải mái: số tạp chí đã ký đưa in chuyển xong xuôi xuống nhà in. Cái gánh nặng lớn lao trút khỏi đôi vai. Còn cái gì trong những cặp giấy má vừa đưa về, thì đó sẽ đưa vào các số khác của tạp chí.

Ngôi nhà của Tvarđôpxki hiếu khách, nữ chủ nhân Maria Inlariônôpna tuyệt vời. Alekxanđr Trifômôvits ngồi bên bàn dè dặt tự hào. Đối với ông nói chung, như có thể nhận xét thấy, ngôi nhà không tồn tại theo cái ý nghĩa ở thành phố, mà nói đúng hơn là theo ý nghĩa nông dân, gia tộc: đấy không phải địa điểm để sống, nơi có thể dễ dàng đổi thay để lấy chỗ mới có đầy đủ tiện nghi hơn, đấy là vị trí của anh trên trái đất này. Và mặc dù ngôi nhà này ở ngoài phạm vi Matxcơva, không phải ông xây dựng nên, không có gì giống ngôi nhà tổ phụ ở Xmôlensina, đã bị chiến tranh phá hủy, ý nghĩa đã được tiếp nhận từ bé thơ, còn giữ nguyên.

Ông ngồi bên bàn, vừa được giải phóng khỏi những lo toan mới đó, say sưa kể lại một bản thảo lai cảo. Không thể nào in được bản thảo này: tác giả là một người hoàn toàn ít có văn hóa.

— Nhưng những chi tiết mới chính xác làm sao kia? — Tvarđôpxki hoan hỉ — Cái đó thì anh đâu bịa ra được. Cái đó chỉ có chính người lính mới có thể viết được.

Chính bản thân ông vốn cũng là một người chính xác hiếm có. Trong *Tiôrkin* sự am hiểu, sự thông thạo những chi tiết nhỏ nhặt nhất trong sinh hoạt đời lính, các nhà thơ không thể có được, mà chỉ có được ở các nhà văn xv[illegible]. Mà, hơn thế, tất nhiên, phải là chính mình đã từng nếm trải.

Và đây, ngồi bên bàn, tự hào về bản thảo ấy, như ông vẫn thường tự hào về nhiều điều khác có liên quan

đến tạp chí của ông, Tvarđôpxki kể lại chi tiết hơn cốt truyện trong đó: một anh lính bơi qua sông dưới lửa đạn, những loạt đại liên quét rất gần bên cạnh anh ta, đến mức anh giật tay lại dưới nước. Ông kể lại và dường như lại ngờ vực. Và ông lại nói cái câu nói của mình: « Lẽ nào thế, chuyện này thì anh biết rõ hơn nhiều... » Nhưng đến đây thì Maria Inlariônôpna, có cảm giác rằng ông tự thấp mình, liền lên tiếng.

— Thì anh, sáng danh Chúa, cũng đã từng thấy... Điều mà anh nếm trải, người khác ở tiền duyên cũng chửa chắc đã tường...

Alekxanđr Trifômôvits chỉ hơi mỉm cười, theo cách đàn ông kêu gọi bỏ quá cho sự quan tâm săn sóc có thể hiểu được như vậy.

Còn chi tiết trong bản thảo quả thực chính xác thật. Tôi biết một trường hợp xảy ra trong trung đoàn chúng tôi trước đây, trong hai người anh em ruột cùng chiến đấu bên nhau một đã bị giết, còn người kia bò theo để kéo xác người chết về. Lúc đó súng đại liên lại nổ. Mỗi lần loạt đạn găm xuống gần, hai tay anh ta lại giật giật.

— Thì, tôi cũng nói như vậy mà? — Tvarđôpxki mừng rỡ — Tất nhiên chi tiết như thế không thể dối trá, không thể bịa ra được.

Thái độ của ông đối với tất cả những gì nhận dân đã sống qua, gánh chịu cuộc chiến tranh như vậy, bao giờ cũng kiên định và thiêng liêng. Còn trước những ai từ cuộc chiến tranh không trở về nữa, những ai vì tất cả chúng ta đã nằm lại ở đấy, ở ông luôn mang một nhận thức có lỗi của người sống trước những người đã ngã xuống. Bởi vì thế mà đã qua bao nhiêu năm tháng rồi, sau « Tôi đã bị giết ở gần Rgiép », sau « Vào cái ngày mà chiến tranh chấm dứt », ông đã viết « Tôi biết rằng

tôi chẳng có lỗi gì trong việc những người khác từ chiến tranh không trở về... » kết thúc một cách chân thành thấm thía : « Nhưng dù sao đi nữa, dù sao đi nữa, dù sao đi nữa... »

Cái điều « dù sao đi nữa... » đã theo đuổi không chỉ một mình ông mà vẫn đang theo đuổi chúng ta trong cuộc đời sau chiến tranh mà chúng ta đã hưởng. Nhưng chỉ có một mình ông đã có thể nói lên như vậy thay cho tất cả chúng ta.

Còn hôm ấy, ở Mátxcơva trở về, trút được gánh nặng trên vai, ông ngồi bên bàn mới hoan hỉ, sung sướng làm sao.

Khi những ngày nắng nối tiếp theo nhau, thì anh không để ý thấy mặt trời cho lắm, anh nheo mắt không hài lòng vì mặt trời chiếu rọi. Nhưng trước dông tố, trước hoàng hôn — ánh sáng đặc biệt mới rực rỡ và ngắn ngủi, mới xúc động xốn xang làm sao ?

Tôi không biết ở đâu ý nghĩa của tấm gương đạo đức lại to lớn đến mức như ở trong văn học. Viết tốt thì có nhiều người, nhưng cuốn sách vĩ đại thì đó bao giờ cũng là một tấm gương về đạo đức. Bởi vì theo sau nó là cuộc sống đã được sống qua...

Tôi nhìn thấy Alekxandr Trifômôvits ngồi ở bên đống lửa nhỏ trên bờ sông, đôi chân đi đất xếp lại theo kiểu Thổ Nhĩ Kỳ. Người ông vừa tắm còn chưa khô hẳn, và mái tóc còn ướt, ông ngồi đó và nhìn ngọn lửa.

Không thể lúc nào và ở đâu cũng giữ vẻ tự nhiên như nhau. Ở chỗ nào đấy cần phải tỏ ra thế này thế kia, cần phải cao giọng cần thiết. Ông biết làm việc đó. Nhưng dù thế nào đi nữa ông vẫn giữ nguyên là ông. Ông không đóng vai, ông đã sống và bận bịu với mọi việc của cuộc sống. Và ý nghĩa của mình, ông nhận thức rõ,

Tôi càng tin hơn nữa là trong cuộc sống có thước đo kín đáo của mình về các hành vi, cũng như các sự nghiệp các đồ vật. Kẻ nào vục vét của cuộc đời, như vục nước từ dưới giếng lên — hối hả vục vét cả của mình, cả của người khác, — thì dù anh ta có tự khẳng định bản thân mình đến mức nào đi nữa, dù anh ta có vênh vang đến chừng nào đi nữa, cũng chẳng có anh ta và chẳng có gì hết. Chỉ những ai không khao khát lấy của cuộc sống, mà để lại cái của mình cho mọi người mới sống cả sau khi đã chết. Bản chất của tài năng là như vậy. Tài năng chân chính không vụ lợi. Nó không cần phải nhồi nhét, ra những mệnh lệnh, những chỉ thị này nọ. Quyền lực của nó là một thứ quyền lực tinh thần, được mọi người tự nguyện thừa nhận. Chứa đựng quá khứ, cuộc sống như vậy kéo dài trong tương lai.

Đó chính là số phận của Tvarđôpxki.

Sau chuyến đi Mỹ tôi có dịp nhân tiện kể lại cho Tvarđôpxki nghe về nhà phê bình và nhà thơ Mỹ Kennet Rekxrôt, một người đã già, vào thời của mình đã quen biết Hêminguê. Bữa ấy, chúng tôi ngồi ở sân nhà tôi, trong nhà hóng mát. Trước đây khắp khu nhà chỉ có ở đây có bóng mát. Sau này những cây lạc diệp tùng, dã anh, thanh hương trà đã mọc lên cao; bóng lá của chúng che kín nhà hóng mát, các cột gỗ của căn nhà hóng mát mục nát, đành phải chôn thêm các khúc ống sắt gá bên. Alekxanđr Trifômôvits bao giờ cũng ngồi vào một chỗ cố định ở căn nhà hóng mát, dựa cái gậy bên bàn, còn cái khúc ống sắt chôn xuống bên cột nằm ở ngay dưới tay phải của ông. Ông hút thuốc lá và gẩy tàn vào ống sắt ấy, đầu mẩu ném luôn xuống đấy, hẹn đến một lúc nào đấy sẽ ném đầy. Còn thuốc bao giờ ông cũng dùng một loại — « Arômatnưc » (« Thơm »), mùi loại thuốc ấy thấm vào chính bản thân ông.

Vậy là, tôi kể về Rekxrôt, còn ông nghe không lấy gì làm thích thú, tỳ hẳn ngực vào cạnh bàn. Đột nhiên ông sinh động hẳn lên. Đó là khi tôi nói rằng nếu như con người sống lâu trên thế gian, xẩy ra một sự việc lạ lùng: từ thời điểm nào đó anh ta thôi không còn cách xa với cuộc sống đã trôi qua, mà ngược lại, đối với anh ta, cái gì cũng gần gũi, cái đã xẩy ra một trăm năm và một nghìn năm trước anh ta cũng trở nên dễ hiểu. Dường như điều đó bây giờ cũng là một phần của cuộc đời chính bản thân ông. Tvarđôpxki nhanh nhẹn ngước cặp mắt sáng của mình nhìn lên, trong cặp mắt ấy đầy suy tư và thái độ trang trọng nghiêm khắc — Ông khẳng định:

— Phải! Điều này tôi biết!

Điều này không phải qua sự quan sát, ông đã biết qua cuộc đời đã sống qua của chính ông.

Tôi không nhớ có bao giờ chúng tôi đã chuyện trò với nhau về cái chết. Tất nhiên, tất cả mọi cái trong đời đều không thể tách rời khỏi nó, điều chủ yếu thập thò bên ngưỡng cửa của nó, nhưng nói thẳng về nó như vậy — tôi không nhớ. Tuy nhiên còn giữ ấn tượng rõ là ông có thái độ bình thường như thế nào đối với cái điều mà đối với mỗi người dù có sống bao nhiêu trên thế gian này, dù là ai đi nữa, vẫn không tránh được cái thời điểm sẽ đến phải rời bỏ cái « dải bờ đông chật các đồng chí » này.

Thậm chí nói về cái chết của Kazakevits người mà ông đã quen thân và những ngày cuối cùng của người ấy ông đã ngồi bên giường, thực ra là ông không nói về bản thân cái chết, mà là về việc Kazakevits đã không thể nào cứu vẫn được, đau đớn vì bệnh tật, vẫn cứ trăn trở trong đầu mãi đến phát chán cuốn tiểu thuyết viết dở dang, và về việc ấy đã mệt mỏi đến chừng nào.

Đấy, về cái việc chết mà không viết trọn cuốn sách chủ yếu của mình, cho đến giờ phút cuối cùng trăn trở trong đầu — về việc ấy Alekxanđr Trifômôvits nói đi nói lại, suy nghĩ, theo tôi hiểu, không chỉ về Kazakevits.

Nhưng ai biết trước được rằng cuốn sách nào là cuốn sách chủ yếu? Và cuốn sách ấy ở đâu? Bao giờ cũng ước muốn như thấy nó ở phía trước, nhưng hóa ra là nhiều khi đó lại là cuốn sách đã được viết ra bằng những sức lực tươi trẻ, còn chưa hiểu biết nhiều điều và thái độ còn chưa nghiêm túc cho lắm đối với chính bản thân mình.

Tvarđôpxki qua đời vào tháng chạp.

Còn mùa hè năm ấy cỏ vẫn lại mọc cao hai bên vệ đường, và bên hàng rào nhà ông lần đầu tiên sau nhiều năm không ai cắt cỏ.

Trước ngày sinh nhật của ông, trước ngày 21 tháng sáu, tôi muốn cắt hết cỏ ở hai vệ đường cũng như ở rãnh nước, như ông đã từng ưa thích làm để cái mặt cỏ được xén bằng dầy dặn lên xanh khắp khu nhà ở của ông. Tôi đã sửa hái, từ tối hôm trước đã chuẩn bị sẵn sàng, định sáng ra sẽ đến sớm khi trong xóm mọi người còn ngủ cả. Nhưng — rồi tôi đã không dám; vì mình chưa xin phép. Mà xin phép thì không tiện: bởi vì có thể nẩy ra những suy nghĩ mà tôi không biết và cũng không nhất thiết phải nói ra.

Theo tôi được biết, người cắt cỏ ở đấy là ông già gác cổng của nhà an dưỡng trẻ em Epgheni Antônôvits Beliakốp, một ông già tốt bụng, minh mẫn. Sinh thời Alekxanđr Trifômôvits ông cụ hay lui tới làm giúp một việc gì đấy công việc nhà cửa, mà cũng có thể chỉ đơn giản để chuyện trò dăm câu mà thôi. Ông cụ tới, dụt dè, e ngại, đưa tay bắt:

— Anh có khỏe không, hả?

Và ông cụ nheo mắt, như thể nhìn lên mặt trời, còn đôi tay ông cụ, đôi tay khô rắn, với những khớp xương sưng lên và những ngón tay hình như không quặp lại được chặt, đã làm lụng biết bao nhiêu trong cuộc đời của mình. Và mọi cái ông cụ đều làm đâu ra đấy, khéo léo, không vội vàng. Làm xong nhận tiền công, hay không lấy tiền, nhưng bao giờ ông cụ cũng làm hết lương tâm...

Alekxanđr Trifômôvits nhìn ngắm ông cụ. Thậm chí tôi còn cảm thấy là, khi nhìn ông già, ông đã tự khẳng định về một điều gì đó cơ bản của chính bản thân ông. Có lần ông kể — trước đó ông cũng đã kể mấy lần cho tôi nghe, và chắc là, không chỉ cho riêng tôi :

— Tôi hỏi ông cụ : cụ đã bao nhiêu tuổi rồi nhỉ ?

Đến đây Tvarđôpxki nhất thiết cao giọng ; như thể quát vào tai ông già nghễnh ngãng. Ông làm như thế một cách vô ý thức bởi vì Epgheni Antônôvits vào cái tuổi của mình không những không mất thính giác, mà nghe không kém gì hai chúng tôi.

— Cụ bao nhiêu tuổi rồi, tôi hỏi vậy mà ?

— À qua bảy lần rồi...

Chính cái « qua bảy lần rồi » ấy làm Alekxanđr Trifômóvits rất thán phục. Tất nhiên không phải bảy lần năm, mà là bảy lần chục năm. Và, rõ ràng là không phải mới qua hôm qua thôi. Nhưng dù vậy ông cụ vẫn giữ được cái trí tuệ của mình, các khái niệm vững vàng và các quan niệm của riêng mình về mọi chuyện trong đời. Và không phải ai khác, mà chính ông cụ tiếp tục tự nuôi sống mình vào cái tuổi ấy, và bệnh tật trái nắng trở giời của mình dù cũng không phải không có sự giúp đỡ của các bác sĩ, nhưng thường ông cụ vẫn tự chữa chạy lấy bằng các phương pháp của riêng mình, bằng những cây cỏ và nước lá mà người ta vẫn « dùng thêm ».

Chính ông cụ vào năm ấy đã cắt cỏ dọc theo khu nhà ở của Tvarđôpxki.

Tôi không rõ tôi còn bao nhiêu mùa xuân nữa, nhưng không hiểu sao tôi đặc biệt cảm thấy mùa xuân năm nay đi qua nhanh. Và tuyết tan nhanh chóng, và ánh mặt trời chói lọi trên mặt nước xuân. Dường như chưa bao giờ mặt trời chiếu rọi như thế, lóe sáng như thế.

Và tôi suy nghĩ lúc này, nhìn lên mặt tuyết tan, lưng cảm thấy mặt trời sưởi ấm, tôi suy nghĩ về những người không còn được nhìn thấy mùa xuân này nữa. Thậm chí không phải suy nghĩ, mà cảm giác thay họ. Họ trở nên đông đúc làm sao, hàng người không còn nói nữa mới trở nên dài làm sao? Và ở đấy càng ngày càng có thêm nhiều người yêu quí của tôi.

Mùa xuân cuối cùng của Tvarđôpxki đã ở đây, ở Pakhra này: ông đã thấy mùa xuân ở đây, tưởng là mình còn khỏe khoắn.

Tôi nhớ, một lần tôi dùng hái xén thảm cỏ nhỏ ở trước nhà. Bấy giờ đã là đầu hè. Gần tối, sau tầm công việc, muỗi bâu đến bám vào cổ gáy đẫm mồ hôi, báo hiệu ngày hôm sau sẽ nóng nực tợn. Cỏ vừa được xén xong tỏa mùi nhựa tươi.

Chợt tôi nhìn thấy Alekxanđr Trifômôvits với cái gậy chống của mình qua cửa rào ra đi trên con đường nhỏ. Tôi bỏ công việc cắt cỏ, đứng sửa hái. Ông lấy đầu gậy chống động vào cỏ đã cắt và nói về chuyện viết lách. Người ta viết thế này: «thoảng mùi cỏ», nhưng mà bãi cỏ được cắt biết bao nhiêu mùi hương và những mùi hương ấy khác nhau nhường nào: khi vừa được cắt xong, khi mặt trời trưa nắng thiêu đốt nó, khi cào cỏ tung bới cỏ còn chưa khô, nhưng đã héo. Và rồi

buổi tối, khi bãi cỏ ướt sương. Và khi cỏ khô được đánh đống. Tất cả đó là những mùi hương khác nhau kia!

Ông đứng đó trầm tư, mái tóc mỏng, sáng, hầu như đã bạc trắng, gió nhẹ nhàng thổi xõa xuống trán. Và ông đột nhiên hỏi tôi đã đọc những đoạn trích trong sổ ghi chép của Tômax Mann đăng trên tạp chí *Văn học nước ngoài* hai năm trước đây chưa? Ở đấy có một ý nghĩ rằng chỉ có nghệ thuật có khả năng bắt khoảnh khắc dừng chân, chỉ có mình nó là có thể làm được việc ấy.

Mọi cái trong đời diễn ra mới nhanh chóng làm sao! Khi tôi cùng với nhà tôi trồng những cây tùng này ở trước nhà, chúng thấp bé hơn con gái nhỏ năm tuổi của chúng tôi. Gia đình tôi còn giữ được tấm ảnh: con gái chúng tôi và những cây tùng thấp bé hơn cháu. Mà cháu ra đời đúng vào cái tháng năm, khi trong tạp chí *Thế giới mới* của Tvarđôpxki in truyện dài *Tấc đất* của tôi. Hóa ra như thế là chúng cùng tuổi với nhau, cùng ra đời một lần. Và bây giờ thì những cây tùng đã vươn cao hơn mái nhà, và chúng tôi đứng ở dưới tán lá của chúng, và Alekxandr Trifômôvits lấy đầu gậy chống động vào cỏ vừa cắt.

Ông đã bắt khoảnh khắc dừng bước. Chính với cây gậy ấy ông bước đi, thường là theo đường xóm thôn chúng tôi, con đường cái rộng như đường làng. Hoặc đi trong rừng. Hoặc nữa lại ngồi xuống gốc cây bị cưa cụt và nhìn lên mặt trời qua cành lá. Chính tôi đang nhìn thấy ông như vậy, khi tôi đọc bài thơ tôi yêu thích:

Ở đáy cuộc đời tôi, tận đáy cùng
Tôi ước muốn được ngồi dưới nắng
Trên gốc cây đã bị cưa, đầy hơi ấm

Và chiếc lá vàng rơi sắc đẹp phô bày
Trong ánh nắng xuyên khoai buổi chiều tà
sắp tới
Và mong sẽ thế này,
Chuyện đời bao rắc rối —
Là trọn đời anh,
chẳng nói tới mà chi
Chẳng mắc míu gì tôi sẽ lén nghe
Ý tưởng suy tư của chính mình thầm kín
Dùng cây gậy của người già vẫn chống
Tôi sẽ dẫn vạch đường giới hạn
đến nơi...
Không, dù sao cũng không,
chẳng có gì đâu
Việc tôi đã đến nơi đây tình cờ
một dịp
Và đã được con ác là đăng ký giúp.

Mùa đông được thay thế bằng mùa xuân, và vào các buổi chiều hè những chiếc lá rơi vẫn khoe sắc trong những tia sáng trời tà như vậy. Có lẽ cũng chính đây vừa là sự khẳng định, vừa là lẽ phải vĩ đại của cuộc đời.

Mỗi lần vào buổi sáng tinh mơ tôi đi xe buýt qua nhịp cầu gỗ ầm ầm trên mặt nước, những người câu cá cóng rét đã đứng bên hàng lan can bằng sắt đẫm ướt, ngồi trên bờ sông và trên những con đò giữa sình lầy: cả những người khi ấy đã có, cả những người trong thời gian ấy đã lớn lên. Mọi vật đều còn ẩm ướt: bãi cỏ cũng như cánh rừng. Còn dòng sông dường như tan đi thành hơi. Đó là mặt trời mọc lên từ đấy, dâng lên cao trên ngọn rừng, mặt trời tinh khiết bởi vì không trung sau một đêm bằng lặng, cũng tinh khiết. Và vẫn đúng y như vậy, ở bờ xa, dải bờ đã có lần chúng tôi bơi đến, hàng

lan can trắng và những hàng cột trắng lộn ngược của nhà An dưỡng của Trẻ em in bóng trong làn nước màu xanh lá cây. Một con cá quẫy lóe cả vây trắng, tất cả cái đó dao động trên mặt nước, tản ra thành những vòng tròn nối tiếp.

Và tôi lại nhìn thấy vẫn ở chỗ ấy cái đống lửa nhỏ tỏa khói trên bờ sông, đống lửa được vun chất từ những cành khô và rác rưởi. Một người phục phịch tay vịn vào ngạc cây theo dải bờ ẩm ướt, lở dưới chân đất đi xuống nước. Nước vào giờ ấy ấm hơn không khí, còn đáy sông bên bờ đầy bùn nhão. Ông xuống ngập đầu gối, sau đó thở phào nằm nhoài ra mặt nước và bơi đến bờ bên kia, không sải rộng, không ầm ĩ bơi trên lòng sâu mầu xanh.

Không thể nào hai lần xuống một khúc sông ấy, và cả dòng sông, cả thời gian đều không chẩy hai lần như nhau. Nước chẩy dưới nhịp cầu giờ đây đã chẩy đi xa tít. Đã không phải một lần thôi những làn nước ấy đã đổ xuống thành những trận mưa. Theo ngọn gió trên cao chúng bơi trên trời cao qua đầu chúng ta, và mặt trời vĩnh cửu chiếu xuyên qua chúng. Những nỗi quan tâm của chúng ta, những nỗi đau thương và sự nghiệp của chúng ta từ trên đó nhìn xuống từ khoảng cách và thời gian xa xăm ấy trông ra làm sao nhỉ? Mà liệu có nhìn thấy chăng? Không, dù thế nào cũng được nhìn thấy.

Vậy đó, cả lời nói của ông, cả thơ ông, đi từ cuộc đời, lại trở lại với cuộc đời. Và mọi cái khác cũng cùng ở lại với nó.

Mùa Xuân năm 1975

Trích báo « Nước Nga Văn học », số 50 ra ngày 10 tháng chạp năm 1976.

ALẾCHXANGĐRƠ IASIN

THƠ CA CỦA CHIẾN CÔNG
(ONGA BERGÔLX, 1910 — 1975)

Tương truyền bài ca đầu tiên trên trái đất được sáng tác là bài ca của một người đi săn đi mãi, mà không giết được một con thú nào hết. Nếu đúng như vậy thì không bao giờ người ta ngừng sáng tác thơ ca thật.

Ngay trong một thế kỷ tự tin như thế kỷ XX, sự quan tâm đến thơ ca cũng không bao giờ yếu đi. Khi quây quần lại bên nhau — trong căn phòng nào đó ngoài câu lạc bộ, trên boong tàu, hay bên đống lửa, hoặc một chỗ dừng chân bất kỳ của những nhà leo núi, những nhà địa chất — người ta lại luôn luôn bàn đến thơ, bàn đến các nhà thơ. Vì dù chỉ nhắc đến một ít ' 'n tuổi nào đó, nhiều người vẫn giành một chỗ cho Onga Bergôlx: Thoạt đầu chỉ là nhớ lại một ít dòng thơ mình thích và thuộc lòng từ lâu. Càng đọc, người ta mới hiểu không thể không yêu những vần thơ này, những vần thơ dũng cảm mà lại rất đỗi thân tình.

Về tình yêu ư? Người ta có thể tìm thấy ở O. Bergôlx rất nhiều. Về số phận của người phụ nữ, những thử thách đến trong những ngày chiến tranh ư? Hãy nghe đây:

Một ngày bình thường như mọi ngày
Người bạn gái đến chỗ tôi

Không khóc được, chỉ lặng kể: hôm qua
Chị vừa chôn cất
Người bạn trai duy nhất
Và chúng tôi cùng ngồi yên lặng cho tới sáng
Biết nói gì lúc này
Tôi, tôi cũng là người đàn bà góa của thành
Lêningrađ

Có những câu thơ về hạnh phúc được sống, về nỗi căm ghét mọi chuyện bất lương, phi nghĩa. Lại có nhiều bài ca ngợi tâm hồn con người. Nhớ đến chuyện gì, người ta cũng thấy có thơ, và có thể đọc mãi không thôi.

Người làm thơ cố nhiên rất nhiều. Nhưng các nhà thơ thực thụ bao giờ cũng ít. Thơ ca chân chính bắt đầu từ cuộc đời, tính cách con người, nó được hình thành cùng với một đời sống tinh thần giàu có, những kinh nghiệm sống và một chủ nghĩa anh hùng.

Thơ không phải là một phép màu, mà là chính đời sống, một trong những hình thức biểu hiện của nó. Và nếu nhà thơ sẵn sàng hoàn thành chiến tích, nếu những thách thức khắc nghiệt của thời đại được nhà thơ đón nhận một cách tự nhiên, tài năng của nhà thơ sẽ được mở ra trong toàn bộ chiều rộng và sức mạnh của nó, và bản thân tiểu sử của nhà thơ đó trở thành một hiện tượng xã hội.

Onga Phêđôrốpna Bergôlx đã cống hiến toàn bộ cuộc đời của mình cho sự nghiệp cao cả của thơ ca. Ở một mức độ khá đặc biệt, ngay trong những năm thiếu thời, người phụ nữ này đã có cảm giác chính xác về thời đại, gắn bó chặt chẽ với cách mạng, với sự nghiệp hết sức lãng mạn của thế hệ mình. Trong những kế hoạch năm năm đầy gian khó đầu tiên, bà đã chiến đấu trên cương vị một đoàn viên thanh niên côm-xô-môn, một

người cộng sản, một nhà báo. Những giờ chiến đấu thật đã điểm, thơ ca đã đến với bà tại một trong những chiến hào nguy hiểm nhất của chiến tranh và O. Bergôlx đã đứng vào đội ngũ của những nhà thơ quyết tâm có mặt để xứng đáng với danh hiệu cao cả mà xã hội trao tặng.

Những bí mật trong quá trình nảy sinh một nhà thơ, nảy sinh thơ ca, cũng vĩ đại không kém những bí mật nảy sinh khi một con người ra đời. Ít ra nó cũng giống ngọn đèn điện dưới trần bỗng có lúc nó bật sáng, như Bergôlx từng miêu tả trong *Những ngôi sao ban ngày*:

> *Khi cô gái khẽ ấn công-tắc và dưới chụp đèn màu xanh cũ thấy bừng lên một ngọn lửa nhỏ, tôi tưởng như trong tôi, một cái gì đó cũng được chạm tới và nảy sinh, và mọi chuyện mới tốt đẹp sao!*

Không còn nghi ngờ gì nữa: Thơ ca chân chính không có ở những ai có một thái độ sống hời hợt, hoặc chỉ có những bốc đồng chốc lát.

Lêningrađ luôn luôn là một thành phố của một nền nghệ thuật lớn, cái nôi của các tài năng. Nhắc lại quá khứ xa xưa, hoặc nhìn vào ngày hôm nay, chúng ta bắt gặp bao nhiêu ví dụ. Đây là thành phố của một nền âm nhạc lớn, một nghệ thuật ba-lê nổi tiếng, những chương trình sân khấu lừng lẫy, và những bài thơ yêu nước cũng như thơ trữ tình được đánh giá rất cao.

Đi trên đường phố Lêningrađ, người ta không thể không nhớ lại Sốtxtacôvich và Xôlôviep-Xeđôi, Tốpxtônôgôp và Akimốp, Ulanôva và O. Bergôlx. Nếu như đối với những ai từng sống trong những ngày Lêningrađ bị phong tỏa nghe đến *Bản giao hưởng số bảy* lập tức nhớ lại những đường phố tuyết phủ, những đoàn người đội

xếp hàng dài dặc, những chiếc xe điện chết đứng giữa đường, nếu như sau điệu ba-lê của G. Ulinôva, người ta luôn luôn thấy hiền hiện những công trình kiến trúc tuyệt vời của Lêningrađ thì sau những vần thơ của O. Bergôlx người ta thấy hiện lên những năm tháng nặng nề mà người dân Lêningrađ đã trải qua, con đường vĩ đại và bi thảm mà họ từng vượt để lập nên những chiến công.

Bản thân Bergôlx đã trở thành một tượng trưng của thành phố anh hùng này. Lêningrađ và O. Bergôlx, hai tiếng ấy gắn bó với nhau. Năm 1942, Bergôlx viết:

Trong một cuộc chiến đấu chưa từng có
Do một số phận độc đáo
Chúng ta bây giờ không ai tách nổi
Chúng ta ghi nhớ tất cả
Và trước hết: chúng ta là những công dân Lêningrađ

Đmitơri Sôtxtacôvich đã gọi bản giao hưởng số bảy nổi tiếng của mình là *Bản giao hưởng Lêningrađ*. Onga Bergôlx cũng có những bài thơ dài đáng được gọi là *Trường ca Lêningrađ*. Vì các tác phẩm đó cùng ra đời ở Lêningrađ ngay trong chiến tranh.

Bấy giờ, tại mặt trận Lêningrađ, âm nhạc và thơ ca lúc nào cũng sóng đôi với nhau. Mọi người đều biết trong các trang bản thảo giao hưởng số bảy, thỉnh thoảng người ta lại thấy có chữ B. Đ. Đó là vì tác phẩm được viết trong điều kiện phi cơ và pháo binh địch luôn luôn áp sát thành phố và nhà soạn nhạc đã đánh dấu B. Đ. vào những chỗ đang soạn dở mà nghe có báo động.

Trong những ngày ấy, Onga Bergôlx đã viết nên những bài thơ hay nhất của mình, cũng như thường xuyên viết cho Đài phát thanh. Tiểu sử riêng nhà thơ gắn

chặt với tiểu sử hàng triệu người khác. Nhật ký gắn bó với thơ và Onga Bergôlx đã thực sự trở thành một diễn đàn của Lêningrađ. Những lời phát biểu trữ tình của nhà thơ trở thành biểu hiện của thời đại. Tên tuổi của bà lan đi như một truyện thần kỳ... Với những phát biểu trên đài phát thanh, những bài thơ mới, tiếng nói của bà có sức động viên hàng ngàn hàng vạn người đang chiến đấu. Không phải chỉ có thơ, mà sự trong sạch và nhất quán trong nhân cách nữ thi sĩ đã khiến bà trở nên nổi tiếng. Trong con mắt của độc giả, bà trở thành tượng trưng cho sự cương quyết và lòng chung thủy tất thắng của con người xô-viết.

Trong số những chiến công được khẳng định trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, chiến công thơ của Bergôlx xứng đáng với những phần thưởng cao quý nhất.

Tôi có cảm tưởng không một khu phố ngả đường, không một công viên nào của Lêningrađ, lại chưa từng được Onga Bergôlx nói tới một lần.

Tôi đang viết những dòng này tại đại lộ Matxcơva trong thành phố Lêningrađ. Mỗi sáng, khi ra khỏi nhà tôi nhìn thấy bên trái là nhà máy *Điện lực*, nơi từng được Onga Phêđôrốpna gọi là vùng quê của mình : Chính ở đó, bà đã được kết nạp Đảng.

Bên phải tôi là công viên Chiến thắng, nơi những người lao động thành phố đã xây dựng để ghi nhớ chiến công to lớn của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại. Onga Bergôlx từng có bài thơ viết về Đại lộ Matxcơva (trước kia gọi là Đại lộ Quốc Tế) và về Công viên Chiến thắng.

Đại lộ cắt ngang, chạy thẳng, như vinh quang
Và rải đá, như mọi con đường trên mặt đất.

Đối với tôi, ôi quảng trường quốc tế
Người là tuổi trẻ, những ước mơ vĩnh viễn
Và sự trưởng thành đầy đặn hôm nay
Và cũng là tuổi già tốt đẹp ngày mai

Những câu thơ đầu tiên của cô gái trẻ được in tại một xưởng in gần ngoại ô. Tại một nhà máy nổi tiếng khác — ngày nay là nhà máy Kirốp — Onga Bergôlx lại đi về nhiều lần, khi đang là phóng viên tại một tờ báo lớn. Vả chăng có xí nghiệp nào ở Lêningrađ mà người thi sĩ nổi tiếng này chưa từng tới nói chuyện? Hiểu tiếng nói của bà không chỉ có con người, mà còn bờ sông, đường phố, công viên, những khu ngoại ô xa và gần. Tất cả nghe và ghi nhớ.

Năm 1965, Onga Bergôlx cho in *Đầu mối*. Là tập sách ra đời kỷ niệm người bạn và người chồng của O. Bergôlx là Nhicôlai Xtepanovich Molchanốp chết đói ở Lêningrađ tháng giêng 1942. *Đầu mối* đã được bạn đọc và báo chí xô-viết chào đón nồng nhiệt. Đây không phải là một tập thơ bình thường, bởi vậy không ai đọc nó mà bàng quan nổi.

Trong số những bài thơ đưa vào trong tập, nhiều bài bạn đọc đã biết, một số được truyền tay trong bạn đọc, một số khác đã đăng rải rác trên báo chí. Vậy mà khi tập hợp lại, nó mới thật góp phần vào việc mở rộng và đào sâu thêm thế giới cảm giác của chúng ta, mở rộng và đào sâu thêm quan niệm của chúng ta về đời sống.

Quyển sách nói gì vậy? Về việc con người vượt lên trên đau khổ. Về tình yêu không gì dập tắt nổi đối với đời sống, đối với con người. Về tinh thần dũng cảm lao và kiên cường của con người xô viết... Khi nhà thơ mở rộng cánh cửa tâm hồn để tâm sự, cũng là lúc

những vần thơ ở đây có được vẻ trần trụi mà chỉ thơ Etxênin mới có, một sự cởi mở chân thành mà thiếu đi, không bao giờ người ta có được thơ ca chân chính.

Quả thực đây là những vần thơ bắt nguồn từ một trái tim lớn, nồng nhiệt. Suốt đời Bergôlx đã xác định con đường đến với bạn đọc như thế.

Từ trái tim tới trái tim
Chỉ con đường này thôi
Ta chọn ngươi. Ngươi thẳng tắp và đáng sợ
Ngươi cuốn đi vùn vụt. Bước vào không thể trở lui
Ngươi nhìn thấy tất cả
Đến vinh quang cũng không thể tô điểm nổi

Quả thật mọi cuốn sách xuất bản trước đó của O Bergôlx đã là tự truyện của con người xô viết, nhưng chỉ trong cuốn sách này, chủ đề chủ yếu của nó — một chủ đề mang dấu ấn cá nhân sâu sắc, đồng thời lại có ý nghĩa xã hội rộng rãi — mới được biểu hiện một cách đầy đặn và triệt để đến vậy.

Vâng, tất cả ở đây tập họp lại trong một đầu mối và gắn bó chặt chẽ với nhau. Vâng, đây là một cuốn sách khó khăn. Những tác phẩm không đè nghiến con người xuống, không làm yếu họ đi ; ngược lại, trong đó vẫn ẩn giấu một năng lượng bắt nguồn từ trái tim mạnh mẽ và hào hiệp của thi sĩ.

Chớ quyến rũ niềm tin của tôi
Tôi mang nó qua đêm tối
Qua sự phản bội hèn hạ của bạn bè
Qua cái chết của những đứa trẻ tôi hết lòng yêu dấu

Tôi không thể giả dối trong ý nghĩ, trong công việc
Chớ quyến rũ nó, tôi không sao có thể...

Bên cạnh sự khắc nghiệt, nhà thơ Bergôlx khiến bạn đọc cảm động do nơi người ta đọc thấy trong đó một thái độ thân thiết với mọi người và niềm mong mỏi cháy lòng: mong mỏi may mắn và hạnh phúc đến với tất cả những ai nhà thơ gặp trên đường

Từ những trang sách đang mở ra này
Tôi muốn hướng tới các bạn
Những người đang sống rất xa tôi
Tôi muốn nói không bao giờ tôi quên
Không bao giờ trong tôi vơi cạn tình cảm
Kể cả với người hôm nay đã quên tôi

Tôi tin, bạn thân yêu, tôi tin tất cả sống mãi
Tất cả thẳng thắn, tốt đẹp và đáng tự hào
Nếu như ai cảm thấy đau đớn và đơn độc
Có cần không? — Địa chỉ tôi đây
Phòng 30, số 7 phố Trôitxcaia
Đến chớ bấm chuông, mà gõ cửa

Đây không phải là cách nói cho có vẻ thơ. Từ lâu, Onga Bergôlx đã sống đúng như thế. Trong bài *Ngôi nhà của tôi*, bà nói thêm: mình không thể sống khác,

Ngay trong tai họa khủng khiếp
Tôi vẫn mong để ai đó hạnh phúc

Trên đây không phải là những nhận xét của một người làm công tác nghiên cứu, mà chỉ là một ít lời biểu lộ sự kính yêu của tôi đối với toàn bộ sáng tác

của Onga Bergôlx. Tôi thích cả thơ lẫn văn xuôi của nữ thi sĩ, thậm chí còn thích văn xuôi hơn. Nhưng văn xuôi của O. Bergôlx cũng bắt nguồn từ thơ. Đây là một ví dụ điển hình của cái ta hay gọi là « văn xuôi của một nhà thơ ». Ý tôi muốn nói tới tập sách *Những ngôi sao ban ngày* và một số bài phát biểu trích trong tập *Lêningrad lên tiếng*.

Sự thanh thoát của một bút pháp bậc thầy, sự tin cậy gần gũi trong câu chuyện với bạn đọc, lối vận dụng tư liệu hết sức thoải mái, những đoạn trong đó trí tưởng tượng được lối liên tưởng thơ ca chắp cánh như bay mãi lên, lối chuyển tiếp thoải mái từ hồi ức về những ngày đã qua tới câu chuyện hôm nay, từ quá khứ tới tương lai, sau hết là những hình ảnh giàu chất thơ và chất tượng trưng — tất cả những đặc điểm đó khiến ta đọc văn xuôi O. Bergôlx mà như cảm thấy được nói chuyện với một người bạn lớn, rất tốt bụng và hết sức thông minh. Đây là thứ vàng mười làm nên bằng sự kết hợp văn xuôi với thơ.

Khi những chương đầu của *Những ngôi sao ban ngày* vừa ra mắt bạn đọc, một số người lầm tưởng nếu trong thơ, Onga Phêđôrôpna phải chậm rãi và khó khăn lắm mới lên tới đỉnh, thì trong văn xuôi, chúng ta được chứng kiến bà bay thẳng tới vinh quang ngay lập tức. Nhưng đâu phải vậy. Trong văn xuôi cũng như trong thơ, Onga Bergôlx không đạt tới chiến thắng một cách dễ dàng. Trước đó, bà đã viết *Đêm trên thế giới mới*, *Các nhà báo* và một số bút ký khác, theo tôi, đó là một thứ tác phẩm đang ở dạng thí nghiệm, dù là phong phú và mang dấu ấn một tài năng rõ rệt, nhưng vẫn là một thứ vật phẩm thí nghiệm. Chỉ sau đó, khi những chương đầu trong những cuốn sách chủ yếu của cuốn *Những ngôi sao ban ngày* được in ra, người đọc mới

cảm thấy được gặp những trang sách hoàn thiện, hình thành từ những khao khát hết sức tốt đẹp của tác giả.

Không phải ngẫu nhiên, các đạo diễn và diễn viên điện ảnh đầy tài năng đã chú ý tới *Những ngôi sao ban ngày*. Họ có cách nhìn nhận xem xét tác phẩm này rất độc đáo và đưa nó lên màn ảnh, ở đó, người ta cảm thấy có cả âm nhạc, cả sân khấu, cả hội họa, cả thơ — những ngành nghệ thuật mới nhất và lâu đời nhất gặp nhau ở đây.

Tôi nghĩ, có thể lúc nào đó, chúng ta sẽ làm một bộ phim về nữ thi sĩ chăng? Nếu vậy, quả cũng đã rất xứng đáng.

Tôi muốn kết thúc một số nhận xét ngắn ngủi này về Onga Bergôlx bằng những câu thơ của bà.

Và nếu những câu hát ấy được đặt ra
Để nói về con người anh, sự nghiệp anh
Chắc anh sẽ nói: không giống đâu
Tôi giản dị hơn và cũng đau đớn hơn nhiều.

Tuệ Tâm dịch

Trích Lời tựa Tuyển tập hai tập của O. Bergôlx, Nhà xuất bản Văn học Lêningrad 1967.

ALEKXÂY KÔNĐRATÔVITS

KHÔNG SỢ HÃI, KHÔNG QUỞ TRÁCH
(về V. ÔVÉTSKIN, 1904 — 1968)

CÁI GÌ ẨN SAU CÁC BỨC ĐIỆN

Ngày nay sự việc này đã được bao phủ bằng đủ loại giả thuyết, bằng những điều minh xác, bổ chính khác nhau... Chẳng có gì đáng ngạc nhiên: sự việc này đã trở thành truyền thuyết. Ngạc nhiên hơn cả là điều có thực xảy ra, như được ghi lại trong các tài liệu, quá là ít ỏi. Thậm chí tôi có thể nói lại: bản thân nó chỉ là một phần của sự thật, còn sự thật nằm ở đằng sau nó, sau cái phần tài liệu này.

Các bạn hãy xem, mọi chuyện mới khô khan làm sao, mới thường tình, đơn giản làm sao. Một sự trao đổi bình thường bằng các bức điện giữa hai con người bận bịu công việc. Chỉ có thế thôi, không hơn.

15 tháng bảy năm 1952

Điện

Tác phẩm rất lý thú, có giá trị. Chúng tôi sẽ in. Cần có mặt Anh tới, dù chỉ một ngày thôi. Chi phí đi đường tòa soạn chịu. Tvarđốpxki.

16 tháng bảy năm 1952

Điện

Các nhận xét có thề, xin chỉ cho bằng thư. Tôi đang bận viết. Chuyến đi về Matxcơva sẽ đảo lộn nề nếp công việc một thời gian dài. Xin cứ điện cho. Gửi lời chào. V. Ôvetskin.

Một người bắt đầu đọc bản thảo tại tòa soạn, nhưng khi thì khách vào phòng, khi lại phải trả lời điện thoại, tuy vậy bản thảo không còn rời ra được nữa, và sửng sốt xúc động anh đã đọc nốt trong xe trên đường về căn nhà ở ngoại ô. Tôi xin nhắc lại những lời mãi về sau này anh đã nói: « Tôi khóc. Và thậm chí định quay xe lại. Nhưng lúc đó xe đã gần về tới nhà, đành quyết định dù sao đi nữa cũng tạm để đến ngày mai. Nhưng sang sáng hôm sau tôi lập tức lên xe đi đến tòa soạn và trên đường đi, còn chưa tới Matxcơva, ở một chi nhánh bưu điện nông thôn tôi đã đánh điện cho Ôvetskin ». Chính bức điện mà các bạn vừa đọc.

Ôvetskin đi qua khắp các tòa soạn Matxcơva, khắp nơi người ta đều đọc bản thảo của anh và chỗ nào cũng đều khước từ. *Thế giới mới* là tạp chí cuối cùng. Anh mang bản thảo đến đó, khi đã ra ga xe lửa, định đành bó tay bỏ về, nhưng có gì đó thôi thúc anh, bằng cái giác quan thứ sáu mách bảo anh: « Hay là ta mang cái bản thảo đen đủi này đến cho Tvarđốpxki chăng? » Và rồi câu trả lời gần như tắc trách ấy với bức điện của Tvarđốpxki. « Các nhận xét, có thể, xin chỉ cho bằng thư... » Một chút kiêu căng chăng? Sau này chính anh tự thú nhận, thì bây giờ thật quả là anh đã sửng sốt nhận được bức điện vào ngày thứ ba (vẻn vẹn chỉ sang ngày thứ ba) sau chuyến trở về buồn bã của mình ở Lvốp...

Nhưng đâu có phải thái độ kiêu căng và cũng đâu phải khô khan — kể cả về phía Ôvetxkin lẫn phía Tvarđốpxki. Đó là một điều gì khác hẳn kia. Tôi tin tưởng sâu sắc rằng cả hai người trong thâm tâm đều còn dè chừng: mà liệu truyện ký này có ra đời được không đã chứ? Cả hai cùng hiểu: quả thực, đây là một sự thật có sức nung đốt!... «Tôi xúc động đến sửng sốt, — Tvarđốpxki nói, — bởi vì Ôvetskin nói ra cái điều mà tất cả mọi người đều đang suy nghĩ và tôi cũng đang suy nghĩ, nhưng anh biết nói ra được một cách chính xác hơn ai hết!».

Cả hai dường như cùng sờ sợ, một nỗi sợ có phần mê tín, ngộ nhỡ lại làm cho con chim hạnh phúc hoảng hồn bay mất thì sao? Về điều này tôi cũng còn phân vân — chí ít ra là bởi vì sau này tôi đã biết rõ tất cả tính cách hăng say mãnh liệt của tư chất Ôvetskin, tính cách hăng say, đôi khi dẫn tới những cơn thịnh nộ lôi đình hay niềm hân hoan vội vã thật sự chân thành, — tôi còn phân vân là khi nhận được điện của Tvarđốpxki anh đang bận viết thật ư? Liệu trong ngày hôm ấy anh có ngồi vào bên bàn viết không kia chứ? Phải chăng chỉ là để thảo ra bức điện trả lời. Và ngày 17 tháng bảy sau khi nhận được điện trả lời ấy Tvarđốpxki lập tức lại phải viết thư: «Đáng tiếc là Anh không thể đến tòa soạn, nhưng biết làm thế nào được khác».

Xin các bạn hãy lưu ý đến các ngày tháng: mười lăm, mười sáu, mười bảy... Liên tiếp nhau. Ngày tháng biểu lộ nỗi xúc động. Còn trong lời lẽ thư sẽ là cái chuyện gần như vặt vãnh. Đại loại: «Ở trang 12 — xóa chữ «xa» đi. Câu sẽ là thế này: «Nhưng dù sao đi nữa họ cũng không kéo lên được cho bằng tổ sản xuất thứ chín» Và v.v. Chỉ có cuối thư cho thấy một điều hy vọng, nhưng đối với Ôvetskin, có thể, lại là điều không thể

tưởng tượng được: «Chúng tôi gửi truyện ký đi xếp chữ và chờ Anh xác nhận cho là Anh đồng ý về các chỗ sửa chữa».

Tvarđốpxki còn phải đợi sự đồng ý của tác giả nữa kia ư!

Dù Tvarđốpxki có phân vân như thế nào đi nữa về số phận tương lai của việc công bố truyện ký của Ôvetskin, anh vẫn kiên định bất di bất dịch trong một điểm — với sự quả quyết của mình anh sẽ làm mọi việc mà anh có thể làm được để in ra cho bằng được truyện ký ấy. Dù thế nào đi nữa Tvarđốpxki cũng cảm thấy một cách tiên tri rằng kể từ truyện ký này trong lịch sử văn học xô viết nhiều điều sẽ thay đổi. Sau này, mười hai năm sau khi công bố truyện ký của Ôvetskin, Tvarđốpxki đã nói về việc này hoàn toàn xác định như một «sự kiện có ý nghĩa bước ngoặt». «Trước *Những ngày thường ở huyện*, — anh tuyên bố, — trong báo chí in ấn của chúng ta trong nhiều năm không xuất hiện một cái gì giống như truyện ký này kể về tính chất xác thực của nó, về việc đặt ra một cách dũng cảm và chân thực các vấn đề cực kỳ gay gắt». Chính bởi vì thế mà anh chộp ngay lấy truyện ký này, anh là một con người biết rõ: «Hơn tất cả một người nào khác hẳn không thể sống nổi nếu thiếu một điều: thiếu sự thật hiển nhiên, hơn thế sự thật đó đậm hơn, dù cho có cay đắng đến đâu đi nữa».

Sự thật trong truyện ký này — là một sự thật hiển nhiên, cô đúc, đánh thẳng vào lòng người, và, cay đắng — không thể nói gì khác, — nhưng chính vì thế mà có sức chữa độc.

Truyện ký của Ôvetskin xuất hiện trước Đại hội Đảng và khắp nơi đều được hoan nghênh đặc biệt. Đó là một tác phẩm mang tính đảng, thật sự thiết thực, mãnh liệt,

bao quát các vấn đề quan trọng bậc nhất của đường lối chính trị và kinh tế thật cơ bản, vạch ra các con đường sửa chữa thiếu sót. Lời nói ở đây là công việc. Lời nói xuất phát từ công việc, do công việc mách bảo và lại trở về với công việc. Tôi nhớ, đúng vào lúc trước ngày khai mạc Đại hội Đảng, Ôvetskin không phải không hãnh diện gửi đến tòa soạn tạp chí một biên bản tốc ký khá dài ghi buổi thảo luận truyện ký của anh tại hội nghị các cán bộ Đảng của huyện Mixenxki. Có lẽ đó là một trường hợp duy nhất, theo trí nhớ của tôi, khi một tác phẩm văn học được tiếp nhận ngang hàng với tài liệu Đảng như một lời hiệu triệu hành động hay ít ra cũng là lời hiệu triệu suy nghĩ nghiêm túc, tác phẩm của những con người của thực tiễn, của những người làm ruộng ấy, còn được coi như một lời khuyên dạy sáng suốt phải làm và hành động như thế này chứ không phải thế khác.

Từ Tsukốtka người ta cũng điện về : « Đồng chí Ôvetskin kính mến. Chúng tôi đã đọc truyện ký của đồng chí. Chúng tôi quyết định tổ chức cuộc thảo luận tác phẩm này trong các cán bộ lãnh đạo của tổ chức Đảng. Xin tha thiết đề nghị đồng chí, nếu có thể được, gửi cho chúng tôi mươi bản cuốn truyện của đồng chí theo đường bưu điện về địa chỉ Tsukôtka, Huyện đảng bộ. Anađưrxki ».

Như vậy là, Valentin Ôvetskin đã tóm bắt được và thể hiện ra qua các hình tượng văn học một điều gì đó thật tiêu biểu đối với cả vùng đài nguyên nữa chứ không chỉ đối với miền Kurxkơ đất đen của anh. Điều đã day dứt mọi người, hay ngược lại, đã cổ vũ họ, kìm giữ nhiệt tâm lao động của họ hoặc lại thúc đẩy đề xuất sáng kiến. Và anh đưa Borzôp ra tiền cảnh truyện ký nổi tiếng của mình, nhân vật Borzôp và loại người Borzôp như một hiện tượng điển hình của cái thời kỳ

« ý chí luận » ấy, ông vua và thượng đế hàng huyện, người đã vừa « kéo lên », vừa « ép buộc », vừa « sai phái », hành động theo nguyên tắc gò ép kế hoạch bằng bất cứ giá nào. Và cái anh chàng Borzôp đâu phải là nhân vật hiếm họa (nếu được như thế thôi đã phúc), mà là một nhân vật thật sự có thực. Và anh ta đã được nói lên bằng những lời chính xác. Và như người đối lập với anh ta trước mặt bạn đọc lại hiện ra một người lãnh đạo khác của đảng — Martưnốp, biết lắng nghe tiếng nói của mọi người, đi từ họ tới hành động, xuất phát từ những nhu cầu và những mối quan tâm của họ. Và từ những mối quan tâm của bản thân đất, bản thân công việc. Và đó cũng là một nhân vật hoàn toàn hiện thực.

Chính trong những ngày thành công chung của truyện ký Ôvetskin lần đầu tiên tôi nhìn thấy anh. Tôi đến tạp chí sớm hơn nhiều so với thường lệ. Trong phòng tiếp khách đã có một người khách tôi chưa quen biết. Người khách mặc một chiếc áo véctông mầu xám, mặc dù xuềnh xoàng, nhưng khá chững chạc, gương mặt rám nắng của một người dân nông thôn hơn là dân thành phố, cái rám nắng mà cả mùa đông vẫn không bị mất đi.

— Đồng chí đến gặp tôi? — tôi hỏi anh.

— Không, — anh trả lời gọn lỏn, mặc dù cũng như tôi nhìn thấy anh, anh lần đầu tiên nhìn thấy tôi, và trong giọng điệu tự chủ của lời đáp lộ một chút gì đó cho thấy rằng: tôi không cần thiết phải bắt chuyện. Tôi đi vào phòng mình. Nhưng lập tức chị thư ký chạy xộc vào theo.

— Đấy là đồng chí Ôvetskin, — chị ấy nói, sau khi đã khép chặt cửa để Ôvetskin khỏi nghe thấy, — từ Kurxkơ đến buổi sáng, đang đợi Alekxanđr Trifômôvits (Tvarđốpxki)...

Chà, hóa ra đây chính là Ôvétskin đấy! Và tôi lại ra phòng khách chỉ vì tò mò muốn xem lại mặt anh một chút. Và bây giờ một cái nhìn khác về con người: bây giờ khi tôi đã biết người khách kia là ai, thì tôi thấy anh không còn bình thường nữa.

Nhân tiện phải nói, Ôvetskin không bao giờ thay đổi cái vẻ bên ngoài giản dị thường tình của mình. Anh ngồi, để chiếc cặp nằm trên đùi, và đang hý hoáy sửa chữa gì. Anh đưa mắt thản nhiên ngước nhìn tôi qua phía trên mục kính một giây thoáng và rồi lại chăm chú vào bản thảo của mình. Không, không phải là một anh chàng tỉnh lẻ, mà ở đây, trong tòa soạn tạp chí, anh xử sự một cách đàng hoàng.

Rồi chỉ lát sau Tvarđốpxki xuất hiện: rõ ràng là trước đó hai người đã hẹn hò gặp nhau. Alekxanđr Trifômôvits to lớn vụng về như chú gấu vừa nhìn thấy Valentin Vlađimirôvits (Ôvétskin) đưa cả hai tay ra chào đón, và Ôvetskin liền để cặp lên chiếc bàn nhỏ, đứng ngay dậy. Và hai người ôm nhau thắm thiết, vỗ tay vào lưng nhau. Vậy mà trước đó họ mới quen biết nhau rất ít. Nhưng giờ đây họ lại gặp nhau ví như đôi bạn già bao năm.

Hai người rất hợp nhau. Hai người thợ cày, theo tôi, phải gọi là hai người khai phá đất hoang, hai người mở đường đầu tiên, đặt những đường cày của mình trong văn học, những đường cày mà sau này từ đó mọc lên những cánh đồng nặng bông bao la không bờ bến.

Bởi vì kể từ *Những ngày bình thường ở huyện* không chỉ xuất hiện loại văn chính luận tuyệt vời loại *Loanh quanh luẩn quẩn* của Feđor Abramôp hay *Đám cưới Vôlôgôtxkaya* của Alekxanđr Iasin, mà còn các truyện của Iuri Tsernitsenkô, Lêonit Ivanốp, Gheorghi Rađốp

tôi chỉ kể những cái đã được thừa nhận chung. Rõ ràng, là thực chất, từ cỗi rễ Ôvetskin đã mọc lên toàn bộ cái mà được gọi là « văn xuôi nông thôn » sau chiến tranh của chúng ta, tất nhiên chẳng phải văn xuôi nông thôn nào cả, mà chẳng qua là văn xuôi xuất sắc của chúng ta vào những năm sáu mươi và bảy mươi. Kể ra những tên tuổi ư? Thì mọi người đều biết cả đấy thôi. Mỗi người trong số các nhà văn hôm nay nổi tiếng rộng khắp, xuất hiện vào khi ấy, đều có thể nhắc lại những lời mà Ôvetskin và Tvarđốpxki thật sự yêu thích. Những lời của Tônxtôi : « Nhân vật truyện của tôi, người mà tôi yêu với tất cả sức lực tâm hồn, người mà tôi cố gắng tái tạo với tất cả vẻ đẹp của người ấy và người mà bao giờ cũng đã, đang và sẽ tuyệt vời, đó chính là sự thật ».

Câu chuyện trong bệnh viện.

Sau này tôi nhiều lần còn được thấy họ bên nhau. Giữa hai người, tất nhiên có một tình thân thiết tinh thần về nội tâm, sự gần gũi về các quan điểm và sự đồng nhất về các mục đích. Mặc dù về tính tình họ là hai người hoàn toàn không giống nhau và những bất đồng giữa họ cũng có khá nhiều. Có cả những cuộc tranh luận, cả những lần xung khắc. Nhưng phải nói, bao giờ họ cũng đều là hai người trọng nhau. Đó là mức độ của một tình thân khi cả cái điều khó chịu cũng được nói lên một cách thẳng thắn, không màu mè úp mở. Cả hai người đều không biết khôn khéo cả trong cuộc sống, cả trong văn học, cả trong quan hệ người nọ đối với người kia.

Và cái chung giữa họ có nhiều hơn là điều phân cách. Và trước hết — đó là thái độ đối với ngôn từ, đối với nghĩa vụ nhà văn của mình, đối với nghĩa vụ Đảng.

Phát biểu ở Đại hội lần thứ 22 của Đảng và nói về thứ văn học hoa mỹ, Tvarđốpxki đã đưa Ôvetskin ra hàng đầu đối lập với thứ văn học đó. Anh nói: « Sự thể ngược lại, nhà văn bằng cái nhìn tinh tường nhìn thấy ra ở cuộc sống một điều quan trọng, mới mẻ..., xuất phát từ lập trường Đảng phát biểu về những nhận xét đó của mình cùng những kiến giải của mình và thậm chí cả những kết luận của mình, — đó là người trợ thủ chân chính của Đảng... »

Một lần chuyện trò với Tvarđốpxki, Ôvetskin đã nói là anh muốn ví nhà văn như thể người xạ thủ với cái đích di động (Tvarđốpxki cũng như Ôvetskin, những người đã trải qua nhiều đường đất của chiến tranh, thường hay nghĩ ngay đến những so sánh lấy từ vốn từ vựng thường dùng ngoài mặt trận). Và tôi nhớ, Tvarđốpxki, toàn thân vươn về phía người cùng chuyện trò, lắng nghe Ôvetskin.

— Mục đích còn chưa xuất hiện, nhưng anh cảm thấy là nó sẽ xuất hiện, và đấy nó đấy! Bắn đi! Bắn với lượng ngắm đón — nếu không sẽ vọt lên trời, như lọt vào đồng xu. Trong văn học cũng vậy không thể kéo lê theo các sự kiện, hơn thế nữa là những sự kiện đã biết cả, hơn thế nữa là những sự kiện đã được miêu tả. Tất nhiên là bám vào mục tiêu quen thuộc và đứng nguyên một chỗ yên ổn hơn nhiều; chắc chắn đúng đích hơn nhiều, nhưng nhà văn có quan hệ với cuộc sống chuyển động kia, và anh ta chứ không phải ai khác, phải nhận thức được nó, anh ta, chứ không phải ai khác, phải đặt ra và lý giải các vấn đề.

Và cả Tvarđốpxki cũng nói đại loại gần như vậy ở Đại hội. Kể ra thì, khi ấy nghe Ôvetskin nói, Tvarđốpxki dường như ngăn ngừa.

— Về cái chuyện lượng ngắm đón anh nói đúng cả. Cả tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng có điều đừng có lầm tưởng là nếu anh bắn trúng đích có nghĩa vấn đề đã được giải quyết. Cuộc sống dù sao cũng không phải trường bắn. Phức tạp hơn nhiều. Và đặt vấn đề, ôi, mới quan trọng làm sao, nhưng giải quyết vấn đề ấy trong cuộc sống, ôi, mới lại khó khăn gấp biết bao lần! Bấy giờ thì đâu phải một mình nhà văn giải quyết nó bên cái bàn làm việc của mình và với cái đầu, có thể, sưng phồng lên vì những suy tư của mình, cả xã hội cùng giải quyết kia.

«... Từ ngữ — đó cũng là sự nghiệp, như Lênin thường hay nhắc đi nhắc lại» — đó là những lời quen thuộc lấy từ bài thơ *Bài ca về các từ ngữ* của Tvarđốpxki. Và thái độ của cả Ôvetskin đối với từ ngữ cũng như vậy. Nhưng anh lại còn nóng vội nữa. Tôi có cảm giác rằng đôi khi tưởng rằng từ ngữ — chỉ cần nói từ ngữ ấy lên — lập tức biến thành sự việc. Còn nếu không biến được với sự nhanh chóng mong muốn, thì cần phải tìm ra những kẻ có lỗi. Tất nhiên tìm ra bọn họ không phải khó khăn gì. Nhưng cũng chính cái loại người Borzốp ấy với sự xuất hiện *Những ngày thường ở huyện*, nói chung đâu có định tự mình đầu hàng, như Ôvetskin muốn như vậy. Loại người Borzốp đâu có phải là một hiện tượng trên bề mặt, có thể dễ dàng gạt bỏ như cái gốc cây cụt — loại người Borzốp không muốn lặng lẽ nhường đường cho những Marturnốp. Bằng lý trí Ôvetskin hẳn là hiểu rõ điều này, nhưng bằng tình cảm thì, thạn ôi, không phải bao giờ anh cũng hiểu được. Chính vì thế mà anh diễn ra những mâu thuẫn, một trong những mâu thuẫn đó đã dẫn anh vào bệnh viện, thoạt đầu là bệnh viện Kurxkơ, sau đó là bệnh viện Matxcơva.

Tvarđốpxki chỉ vừa nghe thấy là Ôvetskin ở Mátxcơva, anh liền quyết định tức khắc đến thăm người bạn gặp tai họa.

Ôvétskin nằm trong phòng bệnh nhân công cộng. Ngó vào đấy, chúng tôi không nhận ra anh. Nhưng chính anh đưa tay vẫy gọi chúng tôi. Thật là lạ lùng nhìn thấy anh trong bộ quần áo bệnh nhân, đầu quấn băng và một mắt bị buộc kín (sau chuyện bất hạnh đối với anh, một mắt anh không còn nhìn thấy được).

Có lẽ đó là một cuộc gặp gỡ với bệnh nhân lạ kỳ nhất tất cả. Bởi vì tôi không còn nhớ được rằng nói chung họ có đả động gì đến bệnh tật ốm đau gì không nữa. Gần như lập tức nẩy sinh các « vấn đề » và các « vấn đề ». Tiện thể nói thêm là không có dấu ngoặc kép. Quả thực là — các vấn đề và các vấn đề. Ôvétskin, dường như không phải ở trong bệnh viện, mà là ở cuộc hội nghị huyện ủy, lên tiếng tức giận nói về ngô. Tvarđốpxki — không kém phần hăng hái nói về đất phần trăm và bò cái gia đình chăn nuôi, mà khi ấy những kẻ theo thuyết ý chí đang hung hăng tấn công.

Ôvétskin nói :

— Ngô, không ai bác bỏ rằng đó là một thứ cây trồng tốt, nhưng tất cả vấn đề là trồng nó ở đâu. « Các bắp ngô sẽ mọc lên suốt từ Krưm đến Kamtsaka ». Khéo đâu có phải như thế ! Bây giờ chúng ta sẽ gieo trồng cái cây ngô đó hơn hai mươi lăm triệu héc ta ! Thử nghĩ mà coi ! Nếu như chỉ cần bỏ một nửa diện tích ấy để gieo trồng lúa mì, thì ngay cả trong các vụ thất bát, chúng ta cũng có thể nhận được chí ít là nửa tỷ pút lúa ! thì chính ông bộ trưởng (từ lâu đã không còn là bộ trưởng ! — A.K.) viết trong cuốn sách của mình về chuyến đi Mỹ rằng ở ta không có một khu vực nào gần giống với « dải đất trồng ngô » của Mỹ và các điều kiện

thổ nhưỡng cũng như khí hậu cũng vậy. Vậy mà ngay đấy ông ta lại ra chỉ thị gieo trồng các cây ngô khốn khổ ấy xuống đất sét. Như vậy là thế nào — chúng ta có hai ông bộ trưởng nông nghiệp hay một ông hai mặt?

Tvarđốpxki:

— Với tư cách đại biểu khu Iarôxláp tôi nhận được những lá thư đẫm nước mắt về việc triệt bỏ bò cái và tôi không xếp những lá thư đó lại mà gửi chúng đi kèm theo những suy nghĩ phù hợp tới những người đã có quyết định rằng cả bò cái, cả đất phần trăm — chẳng qua là tàn dư của quá khứ. Thật mới hàm hồ bậy bạ làm sao chứ!...

Câu chuyện mang tính chất cực kỳ gay gắt và cả căn phòng bệnh nhân không chỉ đã chăm chú lắng nghe xem hai con người không còn trẻ, tóc đã bạc, đang nói gì và đang nói về điều gì (Ôvétskin tuy có hơn tuổi, nhưng tóc còn xanh hơn vì thế trông anh thậm chí lại còn trẻ hơn Tvarđốpxki). Và rồi một người nào đó đã lên tiếng tham gia vào câu chuyện. Vậy là cứ thế cuốn đi. Cứ thế quay cuồng. Không còn có thể kìm giữ được ai nữa.

— Chỗ các anh không phải là phòng bệnh nhân, mà cứ như thể trong xô viết xã vào những năm hai mươi ấy — cuối cùng thì Tvarđốpxki cũng nhận ra và bật cười.

— Ô! rất giống! — Ôvetskin cười khà khà. Nếu không có dải băng buộc, có thể trông anh là một người hoàn toàn khỏe mạnh.

Đến bước cuối cùng

Khi còn rất trẻ, vào năm 1925, Valentin Ôvétskin đã xây dựng công xã Kômxômôn đầu tiên ở Priaxôvie và trở thành chủ tịch đầu tiên của công xã ấy. Từ bây

giờ trở đi ta có thể ghi lại lịch niên đại lòng trung thành của anh đối với sự nghiệp nông trang tập thể mà anh hiểu biết tuyệt vời.

Khó có thể nói được rằng cái gì là cốt lõi và ý nghĩ cuộc đời không dễ dàng gì của anh — sự nghiệp chung hay là văn học. Chính xác hơn, ngay cả trong văn học anh cũng là đầy tớ của sự nghiệp. Đau ốm nặng ở xa vùng đất đen thân thuộc của mình, tại Tasken, nơi những người con trai của anh đang làm việc, anh tiếp tục thường xuyên và tùy mức độ sức lực mất dần của mình sống cuộc sống chân thực, không thỏa hiệp, thực sự mang tính đảng của mình trong văn học. Bệnh tật đè nặng. «Lòng tôi ở bên các bạn, nhưng thân thể, than ôi, tôi không thể ở bên các bạn», — anh viết tới tòa soạn ba năm trước khi qua đời. Lúc này, anh đã trở thành một ủy viên biên tập tạp chí *Thế giới mới*. Thường xuyên tòa soạn gửi các bản in thử các số tạp chí sắp ra đến anh và anh đã có ý kiến cặn kẽ, một thái độ cặn kẽ ngang với niềm say mê, về tất cả những gì anh đọc. Anh tranh luận. Anh giận dữ. Anh vui mừng. Anh đề nghị. Anh buồn phiền. Anh hoan hỉ. Thử nghĩ mà coi trong con người đã không còn lấy gì nhiều sức lực này vẫn chứa đựng biết bao nhiêu nghị lực!

Tôi cho rằng, rồi đây một ngày nào đó người ta sẽ viết kỹ về điều này. Còn ở đây tôi chỉ dẫn ra một ít mẩu ngắn trích những bức thư gửi của anh cho tòa soạn còn chưa được công bố.

«Trôepônxki vẫn đang chuẩn bị đưa ra tác phẩm về những con sông ư? Vẫn chưa đưa bản thảo ư? Còn Tsermitsenkô viết về các nghề phụ ở các nông trang? Một đề tài rất quan trọng và lớn (Anh biết mọi chuyện, theo dõi bước đi của mọi người).

«Xin chào mừng những truyện ngắn của người đồng hương cũ của tôi, anh Evgheni Nôxốp người Kưrxkơ, xuất hiện trong *Thế giới mới*. Không phải vì anh là người Kurxkơ, mà bởi vì các truyện ngắn này hay. Rất ấm áp, đầy tình người, thông minh. Anh là nhà văn nghiêm túc, lớn lên trước mắt tôi, và nếu biết lôi kéo anh một cách đích đáng đến với tạp chí, có thể chờ đợi ở anh một điều tốt lành».

Có cả những thư dè dặt hơn. Về một nhà văn rất nổi tiếng: «In tất nhiên là nên. Tôi ủng hộ. Nhưng đọc buồn tẻ. Rất nhiều lời, thật quả là ông ta mắc «căn bệnh đái dầm» rồi. Và đơn điệu nữa».

Có khi anh lại viết mới gay gắt làm sao.

Và bản thân anh vẫn còn thử viết. Còn khi người ta đề nghị tổ chức cho anh chuyến đi thực tế về nông trang «Phòng chính trị», biết rằng anh không lấy gì phong phú về khoản tiền, thì anh trả lời khá nghiêm khắc: Tôi không cần đi thực tế sáng tác ở Uzbêkixtan. Tôi bắt đầu viết về nông trang «Phòng chính trị» ở đây và sẽ viết quyển sách này khoảng nửa năm. Nhưng điều này không liên quan đến tầu xe và các chi phí lớn. Tôi nghĩ là tự tôi sẽ vượt qua không phải nhờ sự giúp đỡ của Qũy văn học. Như vậy đấy».

Như người ta nói với tôi — tôi không biết điều này chính xác đến đâu, — anh qua đời khi vừa mới từ nông trang ấy chân ướt chân ráo trở về. Anh vào bể tắm tắm rửa bụi đường, thế là...

Trong tác phẩm còn dang dở của mình *Không văn chương hoa mỹ* Valentin Ôvétskin viết: «Ở những con người của chủ nghĩa cộng sản ý thức chủ nhân

ông trái đất và mọi cái gì trên đó lớn lên cực kỳ mạnh, và những con người đó sẽ rất dũng cảm ».

Anh không nghĩ rằng khi đó, anh đã nói chính về bản thân mình. Anh đã là con người của tương lai. Chủ nhân của mảnh đất của mình, hiệp sĩ không biết sợ hãi và không quở trách của mảnh đất đó.

Trích « Nước Nga văn học »
số 11, 13 tháng ba năm 1981.

MIKHAIN MATUXÔPXKI

«ALIÔSA, NHỚ CHĂNG?»
(ALEKXÂY XURKÔP, sinh năm 1899)

Mọi điểm đều đúng cả: các cứ liệu giấy chứng minh đều chính xác và tiểu sử trong một tập «Bách khoa văn học» ghi ngày sinh tháng đẻ cũng được khẳng định — tám mươi tuổi, nhưng tôi lại nhìn thấy Aliôsa trai trẻ, mặc áo capốt và đi đôi ủng nặng nề, đầy bụi bám, thậm chí tóc bạc trắng ra vì bụi, mới từ các vùng tiền phương trở về trong đoàn phóng viên báo *Sự thật Hồng quân* của Phương diện quân miền Tây. Xurkốp mệt lả người, suốt một ngày anh đã lắc lư trong chiếc xe chạy ở mọi địa hình cũng đầy bụi bặm như bản thân anh, hai lần gặp bom ném, nhưng giờ đây anh lại phải sáng tác thơ nói về các trận chiến đấu sắp tới ở các vùng phụ cận Matxcơva kịp cho số báo ngày mai. Và nhà thơ lập tức ngồi vào làm việc. Mặc dù những dòng thơ được hối hả viết ra trong ngăn toa tầu chật hẹp và thư ký tòa soạn quả thực là ngồi trên đầu, giục dã và hối thúc anh, trong các dòng thơ ấy vẫn giữ được những hồi âm của trận đối pháo và ánh lóe sáng của tên lửa, soi rõ những gương mặt lính nhợt nhạt và mùi rừng ngoại ô Matxcơva và sắt thép bị đốt cháy,, tất cả nỗi đau đớn và lo âu của những ngày ấy. Những bài thơ ấy không phải là những bài báo của một ngày — Xurkôp đã viết cuốn nhật ký thơ dũng cảm và

không nhiều lời của mình. Nàng thơ chiến tranh của nhà thơ khắc nghiệt và nghiêm nghị. Cái đó có thể cảm thấy thậm chí qua chính những tên gọi các tập thơ của: *Tháng chạp ngoại vi Matxcơva, Những con đường dẫn về phía Tây, Tấn công, Nước Nga trừng phạt.*

Mọi người đều rõ rằng Vlađimir Maiakôpxki giống như cái phong vũ biểu chính xác, tiên báo sự đến gần của cơn dông tố cách mạng. Cần phải sống như Alekxây Xurkôp, cùng với nhân dân chiến đấu, coi mọi nỗi ưu phiền và đau khổ của nhân dân thiết thân đối với mình, để mùa thu năm bốn hai gần Rgiép, đã bị biến thành đống tro tàn đổ nát, vẫn tin tưởng vào sự tất thắng của chúng ta và thậm chí còn nêu lên không sai cái tháng mà chiến thắng sẽ đến: « Sau những ngày xấu trời kéo dài của mùa xuân thù địch, tháng năm chói chang vẫn đang chờ chúng ta ».

Và, hẳn là, vì thế mà khi Kônxtantin Ximônốp cần phải nói lên những lời nói quan trọng, thiêng liêng, xúc động nhất về bước đầu cuộc chiến tranh, về tất cả những gì mà chúng ta đã thử thách qua và sống qua, Ximônốp đã thấy cần thiết phải nói với Alekxây Xurkôp: « Aliôsa nhớ chăng, những con đường Xmôlen... ». Và người nhận lập tức lên tiếng đáp lời ngay. Thế là đột nhiên truyền thống cổ xưa của thư từ bằng thơ đã trở lại với thời đại chúng ta, hai nhà thơ, hai người lính đã lên tiếng chuyện trò xuyên qua các tuyến ụ đất và chiến hào, xuyên qua lửa và khói vô nghĩa lý.

Trong những năm sau chiến tranh, Alekxây Xurkôp đã đi lưu lạc khá nhiều trên khắp địa cầu, đến các miền đất khác nhau và từ các chuyến đi của mình mang về không phải là những bức phác họa vội vã và những quan sát của khách du lịch nhàn nhã, mà là những bằng chứng nhiệt thành của con người quan

làm đến ngày mai của thế giới. Trong các cuốn sách *Phương Đông và Phương Tây, Những bài ca về nhân loại* thực chất, anh vẫn là một nhà thơ — chiến binh.

Tôi muốn kết thúc những ghi chép này bằng một ấn tượng tươi mới nhất do cuộc gặp gỡ với một bài ca của Xurkôp. Mới đây tôi đã dự một buổi tối liên hoan văn nghệ của các cựu chiến binh của một trong những quân đoàn thuộc phương diện quân Belaruxia thứ Hai. Phải được nghe những con người ấy, những con người đã từng không phải một lần bò luồn dưới hàng rào dây thép gai, nằm trong những hố đạn cầy, cháy bỏng trong xe tăng và chôn cất các bạn mình, đã hát bài hát *Cái hầm đất,* như thế nào kia. Không, họ đâu có hát, họ đã tâm tình thổ lộ hết nỗi niềm sâu kín và quý giá của chính mình khi họ hát đến câu: « Đến chỗ em anh đi đâu có dễ, nhưng đến với thần chết chỉ bốn bước chân », thì hơi thở của tôi nghẹn lại. Tôi cũng muốn chúc mừng nhà thơ tuổi tám mươi với những giây phút cởi mở và đỉnh cao của tinh thần con người ấy.

Trích: « Báo Văn học »,
số 41 ra ngày 10 tháng mười, năm 1979.

X.X. XMIRNỐP

SỨC MẠNH CỦA LỜI NÓI THIẾT THA
(KÔNXTANTIN XIMÔNỐP, 1915 — 1979)

Thế kỷ khoa học và kỹ thuật mãnh liệt của chúng ta đã sáng tạo ra nhiều dụng cụ kỳ lạ, vô cùng tinh vi và vô cùng chính xác. Những cái kính thiên văn vô tuyến cực mạnh bắt đầu công việc nghiên cứu những lòng sâu xa xăm kinh khủng của vũ trụ, trên các màn ảnh vô tuyến truyền hình của chúng ta xuất hiện bức tranh toàn cảnh đá cứng của sao Vênêra bí ẩn, chúng ta đã học thu nhận được những phân tử cực nhỏ của vật chất, và kính hiển vi điện tử mở ra cho chúng ta thấy chiều sâu của các tế bào sống.

Nhưng không, và có lẽ không bao giờ sẽ có được những máy định vị hay những bộ tạo sóng bằng lade có khả năng thâu nhập được vào sâu tâm hồn nhân dân và truyền đạt cho chúng ta trên những cái màn ảnh nào đó hay trên các dụng cụ đo lường nào đó thấy được những suy tư và những tình cảm thầm kín của con người đương thời của chúng ta. Ở đây thì khoa học và kỹ thuật bất lực dừng lại và kính cẩn nhường chỗ của mình cho văn học và nghệ thuật.

Người làm văn chúng ta có nhiều, sách càng có nhiều hơn. Và mỗi cuốn sách ấy tùy theo mức độ tinh tường của con mắt nhìn, sự sắc bén của trí tuệ và tài năng

của tác giả, đều phản ánh được những mặt này hay những mặt khác trong cuộc sống của thế hệ đồng thời với tác giả. Nhưng chỉ số ít nhà văn biết nói lên lời nói thiêng liêng, nắm bắt được ý nghĩa và thể hiện trong hình tượng nghệ thuật hay trong hình thức chính luận thẳng thắn cái điều xao xuyến nhân dân hơn cả trong thời điểm này của lịch sử. Những suy tư, tình cảm này đã chen lấn nhau trong các trí tuệ và trái tim, nhưng còn chưa được ai nói ra, đôi khi không được nắm bắt, không được nhận thức. Và khi nhà văn nói lên lời nói thiết tha của mình, thâu tóm những suy tư và tình cảm này, hàng triệu người thốt ra với niềm ngạc nhiên sung sướng: « Thì tôi đã nghĩ và cảm xúc đúng như vậy, nhưng chỉ có người ấy mới biết nói được ra ».

Khi đó tác phẩm của nhà văn — dù đó là cuốn tiểu thuyết hay truyện dài, trường ca hay một bài thơ, vở kịch hay cuốn sách tư liệu — sẽ trở thành một hiện tượng xã hội người ta xếp hàng dài ở các hiệu sách và các thư viện vì một cuốn sách hoặc tờ tạp chí, họ truyền tay nhau, đôi khi tác phẩm được người ta chép lại, và chẳng có số lượng bản in nào có thể thỏa mãn được đòi hỏi của độc giả.

Trong lời nói thiết tha này chứa đựng vòng nguyệt quế của số phận nhà văn, tiền định cao cả của người làm văn.

Chỉ một lần nói được lời nói thiết tha ấy, nhà văn đã biện minh được cuộc đời của mình trên trái đất. Và rất hiếm có trường hợp ai đó lại có thể nói được lời nói thiết tha đó không phải một lần.

Hạnh phúc hiếm hoi ấy đã rơi không phải một lần vào tay Kônxtantin Ximônốp, người mà bây giờ đang kỷ niệm

sáu mươi tuổi của mình. Như một người đồng niên của ông, cũng thuộc một thế hệ ấy, thế hệ bước vào cuộc đời tự lập vào đầu những năm ba mươi và đi qua cuộc chiến tranh vĩ đại, tôi thay mặt các bạn đồng niên có thể nói rằng lời nói thiết tha của Kônxtantin Ximônốp đã đi theo cùng chúng tôi trên khắp nẻo đường này cho đến tận những ngày hôm nay.

Chủ nghĩa phát-xít Hítle đã chín muồi ở Đức, tràn đầy sức lực đen tối, kinh khủng của mình ở tại nước Đức, và lúc đó đã rõ ràng là cái lúc nó chồm vào chúng ta không còn đâu ở xa xôi nữa. Nhưng nhiều người trong chúng ta còn chưa hiểu được mọi điều đang xầy ra với nhân dân Đức, hãy còn hy vọng rằng tình cảm đoàn kết vô sản sẽ dừng bước người lính Đức Hítle lại, không hình dung nổi tất cả sự tàn khốc của cuộc đấu tranh đang đợi chúng ta.

Nhưng đây năm 1937 xuất hiện trường ca *Trận chiến trên băng giá* của Kônxtantin Ximônốp lúc ấy mới 22 tuổi, và trong trường ca này chúng ta đã đọc thấy cái điều lúc đó là mới mẻ và cần thiết ;

Ta thương hại mi, người lính.
Nhưng một khi mi đến
Đem chế độ của mi xa lạ
áp đặt ta —
Mi trở thành kẻ thù.
Và mi có là ai đi chăng nữa —
Cũng không có quyền
chờ lòng thương xót của ta —

Và ở đoạn kết của trường ca này bấy giờ ông đã viết những dòng, mà giờ đây, sau gần bốn chục năm, đọc lên tưởng như đó là lời tiên đoán :

Rồi đến một ngày,
gặp nhau bè bạn,
Qua bao nhiêu năm sau. Chúng ta hồi tưởng,
Chuyện đất đai bị xé nát tan hoang
Cả từng vùng bởi xích sắt bạo tàn
Chuyện lúa mì nát nhừ
bởi gót giầy ủng lính
Chuyện chiến tranh tìm chúng ta ào đến,
Chuyện ở phía tây đất nước chúng ta
Xưa đã có một quốc gia phát xít...

Sau đó tiếp theo là trường ca *Xuvôrốp*, và bản trường ca này cũng lại mới mẻ và bất ngờ là một đòn giáng dũng cảm vào sử liệu học thông tục trước đấy, làm sai lệch hình ảnh vị thống soái vĩ đại. *Xuvôrốp* của Ximônốp cũng miêu tả theo kiểu truyền thuyết cuộc Viễn chinh gian nan qua dẫy Anpơ, tác giả hồ như dần dà chuẩn bị chúng ta đón những thử thách còn gian nan hơn của năm bốn mốt. Và rồi vở kịch *Chàng trai từ thành phố của chúng tôi*, trước chiến tranh đã qua cái sân khấu đủ mọi nhà hát của chúng ta, cũng phục vụ cho mục tiêu quan trọng ấy, nhưng đã dựa trên tài liệu anh hùng cùng thời với ta — tài liệu các trận chiến đấu ở Tây Ban Nha và Khankhin-Gôn.

Rồi khi năm bốn mươi mốt kinh hoàng và vẻ vang ấy đến, khi bắt đầu trận vật lộn sống chết với chủ nghĩa phát-xít, thì Kônxtantin Ximônốp, người lính và phóng viên mặt trận, nhà thơ và nhà chính luận chiến tranh, phô bầy trước chúng ta những khía cạnh mới của tài năng đa dạng của mình. Và mấy lần trong cuộc chiến tranh này ông đã may mắn phát biểu được cái lời nói chân thật, ấp ủ thiết tha của mình: Bài thơ *Aliôsa nhớ*

chăng, những con đường Xmôlenxcơ... của ông đã thể hiện được một cách sâu sắc và mạnh mẽ nỗi đau đớn và buồn thương của nhân dân trên những nẻo đường xót xa của cuộc rút lui.

Những người lính ở mặt trận, cũng như những người phụ nữ ở hậu phương đã chép đi chép lại thành hàng trăm nghìn bản bài thơ làm tâm hồn sững sốt *Em ơi, đợi anh về...*, như thời trước người ta đã cho chép lại lời cầu nguyện thần chú! Bài thơ *Hãy giết nó đi!*, bấy giờ ngoài mặt trận vang lên như hồi chuông cảnh báo, đã trở thành lời hiệu triệu mới dữ dội, mãnh liệt làm sao đối với nghĩa vụ và lương tâm người lính và người công dân, đã trở thành sự hiện thân như thế nào kia của nỗi giận dữ và căm thù của nhân dân đối với kẻ thù tàn bạo!

Trong vòng bốn năm đó, Kônxtantin Ximônốp đã đến hầu khắp các mặt trận — từ Cực Bắc đến các dải bờ Vônga. Ông đã có mặt cùng với các chiến sĩ bộ binh ở tiền phương, đã đi trên tàu ngầm làm nhiệm vụ chiến đấu, bay trên các máy bay chiến đấu. Đi qua ngọn lửa Xtalingrát, ngay trong lúc cuộc chiến tranh đang ác liệt, ông đã viết *Ngày và đêm* — một trong vài tác phẩm văn xuôi lớn xuất hiện ngay trong những năm đó. Các bài phóng sự mặt trận, các bài báo, thơ và truyện ngắn của ông không vắng mặt trên các trang *Sao đỏ*, mà trung tá K. M. Ximônốp bấy giờ là cán bộ trong tòa soạn.

Vào năm Chiến thắng Vĩ đại, khi Kônxtantin Ximônốp gỡ đôi lon mặt trận trên vai ra, ông vừa tròn ba mươi tuổi. Và ông đã có thể hoàn toàn mãn nguyện nhìn lại những năm đã qua — ông đã làm được nhiều việc và đã là nhà văn nổi tiếng và được thừa nhận ở Liên Xô cũng như ở nước ngoài. May mắn, cả cái tuổi đời khi đó của Ximônốp, cả lòng hăng say của ông nói

chung không thích thú gì cái việc ngoái nhìn lại quá khứ và cái việc tổng kết các kết quả. Với sự mau lẹ của tên lửa, ông bước vào ba thập kỷ thứ hai của cuộc đời, và kinh nghiệm của ông, tài năng chín muồi, khả năng lao động khác thường và sự khéo léo đến kỳ lạ tổ chức một cách hợp lý và có năng suất lao động nhà văn và công tác xã hội của mình — điều mà nhiều người trong chúng ta, những đồng nghiệp của ông bao giờ cũng thèm ước. — đã làm cho cả ba thập kỷ tiếp theo này trở thành hiệu suất cao.

Lại có những bài thơ hay mới viết — trước hết là loạt thơ *Bạn bè và kẻ thù*, có những bản dịch thơ tuyệt vời, những vở kịch, được trình diễn nhiều lần và thành công, có những bộ phim quay theo kịch bản của Ximônốp, có văn chính luận chiến đấu, sôi nổi. Nhưng, tất nhiên, công việc chủ yếu của nhà văn trong ba thập kỷ sau chiến tranh là bộ ba tiểu thuyết *Những người sống và những người chết* của ông. Nó đã xuất hiện như câu trả lời của Ximônốp đối với đòi hỏi khẩn thiết của người đọc về một bức tranh nghệ thuật tầm cỡ lớn, khoáng đạt nói về Chiến tranh giữ nước vĩ đại và với ý nghĩa này đã trở thành lời nói thiết tha sau chiến tranh của tác giả. Sự hiểu biết tuyệt vời về chiến tranh « từ nguồn trực tiếp », những tính cách con người được mô tả rạng rỡ và đặc biệt hình tượng Xerpilin làm cho bộ tiểu thuyết ba tập của Kônxtantin Ximônốp trở thành một trong những sự kiện lớn bậc nhất trong văn học chúng ta những năm sau chiến tranh.

Ở những con người xô viết thời đại chúng ta, đã phải chịu đựng biết bao nhiêu chuyện và đã làm được biết bao nhiêu chuyện, nhiệt tình xã hội là một phẩm chất phổ biến rộng rãi của tính cách con người. Nhưng nhiệt tình xã hội của Ximônốp bao giờ cũng đã và sẽ

mãi không kìm chế được và không bao giờ cạn. Cần phải không ít chỗ để kể lại tất cả các chức vụ xã hội của ông. Và, chắc hẳn, chính nhiệt tình công dân mạnh mẽ ấy đã xác định tính chất chính luận mãnh liệt của toàn bộ sáng tác của ông kéo dài suốt cuộc đời. Tính chất chính luận thấm thía trong tất cả các thể loại ông sử dụng ở trong văn xuôi cũng như trong thơ, trong kịch. Và tính chất chính luận này mài sắc và làm phong phú thêm tài năng nghệ thuật của ông, làm cho hầu như mỗi tác phẩm của nhà văn đều trở thành một sự kiện xã hội.

Vừa mới cách đây ít lâu trên báo chí xuất hiện các trang nhật ký cực kỳ lý thú của ông viết trong những năm chiến tranh, trên sân khấu trình diễn vở kịch của ông *Trích ghi chép của Lapatin* và bộ phim tư liệu *Anh lính đã bước đi...* do ông làm đã trở thành món quà quý giá tặng nhân dân nhân dịp kỷ niệm 30 năm Chiến thắng vĩ đại. Hiệu suất lao động dị thường, và có kết quả như thế ấy vào tuổi sáu mươi — là một bảo đảm tốt nhất để cả ở ba thập kỷ thứ ba của cuộc đời nhà văn cộng sản có thêm nhiều thành tựu. Chúng ta tin rằng còn được nghe thấy lời nói thiết tha xúc động trí tuệ và trái tim của toàn dân, lời nói không phải một lần Kônxtantin Ximônốp đã nói lên được với hàng triệu bạn đọc biết ơn của mình[1].

Trích : Báo Văn học Số 48 ra ngày 27 tháng một năm 1975.

1) K. Ximônốp đã mất ngày 28-8-1979.

VLAĐIMIR AMLINXKI

NHÀ VĂN, NHÀ BÁO, NGƯỜI LÍNH
BÔRIX PÔLÊVÔI

Tên tuổi nhà văn được tạo nên trong văn học theo các cách khác nhau — đôi khi phải hết năm này sang năm khác, hết tác phẩm này sang tác phẩm khác, chiếm lĩnh và mở rộng một cách khó khăn vất vả và dần dà từng «cứ điểm» sự chú ý của độc giả. Nhưng có khi ngay cuốn sách đầu tiên đã lập tức thu hút sự chú ý đối với mình, trở thành tài sản của tất cả quần chúng bạn đọc — không phân biệt lứa tuổi, nghề nghiệp, học vấn.

Trường hợp, *Câu chuyện về một người chân chính* của Bôrix Pôlêvôi đã diễn ra đúng như vậy. Cả đất nước đã đọc cuốn sách ấy.

Và sự thể không chỉ ở số phận khác thường của nhân vật chính: đâu có phải ít gì những số phận khác thường được các nhà văn và các nhà báo phát hiện ra trong những năm tháng đó. Mà sự thể rõ ràng là ở chỗ số phận ấy được viết ra một cách chân thành đến lạ kỳ, với một sự xác thực nghiêm khắc, mang trong bản thân các tính cách của một chiến công có tính chất toàn thể nhân dân. Đề tài Pôlêvôi yêu thích được nghiên cứu kỹ trong cuốn sách này — đó là đề tài những khả năng đạo đức vô hạn định của con người, đề tài lòng dũng cảm.

Sau này, đã qua nhiều năm nữa, Bôrix Pôlêvôi sẽ viết lại trong nhật ký của mình, rằng hình tượng Alêcxây Marexiép không ngừng hiện ra trước mặt ông trong những phiên xét xử của tòa án Nurembe, trong những ngày khi tất cả những gì chủ nghĩa phát-xít đã gây ra được phơi bầy ra trong các tài liệu và các bằng chứng trước toàn thể thế giới. Trong những ngày nặng nề và đồng thời cũng long trọng của tòa án của các dân tộc, trước mặt phóng viên của báo *Pravđa* B. Pôlêvôi gương mặt xa xôi, xương xẩu của anh phi công Alecxây bị thương tật, không chịu khuất phục, đã chiến thắng — còn chưa ai hay biết đã sáng ngời lên một ánh sáng tinh khiết.

Anh, người lính Nga ấy, bị thương, bị tê liệt chân cẳng, đã bò đi trên tuyết, chết đi sống lại, và dù sao đi nữa sau đó vẫn sống được, đứng lên, đi tới Berlin. Anh hóa ra mạnh hơn các kẻ thù của anh, và khi viên thống chế Keiten, một sĩ quan Phổ có nòi, cúi nhìn xuống, trình lời biện bạch với tòa, thì anh, chàng trai ấy, trở về đất nước mình, đất nước đầy thương tích như chính bản thân anh, nhưng đã chiến thắng và vẫn sống nhờ ý chí và niềm tin của anh và hàng triệu người lính xô-viết khác.

Nhà văn viết nên cuốn sách như vậy thật hạnh phúc.

Pôlêvôi từ làng báo chí đi vào văn học. Trong các lý lịch của mình ông luôn luôn ghi: « nhà báo », mặc dù mọi người biết ông là một nhà văn. Báo chí đã tạo nên trong ông tình yêu với thực tế, với sự kiện, với tài liệu.

Sự thể đã xẩy ra là thế hệ của tôi ngay từ trước khi đến trường đã học đọc học viết được không phải theo những cuốn sách giáo khoa và vần chữ cái, mà theo các bản tin của phòng thông tin xô-viết, theo các bài

phóng sự miêu tả các trận đánh. Về địa lý chúng tôi biết được theo tên các thành phố thoạt đầu bị để mất, sau đó được chiếm lại. Khi ấy chúng tôi cũng ghi nhớ cái họ Pôlêvôi, ngay cả âm thanh của nó cũng mang tính chất chiến đấu.

Cuộc đời văn học của Pôlêvôi tuy nhiên đã bắt đầu từ trước chiến tranh. Ngay từ khi ông viết cuốn sách về những kẻ phạm pháp, được Gorki để ý, ngay từ khi ông bắt đầu một cách tích cực và thích thú hoạt động báo chí. Nhưng dù sao đi nữa chính chiến tranh đã biến ông thành nhà văn, chiến tranh đã thành đề tài chủ yếu của ông, và, mặc dù ông đã viết hàng loạt tác phẩm nói chung không liên quan đến chiến tranh, dù sao đi nữa, bằng cách này hay cách khác, ông cũng trở lại với chính đề tài này. Mà liệu đó phải chăng chỉ là đề tài sao? Có thể, đó chính là số phận cuộc đời?

Một trong những tác phẩm cuối cùng của Bôrix Pôlêvôi — bộ sách hai tập *Bốn năm ấy*, thu góp trong đó tất cả chặng đường chiến tranh của ông từ Kalinin đến Berlin, tất cả kinh nghiệm nghệ thuật và cuộc sống của nhà văn. Các ghi chép nhà báo những năm ấy kết hợp với các suy nghĩ về thời đại, về các số phận cuộc đời con người, về lịch sử. Đã xuất hiện như vậy một hợp kim phối hợp sự miêu tả sự kiện với sự hiểu biết sự kiện ấy, bao giờ cũng đem lại cho chúng ta một văn chính luận chân chính — mang tính công dân, triết lý. Bôrix Pôlêvôi là một tác giả xuất sắc của loại văn chính luận như vậy. Trong các nhật ký của ông chứa đựng cái manh nha các cốt truyện tương lai, các truyện ngắn, truyện dài, tiểu thuyết, các ý đồ và các phác thảo, quan sát, nhắc nhở về các con người, các sự kiện, các thành phố, và tất cả mỗi cái đó cùng nhau hợp thành một cuốn sách xác thực của thời đại, cuốn sử biên niên của

cuộc chiến tranh, những nhật ký trần tình của mỗi người tham gia và chứng kiến cuộc chiến tranh ấy.

Có thể không phải mọi người đều biết rằng Bôrix Pôlêvôi đã « khám phá » ra không chỉ Alecxây Marexiép, mà cả Liza Tsaikina. Ông là người đầu tiên đã kể lại cho bạn đọc về số phận cuộc đời bi thảm và cao cả của chị. Sau đó Liza đã được ngợi ca trong các bài thơ trữ tình và trường ca. Nhưng trong nhật ký của Bôrix Pôlêvôi tính cách sâu sắc và mạnh mẽ này được ghi lại dường như bằng một cách cố tình bình thường, tước bỏ mọi vẻ ngoài anh hùng, và chiến công của Liza được miêu tả lại càng dè dặt bao nhiêu, cảm giác về sức mạnh vô hạn và ý chí bất khuất của tính cách này càng mạnh bấy nhiêu.

Bôrix Pôlêvôi trong sáng tác của mình bao giờ cũng bị thu hút đến với chính cái tính cách nồng nhiệt, trọn vẹn, trong sáng như vậy, nhưng đồng thời ông không đơn giản hóa con đường phức tạp mà nhân vật của ông đi qua, trước khi nhân vật anh hùng của ông được lộ ra trong cái hành động — chiến công thay đổi tất cả số phận cuộc đời của người ấy.

Các ngọn nguồn của nhân tố anh hùng được ông tìm hiểu một cách sâu sắc, chăm chú. Ở đây các bạn không tìm thấy những tuyên ngôn ầm ĩ hay xúc cảm giả tạo. Tính chất anh hùng chân thực bao giờ cũng xa lạ với mọi cử chỉ hay điệu bộ. Những cuốn nhật ký mà B. Pôlêvôi viết trong những điều kiện cực kỳ gian nan của chiến tranh, viết tỉ mỉ, thường xuyên, không quên ghi lại thậm chí điều nhỏ nhặt nhất, dường như bằng lời nói thoáng qua ông phác ra một lời nhận xét : « Trong những giờ phút rảnh rang công việc phóng sự, theo thói quen cũ, tôi đã viết đại loại một thứ nhật ký, khi có thời gian — thì viết tỉ mỉ, khi không đủ — phác qua, rút gọn ».

« Đại loại một thứ nhật ký » — định nghĩa tất cả chỉ có vậy.

Bôrix Pôlêvôi không bao giờ đưa đến cho bạn đọc những ghi chép vội vã sau một chuyến đi nước ngoài. Hay một truyện vừa ra đời do kết quả một chuyến công tác ngắn hạn. Một tác giả tuyệt vời của thể phóng sự — ông vẫn là một người tỉ mỉ và am hiểu tất cả sự khác biệt giữa sự mô tả theo thứ tự thời gian một sự việc với sự hiểu biết bằng nghệ thuật hay chính luận sự kiện đó. Ông là con người của những gắn bó thường xuyên. Nếu đã là Xibiri, thì ông còn trở đi trở lại với Xibiri nhiều lần. Nếu là anh thợ xây dựng A. Bôtskin, thì ông cũng trở lại với con người này không phải chỉ một lần, theo dõi số phận của anh trên một chặng dài và không đơn giản của cuộc đời.

Sau khi viết bút ký *Vị nguyên soái - anh lính* — về nguyên soái Kônhép, ông còn trở lại với Kônhép, và, đưa vào tài liệu mới, xây dựng thành một truyện tư liệu dài. Với tấm lòng yêu mến và kính trọng ông trở lại trong các sách khác nhau của mình với những con người, mà ông chính là người cùng thời và bạn chiến đấu của họ: *Xkalơ từ phía xa xôi* — về Lakxnexx, *Khách hành hương của hòa bình* — về I. Erenburg. *Người cha của những con người nhỏ bé buồn cười* — về Lada. Nhiệt tình xã hội của ông, phạm vi quan tâm của ông rộng lớn và nghiêm túc, nhưng tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh vào sự lưu tâm thân thiết, sự lo lắng của ông đến các nhà văn trẻ. Nhận ở Valentin Kataiép ngọn cờ tiếp sức tạp chí *Tuổi trẻ*, Pôlêvôi đã và đang cố làm cho tạp chí không chỉ là cái nơi để đăng tác phẩm, mà còn trở thành trường học giáo dục văn học, trường học của tài nghệ, của sự hình thành tính cách công dân và nghệ thuật. Hiểu rằng, tác giả cần lớp vỉa mới các đề

tài, cảm giác hiện thực trong toàn bộ quy mô của nó chừng nào ông đã hướng họ đến các công trường xây dựng Xibiri, gửi họ tới Trunman, đến công trình xây dựng đường xá — đến nơi các thành phố mới đang được xây dựng, nơi tính cách con người đang được thử thách.

Nhiều nhà văn, cả các nhà văn trẻ, lẫn các nhà văn đã khá nổi tiếng — vẫn nhận được thư từ viết bằng kiểu chữ nhỏ đặc biệt của ông: tình cảm đầu tiên biểu lộ đối với tác phẩm vừa được in của họ. Không phải lời chúc mừng hình thức, mà là một sự suy xét bình phẩm của người đồng chí già cùng xưởng thợ, về các ưu điểm và các sai sót của tác phẩm.

Tôi hình dung ra ông đang làm việc bên bàn viết, đang đi trên xe lửa, đang bay trên máy bay. Hoặc không phải như thế, mà đang ngồi bên cạnh cửa kính xe ô tô điện và chăm chú xem số vé xe của mình — số may mắn chăng?

Tôi nghĩ rằng, cái vé của ông là vé may mắn.

Trích: Báo «Sự thật» số ra ngày 17-3-1978.

EPGIÊNHI ÔXETƠRỐP

HÌNH ẢNH MỘT VÙNG ĐẤT LỊCH SỬ
(G. MARCỐP — sinh 1911)

Các tiểu thuyết *Dòng họ Xtơrôgôp, Muối của đất, Cha và con, Xibia* của Gêorghi Marcôp hợp lại thành một khối thống nhất về nghệ thuật và thật là đông đủ các mẫu người, trong đó có những nhân vật sống và hành động rất khôn khéo, rất quả quyết và có đầy đủ ý thức về sức mạnh và lẽ phải của mình. Họ bước theo những nẻo đường mòn trong rừng taiga một cách tự tin, họ gắn liền với những dòng sông dâng nước vào mùa xuân, cặp mắt họ biết nhìn xa trông rộng. Chúng ta nhớ tới *Xibia*, tập tiểu thuyết tiếp nối một cách có tuần tự với *Dòng họ Xtơrôgôp*, viết về những chiến sĩ hoạt động cách mạng bí mật bị lưu đày, về những thợ săn và những con người đầy từng trải khác hằng suy nghĩ sao cho những của cải thiên nhiên kỳ diệu của mạn Khôlôđưr có thể phục vụ được nhân dân trong xã hội tương lai. Một nữ nhân vật của tiểu thuyết này — cô Pôlya —, ngay trên bờ sông, nơi chỉ cách mép nước có ba bước chân thôi, đã gặp một người mà cô không hề quen biết đang bị quân lính Sa hoàng săn đuổi để dồn vào rừng hẻm. Chính ở cái đoạn kịch tính căng thẳng nhất đó, trong cuộc gặp gỡ với người trốn tù, người đọc cảm nhận được một sức mạnh bình tĩnh nhưng không gì ngăn nổi, nó toát lên từ những chi tiết cụ thể :

« Pôlya chợt rùng mình bởi sợ, cô không biết mình phải làm gì bây giờ : lấy hết hơi sức để thét tướng lên hay là chạy trở lại ngay lập tức.

— Chào cô ! — bỗng nhiên cô nghe thấy một giọng người rất đỗi bình tĩnh. Và sự bình tĩnh đó đã giữ chân cô lại... Ngực cô cồn lên, dưới chiếc mũ bịt tai, mồ hôi chảy ròng ròng hai bên thái dương ».

Và ngay lúc đó, một quyết định hầu như không cần suy tính, không hề cố ý mà không gì cưỡng nổi, nhưng lại là duy nhất đúng đắn, nó cứ chín muồi và đã được chấp nhận : phải cứu lấy con người vừa vượt khỏi Narưm, bằng bất kỳ giá nào !

Ivan Akimôp, người vừa vượt ngục theo sự phân công của Đảng, có mật danh là Granit (đá hoa cương), điều này thật quả là không ngoa. Dưới tầm mắt Ivan Akimôp — Granit, thiên nhiên bao bọc quanh anh đã mở ra với tất cả vẻ đẹp nguyên sơ và hùng vĩ : « Khi bình minh của ngày cuối đông vừa hé ra, họ đã thức dậy trên bàn trượt tuyết. Bầu trời còn đầy sao. Dưới bàn trượt, tuyết không phải là miết nhẹ như những khi rét mạnh, mà là rít hẳn lên. Sự im lặng trùm lên khắp khu rừng taiga, và những cây cối đứng không động đậy. Họ chưa kịp vượt khỏi cánh rừng tùng tuyết, trời bỗng sáng hẳn ra, và sắc bạc bao bọc khu rừng đang nô rỡn với vừng hồng và tỏa ra những tia sáng chói chang ». Rồi tiếp đó, hiện lên trước mắt chúng ta là cả một miền đất được bình minh đánh thức, những ngọn tùng tuyết tỏa ra những ánh lửa nhấp nháy và vút thẳng lên trời : « Chưa bao giờ trong đời Akimôp lại gặp một kỳ quan như vậy. Anh lặng nhìn những điều đang diễn ra mà lòng không sao hiểu nổi, từ đâu mà thiên nhiên lại có được những sắc màu huyền diệu trong cái buổi sáng lạnh giá này để cho khu rừng taiga tịch mịch kia được

biến hóa nhanh đến vậy». Sự tuyệt vời ở đây không chỉ ở bề ngoài — nó nằm ngay trong tâm hồn nhân vật.

Dù Gêorghi Marcôp có viết gì đi chăng nữa thì nhân vật chính trong các tiểu thuyết của ông vẫn luôn luôn là Xibia, cái vùng đất lịch sử đã dành một sức mạnh hào hiệp cho những ai xứng đáng làm người chủ có đầy đủ quyền hạn và uy lực của nó. Chính ông là người từng viết những câu được truyền tụng «Xibia với những tài nguyên không thể đếm xuể của nó là diễm phúc của đất nước ta». Trong câu này, niềm kiêu hãnh của một người dân Xibia đã quyện với vẻ hài lòng của một con người biết suy nghĩ ở tầm cỡ quốc gia và luôn luôn ghi nhớ rằng đất của ông cha chính là một cơ thể trọn vẹn.

Những «sở thích địa lý» của nhà văn luôn luôn quan trọng khác thường. Thậm chí không thể nghĩ đến Macxim Gorki mà lại thiếu Volga, thiếu cái vùng mênh mang sóng nước mà những nhân vật bộc trực ông hằng yêu đến thế. Tiện đây cũng xin kể thêm là có một cái gì đó rất tượng trưng như thế này: một trong những chân dung đẹp nhất của Macxim Gorki, được thân thích của nhà văn công nhận hẳn hoi, (bức chân dung này hiện được đặt tại trụ sở Hội nhà văn Liên Xô ở nhà 52, phố Vôrôpxkaia), chính là tác phẩm của Nicôlai Slêin, một họa sĩ của vùng Volga: trên nền vải của họa sĩ là con người đã tạo nên trong *Thời thơ ấu* một trong những hình tượng người bà hấp dẫn nhất của văn học chúng ta. Tiếp nữa: Bôrix Rutrep — nhà thơ của lửa — thì ta hình dung sao nổi nếu thiếu đi một Uran lửa và thép, thiếu những lò-cái giữa vùng đồng cỏ của miền núi Magnhitnaia. Bạn đọc sẽ dễ dàng bổ sung vào danh mục này mỗi khi nhớ lại những nhân vật và những tác giả yêu thích nhất của mình.

Gêorghi Marcôp là người con của Xibia, một vùng đất lịch sử có truyền thống văn học rất vẻ vang, có nhiều liên quan tới những bậc tên tuổi trong văn học nghệ thuật, được nhắc tới luôn luôn trong vòng vài chục năm. Trong số các tên tuổi đó, đầu tiên phải kể đến Viatrexlap Siscôp, một tấm gương mà Gêorghi Marcôp mãi mãi giữ gìn lòng ngưỡng mộ của mình. Danh tiếng của Viatrexlap Siscôp ở Xibia không chỉ đóng khung trong lĩnh vực văn học thành văn: tên ông được tô đậm bởi vô vàn câu chuyện dân gian truyền miệng, hư có, thực có; người dân ở đây nhớ ông như nhớ đến một nhà khảo sát mở đường. Tôi chưa được gặp Viatrexlap Siscôp lần nào, nhưng giọng nói của ông, một nghệ sĩ chân chính, thì tôi luôn luôn nghe thấy, ngay cả bây giờ giọng nói ấy vẫn cứ vang lên đầy sinh sắc — Gêorghi Marcôp vẫn thường thích nhắc đi nhắc lại như thế. Tôi không hề nghi ngờ rằng, cùng với Marcôp, rất nhiều nhà văn khác hiện đang tương đồng ý kiến với người đọc, họ cũng sẵn lòng nhắc lại câu nói đó. Bởi vì ngay cả lúc này, tác giả của *Êmilian Pugatriôp* vẫn là một trong số nhà văn được tìm đọc và được sùng mộ nhất trong nhân dân.

Điển hình và dung lượng thẩm mỹ ít khi mang tính tự biên — chúng là kết quả của một quá trình phát triển tự nhiên. Thậm chí cũng có thể nói rằng không những người nghệ sĩ đi tìm đề tài, mà ngay đề tài cũng tìm đến người nào biết cách đưa nó vào ngôn ngữ. Ngoài chuyện đó ra, ở đây không chỉ nói đơn thuần về những sở thích văn học. Ở Viatrexlap Siscôp, quan điểm hành động của một người sáng tạo đã chỉ đạo nhà viết tiểu thuyết, cho nên tiểu sử văn học và các công trình đa dạng và có nhiều tìm tòi của ông rất đáng để ta thán phục và noi theo. Chính Gêorghi Marcôp đã

có lần thổ lộ là theo quan niệm của ông thì Viatrexlap Siscôp rất xứng đáng trở thành một nhân vật của tiểu thuyết. Khi đi qua những ngả đường ở vùng Truixki — về sau, chuyện này có được kể lại với người đọc —, nhà văn đã nghĩ rằng cuộc khảo sát mà Viatrexlap Siscôp đã làm trước khi đánh đường vào đây — đó là một công việc đòi hỏi sự thành thạo và năng lực của một kỹ sư.

* * *

Ngoài tình yêu quê hương và kinh nghiệm nghệ thuật của các bậc tiền bối, nhà văn còn được bồi dưỡng thêm bởi không khí văn học đương thời, bầu không khí mà nhà văn sinh sống và hoạt động trong đó. Lúc này, tôi không thể không nhắc tới những cánh cửa rộng mở của ngôi nhà rất hiếu khách ở Matxcơva của Êphim Nicôlaiêvich Permitin, tác giả *Chim ưng núi* và nhiều truyện về săn bắn khác (rất được Mikhain Sôlôkhôp tán thưởng) đã đi vào bộ tuyển gồm nhiều tập về Xibia hiện đại. Những thợ săn và dân chài, những con người thích ngồi thâu đêm bên đống lửa ấy tụ họp lại, rồi những nhà văn từ Xibia kéo về, hoặc những người quê ở Xibia sống ở Matxcơva gặp nhau, thôi thì chuyện trò sẽ không dứt trong đó, không thiếu những câu chuyện của Permitin kể về rừng taiga, cũ có, mới có, về những cuộc săn bắn, và, thiết nghĩ, cả chuyện văn chương nữa, từ những cây bút lão làng đến những bạn trẻ mới thử ngòi bút. Không trách người dân Xibia đã gọi đùa chỗ ở của Permitin là « một căn nhà ghép ván ở Matxcơva nhưng lại theo lối của Xibia ». Cũng chính từ đây mà nhiều bản thảo của các bạn trẻ theo cách này cách khác đã nhận được giấy thông hành vào đời và đã vượt ra với thế giới lớn. Một trường hợp đáng nhớ như thế này :

— Bản thảo của một cậu ở Xibia đấy — Permitin trầm trồ — Gêorghi Marcôp chuyển đến nhờ mình đọc rồi dịp nào đó sẽ trao đổi ý kiến sau. Mình giở tập tiểu thuyết ra, và thế là không sao dứt khỏi được nữa, thậm chí chẳng còn nhớ là mình ngồi với tập bản thảo dày cộp này đã mấy giờ liền rồi. Mình đọc và như trông thấy rõ ràng có một mặt trời lạnh giá vùng taiga đang tỏa ra trên từng trang viết. Ngôn ngữ nhân vật thật là tuyệt, câu chữ — đúng là ngọc chuốt, chỉ muốn rờ tay vào thôi. Mình nghĩ, phải phô ngay cho Gêorghi Môkêêvich biết mới được. Đến khi gọi giây nói thì anh ấy cười lớn, bảo là biết rồi, biết rồi, biết là anh rộng lòng lắm rồi — thì gặp một tài năng ai mà chả mừng!

Cũng vừa mới đây thôi, tôi có hỏi lại Gêorghi Môkêêvich thế nào đấy xem ông có nhớ trường hợp đó không, Marcôp trả lời:

— Chứ sao lại không. Êphim Nicôlaiêvich có gọi điện cho mình vào lúc ba giờ sáng.

Ngừng một lát, ông nói thêm:

— Báu vật của Xibia đếm sao cho xuể, nhưng giữa những của cải đó thì nhân tài phải là hàng đầu. Không bao giờ tôi quên nhắc lại lời Lômônôxôp đã nói rằng: sự hùng hậu của nước Nga sẽ là Xibia!

***

Lẽ thường vẫn có những hoàn cảnh mà trong đó thực sự là tất cả mọi thứ đều hội ngộ, thực sự là « toát lên» được cả nền tảng, cả số phận ».

Trong những năm năm mươi, các đại biểu của một cơ quan lưu trữ ngành địa chất đã về Tômxki — họ đi tìm Môkêy Phrôlôvich Markôp — thân sinh của nhà văn,

người mà ngay từ đầu thế kỷ này đã cho biết là theo nhận định của ông thì ven bờ Trulưm có những mỏ chì và mỏ quặng thủy ngân đang chờ được khai thác. Giờ đây người không còn nữa, nhưng tương truyền rằng Mô-kêy Phrôlôvich cùng với những sinh viên hoạt động cách mạng bị lưu đày đã từng đi tìm kiếm những mỏ quặng quanh vùng Trulưm...

Từ những sự kiện, dễ dàng thấy được một trong vô số trường hợp liên quan đến việc chinh phục các tài nguyên diệu kỳ tiềm tàng ở Xibia. Nhưng nhà văn, người đã trải qua những năm thơ ấu ở vùng Trung Trulưm biết nhìn thấy ở đó một cái gì quan trọng hơn thế nữa. Bởi vì mối quan hệ giữa những nhà cách mạng bị lưu đày với việc khảo sát, nghiên cứu và tìm cách sử dụng những tài nguyên thiên nhiên của đất nước — đó là cả một chương trình cải cách đất nước trong tương lai. Như thế là ngay từ khi ấy đã hé ra một bình minh xây dựng đưa đất đai Xibia vào một thời đại hoàn toàn mới.

Những năm gần đây, khi mối quan tâm đến việc tìm hiểu quá khứ ngày càng trở nên sâu sắc, đã xuất hiện nhiều truyện vừa, tiểu thuyết, phim ảnh hướng sự chú ý về bề ngoài mang tính lãng mạn của những hoạt động cách mạng bí mật, những cuộc giải thoát từ những vùng xa xôi hẻo lánh với những màn kịch thả sức ly kỳ. Thế nhưng lại cũng có nhiều điều khác nữa — một công việc lao khổ, một cuộc tranh đấu gay cấn, những suy nghĩ về tương lai, về những hoạt động tạo lập, trong số đó có cả những bước đi thực tế đầu tiên liên quan tới việc tìm kiếm quặng, tất nhiên, phải là những thứ trong tương lai sẽ cần thiết cho nhân dân — những người chiến thắng.

* * *

Anatôl Franxơ từng nói là cuộc sống trong những thành phố lớn thường làm thức dậy mối quan tâm tới nông thôn. Phải nói rằng điều ấy bao giờ cũng đúng. Nhưng các nhà văn của chúng ta — phần đông trong số họ sinh ra và lớn lên ở thôn quê hoặc những tỉnh ly, nơi có đời sống nửa nông thôn nửa thị thành, — họ còn có một nét riêng, sâu sắc hơn nhiều so với nỗi nhớ đơn thuần về một giai đoạn gắn liền với tuổi ấu thơ chẳng hạn. Ở đây có cả cảm giác gắn bó máu thịt với những người đồng hương, có cả sự lưu tâm đến những công việc của địa phương, và cả những dịp may được theo dõi số phận của những con người sau một khoảng thời gian khá dài, (bởi vì anh đâu có biết được từng người theo những điều tai nghe mắt thấy)...

— Tôi hay về nơi chôn rau cắt rốn, — Gêorghi Marcôp tâm sự — lẽ thường tình là thế, anh trở lại đây bao nhiêu lần, anh đi đi lại lại theo những con đường của thời thơ ấu và thời thanh niên của anh bao nhiêu lần, thì lần nào anh cũng vẫn cứ hồi hộp, náo nức, và anh liền cảm thấy từng cuộc tiếp xúc với đất quê hương dường như làm cho con người anh mới lại.

Ngôi nhà gạch của thư viện làng Nôvơ-Kuxcôvô đã ghi dấu một thời nhà văn đã chuyển cả số tiền ông được giải thưởng Lênin về tiểu thuyết *Xibia* để xây dựng nó. Nhưng sự quan tâm của ông không chỉ giới hạn ở đó. Dù rất bận, những công việc của văn học, của xã hội, của Đảng, Gêorghi Môkêêvich vẫn thường xuyên gửi về Nôvơ-Kuxcôvô hàng kiện sách, cung cấp cho bà con đồng hương những cái mới của văn học.

Từ diễn đàn Đại hội XXVI Đảng Cộng sản Liên Xô, Gêorghi Môkêêvich đã nói:

— Mọi người đều biết rằng nước ta là nước ham đọc nhất trên toàn bộ hành tinh này. Số lượng sách và báo

chỉ của chúng ta đạt tới những con số khổng lồ. Sự quan tâm đến sách báo — đó là bằng chứng về sự trưởng thành vĩ đại của một nền văn hóa, của những thành tựu lịch sử trong cuộc cách mạng văn hóa do Lênin khởi xướng. Chúng ta có quyền tự hào về tất cả những điều đó!

... Nhà xuất bản *Cận vệ thanh niên* vừa ấn hành tập văn chính luận của nhà văn gửi cho thế hệ đang lớn lên. Trong lời nói đầu của cuốn sách có tên là *Gửi tuổi trẻ* ấy, nhà xuất bản đã viết: « Công tác xã hội to lớn mà Gêorghi Marcôp đảm nhận ở cương vị Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Hội nhà văn Liên Xô, đại biểu xô viết tối cao Liên Xô, ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, càng làm giàu thêm tình cảm công dân của nhà chính luận, luôn luôn cung cấp cho ông những đề tài mới mẻ. Bạn đọc, đặc biệt là các bạn trẻ, sẽ thấy bổ ích khi tiếp xúc với những suy nghĩ của nhà văn, người đã dành toàn bộ sáng tác của mình cho việc giáo dục con người mới, con người của xã hội Cộng sản. G. M. Marcôp nói về lòng biết ơn đất quê hương, về những giá trị tinh thần vô song lưu truyền qua các thế kỷ và đến giờ đang đặt vào tay bạn trẻ, về những trách nhiệm trước thời đại mình, trước những sự kiện đang diễn ra xung quanh. Giọng văn gợi cảm chứa sức thuyết phục sâu xa, bồi đắp niềm tin vào thắng lợi của cái mới, cái tiến bộ — đó là những nét quan trọng nhất của Gêorghi Marcôp — nhà chính luận.

Tập sách hấp dẫn và phong phú lạ thường, và tôi tin là không chỉ các bạn trẻ mới tìm đọc nó. Tôi xin nêu một nhận xét của tác giả: « Môi trường săn bắn, trong đó tôi ra đời, cũng là trường đời và trường học nghệ thuật đầu tiên của tôi. Tại đây, tôi bắt đầu có được một

cảm thụ đặc biệt thứ ngôn ngữ sống, tôi quan tâm đến ngôn ngữ và đời sống của nhân dân. Dù từ giờ tôi có viết gì đi nữa, tôi vẫn cảm thấy mình không hề tách rời khỏi môi trường đó, môi trường của tuổi thơ tôi... Một nhà văn có phàn nàn với tôi là anh ta có quá nhiều họ hàng ở nhà quê, họ cứ đến thăm anh ta luôn luôn, họ hay bứt anh ta ra khỏi công việc, mà anh ta thì đâu có thời gian để mà ngồi trà lá với họ. Tôi bèn bảo anh ta: như thế là may đấy, nếu anh còn có họ hàng như vậy thì chớ có tiếc thời giờ cho việc đó. Họ hàng, đó cũng là nhân dân!»

Cuốn tiểu thuyết mới của G. M. Marcôp hiện nay đang in lại có tên là *Cho thế kỷ mai sau*. Ở đất quê Xibia hay ở khắp đất nước cũng thế, hướng thẳng về tương lai là đặc điểm quan trọng trong sáng tạo của nhà tiểu thuyết, nhà hoạt động xã hội, của con người.

Đăng Bảy dịch

Từ tuần báo Nước Nga văn học *số 16, 17-4-1981*

PHỤ LỤC

1 — Akhomatôva Anna Anđrêepna (1889 — 1966) (nữ) nhà thơ Nga xô viết nổi tiếng với phong cách trữ tình, giàu nhạc điệu, tác giả trường ca sử thi trữ tình *Trường ca không nhân vật* (1940 — 1962) được đánh giá cao. Ngoài sáng tác thơ, bà còn là người dịch thơ có tiếng và viết nghiên cứu, phê bình.

2 — *Arixtôphan* (khoảng 446 — 375 trước công nguyên) nhà soạn kịch cổ Hy Lạp, « cha đẻ của hài kịch ».

3 — *Arvakum Petrôvits* (1620 hay 1621 — 1682) — giáo chủ, ông tổ cựu giáo Nga, cầm đầu sự phân biệt nhà thờ, viết văn.

4 — Baben, Ixaak Emmanuilôvits (1894 — 1941) nhà văn Nga vô viết, tác giả *Quân kỵ* (1926), *Những câu chuyện Ôđetxa* (1931), kịch *Hoàng hôn* (1928), *Marya* (1935), Kịch bản phim *Những vì sao lưu lạc* (1926, dựng phim 1928).

5 — *Bagian Mikôla* (sinh năm 1904) — nhà thơ, nhà hoạt động xã hội người Ukraina.

6 — *Bagritxki, Eđuarđ Gheorghièvits* (1895 — 1934) nhà thơ Nga xô viết. Bắt đầu sáng tác thơ từ năm 1914. Là tác giả các trường ca *Đêm cuối cùng* (1932), *Người ngoại ô* (1932), *Khúc ca về Ôpanax* (1926). *Cái chết của em đội viên gái* (1932)...

7 — *Baklanôp, Grigori Iakôplevits* (sinh năm 1923) — nhà văn Nga xô viết. Bắt đầu in tác phẩm từ năm 1950, Tác giả nhiều tác phẩm nổi tiếng : *Ở Xneghiri* (1954), *Chín ngày, Xê phía nam mũi chủ công* (1958), *Tấc đất* (1959), *Những người chết không còn biết hổ thẹn* (1961), *Vĩnh viễn tuổi mười chín*...

8 — *Banmônt, Kônxtantin Đmitrievits* (1867 — 1943) Nhà thơ Nga, một trong những đại diện sớm nhất của chủ nghĩa tượng trưng trong thơ Nga.

9 — *Banzắc (Balzac), Ônôrê đờ* (1799 — 1850) — nhà văn Pháp, một trong những nhà văn hiện thực lớn nhất thế kỷ 19.

10 — *Baratưnxki, Epgheni Abramôvits* (1800 — 1844) — nhà thơ Nga.

11 — *Belưi, Anđrây* (bút danh của Bôrix Nikôlaevits Bugaép, 1880 — 1934) — nhà văn Nga, đại biểu và cây lý luận xuất sắc của chủ nghĩa tượng trưng Nga.

12 — *Blốc, Alekxanđr Alekxanđrôvits* (1880 - 1921) Nhà thơ Nga xô viết, một trong những đại diện nhóm chủ nghĩa tượng trưng Nga. Cuốn sách đầu tay của Blốc *Thơ về người đàn bà đẹp*, in năm 1904, Blốc là tác giả nhiều tập thơ, kịch thơ nổi tiếng : trường ca *Mười hai* (1918), *Dân Xkif* (1918), tiểu luận *Trí thức và cách mạng*...

13 — *Blốc, Giăng Risac* (1884 - 1947) Nhà văn cộng sản, nhà hoạt động xã hội Pháp. Ông là người cộng tác với Rômanh Rôlăng lãnh đạo tạp chí *Châu Âu*. Có tác phẩm *Từ nước Pháp bị chiếm tới nước Pháp vũ trang* được tặng huy chương vàng hòa bình (1950).

14 — *Bônđarep, Iuri Vaxilievits* (sinh năm 1924) — nhà văn Nga xô viết, thư ký Hội nhà văn Liên xô. Bắt đầu in từ năm 1949. Tác phẩm chính *Tuổi trẻ của vị chỉ huy* (1956), *Các tiểu đoàn đề nghị phát hỏa* (1957), *Những loạt súng cuối cùng* (1968) v.v... Các tác phẩm gần đây đang gây dư luận rộng rãi : *Tuyết nóng, Dải bờ* và *Lựa chọn*...

15 — *Briunxôp, Valeri Iakôplevits* (1873 - 1924) — nhà thơ Nga xô viết.

16 — *Bergôl Onga Phiođôrôpna* (1910 - 1975) (nữ) nhà thơ Nga xô viết, được M. Gorki lưu ý ngay từ những bài thơ đầu tay. Thơ bà đậm đà chất trữ tình và giàu kịch tính. Tác phẩm : *Nhật ký tháng hai, Tưởng nhớ những người giữ nước, Ngôi sao ban ngày*...

17 — *Bunhin, Ivan Alekxeievits* (1870 - 1953) — nhà văn Nga, giải thưởng Nôben (1933).

18 — *Burns R.* (1759 - 1796) — nhà thơ Xcôtlen.

19 — *Đăngcan (Đuncan) Izađora* (1878 - 1927) nữ nghệ sĩ múa, gốc dân tộc Ailen, sinh ở Xan Franxitxcô (Mỹ). Từ năm 1905 nhiều lần tới biểu diễn ở Nga, từ 1921 - 1924 sống ở Liên xô, làm bạn với Exênhin.

20 — *Đergiavin, Gavriin Rômanôvits* (1743 - 1816) — nhà thơ Nga.

21 — *Đônmatôpxki, Epgheni Arôbrôvits* (sinh năm 1915) nhà thơ Nga xô viết, bắt đầu in thơ từ năm 1934. Tác giả nhiều tập thơ, nhiều bài ca

nổi tiếng : *Đối Lênin, Em yêu của anh, Mấy thanh niên trên khắp thế gian, Hành khúc đội lao động cộng sản chủ nghĩa* v.v... — Đônmatôpxki đã được nhiều giải thưởng văn học, trong đó có giải thưởng quốc gia Liên xô (tập thơ *Lời ca về ngày mai* (1949).

22 — *Đônxkôi, Đmitri Ivanôvits* (1350 - 1389) — đại công tước Matxcơva từ năm 1359, anh hùng trong cuộc đấu tranh chống ách áp bức Mông cổ — Tácta.

23 — *Đôxtôiepxki, Fiôđor Mikhalôvits* (1821 - 1881) — nhà văn Nga.

24 — *Erenburg Iliya Grigorievits* (1891 - 1977) — nhà văn Nga xô viết, nhà hoạt động xã hội, Đại biểu xô viết tối cao Liên xô trong nhiều khóa. Tập thơ đầu tay *Thơ* ra đời tại Pari năm 1910. Tác giả nhiều tác phẩm nổi tiếng, trong đó có *Pari sụp đổ* (1941 - 1942), *Cơn bão táp* (1947) đều được giải thưởng quốc gia Liên xô... Erenburg là chiến sĩ hòa bình xuất sắc, đã được giải thưởng quốc tế Lênin, ông từng là phó chủ tịch Hội đồng hòa bình thế giới, phó chủ tịch ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Liên xô v.v...

25 — *Exênhin, Xecgây Alekxanđrôvits* (1895 - 1925) — nhà thơ Nga xô viết. Bài thơ đầu tiên của Exênhin được in — *Cây bạch dương*, 1914. Ra tập thơ đầu tay *Lễ cầu hồn* in 1916. Đặc biệt nổi tiếng là các tác phẩm in năm 1924 - 1925 (*Bài ca về 26* (1924), *Thơ về V. I. Lênin, Nước Nga xô viết* (1924), Trường ca *Anna Xneghina*, (1925) và v.v... Thơ trữ tình phong cảnh và tình yêu của Exênhin nổi bật ở chiều sâu của tình cảm, tài nghệ phô diễn vẻ đẹp của thiên nhiên Nga và ở sự giản dị và sáng sủa của hình thức.

26 — *Fađêep, Alekxanđr Alekxanđrôvits* (1901 - 1956) — nhà văn, nhà hoạt động xã hội Nga xô viết, bắt đầu in tác phẩm từ năm 1923 (truyện ngắn *Ngược dòng* hay *Sự ra đời của trung đoàn*). Nổi tiếng với các tiểu thuyết *Chiến bại*, (1927), Đội cận vệ thanh niên (1945), giải thưởng quốc gia Liên xô 1946.

27 — *Fêt (Sensin), Afanaxi Afanaxiievits* (1820 - 1892) nhà thơ Nga.

28 — *Fêdin, Kônxtan Alêkxanđrovits* (1892 - 1977) — nhà văn Nga xô viết, viện sĩ Viện hàn lâm khoa học Liên xô (từ 1968), anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa Liên xô, viện sĩ Viện hàn lâm nghệ thuật Cộng hòa dân chủ Đức (1958). Fêdin bắt đầu in từ 1913 - 1914. 1924 nổi tiếng với tiểu thuyết *Những thành phố và năm tháng* (1924). Đỉnh cao sáng tác của Fêdin là

bộ ba tiểu thuyết : *Những niềm vui đầu tiên* (1945), *Mùa hè kỳ lạ* (1947-1948), cả hai được giải thưởng quốc gia Liên xô (1949) và *Đồng lửa* (tập 1, 2, 1961 - 1965).

29 — *Franx, Anatôl* (1844 - 1924) nhà văn, viện sĩ Viện hàn lâm Pháp từ 1896. Là cây bút lỗi lạc tố cáo sắc bén sự thối nát của xã hội tư sản. Các tác phẩm tiêu biểu : *Đảo chim cụt* (1908), *Cuộc khởi nghĩa của những vị thần* (1914), *Những thiên thần khao khát* (1912).

30 — *Flôbe* (Flaubert G. 1821 - 1890) — nhà văn Pháp.

31 — *Furmanốp, Đmitri Anđreevits* (1891 - 1926) — nhà văn Nga xô viết, bắt đầu in sáng tác từ năm 1912. Nổi tiếng với các tiểu thuyết *Tsapaép* (1923) và *Nổi loạn* (1925). Tsapaép là một trong những tác phẩm ưu tú nhất của văn xuôi xô viết những năm 20.

32 — *Đzialin Muxa Matafievits* (1906 - 1944) nhà thơ Tácta xô viết.

33 — *Glatcốp, Fiôđor Vaxilievits* (1883 - 1958) — nhà văn Nga xô viết, bắt đầu in tác phẩm từ 1900, Glatcốp là tác giả nhiều tác phẩm nổi tiếng : *Xi măng* (1925), *Điện lực* (1932 - 1938), *Lời thề* (1944), *Câu chuyện về tuổi thơ* (1949, giải thưởng quốc gia Liên xô 1950) v.v.

34 — *Gorki, Macxim* (bút danh, tên họ thật : *Alecxây Makximôvits Peskốp*, 1868 - 1936) — Nhà văn Nga xô viết, người đặt nền móng cho văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, ông tổ của văn học xô viết.

35 — *Giukốpxki, Vaxili Anđreevits* (1783 - 1852) — nhà thơ Nga.

36 — *Hêminguê* (Hemingway, 1899 - 1961) — nhà văn Mỹ.

37 — *Hill* (1882 - 1915) — nhà thơ ca khúc công nhân Mỹ, gốc Thụy điển.

38 — *Hikmết Nazim* (1902 - 1963) — nhà thơ, nhà văn, nhà hoạt động xã hội Thổ nhĩ kỳ.

39 — *Iasin Alecxanđr Iacôplêvich* (1913 - 1968), nhà văn Nga xô viết, có trường ca *Aliôna Phômina* được giải thưởng nhà nước Liên xô 1950.

40 — *Ilphơ Ilia*, tên thật là Phaindilberg Ilia Arnolđôvich (1897-1937), nhà văn trào lộng nổi tiếng, thường viết chung với *Pet'rôp Epghenhi* — bút danh của Kataép Epghêni Pet'rôvich (1903 - 1945).

Hai người gặp nhau năm 1925, khi cùng làm báo ở Matxcova. Bắt đầu viết chung từ năm 1926, mới đầu chỉ là các tranh vui, chuyện cười

cho các báo và tạp chí. Hai ông là tác giả của hai truyện vui nổi tiếng *Mười hai chiếc ghế* (in năm 1928) và *Con bê vàng* (1931).

41 — *Ixakôpxki, Mikhain Vaxilievits* (1900 - 1979) — nhà thơ Nga xô viết. Được coi là nhà thơ am hiểu sâu sắc về nông thôn. Đặc biệt Ixakôpxki nổi tiếng với nhiều ca khúc viết vào giữa những năm 30. *(Tiễn biệt, Vùng phụ cận sông Vônga, Nào ai biết được anh ta, Kachiusa....)* và những ca khúc viết trong chiến tranh giữ nước vĩ đại *(Thôi chào nhé phố phường và làng quê, Trong cánh rừng gần kề mặt trận. Ngọn lửa nhỏ* v.v...) cũng như nhiều ca khúc về sau này.... Mikhain Ixakôpxki đã hai lần được giải thưởng quốc gia Liên xô.

42 — *Jêrômxki, Xtêfan* (1864 - 1925) nhà văn Ba lan.

43 — *Kataep, Valentin Petrôvits* (sinh năm 1897) — nhà văn Nga xô viết, bắt đầu in tác phẩm từ năm 1915, từ năm 1922 làm văn chuyên nghiệp. Kataép là tác giả nhiều tác phẩm nổi tiếng : *Thời gian tiến lên !* (1932). *Cánh buồm trắng đơn độc* (1936), *Tôi đứa con nhân dân lao động, Con trai trung đoàn* (1945 giải thưởng quốc gia Liên xô, 1946), *Vì chính quyền Xô viết*, 1949, sửa 1951, *Khu trại trong thảo nguyên*, 1956... (sau này được nắm chung trong bộ *Những ngọn sóng Hắc Hải*, giải thưởng Lênin).

44 — *Kazakevits, Êmmanuen Genvikhôvits* (1913 - 1962) — nhà văn Nga xô viết.

45 — *Kazin, Vaxili — Vaxilievits* (sinh năm 1898) nhà thơ Nga xô viết.

46 — *Kirinkôp, Vlađimir Timôfeievits* (1840 - 1943) — nhà thơ Nga xô viết.

47 — *Kônđratôvits, Anđrây* — nhà văn Nga xô viết.

48 — *Kôntxôp, Mikhain Efimôvits* (1898 - 1942) — nhà văn, nhà báo Nga xô viết.

49 — *Kuprin, Alekxanđr Ivanôvits* (1880 — 1938) — nhà văn Nga.

50 — *Kuxikôp, Alekxanđr Bôrixôvits* (sinh năm 1896) — nhà thơ Nga.

51 — *Lermôntôp, Mikhain Iurievits* (1814 - 1841) — nhà thơ Nga.

52 — *Lêônôp, Lêônit Macximôvits* (sinh năm 1899) — nhà văn Nga, xô viết, anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa Liên xô, viện sĩ hàn lâm. Từ 1922 bắt đầu hoạt động văn học chuyên nghiệp. Tác giả nhiều tác

phẩm nổi tiếng : *Dòng sông Xốt* (1929), *Thằng ăn cắp* (1927) kịch *Xâm lược* (1942, giải thưởng quốc gia Liên xô 1943), tiểu thuyết *Rừng Nga* (1953, giải thưởng Lênin, 1957) v.v...

53 — *Liđin. Vlađimir Germanôvits* (1894 - 1981) — nhà văn Nga xô viết, bắt đầu hoạt động văn học từ năm 1915, tác giả nhiều tập truyện ngắn nổi tiếng: *Phố mặc sự đời* (1916), *Nước đầy* (1917), *Biển và núi* (1922), *Ngày thường của chuột* (1923), *Nord* (1925) v.v..., nhiều tiểu thuyết : *Kẻ bội giáo* (1927). *Nấm mồ người lính vô danh* (1932), *Hai cuộc đời* (1950) v.v... và nhiều tác phẩm khác.

54 — *Lugôpxkôi, Vlađimir Alekxanđrôvits* (1901 - 1957) — nhà thơ Nga xô viết.

55 — *Maiacôpxki, Vlađimir Vlađimirôvits* (1893 - 1930) — nhà thơ Nga xô viết.

Maiacôpxki sáng tác rất nhiều, trải qua nhiều giai đoạn phát triển, hoạt động trong nhiều lĩnh vực : làm thơ, viết kịch, vẽ, đóng phim, đóng kịch, diễn thuyết, đọc thơ... Tuy nhiên mọi người tôn sùng ông chủ yếu là nhà thơ vô sản vĩ đại, để lại nhiều tác phẩm lớn mang những tư tưởng cách mạng tươi đẹp và có những hình thái mới độc đáo...

56 — *Henrich Mann* (1871 - 1950), nhà văn, nhà hoạt động xã hội Đức, anh ruột của nhà văn nổi tiếng Tômax Mann. Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết có khuynh hướng tiến bộ, chống phát xít (*Đất thánh, Những nữ thần, Thành phố nhỏ, Những người nghèo*..., đặc biệt là tiểu thuyết bộ đôi *Thời tuổi trẻ của Henrich IV* và *Thời phương trưởng của Henrich IV*) Sau nhiều năm sống lưu vong ở Pháp, Mỹ, Henrich Mann vẫn hoạt động yêu nước và gắn bó với những người cộng sản Đức. Ông được bầu là Chủ tịch đầu tiên của Viện hàn lâm Nghệ thuật Đức ở Beclin.

57 — *Mann, Tômax* (1875 - 1955) — nhà văn Đức, tác giả *Bác sĩ Phauxtuýt, Ngọn núi thần*, v.v...

58 — *Marsăc, Xamuin Iakôvlevits* (1887 - 1964) — nhà thơ Nga xô viết, làm thơ từ bé. Hoạt động văn học của Marsăc rất đa dạng : ông viết thơ trữ tình, thơ châm biếm, dịch thuật, sáng tác kịch. Marsăc đặc biệt nổi tiếng về thơ viết cho thiếu nhi. Nhiều tác phẩm của Marsăc đã được các giải thưởng khác nhau : giải thưởng quốc gia Liên xô năm 1942, 1946, 1949, giải thưởng Lênin năm 1963.

59 — *Marcốp Ghêorghi Mônkêêvich* (1911) — nhà văn Nga xô viết, Tổng thư ký Hội Nhà văn Liên xô. Tác giả những tiểu thuyết sử thi lớn, dựng

lại không khí Cách mạng tháng Mười và xây dựng xã hội chủ nghĩa như *Dòng họ Xtogôrôp*, hai tập (1939 - 1946) — giải thưởng Nhà nước Liên xô 1952, *Muối của đất*, hai tập (1954 - 1960), *Cha và con*, hai phần (1963 - 1964), *Xibia* (hai phần) (1969 - 1973).

60 — *Matuxôpxki, Mikhain L'vôvits* (sinh năm 1915) nhà thơ Nga xô viết, bắt đầu in tác phẩm từ năm 1934, trong chiến tranh giữ nước vĩ đại Matuxôpxki làm phóng viên các báo mặt trận. Cùng với K. Ximônôp ông là tác giả cuốn *Những người Luganxcơ* (1939). Là tác giả nhiều tập thơ và ca khúc nổi tiếng, trong đó có : *Bản vanxơ trường phổ thông, Chiều Matxcơva v.v...*

61 — *Môpatxăng* (Maupassant, 1850 - 1893) — nhà văn Pháp.

62 — *Narôptsatôp, Xergây Xergeievits* (1919 - 1981) — nhà thơ Nga xô viết. Narôvtsatôp bắt đầu in thơ từ năm 1941. Tập thơ đầu tay *Đồng lửa* ra đời năm 1948. Là tác giả hơn bốn mươi tập thơ, trường ca, nghiên cứu, bút ký, truyện ngắn, hồi ký. Từng phụ trách tổ chức nhà văn Matxcơva, ủy viên Ban giải thưởng Lênin và giải thưởng quốc gia Liên xô, Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa, giải thưởng Gorki về trường ca *Vaxili Baxtrep*.

63 — *Nekraxôp, Nikôlai Alekxeevits* (1821 - 1877) — nhà thơ Nga.

64 — *Naghibin Iuri Marcovich* (1920), nhà văn Nga xô viết, nổi tiếng ở thể loại truyện ngắn và bút ký văn học. Văn ông giàu chi tiết, giàu kịch tính và đượm phong vị trữ tình.

65 — *Ôxtrôpxki, Nikôlai Alekxeevits* (1904 - 1936), nhà văn Nga xô viết, tác giả bộ tiểu thuyết nổi tiếng khắp thế giới *Thép đã tôi thế đấy* (1935) và tiểu thuyết đang viết dở dang *Ra đời trong bão táp*.

66 — *Ôrêsin, Piôtr Vaxilievits* (1887 - 1938) — nhà thơ Nga xô viết.

67 — *Ôvetskin, Valentin Vladimirôvits* (1904 - 1968), nhà văn Nga xô viết. Ông là tác giả nhiều truyện ngắn và bút ký về nông thôn. Đỉnh cao sáng tác là tập truyện ký *Chuyện thường ngày ở huyện* (1952 - 1956).

68 — *Pauxtôpxki, Kônxtiantin Gheorghievits* (1892 - 1968) — nhà văn Nga xô viết. Là tác giả nhiều cuốn sách nổi tiếng, mang một bút pháp riêng đặc sắc : *Biển đen* (1936), *Kara Bugar* (1932), *Kônkhiđa* (1934), *Câu chuyện phương bắc* (1938), *Câu chuyện về rừng* (1949), *Bông hồng vàng* (1956), bộ sử thi tự sự *Câu chuyện về cuộc đời*.

69 — *Prisvin Mikhain Mikhailôvich* (1873 - 1954) — nhà văn Nga ô viết nổi tiếng với những tác phẩm giàu chất thơ.

70 — *Pôlêvôi Bôrix* (bút danh của *Bôrix Nikilaiêvits Kampôp*, 1908 - 1981, — nhà văn Nga xô viết, Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa Liên xô, Thư ký ban lãnh đạo Hội Nhà văn Liên xô, Ủy viên Ban thường trực Hội đồng hòa bình thế giới, Tổng biên tập tạp chí *Tuổi trẻ* (từ 1962). Cuốn sách đầu tay in năm 1927 và đã được Gorki đánh giá cao. Pôlêvôi nổi tiếng như một nhà văn sau các tác phẩm *Câu chuyện về một người chân chính*, (1946, giải thưởng quốc gia Liên xô, 1947), tập truyện *Người xô viết chúng tôi* (1948, giải thưởng quốc gia Liên xô, 1949) tiểu thuyết *Vàng* (1949 - 1950), *r.ậu phương xa xôi* (1958), *Trên bờ hoang dã* (1962), *Bác sĩ Vera* (1966).

71 — *Priblutnưi, Ivan* (bút danh của *Iakôp Petrôvits Optsarencô* (1905 - 1937), nhà thơ Nga xô viết.

72 — *Prôkôfiép, Alekxanđr Anđreevits* (1900 - 1971), nhà thơ Nga xô viết.

73 — *Prôxkurin, Piôtr Lukits* (sinh năm 1928) — nhà văn Nga xô viết. Tác giả nhiều cuốn sách nổi tiếng trong những năm gần đây : *Số phận, Tên của anh* v.v...

74 — *Puskin, Alekxanđr Xergeevits* (1799 - 1837) — nhà thơ, nhà văn Nga, tác giả *Epghênhi Onheghin*.

75 — *Rable* (Rabelais, 1494 - 1533) — nhà văn Pháp.

76 — *Rađôp* (họ thật là Velsơ) *Gheôrghi Gheoghievits* (sinh năm 1915) — nhà văn, nhà chính luận Nga xô viết.

77 — *Rimbô* (Rimbaud 1854 - 1891) — nhà thơ Pháp.

78 — *Rôngxa* (Ronsard, 1524 - 1585) — nhà thơ Pháp, người đứng đầu nhóm « Pleiade ».

79 — *Sinlơ* (Schiller, 1759 - 1805) — nhà thơ Đức.

80 — *Sôlôkhôp, Mikhain Alekxanđrôvits* (sinh năm 1905) nhà văn Nga xô viết, viện sĩ hàn lâm Liên xô (từ 1935), hai lần Anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa Liên xô. Bắt đầu sáng tác từ năm 1923. Là một trong những đại biểu lớn nhất của hiện thực xã hội chủ nghĩa. Năm 1926 cho in *Truyện ngắn sông Đông*. Từ 1925 bắt đầu viết tiểu thuyết *Sông Đông êm đềm*, hoàn thành sau 15 năm (4 tập: 1928 — 1940, giải thưởng quốc gia Liên xô, 1941). Năm 1932, xuất bản tập I tiểu thuyết *Đất vỡ hoang*, 1955 — 1959 ra tập II, trọn bộ tiểu thuyết này (giải thưởng Lênin, 1960). Trong chiến tranh vệ quốc vĩ đại ông viết : *Khoa học căm thù* (1942), các chương *Họ đã chiến đấu vì tổ quốc* (1943 — 1944, 1949, 1954). Truyện ngắn *Số phận một con người* (1957).

81 — *Titốp, Vlađixláp Anđreevits* (sinh năm 1934) — nhà văn Nga xô viết.

82 — *Tôđôròp, Petrô Iurđunốp* (1879 — 1916) — nhà văn Bungari.

83 — *Tônxtôi, Alekxây Nikôlaievits* (1882 — 1945) — nhà văn Nga xô viết, nhà hoạt động xã hội, Viện sĩ Viện hàn lâm Liên xô (từ 1939), Đại biểu xô viết tối cao Liên xô khóa I. Tác phẩm nổi tiếng : tiểu thuyết *Con đường đau khổ (Hai chị em) Năm 1918*, 1927 — 1928, *Buổi sáng ảm đạm* 1940 — 1941, (giải thưởng quốc gia Liên xô), *Piốtr đệ nhất* (giải thưởng quốc gia Liên xô 1941).

84 — *Tsêkhốp, Antôn Paplôvits* (1860 — 1904) — nhà văn Nga.

85 — *Tsưntsép, Fiôđor Ivanôvits* (1803 — 1873) — nhà thơ Nga.

86 — *Tvarđôpxki, Alekxanđr Trifônôvits* (1910 — 1971) — nhà thơ Nga xô viết, nhà hoạt động xã hội, tổng biên tập tạp chí *Thế giới mới* (1950 — 1954 và 1958 — 1970).

Sáng tác thơ của Tvarđôpxki thực sự nổi tiếng từ trường ca *Đất nước Muravia* (1936, giải thưởng quốc gia Liên xô, 1941), tiếp đó là trường ca Vaxili Tiốckin *Cuốn sách về người chiến sĩ* (1941 — 1945, giải thưởng quốc gia Liên xô 1946), *Nhà bên đường* (1946, giải thưởng quốc gia Liên xô, 1947), *Xa xa nữa* (1950 — 1960, giải thưởng Lênin, 1961), *Trích thơ trữ tình những năm gần đây*, 1951 — 1967 (giải thưởng quốc gia Liên xô, 1971).

87 — *Txvetaeva, Marina Ivanôva* (1892 — 1941) — nhà thơ nữ Nga xô viết.

88 — *Utkin, Iaxif Paplôvits* (1903 — 1944) — nhà thơ Nga xô viết.

89 — *Vôrônốp Vaxili* — nhà văn trẻ Nga xô viết, người đồng hương của Sôlôkhốp.

90 — *Xenvinxki, Iliya* (Karl) L'vôrits (1899 — 1968) — nhà văn, nhà thơ Nga xô viết.

91 — *Xecgây — Trenxki* (1875 — 1956) — nhà văn Nga xô viết ở Viện hàn lâm khoa học Liên xô (từ 1943).

92 — *Xêverianin Igor* (1887 — 1941) — nhà thơ Nga. Maiakôpxki từng học hỏi một số tìm tòi cái mới ở Xêvêrianin, cùng tham gia nhóm văn học vị lai lập thể thời kỳ này.

93 — *Ximônốp Kônxtantin (Kirille) Mikhailôvits* (1915 — 1979) — nhà văn Nga xô viết. Bắt đầu in sáng tác từ năm 1934. Tác giả các vở kịch

Chàng trai từ thành phố chúng tôi (1941, đã được giải thưởng quốc gia Liên xô, 1943). Thơ *Đợi anh về, Aliôsa nhớ chăng...* Văn xuôi : *Ngày và đêm* (1943 — 1944) giải thưởng quốc gia Liên xô (1946). Các tiểu thuyết *Những người sống và những người chết* (1959), *Người ta sinh ra không phải lính* (1963 — 1964) và *Mùa hè cuối cùng* (1970 — 1971) giải thưởng Lênin.

94 — *Xmêliacốp, Iacôxláp Vaxilievits* (1912 — 1972) — nhà thơ Nga xô viết, bắt đầu tham gia hoạt động văn học vào đầu những năm 30 trong các nhóm văn học thuộc báo *Sự thật Kômxômôn* và *Ngọn lửa nhỏ*. Tập thơ đầu tay *Công việc và nghỉ ngơi*. Là tác giả nhiều tập thơ trong đó có tập *Ngày nước Nga* (1967) được giải thưởng quốc gia Liên xô năm 1967, trường ca *Những người trẻ tuổi* (1968), giải thưởng Kômxômôn Lênin.

95 — *Xmirnốp, Xecgây Xergeievits* (1915 — 1979) — nhà văn Nga xô viết, bắt đầu in sáng tác vào năm 1933, Tổng biên tập báo Văn học Liên xô trong những năm 1959 — 1960. Ông là tác giả cuốn *Pháo đài Brextơ* (1957, 1964, giải thưởng Lênin, 1965), *Các anh hùng pháo đài Brextơ* (1959), *Chuyện về những anh hùng vô danh* (1963) *Gia đình* (1968) và nhiều tác phẩm khác...

96 — *Xôkôlốp — Mikitốp, Ivan Xergêievits* (sinh năm 1892) — nhà văn Nga xô viết, bắt đầu in sáng tác từ năm 1912. Những năm 1920 — 1922 sống ở nước ngoài, trên các tầu của đội thương thuyền Nga. Cái mốc quan trọng trong sáng tác của ông là cuốn *Vòng nguyệt quế của Tsigich* (1926), *Tuổi thơ* (1931 — 1953)...

97 — *Xurkốp, Alekxây Alekxanđrôvits* (sinh năm 1899) — nhà thơ Nga xô viết, thư ký ban lãnh đạo nhà văn Liên xô, anh hùng lao động xã hội chủ nghĩa (1969). Tác phẩm chính : *Thơ* và *Trên đường tiến đến bài ca* (1931), *Tấn công* (1932), *Cuộc chiến tranh cuối cùng* (1933) và v.v... Đặc biệt nổi tiếng về những bài ca *Bài ca kỵ binh, Bài ca chiến dịch, Térxkaya* và v.v... vào những năm 30 và *Ngọn lửa bập bùng trong bếp nhỏ, Bài ca của những người gan dạ* và v.v... giải thưởng quốc gia Liên xô năm 1946.

98 — *Zelinxki, Korneli Lutxianôvits* (sinh năm 1896) nhà nghiên cứu và phê bình văn học Nga xô viết.

Thúy Toàn và Đăng Bảy
biên soạn

MỤC LỤC

			Trang
	Lời nói đầu		5
1 —	X. Marsác	Gorki, nhà văn và con người	9
2 —	Ia. Xmeliacốp	Ngồn từ là vũ khí	16
3 —	V. Maiacốpxki	Alekxanđr Blốc qua đời	24
4 —	K. Fêđin	Alekxanđr Blốc	26
5 —	M. Gorki	Xergây Exênhin	36
6 —	I. Xôkôlôp-Mikitôp	Một năm ở Berlin	47
7 —	E. Đonmatôpxki	Nhà lãng mạn của Cách mạng	55
8 —	I. Erenburg	Người đấu tranh cho hạnh phúc của chúng ta	62
9 —	A. Kondratôvits	Anna Akhomatôva	71
10 —	I. Baben	Sự nghiêm khắc và niềm mê say của nhà văn	81
11 —	X. Narôptsatôp	« Người tài năng nhất trong các nhà thơ Lêningrađ »	85
12 —	V. Liđin	Ở công trường Đneprô	95
13 —	M. Ixacôpxki	Hồi ký về A.A. Fađêep	102
14 —	Iu. Naghibin	Con người hào hiệp	110
15 —	B. Pôlêvôi	Ngọn đuốc không tắt	114
16 —	X. Narôptsatôp	Tài năng cống hiến cho nhân dân	122
17 —	Iu. Kuranôp	Chất thơ trong văn xuôi	128

		Trang
18 — K. Ximônốp	Cùng với Erenburg ở Mỹ	136
19 — Iu. Bonđarép	Nhà nghệ sĩ bậc thầy	144
20 — V. Vôrônốp	Ánh sáng không bao giờ lụi tắt	152
21 — P. Proxkurin	Niềm khát vọng đến tương lai	159
22 — G. Baklanốp	Bắt khoảnh khắc dừng bước	166
23 — A. Iasin	Thơ ca của chiến công	180
24 — A. Kônđratôvits	Không sợ hãi, không quở trách	190
25 — M. Matuxốpxki	Aliôsa nhớ chăng	205
26 — X. Xmirnốp	Sức mạnh của lời nói thiết tha	208
27 — Vl. Amlinxki	B. Pôlêvôi, nhà văn, nhà báo, người lính	215
28 — E. Ôxetorốp	Hình ảnh một vùng đất lịch sử	221
Phụ lục		231

CHÂN DUNG CÁC NHÀ VĂN XÔ-VIẾT
TẬP CHÂN DUNG VĂN HỌC

NHÀ XUẤT BẢN TÁC PHẨM MỚI

In 10 100 cuốn tại Nhà máy in Trần Phú — Thành phố Hồ Chí Minh
Khổ : 13 × 19 — Số xuất bản : 32/1982 — Số in : 120'
In xong tháng 10-1982 — Gửi lưu chiểu tháng 10-1982

Giá : 7đ50